VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

sex và triều đại (3)
tạ chí đại trường
sờ râu các cụ khảo quan...nhớ tú xương
cao xuân tú
tiêu hồng, nhà văn nữ bất hạnh
tạ quốc tuấn
trần cao lĩnh, nỗi đam mê trong câm lặng
tuấn huy

văn
tràm cà mau ● ngô nguyên dũng ● hồ đình nghiêm
thu thuyền ● trúc chi ● thế uyên
thơ
mloanhoasử ● ngô nguyên dũng ● kiệt tấn
nguyễn hoài phương ● sương mai
nguyễn nam an ● vạn giả

tin văn
thế quân ● thạch hãn

198
THÁNG 10 2002

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: tapchivanhoc@aol.com
Homepage trên Internet: nhanvan.com/vanhoc.htm
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 198 ● tháng 10, 2002

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	3	sex và triều đại (kỳ 3)
MLOANHOASỬ	17	*thú đau thương*
CAO XUÂN TỨ	18	sờ râu các cụ khảo quan nhìn tây đầm...nhớ tú xương
NGÔ NGUYÊN DŨNG	32	*có lần như đã tình nhân nhau*
TẠ QUỐC TUẤN	34	Tiêu Hồng, nhà văn nữ bất hạnh
KIỆT TẤN	46	*hài cú cho ngày 11/9*
TUẤN HUY	47	trần cao lĩnh,nỗi đam mê thiết tha trong câm lặng
SƯƠNG MAI	53	*bóng thu*
TRÀM CÀ MAU	54	ngục tù êm ái
NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	66	*hèn*
NGÔ NGUYÊN DŨNG	68	sao trong vạt áo
VẠN GIẢ	81	*đối nghịch*
HỒ ĐÌNH NGHIÊM	82	hư ảnh
THU THUYỀN	87	chú thời
TRÚC CHI	93	gỗ và đá
THẾ UYÊN	109	ngõ cấm chỉ
NGUYỄN NAM AN	122	*rớt lại nụ cười*
THẾ QUÂN	123	tin văn
THẠCH HÃN	138	giới thiệu sách mới
VĂN HỌC	146	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 2002
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2002

Thư Tòa soạn
Văn Học

Văn Học số tháng Mười 2002 các bạn cầm trên tay là tập hợp một số bài nghiên cứu và sáng tác do văn hữu gửi về, không có cùng một chủ đề nào. Tạ Chí Đại Trường viết tiếp những suy nghĩ và khám phá độc đáo của anh về lịch sử Việt Nam, đưa ra những lý giải táo bạo nhưng không phải là không có căn cứ. Cao Xuân Tứ lâu nay quen thuộc với bạn đọc qua những bài thơ, nay nhân đọc một cuốn sách nghiên cứu về thi cử của chị Chân Quỳnh, cất công về Việt Nam tìm tư liệu để biết thêm về hành trạng của tổ tiên. Chuyện có vẻ riêng, mà lại chung. Nhất là nghi vấn sử học chỉ xảy ra cách đây một thế kỷ mà nay muốn tìm cho ra thực tại lịch sử đã vất vả, huống chi những chuyện xa xưa như các thời điểm anh Tạ Chí Đại Trường đang quan tâm. Tạ Quốc Tuấn kỳ này đóng góp một bài thuộc sở trường của anh, văn học hiện đại Trung quốc. Nhà văn Tuấn Huy gửi một trong loạt bài anh viết về chân dung các văn nghệ sĩ anh quen biết, lần này là nhiếp ảnh gia Trần Cao Lĩnh.

Phần sáng tác, Văn Học hân hạnh đăng tải các bài thơ do MLoanHoaSử, Kiệt Tấn, Ngô Nguyên Dũng, Sương Mai, Nguyễn Hoài Phương, Vạn Giả, Nguyễn Nam An gửi về. Truyện ngắn có các sáng tác mới của Tràm Cà Mau, Ngô Nguyên Dũng, Hồ Đình Nghiêm, Thu Thuyền, Trúc Chi, và đặc biệt là những dòng chữ nhà văn Thế Uyên mới viết (bằng bàn tay trái), sau một thời gian dài ba năm bị tê liệt vì tai biến mạch máu não.

Từ số báo này, anh Thạch Hãn sẽ thường xuyên phụ trách phần Giới thiệu sách mới. Như vậy với mục Tin Văn của Thế Quân, và mục Giới thiệu sách mới của Thạch Hãn, hằng tháng bạn đọc sẽ được hai anh thông báo một số tin tức và sinh hoạt liên quan tới sách vở và tình hình xuất bản trên thế giới và trong cộng đồng.

SỬ VIỆT ĐỌC MỘT QUYỂN (III)

Sex và Triều đại
Tạ Chí Đại Trường

GIỐNG GIỮA: TÔI ĐÒI và QUYỀN LỰC

Hoạn quan là chỉ một tầng lớp quan chức tôi đòi nằm trong cung đình Trung Quốc và các nước chung ảnh hưởng: Việt Nam, Triều Tiên. "Hoạn" có nghĩa là *thiến*. Thiến là một hình phạt, trước khi có tình trạng *vật bị thiến* được đem ra sử dụng. Điều này có vẻ như chứng minh tính chất ưu thế đàn ông trong mọi tổ chức xã hội loài người. Người có quyền lực thiến kẻ thất thế hơn để bảo vệ giống cái của mình, để trừng phạt kẻ kia sử dụng cái quyền của giống đực mà mình được hưởng.

Hình luật của xứ Assyrie (1450-1250 tCn., khoảng vùng Irak ngày nay) cho phép người chồng bắt gặp vợ ngoại tình thì có quyền hoặc giết cả hai hoặc cắt mũi vợ và thiến tình địch. Trung Quốc có luật thiến kẻ phạm tội hình sự, gọi là "cung hình". Quan chức bị thiến nổi danh là tác giả *Sử kí*, Tư Mã Thiên (145- khoảng 90 tCn.) bị đưa vào "tàm thất" vì tội bênh Lí Lăng hàng Hung Nô. Hình luật của người Do Thái có cách dùng đá đập nát hoặc cắt bỏ bộ phận sinh dục. Ảnh hưởng truyền đến Kinh Thánh, cho rằng những người ấy "không xứng đáng đứng vào hàng ngũ dân Chúa" (Deuteronomy). Có lẽ một phần vì vậy mà giáo hội Thiên Chúa thường không dùng người thiến (trừ trong một dàn đồng ca bị Giáo hoàng Leo XIII bãi bỏ năm 1878). (Reay Tannahill, tr.146-254). Tuy nhiên các quan quyền, vua chúa lại thấy người nam mất khả năng sinh dục là phương tiện hiệu quả để giữ gìn gia đình mình, cần thiết đến nỗi khi không được cung cấp đủ nhu cầu thì bắt dân thuộc quốc, dân bại trận kiếm người điền thế như Darius đối với dân Assyrie,

nhà Minh đối với Trần, Hồ (1395, 1407).

...Thị ngóng, thị trông, thị *không cái ấy*

Tổ chức vốn phát xuất từ Trung Quốc nên ngoài chữ hoạn quan, thái giám, trong sử sách ta còn gặp các tên nội quan chỉ chức trách chung bên trong cung đình: người áo xanh/thanh sam chỉ quy chế y phục, trung quan, trung quyên để chỉ tình trạng lơ lửng của cái giống, cũng ẻo lả mà không phải là thuyền quyên, đàn bà con gái thực sự. Chức phận tôi đòi hầu hạ khiến người ta mượn tính cách đồng âm của chữ để diễn ra cả một vế câu đối trong đó chỉ được tính cách đích thực của loại người mất khả năng làm loạn cung đình về phương diện sinh lí để vua an tâm cai trị thần dân: *thị* không cái-ấy. Trong thực tế thì hoạn quan không phải chỉ là người bị thiến mà đúng còn là kẻ bẩm sinh thiếu phương tiện sinh dục, những kẻ được gọi là có "ẩn cung" như trường hợp Lê Văn Duyệt. (Có thể Tống Phúc Đạm cũng vậy nếu ta bám vào chữ của sử quan được dùng là "tật ngầm" chứ không phải là "bệnh" – nhưng ông này không phải kẻ hầu trong cung cấm). Và như sẽ thấy, có dấu hiệu những người được gọi là "thái giám" đầu Lê không hẳn là "hoạn" quan.

Nhưng thông thường, hoạn quan là kẻ bị hay được thiến để vào hầu hạ trong cung cấm. Cửa cung là "cửa vàng" do hoạn quan trông coi nên chức danh này có tên là Hoàng môn lệnh. Hầu hạ cung đình dẫn đến những đặc ân cho bản thân và cả gia đình. Cho nên ngay từ đời Lí đã có chiếu cấm tự hoạn (1162). Cổ Hi Lạp, ở đảo Chios đã có chuyên viên thiến người rồi đem bán cho nhà quyền quý. Cung cấm vua chúa Hồi Giáo có hàng bảy tám trăm nô lệ da đen bị hoạn, hầu hạ các bà. Hoạn quan nổi danh nhất trong lịch sử Việt là Lí Thường Kiệt, "khi còn ít tuổi vì vẻ mặt tươi đẹp được sung làm Hoàng môn chi hậu." Sử quan chép chuyện năm 1105, khi Lí Thường Kiệt chết, mà né tránh chỉ để ý nghĩa bị thiến trong chức tước nêu ra trong lúc Phan Huy Chú về sau dùng chữ "tự thiến" trong đó không phải không ngầm có ý nghĩa hạ thấp tư cách của ông (*Lịch triều hiến chương loại chí – Nhân vật chí*, H. 1992, tr. 308.)

Ý nghĩa cao quý của việc hầu hạ Con Trời nằm trong tên quyển sách được ông Kim Dung kiếm hiệp hoá mà lớp người ở Miền Nam những năm 60 của thế kỉ vừa qua ai cũng nghe tên, có điều không biết đó là sách chỉ phương cách thiến an toàn: *Quỳ hoa bảo điển*. Lâm Bình Chi, Nhạc Bất Quần, Tả Lãnh Thiền, Dương Giáo chủ... ai cũng phải qua cái cầu "giơ dao chém phăng một cái" mới có thể bắt đầu tập luyện

võ nghệ tuyệt luân, và chắc chắn sẽ trở thành võ lâm minh chủ. Chỉ có điều bất tiện là các bậc anh hùng cái thế này sau đó râu rụng sạch, tiếng nói eo éo, chạy xa vợ, hay như Dương Giáo chủ võ nghệ cao cường hơn thì ru rú trong phòng kín đan thêu, mê trai. *Quỳ hoa bảo điển* là "sách báu khuôn thước của hoa quỳ". Vua là mặt trời để hoa quỳ xoay quanh theo, mang tên khác: hướng dương. *Lòng quỳ một dạ hướng hương*. Ý nghĩa của hoạn quan cũng tương tự. Một linh mục qua Trung Quốc, viết về các mặt sinh hoạt không thường được nói ra, trong đó có cả chuyện về Cái bang gần gần như thứ ông Kim Dung làm mê thanh niên Việt. Tên sách âm theo lối latinh nhưng dễ nhận ra, và tấm hình kèm theo cho thấy "chuyên gia" mà R. Tannahill biết người La Mã gọi là "barbers", đã làm thật gọn ("shave") (LM. ?, ?, Bibliothèque Payot, 1949, 1950?).

Ở vùng quê miền nam Trung trước 1945 vẫn thường có những người đàn ông làm nghề đi dạo thiến gà trống, chó, heo. Tiếng rao "thiến heo, thiến... đây" có khi kèm theo tiếng ống tiêu thổi đã làm cho chó chạy theo sủa vang cả xóm làng, và sản sinh ra câu mắng: "Mặt như thằng thiến...!" Họ dùng lọ nghẹ, nghệ và muối bôi lên vết mổ để cầm máu, và xong! Đôi khi vừa mới luồn tay dưới bụng, gà kêu "ót" một tiếng, lăn quay ra. Cũng có lúc vài ngày sau con heo mới chết. Không hề gì, rủi ro của khoa giải phẫu lúc nào cũng có. Thợ thiến-người hẳn có chuyên môn cao cấp hơn, tuy ta không nghe nói đến. Người La Mã còn để lại cho đời một loại dụng cụ thiến hoàn hảo, dọn sạch cả hai phần. Người bị thiến nằm nghỉ nơi được sưởi ấm, không có gió máy, vì thế ta mới thấy Tư Mã Thiên thọ phạt mà được gọi là gởi vào "tàm thất" (nhà nuôi tằm). Trần Nhân Tông đi dạo, thấy người trong mộng, bảo hoạn để vào hầu, đặt tên là Phạm Ứng Mộng (1254). (Hành trạng người này được chép sai có vẻ giống như của Mạc Hiển Tích đời Lí, vì thấy ông ta còn sống đến hơn một trăm năm sau, cuối đời Minh Tông, đòi chết thế thân cho vua, 1357). Sử ghi rằng tiền cho để thiến lên đến 400 quan. Đó là một số tiền khá lớn, vì Lê Tắc cho biết (*An Nam chí lược,* tr. 222), chắc là cùng thời với ông ("đời gần đây", Tắc hàng Nguyên năm 1285), gian phu bị bắt gặp muốn khỏi bị giết phải nạp 300 quan chuộc mạng. So sánh ra thì thấy việc thiến có vẻ không bảo đảm thành công cho lắm!

Vì là tập tục truyền từ Trung Quốc nên chắc hoạn quan Việt cũng đối xử tương tự với "bảo vật" họ phải chia lìa. Một thuyết cho rằng tu sĩ thờ Nữ thần phồn thực Sybèle ở La Mã, sau khi tự thiến liền cầm bảo vật chạy tung ngoài đường cho đến khi mệt đuối mới ném qua cửa sổ một ngôi nhà gần đấy. Nhưng thông thường hơn, là họ kiếm một chỗ chôn theo nghi lễ. Người Trung Hoa lại giữ gìn thật kĩ trong một hộp

kín, để trên kệ, chờ ngày chết chôn theo cho thân xác tròn vẹn. Mãi đến cuối thế kỉ XIX, hoạn quan còn phải đem trình diện cho Trưởng thái giám làm bằng cớ trong những dịp thăng thưởng.

Thị là hầu... thị *mang cái ấy*

Thông thường, khi nói đến người hầu hạ trong cung là người ta nghĩ ngay đến người bị thiến. Sai lầm từ bên ngoài dân chúng vốn cũng là do sử quan mà ra. Phê bình chuyện Giản Định Đế nghe lời "nội nhân" giết công thần (1409), Ngô Sĩ Liên nói rõ đó là "hoạn quan". Chữ "nội thị" cũng mang lại cùng một lầm lạc. *Từ hải* không cho thấy có chữ "thị" nào nghĩa là hoạn quan cả. "Người trong nhà", "người hầu cận" đều được sử gia cho hiểu là "người bị thiến" trong lúc thực tế không phải lúc nào cũng như vậy. Sứ giả Tống Cảo thấy Lê Hoàn đánh đòn người hầu, đuổi ra, cho phục chức, những người này không phải lúc nào cũng bị thiến. Tước *Hoành* Phúc Hầu của Đỗ Thích đời Đinh chỉ có nghĩa là "quan nô bộc". Cho nên, lại cũng như chuyện "cắn cu", chỉ có sử quan trước Ngô Sĩ Liên mới "thực thà" hơn để chỉ rõ như thế nào là hoạn quan:

"Mùa đông (năm 1184), sách Tư Nông, sách Trịnh, sách Ô Mễ làm phản, vua sai quan Thái phó là Vương Nhân Tử đánh dẹp. Vương Nhân Tử sai người trong châu là Phạm Phẩm đóng giữ nơi ải Ông Trọng, Trương Nhạn và Phạm Đỗ đóng giữ làng (sách?) Bái, Đoàn Tùng đóng giữ Khả Lão. Rồi Vương Nhân Tử đánh thẳng vào hai sách Đăng Bái và Vạn Mễ mà san bằng đi. Lúc tiến quân đến trại La Ao thì bị rợ Lão đánh lén, quan quân thua to. Vương Nhân Tử chạy về núi An Cối thì bị công hãm chỗ bùn lầy và bị giống rợ Lão đâm chết. Bọn Sơn Lão nói với nhau rằng: 'Ngày nay có một người đàn bà bị ta đâm chết' rốt cuộc mới biết đó là Vương Nhân Tử. Tìm riêng trong khoảng đầm lạch ở trên núi thì được cái thây ấy. Vương Nhân Tử là hoạn quan nên giống người đàn bà." (*Đại Việt sử lược*, tr. 222).

Từ "thái giám" cũng gây nên lầm lẫn như vậy. Tên thần Bạch Mã Thái Giám là từ cách hiểu thông thường đó khi dân chúng Việt gán cho một hình tượng con ngựa Balaha. Nhưng thật là sai lầm khi nhìn vào một số quan chức đời Lê trong chiến tranh chống Minh, lan qua buổi đầu xây dựng triều đại. Các "thái giám" Lê Khả, Lê Khuyển, Lê Chửng, Lê Nguyễn được nhắc trong các năm 1426, 1427, 1428. Sau chiến tranh, các công thần được ban quốc tính để họ Lê có vây cánh đông giữa Thăng Long của họ Trần. Đến khi chỗ đứng chân đã vững, Lê trả lại họ cũ cho con cháu các công thần, nhờ đó ta thấy được họ gốc của vài

người. Khả họ Trịnh, sau này có tên trong những người tôn Bang Cơ (Nhân Tông) lên ngôi, đánh Chiêm (1446), cuối cùng bị giết (1451), hành trạng như những người khác trong sự tranh chấp của các nhóm thân tộc giúp Lê Lợi. Lê Khuyển có lẽ là Thái giám Đỗ Khuyển, người được lệnh soát nhà Lê Ngân năm 1537. Vẫn biết rằng thái giám / hoạn quan cầm quân được (chính vì là hoạn quan thân tín mới cầm quân như Lí Thường Kiệt, Vương Nhân Tử nói trên) nhưng xét các chức phong cho những "thái giám" của Lê thì không có ý nghĩa gì về nhiệm vụ của hoạn quan cả. Năm 1434, Lê Khuyển làm Nhập nội Thái uý, vẫn kiêm Hải Tây đạo chư vệ quân sự *Thái giám*. Năm 1439, Trịnh Khả có chức rất lớn: Hành quân tổng quản coi các việc quân của Xa kị vệ, quản lĩnh (kiêm) Thiết đột hậu dực thánh quân, *thái giám* ngự tiền lục quân, coi các đội Ngự tiền võ sĩ, Ngự tiền trung quân! Rõ ràng ở đây "giám" chỉ có nghĩa là trông coi, kiểm tra xem xét. Vấn đề khiến ta phải xét đến gốc của chức tước và thực tế của gia đình họ Lê tù trưởng, cả hai liên hệ trong một tình trạng tiếp nhận văn hoá ở Đại Việt.

Khởi đầu, chức Thái giám không phải xuất phát từ các triều đại Hán Trung Quốc mà của một triều ngoại tộc chịu ảnh hưởng Hán: Liêu là nước đầu tiên đặt hai chức Thái giám và Thiếu giám. Bắt chước theo cũng là một nước ngoại tộc, đã vào cai trị hẳn Trung nguyên: Nguyên. Triều Minh của dân Hán có chức Chưởng ấn Thái giám của Nội quan, lại là một triều mà nội quan có quyền thế lấn lướt từ trong ra ngoài, cho nên thái giám trở thành đồng nghĩa với nội quan / hoạn quan. Xét các nhân vật "thái giám" của Lê nói trên, ta thấy họ thuộc thành phần gốc gác là những đầy tớ của Lê Lợi vốn nhan nhản trong triều. Trịnh Khả và Lê Khuyển được xếp vào bậc công thần hạng 5, trong đó cùng hạng là Nguyễn Xí, người trông coi đàn chó săn của Lê Lợi. Chức tước của Lê Ê (công thần hạng 1) sau khi thành công (1434) cũng còn chứng tỏ tính cách đầy tớ như thế: Điện tiền đô kiểm điểm, đồng *Thái giám nội giám, nội ngoại chư dịch*. Đại đô đốc Lê/ Đỗ Khuyển làm việc lục soát nhà Lê Ngân như đã nói, bị đời tiếp theo chê: "như chó khôn giữ mệnh". Cũng *Trung hưng kí* của Thánh Tông chê Lê Ê "không biết một chữ!" Làm ông tù trưởng thì đầy tớ không cần phải thiến nên những "thái giám" nói trên không phải là hoạn quan. Có thể nghĩ rằng tuy đời Minh, ngang với Lê, đã thông dụng từ thái giám có nghĩa là hoạn quan, nhưng để tổ chức triều đại giúp họ Lê phụ đạo vừa xuống đồng, các nho sĩ Trần Hồ vốn học sách xưa, chưa *up to date*, nên vẫn dùng tên quan chức cũ. Điều này cũng là hợp với thực trạng của ông chủ Lê mới mà không làm ngượng các người đương chức. Tất nhiên là với sự phát triển triều

đại sẽ có những hoạn quan thực thụ, tuy ta không thể nào biết rõ trong số nội quan của Lê ai là người đáng được "chính danh".

Nội quan thực thụ cũng không phải toàn là người bị/được thiến. Có những người nhờ có sự bất toàn của cơ quan sinh dục mà được tuyển vào cung. Tả quân Lê Văn Duyệt là một. Chúng tôi không rõ bản chữ Hán là gì mà người dịch *Đại Nam liệt truyện* (Q. 22) cho biết ông "sinh ra không dái", còn lời loan truyền trong dân chúng thì phân biệt rõ hai phần của cơ quan sinh dục, nên cho rằng ông chỉ thiếu phần chính, bị thu nhỏ, theo lối nói kín đáo là có "ẩn cung". Chứng nhân ngoại quốc đương thời John Crawford (1822) đã nghe được "tiếng nói hơi nhỏ và dịu như một phụ nữ", và chúng ta thì nhìn bức tranh ở Lăng Ông Gia Định cũng thấy nước da mai mái mà đoán hùa theo điều đã hiểu. Vì là người của thời đại gần, nên ta nghĩ tiếng đồn ông có bộ phận sinh dục nhỏ là điều xác thật.

Vua chúa dùng người có khuyết tật vào cung khỏi cần phải thiến thì cũng tiện, nhưng khi có kẻ moi móc ra thì lại giật mình. Triều Càn Long (1736-1796), Tể tướng xung đột với hoạn quan, liền tâu với Hoàng đế: "Các hoạn quan tuy bị cắt nhưng lâu ngày có thể mọc ra lại. Thần nghe chuyện đó từng xảy ra trong triều Minh, và đã phát sinh những chuyện xấu xa trong cung cấm, nên để đề phòng tái phát, xin đem các hoạn quan ra kiểm tra để cắt lại." Hoàng đế tuy thường nghe lời cận thần hơn quan triều nhưng trong trường hợp này thì phải chọn lựa "entre le meilleur et le pire", giữa đầy tớ và "vợ", nên cho lệnh thi hành ngay. Kết quả ông tể tướng tha hồ "cắt" và có hoạn quan đã chết vì vụ kiểm tra này. R. Tannahill, dẫn theo người khác, kể như trên và ngờ rằng không có chuyện "mọc lại" mà chỉ có chuyện về những mảnh đầu thừa đuôi thẹo của các thợ hoạn chủ tâm làm lấy năng suất, không kĩ nên còn sót mà thôi. Nhưng chúng tôi nhớ đã đọc trong một quyển Truyện Tàu mỏng thì đó là chuyện cắt các ông có ẩn cung được chọn vào hầu từ lúc nhỏ, nghĩa là chuyện mọc lại (lớn theo tuổi) là điều tự nhiên, và trong truyện có chi tiết đề ông trưởng Thái giám ra, cắt bằng dao tre!

Theo quan niệm truyền dòng, hoạn quan phải có con để nối dõi tổ tông, thờ cúng mình sau khi chết đi. Thế là họ phải nuôi con nuôi, hoặc từ người xa lạ được chọn lựa, hoặc ngay ở bà con thân thuộc. Hoạn quan Phạm Bỉnh Di bị Lí Cao Tông giết (1209) cùng lúc với con là Phạm Phụ. Hoàng Ngũ Phúc (1713-1776) của Trịnh Sâm có con là Hoàng Ngọc Bảo. Lê Văn Duyệt lấy cháu gọi bằng bác làm con thừa tự, nuôi Lê Văn Khôi (Bế Văn Khôi, Nguyễn Hựu Khôi) gốc là người Nùng của tù binh từ miền Bắc. Vinh hiển của hai lớp người đó nối nhau cũng có mà khổ

nhục cũng không chừa khi phải thất thế.

Quyền lực đẩy tớ

Hoạn quan trước tiên là để phục vụ trong cung cấm, trong gia đình nhà vua. Chính vì vai trò đó mà họ bị khinh miệt nhưng cũng chính nhờ đó mà họ có quyền uy.

Với một tổ chức quyền bính còn nhỏ thì người chủ tể phải tin ở kẻ thân thuộc trước hết, trong đó có tay chân trong nhà. Ông họ gì tên Tuấn kia nếu không chịu hoạn thì không thể nêu danh trong sử sách với tên Lí Thường Kiệt được. Trần Thái Tông muốn trao chức Hành khiển (điều hành việc nước, có lúc, có người như Tể tướng) cho Phạm Ứng Mộng nhưng bảo phải thiến, vì triều mới còn vướng tục lệ cũ của Lí, buộc người được trao quyền phải là hoạn quan. Cho nên, khi tổ chức chính quyền phức tạp hơn, cần có nho sĩ vào làm việc trong các sảnh, hình, viện của chính phủ vào tháng 4âl. 1267, sử quan *Toàn thư* coi việc bổ nhiệm lấn át vào địa hạt của hoạn quan như thế là một thay đổi trọng đại. Nhưng ngay cả khi cần phải có một tổ chức ngoại quan để toả rộng quyền hành trong phạm vi cả lãnh thổ thì hoạn quan là người gần gũi vua, trung tâm quyền bính, vẫn giữ vị thế đáng kể, có khi khuynh đảo cả triều đình.

Tất nhiên vị trí gần vua là lợi thế nhưng tính cách riêng của hoạn quan, nằm trong sự bất toàn của cơ thể – và ảnh hưởng nảy ra từ sự bất toàn đó, không phải là không quan trọng trong sự phát sinh những cung cách hành xử vượt thường, quái gở nữa, của hoạn quan. Trước nhất, tâm tình của hoạn quan cũng nằm trong tâm tình của người bị thiến nói chung. Tám năm sau khi bị thiến, Tư Mã Thiên còn cảm thấy đau đớn: "Mỗi khi nghĩ đến mối nhục đó thì mồ hôi còn thấm ướt cả lưng áo. Tôi chỉ đáng được làm kẻ canh cửa phòng cho đàn bà, tốt hơn là nên vào ẩn tận sơn cùng núi thẳm..." Sự bất toàn đó khiến cho người ngoài nhìn hoạn quan như một khối thịt dị dạng, có bộ mặt buồn thảm. Chắc là cho dù tự nguyện, họ cũng mang mối bất mãn với hệ thống chính trị xã hội đã khiến cho họ phải thiệt thòi trong một khía cạnh sống. Trong hệ thống phương Đông thì họ luôn luôn bị lớp nho sĩ ganh ghét, khinh miệt. Hàn lâm Đinh Củng Viên chơi khăm, viết chiếu không đưa cho hoạn quan Lê Tông Giáo chuẩn bị trước để ông này lời sự dốt nát trước triều đường (1288). Sử quan nho học xưa cứ mỗi lần đặt bút xuống là chê hoạn quan dốt nát, ngay cả khi có dịp khen thì cũng chỉ nhìn theo vị trí đẩy tớ của họ mà thôi. Phan Phu Tiên phán xét về những người theo họ

Hồ liên quan đến việc mất nước, tuy có khen về những gương tử tiết nhưng vẫn hài tội bỏ Trần theo Hồ, là "phường ác giúp nhau", là "ăn lộc của ai chết vì người ấy (tuy) là nghĩa mà không biết người ấy là bất nghĩa"... Chỉ có các hoạn quan là được không hài tội thờ chủ mới: "Ngô Miễn, Nguyễn Lệnh, Kiều Biểu vốn là kẻ hoạn quan, cái chết của họ là điều nên lắm". Vì hoạn quan "vốn là" đầy tớ nên chỉ được ông sử quan này nhìn ở tầm mức tương quan chủ tớ ngắn hạn: Lúc kẻ nô đã trao qua chủ mới thì chỉ cần biết chủ mới là đủ.

Một tên khác của Lí Thường Kiệt cho ta thêm một gợi ý về địa vị đó của hoạn quan. Ông Hoàng Xuân Hãn trong *Lí Thường Kiệt*, khi đối chiếu với sách Trung Quốc, thấy ông danh tướng của Lí cũng được gọi tên khác là Lí Thượng Cát. Do cách phiên âm qua một thứ chữ không thể sát với âm vận bản xứ nên khó có thể biết tên nào là đúng nhưng ta hãy đoán ra theo cung cách bình thường. Chữ "thượng"/"thường" gần cận, thường được thấy phiên âm cho chữ "thằng". Và nó không phải lúc nào cũng có ý nghĩa khinh miệt. Nguyễn Ánh gọi tướng Tây Sơn là "thằng Sâm", "thằng Hưng" nhưng bia ruộng đời Trần chỉ chủ đất hẳn là theo tiếng gọi thông tục đương thời, cũng như "thằng" ngày nay còn có ý nghĩa thân mật là khác. Với chữ "cát" thì ta có câu chuyện tranh chấp binh quyền cũng đời Lí về Vũ Cứt, Vũ Đái (chuyện năm 1150)... Ngay chữ "Kiệt" cũng có thể từ "Cứt" mà ra như trong chuyện năm 1189 (*Đại Việt Sử Lược*, tr. 229): Vua sai quan lớn trong triều xử vụ kiện Mạc Hiển Tích (chắc vì bị tố cáo tư thông với Thái hậu), quan sợ, bị người đời chê: "Ngô Phụ quốc (giúp nước). là "lan (lồn), Lê Đô quan là "kích" (kít/ cứt). Vậy thì *Thường Kiệt / Thượng Cát có thể là "thằng Cứt"*. Ông Hoàng Xuân Hãn cho biết Thường Kiệt là tên "tự", dẫn bia Nhữ Bá Sĩ đoán tên tự có từ lúc xuất thân, hiểu một cách khác, là lúc vào cung, làm hoạn quan. *Tự* "thằng Cứt" là một thứ *nickname* trong cung gọi ông danh tướng tương lai nọ như ngày nay trong dân gian còn gọi "thằng Bờ", "thằng Cu"..., có vẻ còn dễ nghe hơn tên của đám nô Trần Quốc Tuấn là "Voi rừng", "Chó săn / Cồng cộc".

Và như đã nói, cách nhìn của xã hội bên ngoài như thế cộng với sự bất toàn của thân xác không phải không ảnh hưởng đến hành vi của hoạn quan, nhất là khi họ ở vào vị thế có thể toả rộng quyền hành, dù là quyền hành nấp bóng quân vương, chế độ. Người bị thiến Tư Mã Thiên cố bù đắp nỗi nhục mất danh tiết bằng những trang *Sử kí* để đời. Sử quan Nguyễn ghi rằng: (Lê Văn Duyệt) năm 14, 15 tuổi thường tự than thở rằng "sinh ở đời loạn, không dựng cờ trống đại tướng, chép công danh vào sách sử, không phải là trượng phu." Không hẳn đó là nguyên văn lời

ông, nhưng ý đó đúng là của một người muốn vượt khỏi bản thân. Chế độ vương triều của Trung Hoa, Đại Việt có rất nhiều dẫn chứng về sự lộng hành của hoạn quan. Triệu Cao làm việc phế lập trong triều Tần. Hoạn quan lộng hành nhiều nhất là dưới triều Minh. Theo quân đánh họ Hồ, cũng như trong các cuộc hành quân các nơi khác, cứ một ông tổng binh là có một hoạn quan theo kềm giữ: Tổng binh Trương Phụ đi có Nội quan Mã Kì báo cáo hành vi gọi là âm mưu vây cánh nên bị vua Minh rút về (1417), Nội quan Lí Lương đi theo Tổng binh Lí Bân (1426), giữ thành Đông Đô đến phút cuối với Tổng binh Vương Thông. Nội quan Sơn Thọ, người được ghi là Thái giám, bắt voi ở Quảng Ninh năm 1418, có mặt dài dài trong cuộc chiến.

Sự xung đột giữa nho thần và hoạn quan có lúc đi đến chỗ khôi hài điếng người như trong câu chuyện xảy ra dưới triều Càn Long đã kể. Tuy nhiên sự khinh miệt của nho thần cũng dẫn đến phản ứng của hoạn quan khi thấy những người kia có thành kiến quá quắt, không hiểu cả lí lẽ bình thường. Trong cuộc tranh chấp về lễ nhạc giữa nhóm Nguyễn Trãi và Lương Đăng (1437), Tham nghị Nguyễn Liễu chê hoạn quan không đủ khả năng, không hiểu phép xưa (như của Chu Công), phép nay (như của nhà Minh), nên làm sai lệch cả. Lương Đăng, với quan điểm ngày nay thì chắc là làm theo "tinh thần dân tộc có sáng tạo" chế biến, nên nhũn nhặn xin dành quyền quyết định cho vua. Nguyễn Liễu sợ Thái Tông nghe lời, liền phản kháng trước: "Từ xưa đến nay chưa bao giờ có cảnh hoạn quan phá hoại thiên hạ như thế này." Thế là tranh chấp cá nhân trở thành tập thể. Đinh Thắng từ trong bước ra mắng: "Hoạn quan làm gì mà phá hoại thiên hạ? Nếu phá hoại thiên hạ thì chém đầu ngươi trước". Ông văn quan đa sự hay chữ, hú hồn vì thoát khỏi bị chém đầu, nhưng mang chữ thích vào mặt, những ngày tàn nằm ở châu xa hẳn phải ân hận về cơn cường ngạnh bảo vệ Thánh giáo của mình. Cũng nên lưu ý rằng Đinh Thắng là người đã có lòng can ngăn Nguyễn Trãi chớ đem Thị Lộ vào cung làm vây cánh, hành động đã khiến ông thái giám này chết (1442) theo ông Hành khiển đối thủ trong cuộc tranh cãi trên.

Giám ban của Trịnh

Nhưng hoạn quan nổi bật trong lịch sử Việt là vào thời Lê Trung hưng, đặc biệt vì đã có vua còn có chúa, nên có hẳn hai lớp hoạn quan, trong đó người của Lê không đáng kể nhưng người của Trịnh lại rất cần thiết cho gia đình, có thể nói là đóng vai trò khá quan trọng để giữ gìn

cho nhà chúa được vững vàng.

Trịnh xuất thân là tướng soái nên nắm binh quyền trong tay, thuộc hạ tuân theo, đương nhiên được lên làm chúa. Nhưng họ phải nấp bóng vua, với danh nghĩa "phò Lê" và phải luỵ vì danh nghĩa ấy, chưa kể vì thực tế có những phe phái khác cũng muốn giành giật, từ đám dân cùng nổi loạn đến họ Nguyễn cường ngạnh một phương ở Đàng Trong. Nho sĩ được học Kinh sách tuy phục vụ Trịnh theo cơm áo nhưng vẫn hướng về ông vua Lê bù nhìn. Sử quan nối tiếp *Toàn thư* vẫn để các vua Lê làm đầu. Hồ Sĩ Dương (tiến sĩ 1652) viết *Trung hưng lục* ghi chuyện Lê Cập Đệ bị Trịnh Tùng giết (1572) vì phù Lê chứ không phải vì ganh ghét với Trịnh Tùng như trong *Toàn thư,* bộ sử chính thức, đã kể. Tinh thần đó không phải chỉ có ở những nhân vật khoa bảng. Trịnh Tạc (làm chúa từ 1657-1674) muốn phá vỡ hình thức tôn quân, nhân ngày nguyên đán, định bắt các quan mặc triều phục chầu vua, cứ mang nguyên phẩm phục ấy sang chầu mình. Vũ Duy Chí làm tể tướng (1669), vốn bị đồng liêu chê là từ chân lại thuộc mà ra, nhưng vẫn lên tiếng can ngăn vì cho là "trái với chế độ cũ", khác với truyền thống "nhà Chúa... một niềm tôn phục hoàng gia". Tuy năm 1673, Trịnh Tạc dời việc nước vào bàn ở phủ mình, nhưng loạn kiêu binh ngay năm sau chứng tỏ là quyền chúa vẫn còn lung lay. Sự khinh miệt hoạn quan thấy rõ trong trước tác tuy xuất hiện về sau nhưng của một người trong dòng họ phục vụ Trịnh Lê: Phan Huy Chú với *Lịch triều hiến chương loại chí.* Ông này kể các danh nhân đều là các nho sĩ, tướng gia văn thần. Không thể loại trừ Lí Thường Kiệt, Hoàng Ngũ Phúc nhưng thêm chữ "tự thiến" để tỏ rõ sự cầu cạnh. Và vì có lẽ không biết (hay tránh né?) Lí Thường Kiệt còn được ghi với tên Lí Thượng Cát nên trong truyện Lí Đạo Thành, tác giả tha hồ kể tội hoạn quan: "Lí Thượng Cát là chức ngự tụ, cậy được thương yêu, bàn chõ vào việc chính". Ở đây ta gặp được một danh xưng khác chỉ hoạn quan là "ngự tụ", chữ này không thấy có trong *Từ hải,* chắc Phan Huy Chú mượn từ chuyện "đoạn tụ" (cắt ống tay áo) mà chế ra.

Ngay bên trong gia đình, Trịnh vẫn không yên tâm. Hình như Trịnh xuất thân từ vùng thượng du Thanh Hoá cũng thuộc các nhóm "thiểu số" hoạt động nổi bật theo sự hưng khởi của nhóm Mường Lam Sơn. Điều chắc chắn là gia phả họ Trịnh không giấu sự thấp kém của ông tổ Trịnh Kiểm vốn từng đi ăn trộm. Ông này có bạn thân đến mức hi sinh giúp nhau làm cả những việc nguy hiểm, là một người gốc Chàm. (Hữu Ngọc - Nguyễn Đức Hiền, "Gốc tích các chúa Trịnh và một bức thư nôm của Trịnh Kiểm", *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn,* tập II, H. 1998, tr. 649-669). Và ông tổ dẫn đến dòng vua Nguyễn sang cả, lúc đó cũng chịu gả

con cho một tên trộm. Tất cả chứng cớ đều nói lên một mức độ sàn sàn như nhau của các dòng họ cầm quyền về sau của nước Việt, không có dáng gì như các nho gia Thăng Long, Huế cao tiếng rao giảng theo truyền thống tôn phù. Vì thế, riêng về họ Trịnh, các "thế tử", "công tử" anh em chú cháu tranh giành địa vị của nhau không nhân nhượng chút nào, và người thắng giết người bại cũng không nhẹ tay thương xót. Để xử trí chuyện gia đình thì trước hết Trịnh sử dụng đầy tớ riêng: Trịnh Tùng dùng "nội giám" Bùi Sĩ Lâm giải quyết Trịnh Xuân, "sai người chặt chân cho chết"; vào cuối đời, Trịnh Sâm giao Thế tử Trịnh Cán cho Hoàng Đình Bảo, cháu / con nuôi hoạn quan Hoàng Ngũ Phúc chăm sóc. Rồi cũng một mực như thế, Trịnh đã đem người trong nhà xử trí việc nước. Năm 1603, chưa yên vị ở Đông Kinh, Trịnh Tùng đã dùng Chưởng cung giám Bùi Sĩ Lâm tra xét tướng Nguyễn Khải vì ngờ có âm mưu phản loạn. Năm 1683, trong việc tiếp nhận tù binh Mạc do Thanh trao trả, Thượng thư Vũ Duy Đoán cùng với hoạn quan Thân Đức Tài đi theo, mang công văn với tên Tài đứng đầu y như sổ năm trước. Ông thượng thư không chịu nhục làm quan triều mà thua tên đầy tớ nên gân cổ cãi, rốt cục bị Trịnh Căn bãi chức, lấy người khác thay thế với quan chức lớn hơn, Bồi tụng (Tể tướng) Nguyễn Quai, qua biên giới giải quyết công việc – tất nhiên công văn vẫn để tên hoạn quan đứng đầu. Có cái đuôi hơi lạ trong câu chuyện tiếp nhận tù binh này: Sứ bộ bị quan Thanh đòi hối lộ, Đặng Đình Tướng, chức sắc nhỏ trong đoàn, phải đi nộp bạc, lúc về triều đình tiếc tiền, bắt giáng chức, nhưng tha cho tể tướng với lí do "bị bệnh không dự vào việc giao nộp", trong lúc không nhắc gì đến vai trò của ông trưởng đoàn hoạn quan cả. (*Cương mục*, tập II, H. 1998, tr. 350). Điều này cũng thật dễ biện minh, rằng việc xử lí kia là của triều đình, phép nước, hoạn quan chỉ là "người trong nhà", không phải chịu trách nhiệm đó!

Điều đáng chú ý khác là có những nội giám gốc thiểu số giáp Trung Hoa trong phủ Trịnh. Vì sử quan *Toàn thư* coi thường nội giám nên ta không thấy rõ nguồn gốc quê quán của các ông này, nhưng sử quan Nguyễn với nhiều chú thích khiến ta biết vài điều thích thú. Cùng với nhiều hoạn quan gốc vùng đồng bằng họ Phạm (Xuân Đỉnh), Nguyễn (Đình Huấn), Lê (Trung Nghĩa)... cũng có người họ Hoàng như Hoàng Công Kì (+1745). Tất nhiên họ Hoàng đã phục vụ Trịnh Lê có rất nhiều người gốc trung châu nhưng Hoàng là họ lớn trong các nhóm thiểu số tây nam Trung Quốc kề cận Đại Việt mà ngày nay được gọi chung là "Choang", có khu tự trị riêng ở Quảng Tây. Hoàng có lẽ phát sinh từ quan niệm Trung Quốc của các tộc đoàn muốn lên làm lãnh chúa: hoàng,

màu vàng, của hoàng đế, Hoàng Đế. Trong sự tranh giành ảnh hưởng, Lí Trần đã dùng nhiều họ Hoàng trong việc giao tiếp với Trung Quốc cũng như phải khổ nhọc xử lí về việc họ nghiêng ngả lúc theo phe này, lúc phe khác trong thế đối phó với Thiên triều. Thổ tù Hoàng Văn Đồng cai quản mỏ đồng Tụ Long đã có cung cách như tổ tiên xa đời của họ (1779). Và đã có những hoạn quan cùng gốc gác như thế nổi bật nhất trong phủ Chúa, theo một cung cách phục vụ không thường thấy của những người quen "khuôn phép". Hoàng Công Phụ (Bắc Giang) nắm quyền dưới thời Trịnh Giang (1729-1740), Hoàng Ngũ Phúc (Yên Dũng, Lạng Sơn) tung hoành cuối đời Trịnh nên để lại nhiều chi tiết đáng lưu ý. Phan Huy Chú cho biết Hoàng Ngũ Phúc "tự thiến", những ông họ Hoàng dân tộc Nùng khác có làm như vậy không?

Chuyện bắt đầu từ tháng 2âl. 1743 khi ông hoạn quan Hoàng Ngũ Phúc vốn chỉ loanh quanh lẩn quẩn trong Hình phiên của Trịnh, bỗng nảy ra ý muốn chơi trội, đem dâng cho Trịnh Doanh 12 điều binh pháp để dẹp biến loạn đang xảy ra khắp nơi. Cũng tưởng chỉ là để loè kiếm chút ân huệ, không ngờ Chúa tưởng thật có người tài ẩn danh mà lâu nay không được biết nên cho phép ông hoạn quan ra trận chống với tay Quận He Nguyễn Hữu Cầu kiệt hiệt đương thời. Nên chép nguyên văn của sử quan Nguyễn để thấy khởi đầu của một danh tướng: "(Hoàng) Ngũ Phúc mới được nghe mệnh lệnh, rất lấy làm lo, vì từ trước chưa từng đi chiến trận bao giờ. Có người khách khuyên: 'Nên vay một vạn quan tiền công để mộ lấy những tay tráng sĩ.' Ngũ Phúc nói: 'Nay vay tiền công, một ngày kia bắt phải nộp trả, thì lấy tiền đâu mà trả được?' Khách nói: 'Tục ngữ có câu: *Tướng vô tài, sĩ bất lai,* nghĩa là người làm tướng mà không có của thì không bao giờ dũng sĩ tìm đến. Nếu ông thật lòng theo kế của tôi thì những tráng sĩ đều hết sức với ông, quyết thắng được địch, từ đấy sẽ được vừa sang vừa giàu, có lo gì cái món tiền vạn quan? Nếu nhỡ ra vấp váp đến chỗ không thể nói được thì còn ai trách cứ món nợ ấy vào đâu được nữa?'" (*Cương mục,* tr. 563-564). Câu chuyện cho thấy cái liều lĩnh lưu manh trong thực tế của một anh thương buôn: Phải có của mới có quyền lực, có quyền lực thì tìm ra tiền rất dễ, lỡ không được tiền thì với chút dư danh của tướng soái, cũng không ai dám đòi nợ! Nhưng điều đáng chú ý là, Hoàng Ngũ Phúc, chắc thuộc sắc tộc Nùng nên dễ quen thân để vấn kế ông lái buôn Con Trời kia. Chúng ta cũng có thể đoán là cùng sắc tộc, một ông hoạn quan khác sống gần hơn thế kỉ trước: Hoàng Nhân Dũng. Ông hoạn quan được Trịnh Tráng yêu quý, cho đổi họ Trịnh, lấy tên là Trịnh Lãm, nhưng rốt lại bị giết (1652) vì "kiêu ngạo càn dỡ... mưu nổi loạn". Đoán là gốc Nùng (*Cương mục*

không có chú về gốc gác người này) vì thấy sử thần Lê kể tội "vụng trộm nuôi người có tà thuật". Không rõ hoạn quan Trịnh Lê là người bị thiến hay có ẩn cung, nhưng sự việc có người thiểu số trong cung Trịnh chứng tỏ nguồn cung cấp ở đồng bằng đã không đủ cho nhu cầu. Thêm nữa, sự thiên ái đến mức thân thiết ngay từ thời gian dựng nghiệp vững vàng ở Đông Kinh như thế cũng có thể là do sự tương đồng về nguồn gốc thiểu số của chính họ Trịnh mà ra. Hoạn quan Nùng thời mới khởi nghiệp Trung hưng chưa kịp thích ứng (có thể là từ cả phía người chủ Trịnh) nên bị giết, nhưng hơn một thế kỉ sau Hoàng Ngũ Phúc đã biết phối hợp sự uyển chuyển luồn lọt với khả năng phục vụ để nổi bật trong triều chính họ Trịnh.

Vai trò hoạn quan của Trịnh nổi bật nhất từ khi Trịnh Giang làm chúa (1729-1740) đặt ra giám ban (4âl. 1739) ngang hàng với văn, võ ban đương thời. Lại cũng vì sử là của nho thần viết ra nên ta không thấy chi tiết tổ chức: "Theo chế độ cũ, các quan chỉ có hai ban văn và võ. Đến nay bọn hoạn quan lộng quyền, (Trịnh) Giang mới đặt thêm giám ban. Hạ lệnh: ai thi khảo trúng cách sẽ được trao cho quan chức. Các quan lấy làm hổ thẹn nhưng không ai dám nói." (*Cương mục*, II, tr. 503). Nắm quyền chính là ông Nùng Hoàng Công Phụ, trước tiên đã củng cố sự ổn định bên trong với việc Trịnh Giang giết hoạn quan Đỗ Bá Phẩm (1734), rồi dèm pha giết Trương Nhung (1736), ông-cậu của Giang, thuộc phe nghịch. Tiếp theo, Phụ tìm cách giải toả sự cô lập bằng cách xúi Trịnh mở khoa thi ngay trong phủ Chúa (1736), lấy riêng Trịnh Tuệ, người trong họ, đỗ trạng nguyên, để ông này vào làm tể tướng (6âl. 1739) "kẻ trong người ngoài xướng hoạ với nhau", tạo mối liên kết văn, giám ban. Hoàng Công Phụ có vẻ còn nhiều toan tính to lớn hơn, vì đã từng nuôi Nguyễn Tuyển, một lãnh tụ của cuộc loạn Ninh Xá. Hoạn quan Trịnh không đủ lực lượng như của Minh nên chính biến cung đình nổ ra với sự liên kết của văn quan và phe ngoại nhà chúa (đầu năm 1740). Hoàng Công Phụ bỏ trốn, nhóm thủ hạ bị diệt trừ, văn quan có vẻ đắc thế nhưng không được lâu. Họ Trịnh vẫn cần hoạn quan, nên chỉ ba tháng sau khi cầm quyền, thấy cần người chống Nguyễn Tuyển, thay Hoàng Công Phụ đã bỏ trốn, Trịnh Doanh bổ nhiệm Hoàng Công Kì làm Thống lĩnh chinh tây đại tướng quân khiến cho Tự Đức phải la lên: "Trịnh Doanh cũng không phải là người có tri thức" (?). Trịnh Doanh không thể làm gì hơn như khi ông thất bại trong việc trao cho văn quan điều hành tài chính, thuế khoá vào giữa năm 1741: Văn quan muốn nắm quyền kiểm soát tiền bạc từ trong tay hoạn quan nên xin cho tập trung về bộ Hộ, tức là của chính phủ. Trịnh Doanh đã bổ nhiệm Lê Hữu Kiều

trông coi, nhưng "quyền lớn lọt vào bọn tín thần đã lâu, bộ Hộ cũng chỉ biết được con số hão mà thôi [v]ì thế không bao lâu lại bãi bỏ." (*Cương mục*, các năm trên).

Uy thế hoạn quan lớn thêm khi Hoàng Ngũ Phúc lần mò tìm được khả năng của mình trở thành "viên tướng nổi tiếng trong một đời" *(Cương mục)*. "Ngũ Phúc làm tướng nghiêm chỉnh chắc chắn. Khi có việc thì quyết đoán, đối với ai cũng có lòng trung tín. Khi hành quân thì chuộng kỉ luật, giữ vững sự thận trọng mà không cầu may. Hiệu lịnh lại nghiêm minh, không thể cầu cạnh để xin tha. Ông đánh đông dẹp tây, công danh rực rỡ, là bậc đại tướng có công lao danh vọng. Nhà nước cậy dựa nhiều vào ông." Nghe Phan Huy Chú ca tụng như thế (*Lịch triều...*, II, tr. 359), chúng ta thấy thật quá xa thời ông hoạn quan vấn kế khách thương. Nhiều nơi đã tôn làm phúc thần vị danh tướng "được phối hưởng trong cung miếu của Chúa" này, kể cả việc làm sắc thần giả để thời Mở cửa bán cho Việt kiều lùng tìm đồ cổ. Sử xưa đã ghi rất nhiều công lao đánh trận của ông, trong đó có luôn việc chiếm Phú Xuân, điều khiến cho Đặng Trần Thường phải chết dưới tay Gia Long chỉ vì dám liệt kê ông vào danh sách phong thần.

Nhưng trước hết, Hoàng Ngũ Phúc là tôi của Trịnh, chỉ vì phải khen nên Phan Huy Chú đã lờ đi chuyện phục vụ nội cung, ví dụ như khi cùng với Trịnh Sâm giam, giết thái tử Duy Vĩ (1769, 1772). Lập công trong vụ này thấy thêm có tên hoạn quan Phạm Huy Đỉnh. Vai trò hoạn quan trên chính trường Trịnh không giảm đi vì giám ban bị loại bỏ mà còn tăng thêm với nhu cầu củng cố dòng họ nhà Chúa. "Hoàng Ngũ Phúc và Đàm Xuân Vực bè đảng nâng đỡ nhau, vì thế người ngoài bàn tán xôn xao. Ngũ Phúc xin Trịnh Doanh đặt lệnh cấm nghiêm ngặt để khoá miệng mọi người nhưng không sao cấm chỉ được." (*Cương mục*, II, tr. 654). Hoạn quan cầm quân, nhất là lại thắng trận, nên văn quan theo hùa cũng là thường. Lê Quý Đôn cùng với hoạn quan Phạm Huy Đỉnh làm cho nội điện vua Lê vắng ngắt từ 1773. Cũng Lê Quý Đôn với hoạn quan Chu Xuân Hán đi kiểm tra mỏ đồng Tụ Long đòi hối lộ 3000 lạng bạc (1779). Cho nên có gì là lạ khi Trịnh Khải muốn chuẩn bị đảo chính (1780) lại hỏi vay 1000 lạng của Chu Xuân Hán! Hoàng Ngũ Phúc khi nên danh phận hẳn phải tự cười thầm mình lúc nhớ chuyện xưa kia đã từng lo không trả nổi nợ.

Những rối loạn về nội cung ở Đàng Trong không thấy có vai trò nổi bật của hoạn quan. Có lẽ là do tình hình phát triển ở đây khiến cho những mâu thuẫn không co lại trong nội bộ; các nguồn lợi khai thác với

Thú đau thương
MLOANHOASỬ

dưới cầu nước chẩy huê trôi
trên cầu thì cũng thế thôi vậy cà
núi trơ vơ nẻo quan hà
núi liền dải cũng chia ta với mình
em à một mớ trầu xanh
một đám vôi trắng mà đành đôi nơi
tìm nhau như thể con trai
ngậm đau thương trọn một đời đau thương

thương nhân khiến cho ai ít nhiều cũng có phần, khỏi tranh giành gay gắt. Đến triều Nguyễn thì chiến trận bao nhiêu năm đã đặt hẳn uy tín quyền lực nằm ở ngoại vi cung đình -- Lê Văn Duyệt đã là tướng, dù là tướng khuyết tật, chứ không phải là hoạn quan nữa. Quyền vua lại xuyên suốt vững vàng, không cần đến vây cánh ngay từ cung cấm, như lời Tự Đức nhận định về đối thủ dòng họ mình ở phía bắc: "Họ Trịnh gian ngoan lấn quyền, sợ người ngoài toan tính đến thân, cho nên phần nhiều dùng hoạn quan làm tai mắt mà quên bẵng đi rằng cái tệ hoạn quan, cuối cùng sẽ đi đến chỗ nhiều việc, không thể ngăn cản được (*Cương mục*, tr. 549). Hoạn quan Nguyễn không thể nào nho nhoe, chỉ có thể trở lại địa vị nô thần, có làm việc gì để bù đắp sự thiếu thốn của mình thì chỉ có thể tìm *cảm giác* lúc cõng bà phi đi, về hầu vua, hay mua giúp chuối già-hương cho các bà trước khi có thể đặt hàng *dụng cụ* ở các "bookstores" của Mĩ mà thôi.

Tạp Chí Đại Trường
Aug. 11/02

Đính chính:

"Sex và triều đại", *Văn học* số 195, tháng 7/2002, trang 4, dòng 9 từ dưới lên: *loạn dâm*, xin đọc *loạn luân;* trang 15, dòng 6: *ông nội*, xin đọc *ông cha*. Nhân tiện cũng nên thêm rằng, trong dân gian, bệnh dương/giang mai còn có tên bệnh *tim la*, hẳn từ tên nước Tiêm(Xiêm) La, nghĩa là cũng có thể thêm chứng cớ rằng loại bệnh phong tình này đã truyền đến Việt Nam theo đường biển, từ phía nam, không phải như lời loan truyền bệnh xuất phát từ giao tình của Dương Quý phi và Mai Uyển (?)

Sờ râu các cụ khảo quan Nhìn tây đầm... và nhớ Tú Xương

Cao Xuân Tứ

Thân gửi tác giả Sự Muôn Năm Cũ

Thực tình tôi do dự trước khi viết bài này bởi vì tôi nghĩ rằng muốn bàn chuyện khoa cử ngày xưa trước hết mình cũng cần có tí vốn liếng chữ Hán (để tra khảo sách Hán Nôm qua văn bản gốc mỗi khi cần) ít ra như cỡ ông Trần Văn Tích, mà tôi lèm nhèm chỉ biết dăm ba chữ loại "tam tự kinh". Thêm nữa lại có vấn đề "hồi tỵ" khi phải đề cập tới những chuyện liên quan đến họ hàng xa gần, dù là chuyện khoa cử lăng nhăng. Nhưng rồi nghĩ lại biết đâu những dòng tản mạn dưới đây có thể giải đáp phần nào một vài thắc mắc có tính cách văn bản học. Không biết chữ Tàu, chữ Nôm thì nhờ người khác đọc, dịch hộ, chẳng chết ai! Và cũng mong rằng các nhận xét cụ thể, kinh nghiệm "thực địa", chút khơi mào về tư liệu, có thể mở ra hướng nghiên cứu mới, đem lại một chút thoáng mát vào một đề tài mà theo tôi, rất là khô khan nếu không có ông...Tú Xương nhúng tay vào một trăm năm trước!

1.

Gần dây trên tạp chí *Hợp Lưu* số 63 có bài viết của bà Nguyễn Thị Chân Quỳnh ghi lại những kinh nghiệm, những khó khăn đã gặp phải trong quá trình nghiên cứu chế độ thi cử tại Việt Nam thời trước.

Có một chi tiết làm tôi chú ý. Nhà học giả nhận xét rằng theo *Quốc Triều Hương Khoa Lục* thì Cao Xuân Dục là chủ khảo kỳ thi hương năm Giáp Ngọ 1894 ở Nam Định, trong khi những hình ảnh do Selles chụp nhân dịp xướng danh khoa Đinh Dậu 1897 (xôm trò vì có mặt toàn quyền

Doumer) được in lại trong sách của Daney lại có sự hiện diện của Cao Xuân Dục ở đấy (mà theo bà Nguyễn Thị Chân Quỳnh là với tư cách chủ khảo kỳ thi Hương này). Như vậy, theo bà, *Hương Khoa Lục* (mà tác giả là Cao Xuân Dục) đã chép nhầm về khoa thi do chính tác giả làm chủ khảo!

Sở dĩ có sự ngộ nhận này có lẽ vì bà học giả đã quên (hoặc chưa) đọc tiểu sử Cao Xuân Dục nên không ghi nhận thời kỳ ông làm tổng đốc Nam Định-Ninh Bình trong thời gian 1896-1898.

Tiểu sử Cao Xuân Dục cho biết trong quá trình làm việc ở Bắc Kỳ vào thập niên cuối của thế kỷ 19: "...năm 1890 ông được thăng chức tổng đốc Sơn Hưng Tuyên... Cuối năm 1893 ông cho xuất bản *Quốc Triều Hương Khoa Lục* phần chính biên. Năm 1894 được cử làm chánh chủ khảo trường thi Hà Nam, sau đó được phong hàm thự hiệp biện đại học sĩ lãnh tổng đốc Nam Định-Ninh Bình...Năm 1898 được điều về Huế làm tổng tài quốc sử quán..."(1). Như vậy lúc ông đang tại chức tổng đốc Sơn Hưng Tuyên thì được cử làm chánh chủ khảo trường thi Hà Nam khóa Giáp Ngọ 1894 (nhà thơ Trần Tế Xương đỗ tú tài khóa này); và sự hiện diện của ông trong lễ xướng danh khóa thi Đinh Dậu 1897 chỉ có tính cách nghi lễ trên cương vị quan đầu tỉnh (tổng đốc Nam Định-Ninh Bình, còn gọi là Nam Ninh tổng đốc) chứ không phải với tư cách chủ khảo khoa này.

Để kiểm chứng, khi nhìn những bức ảnh in lại trong sách của Daney, chỉ có cái ảnh Cao Xuân Dục (ông Tây ghi là le tong doc, đúng quá!) đứng một mình trơ trọi có lọng che(2) là ...Cao Xuân Dục. Còn trong số mấy ông khảo quan ngồi trên ghế cao lêu nghêu không có ông nào là Cao Xuân Dục cả, cho dù có lấy kính lúp xem lòi cả tròng, "sờ cằm đo râu" theo kiểu cảnh sát hình sự, "a-ma-tơ" kiểu Lê Phong phóng viên (3) hoặc nhờ ông Sherlock Holmes(4) điều tra với sự tiếp sức của anh bạn nối khố Dr Watson cũng chịu thua không tìm đâu ra cụ Cao! Mà cũng dễ hiểu thôi, ai mà chẳng biết mấy khi quan đầu tỉnh Nam Định lại được cử làm chánh chủ khảo ngay ở trường Nam Định, vì sợ ông sẽ thiên vị sĩ tử tỉnh nhà. Thế là đóng hồ sơ cái rụp, và Sherlock Holmes sẽ nheo mắt bảo anh bạn nối khố: "Có gì đâu mà phải động não? *It's elementary, my dear Watson!*"

2.

Và nếu ông Sherlock Holmes buồn...ngủ vì chẳng có việc gì để mà động não, buồn tình tôi cũng sờ... râu con kiến, nghĩ mình cũng nên tìm

hiểu về khoa Đinh Dậu 1897 này xem nó ra làm sao. Đằng nào thì cũng phải *Redde Caesari quae sunt Caesaris!* Khó gì, mở cuốn *Hương Khoa Lục* ra xem thì thấy ghi rành rọt chủ khảo khoa này là Đồng Sĩ Vịnh, Tả tham tri bộ Lễ sung biện Các vụ, từ Huế ra; phó chủ khảo là Nguyễn Quán, Hàn lâm viện trực học sĩ kiêm toản tu Quốc sử quán cũng từ Kinh ra. Vậy trong số mấy ông ngồi trên ghế cao lêu khêu hoặc ngồi ăn yến chắc là có hai ngài này...Có một ông diện mạo oai vệ, đầu chít khăn, phải chăng là Hoàng Cao Khải kinh lược Bắc Kỳ? Xin nhờ Sherlock An Nam nào điều tra hộ xem, bởi vì ở lễ xướng danh hai khoa thi Hương 1891 và 1894 trước đó đều có sự hiện diện của quan kinh lược họ Hoàng (xem ở phần sau), huống chi lần này lại có toàn quyền Doumer mới sang nhậm chức. Và nếu tiếp tục làm việc "nghiêm túc" thì cũng nên tra cứu thêm về hành trạng quan chủ khảo khóa Đinh Dậu 1897: *Đồng Sĩ Vịnh, Cụ là ai?* Hãy trả về cho César, à quên, cụ Đồng Sĩ Vịnh những gì của cụ, có phải không ạ?

Hương Khoa Lục ghi Đồng Sĩ Vịnh trúng cử nhân khoa Tự Đức Tân Dậu (1861) ở trường thi Thừa Thiên (do Phan Huy Vịnh làm chủ khảo), đỗ thứ 26 trong số 30 ông cống, nhưng không ghi lúc ấy ông bao nhiêu tuổi. Tra thêm *Quốc Triều Khoa Bảng Lục*, thì không thấy ông đỗ tiến sĩ hay phó bảng(5). Ông quê quán làng Mậu Tài, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên.

Sẵn có *Đại Nam Thực Lục*(6) đầy đủ 38 tập trong nhà, bèn mở ra xem có thêm dữ liệu gì không, thì được biết hoạn lộ của ông cũng ba chìm bảy nổi, tuy chưa phải lên voi xuống chó như Nguyễn Công Trứ. Năm Tự Đức thứ 27 (1874) Đồng Sĩ Vịnh giữ chức viên ngoại lang ở Cơ Mật viện bị giáng cấp vì việc chiếu chỉ ban hành bất cập (tên hoạn quan dính líu trong vụ này bị đánh 80 trượng!) Cũng năm ấy ông làm khoa đạo, đàn hặc sứ bộ Phan Sĩ Thực, sau 2 năm đi sứ ở nước Tàu trở về lại đi thẳng về nguyên quán chứ không vào Kinh chầu vua ngay. Năm 1876 Đồng Sĩ Vịnh làm bố chính Nam Định, thành bị quân Pháp đánh hạ, ông bị cách chức, phải phạt làm lính đi tiên phong để chuộc tội. Năm 1885 ông lại được triều đình cử làm tuần phủ Ninh Bình nhưng chẳng bao lâu bị quân Pháp bắt giam một thời gian. Về Kinh năm 1887 ông được cử làm phó quản đốc "thông bảo chuyên nha" phụ trách đúc tiền (Đồng Khánh Thông Bảo). *Đại Nam Thực Lục* tập cuối cùng chép đến 1888 là năm vua Đồng Khánh mất. Như ghi trong *Hương Khoa Lục*, với tư cách Lễ bộ Tham tri dưới đời Thành Thái ông được cử làm chủ khảo thi Hương trường Hà Nam năm 1897 (lúc này *trường Nam* (đã) *thi lẫn với trường Hà* - thơ Tú Xương - từ khoa 1886). Với cái đà này chắc ông phải

lên tới chức thượng thư trước khi về hưu chẳng chơi! Lục những cuốn "từ điển danh nhân" không thấy ghi chép gì về Đồng Sĩ Vịnh. Chỉ thấy trong *Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam* (7) có chép về ông Đồng Sĩ Bình (1904-1930) quán làng Mậu Tài, có hoạt động cách mạng (không nói rõ theo đảng phái hay khuynh hướng nào) và bị cầm tù, đày ải trong nhiều năm.

Họ Đồng Sĩ là một dòng họ lớn ở Thừa Thiên. Tôi nhớ hồi còn bé ở Huế có ông Đồng Sĩ Nga làm tỉnh trưởng vào khoảng 1950 là bạn của thân phụ tôi. Thế nào chẳng có thân thuộc dòng họ này lưu lạc sinh sống ở hải ngoại. Làng Mậu Tài thuộc huyện Phú Vang nằm gần thành phố Huế, tên làng đã đi vào tâm thức dân gian qua những câu ru hời đậm đà mà kẻ sinh đẻ ở Huế như tôi vẫn nhớ hoài:

Ru em cho théc cho muồi
Để mẹ đi chợ mua cau ăn trầu
Mua vôi chợ Quán chợ Cầu
Mua cau Nam Phổ mua trầu chợ Dinh
Chợ Dinh bán áo con trai
Triều Sơn bán nón Mậu Tài bán kim.

Giả sử vào một ngày đẹp trời ông (bà) khách (Việt kiều?) quay gót về thăm chốn Thần Kinh. Sau mấy màn tham quan lăng tẩm, "ngủ đò", bún bò, cơm hến, bia hơi, khách bắt đầu... chán, cảm thấy ngứa ngáy, định cất bước giang hồ đi nốt chặng đường đất nước, chợt nhớ cái "vấn nạn" thi cử năm xưa: *Đồng tiên sinh, cụ là ai?* Đất nước đổi mới, đi lại cũng dễ, khách bèn rời khách sạn (nhà nghỉ, nhà khách??), bỏ dăm ba đôn (euro còn ít người xài), mướn chiếc xe (ôm) phóng về làng Mậu Tài - không phải đi mua kim chỉ đâu nhá mà để làm một chút "điền dã". Vâng, tìm đến từ đường họ Đồng Sĩ, biết đâu trên bàn thờ lại chẳng có bức chân dung của cụ Đồng Sĩ Vịnh. Nhẩn nha đọc một vài câu đối (nếu biết chữ Hán!), ngắm bức hoành phi, hỏi chuyện với hậu duệ 3, 4 đời của cụ, tò mò xin cho xem cuốn gia phả, chắc là có vài dòng ghi lại chặng đường khảo quan của tiên sinh ở xứ Bắc kỳ Bảo hộ vào thời kỳ "quá độ tây-ta" thủa xa xưa ấy... Việc này thực hiện dễ như chơi, nếu... muốn.

3.

Gần đây có dịp về Việt Nam tôi thử làm một chuyến "giang hồ văn

hóa vặt", gọi là lần theo dấu chân của tiền nhân, để xem dấu vết còn lại có đúng như đã ghi trong hành trạng cụ cố tôi là Cao Xuân Dục khi ông làm việc ngoài Bắc. Tôi đã "khám phá" được gì? Có ông bạn (thông thạo chữ Hán là cái chắc rồi) chỉ cho tấm bia ở chùa Đồng Quang (Hà nội) cạnh gò Đống Đa, ghi lại việc tu sửa chùa này với sự góp sức của Cao Xuân Dục khi ông làm bố chính Hà nội (1886) cùng với tổng đốc Lê Đĩnh và khâm sai Nguyễn Trọng Hợp (8). Thời gian ông làm Sơn Hưng Tuyên tổng đốc còn để lại di tích ở chùa Thầy, và ở động Hoàng Xá hiện nay vẫn còn tượng Cao Xuân Dục được khắc ở vách. Trong *Long Cương Văn Tập* (9) lưu ở viện Hán Nôm (Hà nội) có ghi lại bài văn bia ông soạn nhân dịp trùng tu văn miếu ở Sơn Tây. Tôi chưa có dịp tìm xem và không rõ bia này có còn không.

Thời gian ông làm tổng đốc Nam Định-Ninh Bình (1896-1898) còn để lại khá nhiều vết tích: những bi ký do ông soạn trong dịp trùng tu các di tích lịch sử rải rác đó đây, như ở nền nhà Hưng Đạo Đại Vương (Tức Mặc), đền Không Lộ (nội thành Nam Định cũ).... Đặc biệt là văn bia do Cao Xuân Dục soạn năm Thành Thái thứ 13, 1901 (lúc này ông đã vào Huế làm việc ở Quốc Sử Quán) nhân dịp trùng tu xong Phủ Giầy Vân Cát ở ngoại thành Nam Định. Tên bia là "Thánh Mẫu Cổ Trạch" (nhà ở ngày xưa của Thánh Mẫu - Liễu Hạnh, CXTứ chú), "Linh Từ Bi Ký" (bia ghi chép về ngôi đền thiêng), nội dung cho biết: "Phủ Vân Cát ...dựng từ đời Lê Cảnh Trị (10) , đời Cảnh Thịnh (11) mở rộng ra, đến năm kỷ mão (1879) đời Tự Đức được sửa sang, lợp mái lại. Năm Thành Thái thứ 10 (1898) đền bị hư hại vì mưa gió, quan huyện hợp sức với quan tỉnh vận động quyên góp công đức, cùng với thân hào đứng ra tu sửa, đến năm Thành Thái thứ 12 (1900) thì xong..."

Văn bia này dựng ở Ngũ Vân Lâu phía trước Phủ Giầy, là một trong những địa điểm thờ Mẫu nổi tiếng ở miền Bắc (ngang hàng với Phủ Tây Hồ ở Hà nội, đền Sòng ở Thanh Hóa...) Qua bao lớp sóng phế hưng, cải cách ruộng đất, đấu tố, bom đạn...Phủ Giầy Vân Cát (Vân Cát nữ thần: mẫu Liễu Hạnh, *CXTứ chú*) vẫn còn đó, văn bia vẫn còn đây (mới 100 năm thôi mà!). Công trình kiến trúc hiện nay theo dạng trùng thiềm, hình chữ "quốc", là kiểu phổ biến đời Nguyễn. Ngày nay trong bầu không khí đổi mới, thời "nhang khói thị trường", vào dịp hội lễ hàng năm vào tháng Ba âm lịch, hàng ngàn người đổ xô về Phủ Giầy cầu xin lộc thánh (mẫu), chen lấn xem lên đồng, làm mồi rất ư là ngon cho... bọn móc túi!

Tôi đến đây một chiều đông giáp Tết, trời rét căm căm, thành ra không được thấy cảnh nhộn nhịp này, nhưng lại được thưởng thức mấy

quả chuối ngự mua ở cổng đền, đặc sản xứ Sơn Nam Hạ ("ăn chuối ngự, đọc thơ...Xương"), bé bằng ngón tay mà cực kỳ...ngon. Lác đác mấy bà sồn sồn phấn son lòe loẹt vào đền khấn vái (cầu tài? giấc mơ hồi xuân?) và một cặp còn trẻ dáng điệu ngơ ngác, hỏi ra thì họ đến đây để cầu tự.

Chẳng phải vì tình cờ mà bài thơ "Phủ Giầy" của tôi (*Hợp Lưu* số 65) có mấy câu:

...
tình đói ăn xin
mút mùa chiêm
từng bát từng bát
đong nỗi cô đơn vàng mã
em phủ phục
huyền thoại mẫu nào cụ thể hơn
giấc mơ phồn thực
và tôi chở khói hương
đi vào vận hội
...

4.

Có thể nói cuộc đời ngắn ngủi (37 năm) của nhà thơ Trần Tế Xương đã nổi trôi theo những mùa thi ở thành Nam, nơi ông sinh trưởng: ông đi thi những tám lần mà chỉ được mỗi một chân Tú tài. Những khoa thi này vẫn còn sống mãi trong tâm tưởng (một vài) chúng ta cũng nhờ những vần thơ trào lộng của ông.

Khóa thi Đinh Dậu 1897 thiên hạ nháo cả lên vì có tân toàn quyền Đông Dương Paul Doumer dùng đường thủy tới dự lễ xướng danh, nào lính nào tàu chiến hộ tống, đại bác bắn chỉ thiên ra oai, chả là lúc ấy dư luận xôn xao về vụ Kỳ Đồng khởi nghĩa. Ngoài Doumer còn có sự hiện diện của thống sứ Bắc Kỳ Fourrès và công sứ Nam Định Lenormand. Cái hoạt cảnh Tây Ta "giao lưu" được ghi lại thật sống động, như những hình ảnh của một bài phóng sự chớp nhoáng hay một cuốn phim thời sự đập ngay vào mắt:

Lọng cắm rợp trời quan sứ đến
Váy lê quét đất mụ đầm ra

Hoặc:

Trên ghế bà đầm ngoi đít vịt
Dưới sân ông cử ngoảnh đầu rồng.

Theo Nguyễn Văn Hoàn (12) thì ngay ở khoa Tân Mão (1891) đã có "Tây" về dự: thống sứ Bắc Kỳ Neyret đi cùng với kinh lược Hoàng Cao Khải. Nhà văn Nguyễn Tuân đã ghi lại lễ xướng danh khoa Giáp Ngọ (1894) là khóa Tú Xương đỗ tú tài, cũng có Tây đến "quậy". Với giọng khinh bạc thường lệ, chả cần tuân thủ một quy luật văn bản học nào hết, ông viết: (13)

"Ở một đống giấy lộn trong thúng một bà đồng nát bán rong sách báo Tây cũ làm giấy gói hàng ở dọc phố Lãn Ông Hà Nội, thấy có những tờ rời nói về khoa thi hương Giáp Ngọ (1894) ông Xương đỗ tú tài rằng:

"Trường thi Nam Định năm 1894 đông như kiến cỏ...Kỳ đệ nhất vào ngày 25-10-1984, kỳ đệ nhị ngày 15-11. Kỳ đệ tam 25-11. Vào kỳ phúc hạch đệ tứ là ngày 2-12-1984. Ngày 8-12-1894 là lễ xướng danh những người đỗ. Tiếng loa ran lên, ồm ồm lanh lảnh. Tiếng í ới gọi nhau lạc đường của các thầy khóa, của tiểu đồng lão bộc quản gian nhổ lều đội chõng ra về. Đám đông lên tới hai mươi nhăm ngàn người. Lễ xướng danh từ sớm cho đến chiều. Quan toàn quyền (De Lanessan, CXTứ chú) bận không đến, có quan cai trị (thống sứ) Moren thay mặt...Xướng xong tên 60 cử nhân tân khoa thì quan Moren về. Các ông tân khoa phục lạy. Ở tỉnh đường quan tổng đốc, quan kinh lược Bắc Kỳ (Hoàng Cao Khải, CXTứ chú) ban mũ, ban áo tấc xanh, ban ô, ban tráp sơn nó là những huân hiệu cụ thể của người men chân lên cái thang hoạn lộ...Ngày yết bảng ấy được kết thúc nhốn nháo la đà ở toà sứ Nam Định bằng một tiệc rượu, nhảy đầm có mặt đủ các thứ tai họng tai mũi thực dân nứt mắt cũng như xồm xoàm (...)

Tú Xương đỗ tú tài thiêm thủ (lấy thêm) khoa Giáp Ngọ 1894 do Cao Xuân Dục làm chủ khảo. Chỉ có một lần nhà thơ nhắc đến "thượng Cao" trong bài tứ tuyệt:

Này này hương thí đỗ khoa nào
Nhân hậu thay lòng quan thượng Cao
Người ta thi chữ ông thi phúc
Dù được dù không cũng muốn vào (14)

Đối tượng "ông" ở đây được hiểu khác nhau. Lãng Nhân Phùng Tất Đắc (nhà báo lão thành gốc Nam Định) cho rằng đây là nói về một vị họ Từ, "quan thượng Cao Xuân Dục làm chủ khảo thi Hương đã rộng rãi

cho ông đỗ, nay ông thi tiến sĩ nữa thì ra ông thi bằng phúc ấm tổ tiên..." Ông này vào kinh đỗ luôn tiến sĩ, sau lần lượt làm tri phủ (Xuân Trường), đốc học (Nam Định), tuần phủ (Ninh Bình) (15).... Tựa đề mỗi người đặt một cách: "Thi Phúc" (Nguyễn Văn Huyền *et al*), "Gửi bạn đi thi" (Sở Cuồng Lê Dư), "Gửi bạn thi đỗ" (Vũ Đăng Văn; Hoàng ngọc Phách, Lê Thước & Đỗ Đức Hiểu) (16)

Thượng (17) Cao là "Cao Xuân Dục, một vị chánh chủ khảo hồi bấy giờ được sĩ tử ca ngợi là nhân hậu" (theo Nguyễn Văn Hoàn) (18). Nguyễn văn Huyền *et al* ghi: "từng làm tổng đốc Nam Định, thượng thư bộ học. Khoa thi hương này ông được cử làm chánh chủ khảo, có tiếng là nhân hậu, chấm nới tay."

Chắc Tú Xương cũng có thiện cảm đối với chủ khảo khoa thi đã chấm cho mình đỗ lần đầu (và cũng là lần cuối) trong cái nghiệp lều chõng, dù chỉ đỗ tú tài vớt. Nhân hậu là phải. Ai chả biết nhà thơ đã không tiếc lời đả kích các học quan, khảo quan mà ông cho là "xí trai", dốt hoặc tham nhũng.(19)

Ở phố hàng Song thật lắm quan
Thành thì đen kịt, đốc thì lang

Thành là quan giữ thành tên là Pháo. Đốc là quan đốc học tên Kinh (hay Uông?), ông này da mặt loang lổ (dân Huế gọi là bị "lác").

Dù bản thân là tay chơi có hạng ("bài bạc kiệu cờ cao nhất xứ", "cao lâu ăn quỵt/ thổ đĩ chơi lường" "ăn chơi liều lĩnh, tứ đốm tam khoanh"), ông lại căm ghét hạng học quan ham vui cờ bạc:

Ông về đốc học đã bao lâu
Cờ bạc rong chơi rặt một màu

Và dù tự trào đi thi "sờ bụng không một chữ gì", ông chê một khảo quan gốc gác tỉnh nhà gia đình vốn làm nghề bán thuốc bắc:

Sơ khảo khoa này bác cử Nhu
Thực là vừa dốt lại vừa ngu...

Một ông buôn sắt giả danh thầy đồ bị nhà thơ giễu tơi bời:

Hỏi thăm quê quán ở nơi mô
Không học mà sao cũng gọi đồ

...
Hỏi mãi mới ra thằng bán sắt
Mũi nó gồ gồ, trán nó giô.

Một ông huyện được cử phụ trách việc trường quy ở kỳ khảo (thi thử) cho thí sinh sắp đi thi Hương, dốt quá đến nỗi có chuyện tráo bài mà không hay:(20)

Thánh cắt ông vào chủ việc thi
Đêm ngày coi sóc chốn trường quy
Chẳng hay gian dối vì đâu vậy?
Bá ngọ thằng ông biết chữ gì!

Có bản chép "đù mẹ" thay vì "bá ngọ" (tiếng nhà chùa).

Khoa Canh Tý (1900) Tú Xương lại hỏng. Kỳ này có hai tay hay chữ là Vũ Tuân và Lê Sĩ Nghị tranh nhau ghế khôi nguyên:

Hai đứa tranh nhau cái thủ khoa
Tuân khoe văn hoạt, Nghị văn già

Vũ Tuân đỗ giải nguyên, năm sau vào kinh lại đỗ phó bảng. Khoa thi hội Tân Sửu (1901) này do Cao Xuân Dục làm chủ khảo. Cái tiếng "nhân hậu" của ông được biểu hiện một lần nữa khi ông "vớt" thêm bốn người cho vào thi Đình trong đó có Nguyễn Sinh Huy là thân phụ Hồ Chí Minh. Ông còn xin vua (Thành Thái) cho những người đỗ phó bảng như các ông Tuân, Huy (trước tên là Sắc) và Phan Chu Trinh cũng được ban áo mão, cấp ngựa trạm vinh quy bái tổ. Đây là một tiền lệ trong chế độ khoa cử triều Nguyễn (21).

Còn Lê Sĩ Nghị á nguyên sau này không đỗ đại khoa, mặc dù tăm tiếng ông đã nổi như cồn từ sáu năm trước. Lãng Nhân viết (22):

"(...) Năm Giáp ngọ (1894) mới 17 tuổi, đã về thi hương tỉnh Nam Định. Sĩ tử nghe tiếng ông đều lấy làm ngại. Kỳ đệ nhất ông làm tới bảy bài kinh nghĩa. Lệ thi hương chỉ bắt buộc có 2 bài, một bài kinh làm theo điển cố Ngũ Kinh, một bài truyện lấy Tứ Thư làm tài liệu, ông đã làm tất cả 5 bài kinh và 2 bài truyện, bảy bài đều được phê ưu, thật là một kỷ lục. Nhưng sau xét lại một bài truyện, đầu bài là: Đạo chi tương hành dã dư (đạo của ta nếu gặp lúc được thi hành) lấy chữ Luận ngữ, ông chép đầu bài vô ý bỏ mất chữ dã. Như thế là phạm trường quy, dẫu văn hay

đến đâu cũng phải ra bảng con, nghĩa là hỏng.

"Song quan trường có ý tiếc tài. Ngày ra bảng kỳ đệ nhị, chánh chủ khảo Cao Xuân Dục cho loa gọi ở cửa trường: thí sinh Lê sĩ Nghị ở Hưng Yên, vào cho quan trường hỏi. Ông vào thì chủ khảo phàn nàn cho ông bị hỏng, ủy lạo và tặng ông bài thơ:

Vũ trụ vô hoàn cục
Giang sơn tái tú linh
Kim quân di nhất dã
Ngô đạo kỳ chung thành

"(Trong vũ trụ không có cuộc nào hoàn toàn/ non sông ta vẫn còn linh khí/nay phải bỏ sót ông là một vậy/đạo ta mong có lúc được thịnh hành)

"Bài thơ có ý dụng tâm, câu thứ nhất thứ hai rút ở chính bài kinh nghĩa của họ Lê làm:

Vũ trụ hoàn toàn chi cục
Giang sơn bằng tái tú chi linh

"Câu thứ ba: tiếc ông là bậc nhân tài bị rớt lại và ngụ ý đầu bài ông bỏ sót chữ dã.

"Câu thứ tư: mong ông sau này thành đạt.

"Thi hỏng ông trở về cố gắng học thêm. Đến khoa Đinh Dậu (1897) lại hỏng. Cách ba năm sau, khoa Canh tý (1900) đỗ á nguyên (...)

Lãng Nhân Phùng Tất Đắc là nhà báo kỳ cựu ở Bắc kỳ, thông thạo tiếng Pháp lẫn chữ Hán. Ông là người đã chỉnh lại họ tên chính thức của Tú Xương là Trần *Tế* Xương (chứ không phải *Kế*) trên báo Đông Tây năm 1932 (23). Di cư vào Nam ông nổi tiếng với Kim Lai Ấn Quán và Nam Chi Tùng Thư, in ấn đẹp (nhất?) Sài Thành một thời. Sau 1975 ông sang tị nạn ở Anh. Bài viết trong Giai Thoại Làng Nho (in lần đầu năm 1966) không biết trước đấy đã đăng ở báo nào chưa, nhưng những chi tiết về Lê Sĩ Nghị, các khoa thi, chủ khảo...khi đối chiếu đều đúng rập theo nguồn tư liệu "gốc" cũng như qua thơ Tú Xương. Thế thì nội dung cụ thể các bài thi, ngay cả đầu đề ở khoa thi Giáp Ngọ 1894, về trao đổi giữa chủ khảo Cao Xuân Dục và thí sinh Lê Sĩ Nghị, Lãng Nhân lấy từ đâu ra nhất là bài thơ đầy ý nhị: *vũ trụ vô hoàn cục?*

Trong dịp về Việt Nam gần đây, tôi được biết ở viện Nghiên Cứu Hán Nôm còn một số sách tựa đề *Hà Nam Hương Thí Văn Tuyển*. Đây là

những tuyển tập nhiều bài kinh nghĩa, văn sách, thơ phú chọn lựa trong các kỳ thi Hương của trường Hà Nam được in ra thành sách, liên quan đến các khoa thi Giáp ngọ (1894), Đinh Dậu (1897) Canh Tý (1900), Canh Tuất (1909) và một cuốn chép tay về khoa thi Bính Tuất (1886). (24) Trong *Long Cương Văn Tập* (25) có một bài sớ của Cao Xuân Dục tâu vua xin cho khắc in những bài văn làm trong các khoa thi, như vậy việc cho in các tập văn tuyển về các kỳ thi này là do ông khởi xướng. Tôi chưa có dịp khảo chứng ngọn ngành về cuộc trao đổi giữa Cao Xuân Dục và Lê Sĩ Nghị như Lãng Nhân ghi lại, nhưng cũng đoán là từ *Hà Nam Hương Thí Văn Tuyển* mà ra. Đây là nguồn tư liệu phong phú cho những ai muốn đào sâu vào nội dung đề tài khoa cử vào những năm đầu thời kỳ thuộc Pháp.

5.

Nam Định, ngày cuối đông...Buổi sáng mờ sương, lạnh buốt, tôi rời nhà khách đi lang thang. Vào quán cóc mần một bát cháo lòng cho ấm dạ. Hỏi mãi không tìm đâu ra quán cà phê nhâm nhi một cái "phin" cho tỉnh người, cùng lắm nước sôi cà phê bột cũng cam. Thoáng nhớ Tú Xương chỉ thích "một trà một rượu một đàn bà", biết đâu dân Nam Định theo gương ông không xài cà phê. Rượu, đàn bà thì sớm quá, mới tám giờ sáng. Lại không quen cái tật "chén trà trong sương sớm" của Nguyễn Tuân. Đi bộ hơn cây số thì đến bờ hồ. Dưới vòm cây rậm rạp hiện ra một quán lợp lá quảng cáo các món nhậu. Ngoài hiên là mấy cái bàn ghế plastic thấp lè tè. May quá ở đây có cà phê, lại "phin". Ông chủ ngồi chồm hổm nhổ lông con ngan vừa cắt tiết xong, đựng trong một cái chậu. Lạnh thế này mà chỉ mặc độc cái mai-ô. Có tiếng cười khúc khích. Phóng mắt nhìn quanh. Một cặp trai gái đang đú đởn trên chiếc võng mắc ở góc sân, cạnh chiếc xe máy hiệu Dream mới toanh. Nhìn chiếc giày cô gái gót cỡ một tấc nằm chỏng gọng trên cỏ, đầu tôi bỗng vang lên *chí cha chí chát khua giày dép, đen thủi...* Cô chủ bưng cà phê tới, mắt đá lông nheo: "Anh hai đi chơi đâu sớm thế!" Ôi quê hương Tú Xương! Sinh hoạt thị dân thành Nam một thế kỷ sau, bước vào thiên niên kỷ mới, vận hội mới, bụi ơi là bụi. Tự hỏi phố hàng Thao ông chơi ả đào ngày xưa bây giờ nằm đâu. Gì chứ hát caraôkê thì ngõ ngách nào mà chẳng có. Định chiều nay tìm đến phố hàng Nâu (bây giờ là phố Minh Khai) đến thăm nhà cũ cụ Tú. Quay mặt nhìn ra hồ. Một vài sợi nắng thoi thóp. Nước Vị Hoàng có thời đã liếm láp bờ cỏ này? Trường thi Mỹ Lộc thủa trước bây giờ ở đâu? Chợt nhớ đêm qua ông bạn đọc

cho câu thơ Nguyễn Bính: *lỡ duyên búi tóc củ hành, trường thi Nam Định biến thành trường bay*...Úi cha!

Lần bước đến viếng mộ nhà thơ nằm cạnh hồ. Mộ làm bằng đá xây hình chữ nhật, khá bề thế, xung quanh hoa cỏ tươi mát. Sáng nay chỉ có mỗi mình tôi. Tấm bia cẩm thạch mầu xanh lục sáng loáng, một mặt khắc hai câu trong bài thơ cảm hoài:

Vẳng nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò

Mặt kia ghi lại hai câu Yên Đổ phúng Tú Xương:

Này ai chín suối Xương không nát
Có lẽ nghìn thu tiếng vẫn còn

Lãng Nhân ghi "*miệng* vẫn còn". Vâng, lại vấn đề văn bản học. *Tiếng* thì tốt mà *miệng* lại độc. Bia miệng mà. Miệng thì cần gì văn bản chính xác. Cứ nhớ mà chép ra. Thơ Tú Xương cũng thế, không còn bản gốc, dù chỉ mới trăm năm ("trong cõi người ta"). Tam sao thì thất bản. Sàng lọc "nghiêm túc" còn được hơn trăm bài. Theo phương pháp sờ ngọn tìm gốc. Mở cuốn sách *Tú Xương: Tác phẩm - Giai thoại* (26) in năm 1986 đã long gáy ông bạn biếu làm quà, ở ngay trang đầu phần giới thiệu Nguyễn Đình Chú trích hai câu *Này ai chín suối*...Nhưng ông giáo sư lại "bật mí": "...gần đây đã có người cải chính rằng đó là hai câu đối ở cột lăng của Đoàn Triển (27) tại làng Hữu Thanh Oai, nhưng từ lâu nhiều người vẫn tin là của Nguyễn Khuyến viếng Tú Xương. Sự lầm lẫn này nếu đúng là lầm lẫn, thì cũng đã dựa trên một điều *rất đáng có, rất muốn có*" (chữ nghiêng của tôi).

Vâng, dù gì cũng đã khắc vào bia rồi. Tam nguyên Yên Đổ viếng ông Tú Vị Xuyên hai câu để đời. Ông nghè hiển đạt nửa đường từ quan về già ngả nón chào ông tú một đời lận đận chết yểu. Giao tình giữa hai đại thụ thơ quốc âm cuối thế kỷ 19, mỗi người một vẻ "rất đáng có". Cái bốp chác thị thành và cái yên ắng nông thôn, yin yang hài hoà, hai mặt của cùng một cái mề đai văn chương, thật là "rất muốn có" cho một chặng đường văn học chính thống đang độ chuyển mùa sang thế hệ Tản Đà. Sờ ngọn tìm gốc làm chi cho mệt. Truyền thống phải thế. Có gắp nhầm chút xương cũng chẳng sao, bởi vì máu thịt thì đã ngấm vào mạch thơ dân tộc rồi...Biện chứng là phải thế...

Cũng may là mình mù Hán tịt Nôm. *Amsterdam tháng 8. 2002*

CHÚ THÍCH

(1) Quốc Triều Hương Khoa Lục, tác giả Cao Xuân Dục; Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Thị Lâm dịch, Cao Tự Thanh hiệu đính và giới thiệu, NXB TPHCM, 1993. Phần tiểu sử tác giả dựa trên tài liệu (chữ Hán) An Xuân Nam Cao Xuân Dục lý lịch (còn lưu lại ở Viện Nghiên Cứu Hán Nôm) và bài "Notices nécrologiques S.Ẹ Cao Xuan Duc" của Charles Patris (Bulletin des Amis du Vieux Hue, 1923). Thực ra lúc mới về Huế năm 1898 ông chỉ làm phó tổng tài quốc sử quán, đến 1903 mới chính thức giữ chức tổng tài.

(2) Lúc còn ở Saigon tôi đã được xem một số ảnh Cao Xuân Dục ở nhà bà cô là Cao Ngọc Anh (1877-1970), và tại nhà một số họ hàng như các anh Cao Xuân Thiệu (đã mất), Cao Xuân Vỹ (hiện ở Mỹ), khi thì ông mặc triều phục, khi áo the, lúc mũ cánh chuồn, lúc khăn đóng. Có điều làm tôi chú ý nhất là bộ râu thật đẹp, thật sum suê của ông chẳng thua gì "Tây", hơn xa các vị đồng liêu trong phủ phụ chính chụp chung trong một tấm ảnh đầu đời Duy Tân (cố ngoại tôi là Tôn Thất Hân râu cũng vào hạng khá, ông Nguyễn Hữu Bài rõ ràng "no hair", có lẽ ông không (để?) râu). Sau này Bác sĩ Cao Xuân Cẩm (1906-198?) sinh thời ở Paris lúc xem cuốn sách của Daney có chỉ cho tôi cái ảnh Cao Xuân Dục đứng một mình (lúc ông mới ngoài ngũ tuần) và đề nghị nên chụp lại, in ra nhiều tấm để phát cho bà con. Trong bài của Charles Patris cũng có in lại một số ảnh Cao Xuân Dục ở nhiều thời điểm khác nhau.

(3) Nhân vật trong truyện trinh thám của Thế Lữ

(4) Nhân vật trong truyện trinh thám của Sir Arthur Conan Doyle

(5) *Quốc Triều Khoa Bảng Lục* của Cao Xuân Dục, Trúc Viên Lê Mạnh Liêu dịch, Nguyễn Đăng Na hiệu đónh, NXB Văn Học, Hanoi 2001. Cuốn này trước đây dưới tựa đề *Quốc Triều Đăng Khoa Lục* đã được Trung Tâm Học liệu Bộ Văn Hóa Giáo Dục & Thanh Niên in lần đầu 1962, tái bản 1972 tại Saigon.

(6) Đại Nam Thực Lục Chính Biên, từ quyển 33 đến 38, Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Bản dịch Viện Sử Học, NXBKHXH, Hanoi 1975, 1976, 1977

(7) *Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam* của Nguyển Q.Thắng & Nguyễn Bá THế, NXBKHXH, Hà nội 1992

(8) Về sau Cao Xuân Dục và Nguyễn Trọng Hợp trở thành thông gia: bà Cao Ngọc Anh (tên thật Cao Thị Hoà) là kế thất của án sát Nguyễn Duy Nhiếp và là kế mẫu của tiến sĩ Hán học Nguyễn Sĩ Giác có thời giảng dạy ở Đại học văn khoa Sài gòn). Về tiểu truyện Cao Ngọc Anh, xin xem "Giai Thoại Làng Nho Toàn Tập" của Lãng Nhân , Nam Chi Tùng Thư, Saigon, 1966.

(9) Sách chữ Hán. Ký hiệu VHv. 1573h Viện Hán Nôm (Hà Nội), gồm các bài biểu, sớ, tựa sách, văn tế, văn bia... của Cao Xuân Dục.

(10) Lê Huyền Tông (1663-1671)

(11) Vua Cảnh Thịnh (Nguyễn Quang Toản) nhà Tây Sơn (1793-1800)

(12) *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam - giai đoạn nửa cuối thế kỷ 19*, NXB Văn Học Hànội, 1964, in lại trong *Trần Tế Xương, về Tác Gia và Tác Phẩm*, NXB Giáo Dục, Hà Nội 2001.

(13) Thời và Thơ Tú Xương, tạp chí Văn Nghệ, 5-1961, in lại trong *Trần*

Tế Xương, về Tác Gia và Tác Phẩm, SĐD.

(14) Đây là theo Lãng Nhân. Các bản khác chép :"Dù dở dù hay ông cũng vào".

(15) *Chơi Chữ*, tái bản ở Mỹ, Zieleks Co, Houston, Texas, 1978

(16) Xem *Tú Xương: Tác phẩm-Giai thoại*, Nguyễn văn Huyền chủ biên, Đỗ Huy Vinh và Mai Anh Tuấn sưu tầm và khảo dị văn bản, Nguyễn Đình Chú giới thiệu. Hội Văn học Nghệ Thuật Hà Nam Ninh, 1986

(17) Gọi "thượng" là vì tổng đốc ngang với hàm thượng thư (chánh nhị phẩm dưới triều Nguyễn bắt đầu đời Minh Mệnh, theo *Việt nam sử lược* của Trần Trọng Kim). Mãi đến 1907 Cao Xuân Dục mới được cử làm thượng thư bộ học.

(18) Xem chú thích 11, SĐD

(19) Về những câu thơ trích và chú giải kèm theo, chủ yếu tôi dựa theo cuốn *Tú Xương: Tác phẩm - Giai Thoại* (SĐD) mà văn bản, theo Đoàn Hồng Nguyên trong kỷ yếu Trường ĐHSP TPHCM 1999, là đáng tin cậy hơn cả.

(20) Tú Mỡ: *Tính chất trào lộng trong thơ Tú Xương*, Tạp chí Văn Học, Hà nội số 11, 1969, trích trong *Tú Xương: Tác phẩm - Giai thoại*, SĐD

(21) *Quốc Triều Khoa Bảng Lục*, SĐD. Về chút ơn thừa vua ban ngày tàn dư của nền Hán học, người con cả của ông là Cao Xuân Tiếu (1865-1939) đỗ phó bảng khoa Ất mùi (1895) sáu năm trước không được hưởng. Sau này hai con rể ông là Lê Xuân Mai (1874-1945) và Hoàng Tăng Bí (1881-1939) cùng đỗ phó bảng khoa Canh Tuất (1910) được hưởng vinh dự này. Người con rể đầu là Đặng Văn Thụy đỗ hoàng giáp đình nguyên khóa Giáp Thìn (1904) đương nhiên được hưởng quy chế vinh quy bái tổ. Những chi tiết này được chép theo gia phả.

(22) *Giai Thoại Làng Nho*, SĐD

(23) Theo Vũ Đăng Văn trong *Thân Thế và thơ văn Tú Xương*, Cây Thông. Hà Nội 1951, trích trong *Tú Xương: Tác phẩm và Giai thoại*, SĐD trang 49.

(24) Ký hiệu ở thư viện Viện Hán Nôm: VHv 323 Khoa Bính Tuất (1886) bản viết tay; VHv 1125 Khoa Giáp ngọ (1894) bản in; VHv 656 khoa Đinh Dậu (1897) bản in; VHv 658 khoa Canh Tí (1900) bản in; VHv 1632, VHv 2607 và A 3014 khoa Quí Mão (1903) là 3 bản in dày mỏng khác nhau của Gia liễu Đường. Trong một vài cuốn còn có thêm phần phụ lục về một số bài văn chọn lọc ở các khoa thi hội và thi đình, ví dụ VHv 658 khoa Canh Tí (1900) có thêm hội thi văn tuyển khoa Tân Sửu (1901) v.v... Nhân đây tôi xin cảm ơn cô Nguyễn Thu Hương ở Khoa Sử trường Đại Học KHXH và Nhân Văn Hà Nội đã vào viện Hán Nôm thu thập giùm những thông tin này, đồng thời ghi chép và dịch hộ bài văn bia ở Phủ Giầy Vân Cát (Nam Định).

(25) Xem chú thích 9, SĐD

(26) Theo Nguyễn Đình Chú: Đoàn Triển 1854-1919), hiệu Mai Viên, quê làng Hữu Thanh Oai. đậu cử nhân, làm quan đến hàm hiệp biện đại học sĩ, có trước tác. Theo *Hương Khoa Lục* ông đỗ cử nhân năm 1886 trường Hà Nam-Ninh Bình, có lần làm viên ngoại lang ở nha kinh lược Bắc Kỳ, gia đình đỗ đạt nhiều.

Có lần như đã tình nhân nhau

NGÔ NGUYÊN DŨNG

đêm hạ chí - bỗng - sao rơi tràn khe mộng
mèo hoang sửng tiếng khàn khạt lay
chân về cửa tối chưa ai khép
giày khuya hiên chếch một chiếc - đâu?

trà chiều nửa tách viền môi lạnh
vụn bánh rơi khắc khoải lưng bàn cong
dấu son trách cứ hoen thơ nhạt
soi gương sách mở - đèn ngọn trông

tóc đọng hương thơn - mươn mướt gáy - anh cúi mặt
giọng cười cổ rướn - trong trẻo nhạc phong linh
dưng không trở gió, giơ sào khều sao rụng
ngời sân thổn thức lệ thuỷ tinh

ngước nhìn dấu tích nhoà hư ảnh
dép quên mang - sương cứa - vết thương ơi!
dang tay gom lại ân tình mỏng
chỗ về phiêu giạt còn ấm cha

Amsterdam phố chật khung kính vỡ
đàn ai rưng phím khúc chia lìa
ngoài kia tháng tám hoa đăng hội
bóng anh - du mộng - loe bóng ngọn pháo bông

kẻ làm xiếc giữa đời hư thực
mắt khép, ngực trần, khói suối nhà ai sợi ngẩn ngơ
mùa chưa cạn, tình ơi, đừng xa vội
tro than năm trước còn ấm hơi

vén rèm trông xuống, người tan khuất
đèn vàng khoảnh hắt vạt phất phơ
tay che diêm bật xoè khuôn mặt
gió xua bạt tiếng - một lần thôi - rồi ly biệt không ngờ

vai sương đẫm giấc đời chưa khoá
gạch ngói còn đắm đuối giấc mơ câm
vẫn sáng - phương này - long lanh chòm sao ấy
dẫu thiên tai, khánh tận, những thăng trầm

say mộng đêm nay anh tìm lại
có lần như đã tình nhân nhau
đừng gọi tên, đừng khơi thức, cũng đừng dập xoá
lệ thuỷ tình còn ôm ỉ một nhói đau

Tiêu-Hồng: nhà văn nữ bất hạnh

Tạ-quốc-Tuấn

Tiêu-Hồng (còn có hai bút hiệu khác nữa là Thiểu-Ngâm và Điền-Đệ), tác giả của nhiều tác phẩm tiểu thuyết, tản văn và thơ, là một người bất hạnh từ lúc ra chào đời cho đến khi nhắm mắt xuôi tay: bị hầu hết mọi người trong gia đình ngược đãi, suốt đời sống lang thang, nghèo khổ bên lề xã hội, nạn nhân của một xã hội bất ổn định và nhất là của những người đàn ông trong đời, ba lần bị đàn ông bỏ rơi trong lúc hoạn nạn, và cuối cùng cũng chết bởi tay một người đàn ông khác.

Tiêu-Hồng, tên thật là Trương Nãi-oánh và nhũ danh là Vinh-hoa, sinh ngày 1.6.1911 (có tài liệu chép là ngày 2.6.1911), bốn tháng trước cuộc Cách Mệnh Tân-hợi (10.10.1911) lật đổ nhà Thanh (1644-1911) và chấm dứt chế độ quân chủ.

Nữ văn sĩ là con đầu lòng của một gia đình địa chủ giàu có ở ngoại ô huyện Hô-lan, cách thành phố Ha-nhĩ-tân (còn đọc là Háp-nhĩ-tân, Cáp-nhĩ-tân, Ngợp-nhĩ-tân, Sáp-nhĩ-tân) khoảng 30 cây số về phía đông-bắc, thuộc Tế-tế-ha-nhĩ, tức tỉnh Hắc-long-giang ngày nay.

Điểm đáng nói là các tài liệu chỉ viết về cuộc đời của Tiêu-Hồng từ lúc ra chào đời đến năm 10 tuổi và từ năm 18 tuổi đến khi chết năm 31 tuổi thôi; còn cuộc sống của Tiêu-Hồng trong những năm 11-18 tuổi ngay chính nữ văn sĩ cũng không bao giờ viết hay kể cho ai hay, vì vậy chúng ta không biết được những gì đã xảy ra cho nữ văn sĩ trong thời gian 7 năm đó.

Tiêu-Hồng đã bị bất hạnh ngay từ thời thơ ấu, vì thế những gì đã xảy cho nữ văn sĩ trong thời gian này, nhất là tình cha con, tình gia đình, đã để lại một dấu ấn sâu sắc khó quên trong lòngTiêu-Hồng mà nữ văn sĩ sau này đã trải trên hàng trăm trang giấy trong nhiều tác phẩm của mình.

Cha của Tiêu-Hồng là người hết sức độc đoán, cay nghiệt, bủn xỉn, keo kiệt, hách dịch và ương ngạnh. Sau này trong quyển tiểu thuyết tự truyện Hô-lan Hà Truyện nữ văn sĩ đã kể rằng ông "bị lòng tham che mất tình người. *Trong cách đối xử với kẻ ăn người ở, với chúng tôi con cái và ngay cả với ông nội chúng tôi, ông vừa độc ác vừa xa cách.*"

Mẹ của Tiêu-Hồng cũng không khác gì. Trong truyện Gia Tộc Dĩ Ngoại Đích Nhân, nữ văn sĩ kể rằng bà rất sợ mẹ. Bà thường bị mẹ đánh chửi và có khi còn bị ném đá nữa. Theo lời Tiêu-Hồng, mẹ bà là người "mặt mày dữ tợn, nói năng thô tục."

Mẹ Tiêu-Hồng chết năm Tiêu-Hồng mới lên 9. Từ đó cha Tiêu-Hồng lại càng thêm quá đáng, chửi mắng mọi người luôn mồm và hay cãi lại cha của ông. Sau ông lấy vợ khác và bà mẹ kế này cũng hành hạ Tiêu-Hồng đủ điều.

Ngoài ra, khi Tiêu-Hồng mới 3, 4 tuổi thì mẹ bà sinh một người con trai. Vì thế cha Tiêu-Hồng đã dồn hết tình thương vào người đích tử này và bỏ rơi Tiêu-Hồng luôn. Tiêu-Hồng thường bị cha đánh đập, khiến cho mỗi khi đi qua trước mặt cha, Tiêu-Hồng sợ đến nổi gai ốc khắp người. Mỗi khi bị như vậy, Tiêu-Hồng chỉ còn cách chạy trốn vào buồng ông nội tránh.

Quan hệ cha con giữa Tiêu-Hồng và cha đã tạo nên nỗi cay đắng mà sau này nữ văn sĩ đã kể lại trong một số tác phẩm của mình và đồng thời cũng là nguyên nhân khiến Tiêu-Hồng chống đối thái độ trọng nam khinh nữ và chế độ hôn nhân do cha mẹ áp đặt của xã hội cổ truyền Trung-quốc.

Bà nội của Tiêu-Hồng không khác con trai chút nào. Trước khi bà chết, năm Tiêu-Hồng mới lên 6, bà không đối xử tử tế với Tiêu-Hồng chút nào. Tiêu-Hồng thường bị bà "lấy kim đâm ngón tay" (Hô-lan Hà Truyện). Ngay cả ông nội của Tiêu-Hồng cũng bị bà quát mắng, cho là con người vô dụng, chẳng chịu làm gì, mà có trao cho làm việc gì cũng làm không nên thân, đến cả lau chùi mấy miếng đồ đồng gắn trên cỗ quan tài của bà cũng không được như ý bà. Hơn nữa, mỗi lần ông nội bị bà la mắng thì Tiêu-Hồng cũng bị la mắng lây.

Ông nội là người duy nhất trong nhà thương yêu Tiêu-Hồng. Trong Hô-lan Hà Truyện cũng như trong một vài bài tản văn khác, Tiêu-Hồng viết về ông nội với tất cả tấm lòng thương yêu nồng nàn, kính mến vô cùng. Chẳng những ông đã đặt hết cả tình thương yêu lên đứa cháu gái độc nhất này mà còn nuôi dưỡng trong lòng Tiêu-Hồng tình nhân loại, lòng yêu mến thiên nhiên, quí trọng chân, thiện và nhất là mỹ. Tiêu-Hồng kể lại rằng ông nội là người duy nhất trong gia đình chống đối

những bất công xã hội mà lắm khi Tiêu-Hồng thấy khó hiểu và kinh sợ. Ông cũng là người đã dạy Tiêu-Hồng học nữa.

Tình ông cháu này đã ảnh hưởng rất nhiều suốt đời Tiêu-Hồng và nhất là những kỷ niệm về ông đã đem lại đôi chút vui vẻ cho Tiêu-Hồng trong những năm cuối cùng cuộc đời nữ văn sĩ. Tuy ông chết lúc Tiêu-Hồng mới ở tuổi đôi tám, nhưng nữ văn sĩ không bao giờ quên ông và những ngày được sống bên ông.

Vì bị bạc đãi, hành hạ trong gia đình nên từ năm 20 tuổi Tiêu-Hồng đã thoát ly gia đình (sẽ đề cập tới trong một đoạn sau), sống lang thang đây đó và dù có đói có khát cũng nhất định không bao giờ quay trở về nhà nữa. Sự căm ghét gia đình của Tiêu-Hồng còn được bộc lộ một lần trong lúc nữ văn sĩ chịu biết bao nhiêu đau khổ và túng quẫn, Tiêu-Hồng đã tình cờ gặp người em trai ở Ha-nhĩ-tân và khi người em năn nỉ chị về nhà, Tiêu-Hồng đã tức giận nói: "Chị không thể về nhà đó. *Chị không muốn được một người cha đối nghịch với chị nuôi nấng.*"

Năm 1920, Tiêu-Hồng theo học lớp 1 sơ tiểu ở trường Ất Chủng Nông Nghiệp Tiểu Học (nay đổi tên là Tiêu-Hồng Tiểu Học) ở thành Nam trấn Hô-lan. Năm năm sau, Tiêu-Hồng chuyển sang học tại Khuyến Học Tiểu Học Hiệu (sau đổi tên là Huyện Lập Đệ Nhất Nữ Tử Sơ Cao Lưỡng Cấp Tiểu Học Hiệu) cũng ở cửa nam huyện để học cao tiểu và tốt nghiệp cao tiểu năm 1926. Năm sau, Tiêu-Hồng thi vào trường Khu Lập Đệ Nhất Nữ Tử Trung Học Hiệu (thường gọi tắt là Đệ Nhất Nữ Trung, và nay gọi là Ha-nhĩ-tân Đệ Thất Trung Học Hiệu) ở Đặc Biệt Khu ở đông Ha-nhĩ-tân.

Đệ Nhất Nữ Trung có tiếng là một trường trung học bảo thủ dành cho con gái những danh gia, thế gia, đúng là một trường lý tưởng cho phụ thân Tiêu-Hồng gửi con học. Tuy nhiên, vì lúc đó Trung-quốc đang ở trong thời kỳ sôi động về tình hình chính trị và những cải cách văn hóa phát xuất từ cuộc Ngũ Tứ vận động (bắt đầu từ ngày 4.5.1919) có ảnh hưởng càng ngày càng lớn và sâu rộng tới mọi người trong nước,

Vì thế mới nhập học ít lâu, Tiêu-Hồng, cũng như nhiều bạn học khác, đã bị những cuộc biểu tình của sinh viên học sinh hấp dẫn, lôi cuốn, mặc dù có sự ngăn chặn của bà hiệu trưởng. Nguyên nhân của các cuộc biểu tình này là việc quân đội Nhật-bản đánh chiếm Mãn-châu, khi đó còn gọi là Đông Tam Tỉnh (ba tỉnh ở đông-bắc Trung-quốc: Hắc-long-giang, Cát-lâm và Liêu-ninh).

Ở Đệ Nhất Nữ Trung các môn học Tiêu-Hồng thích nhất là hội họa (do một thanh niên người tỉnh Cát-lâm từ Thượng-hải đến dạy) và lịch sử (do một sinh viên đại học từ Bắc-kinh đến dạy).

Trong năm đầu Tiêu-Hồng dồn hết cả thời giờ và tâm trí vào hội họa. Đáng tiếc là hiện nay không còn một bức họa nào của Tiêu-Hồng lưu lại, tuy Tiêu-Hồng đã có hai tác phẩm góp phần vào một cuộc triển lãm tại địa phương.

Bước sang năm thứ hai, Tiêu-Hồng mới chuyên tâm vào văn học. Được như vậy là vì ông giáo sư dạy lịch sử (đã nói ở một đoạn trên) đã giới thiệu các học sinh một số tác phẩm thành công của dòng văn học mới. Tiêu-Hồng bắt đầu đọc phụ trương văn học của Quốc Tế Hiệp Báo, một tờ báo lớn của Ha-nhĩ-tân, và bắt đầu thấy thích "tân văn học".

Giống các học sinh, sinh viên và thanh thiếu niên nam nữ đương thời, Tiêu-Hồng rất thích đọc các tác phẩm của dòng văn học lãng mạn và say mê đọc các tác phẩm của các nhà văn hiên đại Trung-quốc như Lỗ-Tấn (1881-1936), Từ Chí-ma (1895-1931), Mao-Thuẫn (1896-1981), Băng-Tâm (nữ, 1900-1999), v.v, cũng như bản Hoa dịch các tác phẩm của nhà văn Mỹ Upton Sinclair (1878-1968) và của các nhà văn Nga cũng như Liên-sô lúc đó rất phổ biến. Chính nhờ đọc những tác phẩm của các nhà văn này, Tiêu-Hồng thích thú loại văn chương hướng về xã hội.

Do đó Tiêu-Hồng thoát xác, từ một cô gái ít nói, cô đơn, lúc nào cũng trầm tư mặc tưởng, biến thành một thiếu nữ hăng hái hoạt động cho tự do, dân chủ, và sau này là một trong những nhà văn yêu nước chống Nhật-bản xâm lăng.

Trong dịp nghỉ học mùa đông năm 1929-1930 Tiêu-Hồng về Hô-lan thăm nhà, sau đó quay trở lại trường đầu mùa xuân năm 1930. Sau khi tốt nghiệp sơ trung mùa hạ năm 1930, Tiêu-Hồng về thăm nhà một lần nữa. Lần này Tiêu-Hồng mới được biết là phụ thân đã thu xếp cho Tiêu-Hồng kết hôn với con trai một viên tướng quân phiệt rất có thế lực ở địa phương. Cũng vào dịp này ông nội của Tiêu-Hồng từ trần.

Vì hai lý do này, cũng như vì quá đau khổ vì bị cha và mẹ kế hành hạ trăm đường, Tiêu-Hồng quyết định thoát ly gia đình, quay trở lại Ha-nhĩ-tân và cho đến chết không bao giờ về nhà nữa. Lúc đó Tiêu-Hồng mới 20 tuổi.

Trở lại Ha-nhĩ-tân, Tiêu-Hồng tìm đến một nhà trí thức trẻ tuổi mà trước đó Tiêu-Hồng đã gặp ở Ha-nhi-tân. Có tài liệu chép người này họ Lý, nhưng không chép tên, và là giáo sư ở trường Đệ Nhất Nữ Trung mà Tiêu-Hồng theo học. Có tài liệu chép ông là một sinh viên luật nhưng không chép họ tên. Lại có tài liệu chép rằng Tiêu-Hồng quen biết người họ Lý khi chia chung phòng trong một khách sạn ở Ha-nhĩ-tân. Tiêu-

Hồng sống với người này trong vài tháng, nhưng không biết nữ văn sĩ làm gì trong thời gian này.

Năm 1931, hai người đáp xe lửa xuống Bắc-kinh (có tài liệu chép Tiêu-Hồng đi trước, còn ông đi sau). Tại đây Tiêu-Hồng tiếp tục theo học ở một trường trung học trực thuộc Bắc-kinh Nữ Sư Phạm Đại Học Hiệu.

Tuy nhiên, không bao lâu Tiêu-Hồng bị người đàn ông này bỏ rơi. Có tài liệu chép rằng Tiêu-Hồng đã bỏ ông vì cho rằng đã bị lừa sau khi được ông dẫn đến gặp vợ con.

Việc này xảy ra vào lúc có vụ Cửu Nhất Bát Sự Biến (còn gọi là Cửu Nhất Bát Chi Dịch). Ngày 18.9.1931 quân đội Nhật-bản đánh chiếm huyện Trường-xuân (nay là thành phố) thuộc tỉnh Cát-lâm, sau đó tấn công thành phố Thẩm-dương thuộc tỉnh Liêu-ninh, mở đầu cho cuộc chiến tranh Hoa-Nhật trong tương lai.

Tiêu-Hồng một mình quay trở lại Ha-nhĩ-tân, không một xu dính túi, mà lại đang có mang một đứa con với người đàn ông này. Tiêu-Hồng đi tìm họ hàng, nhưng không được một ai chứa chấp, sau đi tìm các bạn học xin giúp đỡ. Mới đầu Tiêu-Hồng ban ngày ngủ tại nhà các bạn học trong lúc họ đi học và ăn bất cứ thứ gì xin được, còn đêm đến thì ngủ ở bất cứ nơi nào có thể trú được trong cái lạnh nhiều khi nhiệt độ xuống tới -500 F.

Chính trong lúc này Tiêu-Hồng tình cờ gặp người em trai như đã nói ở một đoạn bên trên. Vì đói rét, vì bị bỏ rơi lại mang thai đứa con của người đàn ông lừa gạt, vì bị gia đình, họ hàng, bạn bè ruồng bỏ, Tiêu-Hồng đâm ra hận đời và đã từng nói: "Tôi cảm thấy có một cái hố lớn ngăn cách tôi với nhân loại."

Sau Tiêu-Hồng tìm thuê được một khách sạn chuyên chứa những kẻ du đãng và gái điếm do một người Bạch Nga (người Nga không theo Cộng sản) làm chủ.

Lúc này đây Tiêu-Hồng chẳng những là không có tiền để trả tiền phòng, tiền ăn uống, mà lại bắt đầu nghiện thuốc phiện do tên chủ khách sạn Bạch Nga dụ dỗ và cung cấp cho, nên tình trạng sức khỏe suy sụp. Vì không có tiền trả tên chủ Bạch Nga nên Tiêu-Hồng bị giam lỏng.

Trong lúc tuyệt vọng và sắp đến ngày lâm bồn, Tiêu-Hồng viết một bức thư cầu cứu gửi cho Bùi Hương-viên, chủ biên phụ san văn học Quốc Tế Công Viên của tờ Quốc Tế Hiệp Báo.

Tháng 6/1932, khi nhận được thư của Tiêu-Hồng, Bùi Hương-viên đã đến ngay khách sạn gặp Tiêu-Hồng. Ông hết sức kinh hãi khi thấy

một thiếu nữ đang mang thai sắp đến ngày sinh, đầu bù tóc rối, lại nghiện ngập và còn nợ viên chủ khách sạn một số tiền rất lớn là 400 viên (tiền Trung-quốc lúc đó). Trong mấy tháng liền ông cố điều đình với tên chủ khách sạn để giảm bớt số nợ nhưng không được.

May lúc đó vì từ cuối xuân tuyết bắt đầu tan và mưa nhiều nên nước sông Tùng-hoa (sông chảy qua Ha-nhĩ-tân) dâng lên rất cao, đe dọa phá vỡ đê và tràn ngập thành phố. Khách sạn nơi Tiêu-Hồng đang trú ngụ lại ở cách sông Tùng-hoa có ngót 30 thước nên đe dọa càng lớn hơn. Trong lúc cả thành phố náo loạn, Bùi Hương-viên đã vừa đe dọa vừa năn nỉ mãi tên chủ khách sạn mới bằng lòng nhận 200 viên và thả Tiêu-Hồng.

Xin mở một dấu ngoặc ở đây. Có thuyết cho là lợi dụng lúc thành phố Ha-nhĩ-tân nhốn nháo vì nạn lụt đe dọa, Tiêu-Quân đã lén lút đưa Tiêu-Hồng ra khỏi khách sạn.

Tiêu-Hồng được Bùi Hương-viên đưa về nhà và được giới thiệu với vợ ông là Hoàng Thục-anh. Việc đầu tiên là ông bắt Tiêu-Hồng phải cai thuốc phiện ngay.

Ở nhà Bùi Hương-viên, Tiêu-Hồng đã gặp một nhà báo trẻ tuổi đang làm việc cho tờ Quốc tế Hiệp Báo là Tiêu-Quân (1907-1988), tên thật là Lưu Hồng-lâm, người huyện Nghĩa thuộc tỉnh Phụng-thiên (nay là tỉnh Liêu-ninh). Tiêu-Quân là người mê uống rượu, thích cãi nhau, đôi khi còn cả đánh lộn, và luôn luôn bám theo đàn bà con gái. Tiêu-Quân đã đến sống chung với Tiêu-Hồng từ đó.

Tháng 7/1932, Tiêu-Hồng sinh một đứa con gái và đem cho đi ngay (có tài liệu viết là Tiêu-Quân đã nhận nuôi đứa bé). Sau đó, Tiêu-Hồng lại về nhà Bùi Hương-viên, nhưng hai tháng sau Tiêu-Hồng và Tiêu-Quân bắt buộc phải dọn ra khỏi nhà này vì Tiêu-Quân trong một lúc nổi nóng đã đập phá lung tung trong nhà Bùi Hương-viên.

Từ đó hai người sống lang thang vì sự nóng tính của Tiêu-Quân hai người không được ai chứa chấp cả. Cũng vì sự nóng tính này mà cuộc sống chung của hai người hoàn toàn đổ vỡ 6 năm sau.

Khi còn sống ở nhà Bùi Hương-viên, Tiêu-Hồng bắt đầu sự nghiệp viết văn. Các bài của nhà văn nữ này, với bút hiệu Thiểu-Ngâm, được gửi đăng trên các báo địa phương, như Quốc Tế Hiệp Báo, Đại Đồng Báo, v.v. Sau đó, Tiêu-Hồng cho xuất bản tập truyện ngắn và tản văn Bạt Thiệp gồm 5 truyện ngắn của Tiêu-Hồng (ký tên Thiểu-Ngâm) và 6 truyện của Tiêu-Quân (ký tên Tam Lang). Sách do Ngũ Nhật Họa Báo Aãn loát xã xuất bản tháng 10/1933.

Tiêu-Hồng bắt đầu nổi tiếng ngay. Tuy nhiên sách không đem lại chút gì cho hai người, vì sách vừa mới được phát hành đã bị nhà cầm quyền Nhật-bản cấm phổ biến, khiến cho hai người phải đốt gần hết những cuốn đã in.

Lúc này tình hình chính trị ở Liêu-ninh ngày một khẩn trương và khó sống. Sáu tháng sau khi đánh chiếm Trường-xuân và Thẩm-dương (đã nói ở một đoạn bên trên), tháng 3/1932 quân đội Nhật-bản thôn tính được Đông Tam Tỉnh, cải thành Mãn-châu quốc, và đặt một chính phủ bù nhìn đứng đầu là Phổ-nghi, vị hoàng đế cuối cùng của nhà Thanh (1644-1911). Ha-nhĩ-tân, nơi Tiêu-Hồng đang sống và viết văn, thuộc Mãn-châu quốc.

Mặc dù Tiêu-Hồng bắt đầu có một địa vị tương đối an định, Tiêu-Hồng và Tiêu-Quân lúc nào cũng túng quẫn, luôn luôn bị đói rét. Các tác phẩm của Tiêu-Hồng được trả giá 10 xu 100 chữ. Lại nữa, vì cuộc sống với Tiêu-Quân rất bấp bênh và sức khỏe vẫn kém nên Tiêu-Hồng buồn nhiều hơn là vui và dần dần đi đến chỗ tuyệt vọng. Cuộc sống này đã được Tiêu-Hồng kể lại trong truyện Thương Thị Nhai .

Tuy vậy, Tiêu-Hồng cùng một người bạn tên là Kim Kiếm-khiếu đã mở một cuộc triển lãm hội họa lấy tên là "Duy-nạp-tư Trợ Chẩn Họa Triển" để lấy tiền cứu tế nạn nhân thủy tai ở Ha-nhĩ-tân. Tiêu-Hồng ngoài việc tổ chức cuộc triển lãm ra còn đóng góp hai bức tranh họa phẩn. Sau khi cuộc triển lãm kết thúc, Tiêu-Hồng, Tiêu-Quân và một số bạn đã thành lập "Duy-nạp-tư Họa Hội" và một kịch xã tên là Tinh Tinh Kịch Đoàn và xuất bản một tờ tạp chí. Hoạt động này mới đầu đầy hứa hẹn, nhưng không bao lâu phải ngừng cũng vì tình hình chính trị.

Mặc dù hàng trăm hàng ngàn người, nhất là thanh niên, đã chạy nạn khỏi Ha-nhĩ-tân và nhiều người đã gia nhập những tổ chức kháng chiến, kịch xã vẫn chuẩn bị một vở kịch để trình diễn, với Tiêu-Quân đóng một vai.

Tuy kịch đoàn được nhà cầm quyền Nhật-bản cho phép trình diễn, nhưng với điều kiện là phải diễn vào ngày chào mừng việc thành lập Mãn-châu quốc. Lẽ dĩ nhiên kịch đoàn đã bác điều kiện này. Trước sự đe doạ của người Nhật-bản, các đoàn viên phải tìm đường tẩu thoát.

Cuối tháng 5/1934, Tiêu-Hồng và Tiêu-Quân đáp xe lửa đi Đại-liên (một vịnh ở đông-nam bộ bán đảo Liêu-đông thuộc tỉnh Liêu-ninh ngày nay), ở lại đó vài ngày, rồi ngồi tàu thủy Dairen Maru của Nhật-bản đi Thanh-đảo thuộc tỉnh Sơn-đông. Họ tới nơi vào đầu tháng 6. Từ đó cho đến khi chết, Tiêu-Hồng không hề quay trở lại Ha-nhĩ-tân nữa.

Khi vừa tới Thanh-đảo, hai người được viên chủ biên tờ Thanh-đảo Thần Báo tiếp đón và giới thiệu với những người trong ban biên tập. Tiêu-Quân biên tập cho phụ trương văn học của tờ báo. Hai người thuê được một căn phòng trên đỉnh một ngọn đồi trông ra biển.

Trong khi Tiêu-Quân làm việc ở tòa báo thì Tiêu-Hồng ở nhà viết văn, sáng tác được một số truyện ngắn và bắt đầu viết một truyện dài. Truyện ngắn Tiến Thành được đăng trong Thanh-đảo Thần Báo.

Tuy Tiêu-Quân đã có công ăn việc làm, nhưng hai người vẫn còn túng quẫn nhiều, nên khi trời vào thu ở Thanh-đảo tiết trời bắt đầu trở lạnh, Tiêu-Quân đi làm mặc nhiều quần áo mà không đủ ấm, còn Tiêu-Hồng ở nhà cũng phải tìm đủ mọi cách giữ cho người ấm mà không được nên bắt đầu bị ho nặng.

Thêm vào đó, cuộc tình của hai người bắt đầu nứt rạn. Tiêu-Hồng thèm khát được yêu và được chú ý, điều Tiêu-Hồng thiếu thốn khi còn thơ ấu ở nhà với cha mẹ. Trong khi đó, Tiêu-Quân lại là con người vô tình, thờ ơ, lãnh đạm và nhất là độc đoán, lúc nào cũng có thái độ trịch thượng, hống hách chẳng những là đối với Tiêu-Hồng mà còn cả với hầu hết các bạn bè của hai người nữa. Tuy nhiên, Tiêu-Hồng vẫn chịu đựng và chu đáo hầu hạ Tiêu-Quân, vì cần có người để nương tựa.

Không lâu sau khi đến Thanh-đảo làm việc cho Thanh-đảo Thần Báo, Tiêu-Quân nhận thấy là báo bắt đầu suy sụp vì bán không chạy. Đến tháng 10/1934, Tiêu-Quân biết tình trạng báo đến hồi không thể cứu vãn được nên đã viết thư cho Lỗ-Tấn, một nhà văn rất nổi tiếng đương thời, ở Thượng-hải, xin được gửi bản thảo mấy tác phẩm của hai người và được Lỗ-Tấn hồi đáp ngay. Tiêu-Hồng bèn gửi bản thảo quyển tiểu thuyết Sinh Tử Trường mới viết xong tháng trước cùng với quyển Bạt Thiệp được in khi còn ở Ha-nhĩ-tân.

Sau đó, ngày 1.11.1934, hai người lại đáp tàu thủy Kyodo Maru của Nhật-bản đi Thượng-hải, trung tâm thương mại, văn hóa và chính trị quan trọng bậc nhất lúc bấy giờ. Tại đây họ thuê một căn phòng nhỏ ở bên ven khu tô giới Pháp.

Tuy hai người bỏ rất nhiều thời giờ vào việc viết văn, nhưng dù họ đã gửi nhiều tác phẩm tới các tờ báo ở Thượng-hải nhưng chẳng những không được đăng mà còn chẳng nhận được một chữ nào của các nhà báo. Họ chỉ còn đặt hy vọng vào Lỗ-Tấn.

Trong tháng đầu tiên ở Thượng-hải, họ viết cho Lỗ-Tấn tới 6 bức thư, hỏi han ý kiến về nhiều vấn đề liên quan tới đời sống cá nhân của Lỗ-Tấn, các vấn đề cả 3 người quan tâm. Họ xin Lỗ-Tấn chỉ dẫn họ đường lối sáng tác tốt nhất, và còn hỏi vay cả tiền nữa (20 viên), v.v.

Thư nào cũng được Lỗ-Tấn đáp lại và chỉ dẫn kỹ càng. Chỉ có một việc Lỗ-Tấn không làm được là giúp hai người kiếm việc làm.

Ngày 27 tháng 11, Lỗ-Tấn mời hai người gặp ông ăn trưa vào ngày 30 tại Nội-sơn Thư Điếm ở gần nhà Lỗ-Tấn và yêu cầu Tiêu-Quân mang theo bản thảo quyển truyện Bát Nguyệt Đích Hương Thôn mà Tiêu-Quân mới viết xong. Trong lần gặp gỡ này Lỗ-Tấn đã trao cho họ 20 viên như họ hỏi vay. Lần thứ nhì, Lỗ-Tấn mời họ tới ăn cơm tối ngày 19 tháng 12. Trong bữa ăn này Tiêu-Hồng đã gặp vài người sau này là bạn thân của nữ văn sĩ.

Từ đó, hai người làm quen với nhóm các nhà văn quanh Lỗ-Tấn và cả với vợ của Lỗ-Tấn là Hứa Quảng-bình và con trai của Lỗ-Tấn là Lỗ Hải-anh. Vài tháng sau, Tiêu-Hồng và Tiêu-Quân dọn đến ở gần nhà Lỗ-Tấn hơn và hầu như là ngày nào cũng tới thăm ông.

Quan hệ giữa Lỗ-Tấn và Tiêu-Hồng càng ngày càng trở nên mật thiết. Lỗ-Tấn chẳng những là đã khuyến khích và nâng đỡ Tiêu-Hồng cả về vật chất lẫn tinh thần, mà lại còn giới thiệu các tác phẩm của Tiêu-Hồng với các nhà báo, mà các chủ báo hầu hết là bạn thân của ông. Lỗ-Tấn còn bỏ tiền ra cho nhà Vinh Quang xuất bản tác phẩm Sinh Tử Trường của Tiêu-Hồng và tác phẩm Bát Nguyệt Đích Hương Thôn của Tiêu-Quân.

Ngày 20.12.1934 Tiêu-Hồng nhận được thư của nhà xuất bản Vinh Quang cho biết muốn xuất bản truyện Sinh Tử Trường của Tiêu-Hồng. Tuy nhiên, khi Lỗ-Tấn gửi bản thảo truyện đến Ủy ban Kiểm duyệt xin phép, sách đã bị giữ lại 6 tháng rồi sau đó Ủy ban mới báo tin bác không cho phép xuất bản. Phải tới tận tháng 12/1935 sách mới được xuất bản. Lỗ-Tấn viết lời Tựa. Lần đầu tiên nữ văn sĩ dùng bút hiệu Tiêu-Hồng.

Sau đó lại xảy ra việc sách vừa phát hành thì lại bị Quốc dân Chính phủ cấm chỉ lưu hành, nhưng cũng nhờ vậy mà sách được nhiều người tìm đọc. Tên Tiêu-Hồng luôn luôn được mọi người nói tới.

Lỗ-Tấn đã dự đoán một tương lai xán lạn cho Tiêu-Hồng. Đầu năm 1935, ông đã nói Tiêu-Hồng là "nhà văn nữ đầy hứa hẹn nhất, chứng tỏ có nhiều khả năng vượt Đinh-Linh, giống như Đinh-Linh đã vượt Băng-Tâm." Được Lỗ-Tấn tận tình khuyến khích và giúp đỡ, nên trong hai năm 1935-1936 Tiêu-Hồng hăng hái viết. Truyện ngắn Tiểu Lục, với bút hiệu Thiểu-Ngâm, được báo Thái Bạch đăng trong số ra ngày 5.3.1935.

Sau đó Tiêu-Hồng đã gửi một số truyện ngắn, tản văn, thơ tới các báo như Thái Bạch, Trung Học Sinh, Văn Học, Tác Gia, Văn Tùng, Văn Học Nguyệt San, Trung Lưu, v.v. Một số sau này được in thành ba tập

Thương Thị Nhai (th. 8/1936), Kiều (th. 11/1936) và Ngưu Xa Thượng (th. 5/1937).

Tháng 7/1936, Tiêu-Hồng một mình đi Nhật-bản dưỡng bệnh cho tới tháng 1/1937 mới về Thượng-hải. Tuy xa nước, Tiêu-Hồng vẫn tiếp tục viết và gửi các truyện Gia Tộc Dĩ Ngoại Đích Nhân, Cô Độc Đích Sinh Hoạt, Hồng Đích Quả Viên, Vương-Tứ Đích Cố Sự , v.v., tới các báo đăng.

Từ Nhật-bản về được 3 tháng, Tiêu-Hồng lại đi Bắc-kinh ở một tháng. Tháng 7/1937, Tiêu-Hồng tham gia công tác biên tập tài liệu Lỗ-Tấn Tiên Sinh Kỷ Niệm Tập để kỷ niệm Lỗ-Tấn đã qua đời ngày 19.10.1936 ở Thượng-hải.

Trong khi đó thì chiến tranh Hoa-Nhật bùng nổ ngày 7.7.1937. Ít lâu sau Thượng-hải thất thủ.

Mặc dù cuộc sống chung giữa Tiêu-Hồng và Tiêu-Quân đã đi đến giai đoạn hầu như đổ vỡ không cách hàn gắn được, tháng 9/1937 (có tài liệu chép là tháng 8) hai người vẫn cùng nhau chạy đến Vũ-hán thuộc tỉnh Hồ-bắc, lúc đó còn nằm trong vòng kiểm soát của Quốc-dân Chính phủ. Tại đây, Tiêu-Hồng lần đầu tiên gặp Đoan-mộc Hống-lương, một nhà văn tả phái. Tuy nhiên, Tiêu-Hồng không ở lại Vũ-hán lâu. Tháng 10, Tiêu-Hồng cùng Tiêu-Quân đến Vũ-xương cùng tỉnh. Tại đây Tiêu-Hồng cho xuất bản tác phẩm Ngưu Xa Thượng.

Tháng 1/1938, đáp lời ước hẹn với Lý Công-phác, Tiêu-Hồng cùng Tiêu-Quân, Điền-Nhàn (còn đọc là Điền-Gian, Điền-Gián), Tái-Khắc, Đoan-mộc Hống-lương, Niếp Cám-nỗ rời Vũ-xương đi Lâm-phần thuộc tỉnh Sơn-tây để dạy học ở Dân Tộc Cách Mệnh Đại Học Hiệu. Có tài liệu lại nói Tiêu-Hồng và Tiêu-Quân đi Tây-an thuộc tỉnh Thiểm-rây (sách World Authors viết lầm là tỉnh Sơn-tây, tr. 809). Cũng tại đây Tiêu-Hồng cuối cùng đã rời bỏ Tiêu-Quân (có tài liệu nói việc này xảy ra trong tháng 2, có tài liệu nói là tháng 4, còn sách World Authors trong khi kể việc Tiêu-Hồng đi Hương-cảng đã thêm câu "đã đoạn tuyệt với Tiêu-Quân", tr. 809). Sau đó, Tiêu-Hồng về sống chung với Đoan-mộc Hống-lương.

Từ Lâm-phần (sách World Authors chép là từ Tây-an, tr. 809) Tiêu-Hồng cùng Đoan-mộc Hống-lương trở lại Vũ-hán tháng 4/1938 cho đến tháng 9 thì Tiêu-Hồng cùng một người bạn là Lý Thanh-vận đáp thuyền rời Vũ-hán đi Thiểm-tây.

Tại những nơi Tiêu-Hồng trú ngụ sau khi rời Ha-nhĩ-tân năm 1931, Tiêu-Hồng đã tham gia các hoạt động của giới văn nghệ tả phái và còn

cộng tác với Hồ Phong, một nhà văn tả phái, xuất bản tạp chí Thất Nguyệt.

Mùa xuân năm 1939, Tiêu-Hồng đến núi Ca-lạc ở Thiểm-tây hưu dưỡng ít lâu rồi sang mùa hạ thì tới cư ngụ ở trong phòng của Văn Trích xã thuộc Phục-đán Đại Học ở bên bờ sông Gia-lăng cùng tỉnh và đến mùa đông thì dọn đến ở trấn Hoàng-dũng-thụ. Trong thời gian này Tiêu-Hồng viết xong các tác phẩm Khoáng Dã Đích Hô Hảm, Liên Hoa Trì, Sơn Hạ, Đào Nạn, Mông Lung Đích Kỳ Đãi, Hồi Ức Lỗ-Tấn Tiên Sinh, Hô-lan Hà Truyện, v.v.

Chúng tôi xin mở một dấu ngoặc ở đây.

Theo tài liệu World Authors 1975-1980, do Vineta Colby biên tập (1988), sau Thiểm-tây, Tiêu-Hồng đã tới cư ngụ ở thành phố Trùng-khánh thuộc tỉnh Tứ-xuyên và tại đây nữ văn sĩ đã cho xuất bản tập Hồi Ức Lỗ-Tấn Tiên Sinh và các truyện ngắn về cuộc chiến tranh chống Nhật-bản xâm lăng mà sau này được in thành tập truyện Khoáng Dã Đích Hô Hảm (tr. 809), còn tập Hô-lan Hà Truyện thì Tiêu-Hồng viết khi ở Hương-cảng năm 1940 (tr. 810).

Mặt khác, sách Tiêu-Hồng Truyện của Đinh Ngôn-chiêu không hề nói tới việc Tiêu-Hồng sống ở Trùng-khánh, còn Hô-lan Hà Truyện được viết xong năm 1939 khi Tiêu-Hồng sống ở Thiểm-tây.

Tháng 1/1940 Tiêu-Hồng cùng Đoan-mộc Hống-lương đến Hương-cảng. Tuy nhiên, trong lúc đau ốm ở đây thì Tiêu-Hồng đã bị Đoan-mộc Hống-lương bỏ rơi.

Ở Hương-cảng, mặc dù bệnh tật, Tiêu-Hồng vẫn tiếp tục viết.

Để tưởng niệm Lỗ-Tấn, ân nhân đã coi nữ văn sĩ như con nuôi và đồng thời cũng là người hướng dẫn về sự nghiệp văn học, Tiêu-Hồng đã sáng tác một vở á kịch (kịch câm) mang nhan đề là Dân Tộc Hồn. Vở kịch này đã được hoan nghênh nhiệt liệt. Ngoài ra, nữ văn sĩ còn viết tập tiểu thuyết Mã Bá-lạc (xuất bản năm 1941).

Đồng thời, cũng trong năm 1940, Tiêu-Hồng đã cho xuất bản ba tập Khoáng Dã Đích Hô Hảm, Hồi Ức Lỗ-Tấn Tiên Sinh và Tiêu-Hồng Tản Văn Tập.

Mùa xuân năm 1941, ở Hương-cảng, Tiêu-Hồng ngẫu nhiên gặp nữ văn sĩ Hoa-kỳ Agnes Smedley đang trên đường về nước. Vì thấy bệnh tình của Tiêu-Hồng ngày một trầm trọng, Smedley khuyên Tiêu-Hồng nên vào Mã-lệ Y Viện (Queen Maryõs Hospital) và còn điều đình giảm y phí cho. Tiêu-Hồng nhờ Smedley chuyển tặng cho một nhà văn Hoa-kỳ khác là Upton Sinclair, mà Tiêu-Hồng rất hâm mộ khi còn học ở Đệ Nhất Nữ Trung, một bản tác phẩm đầu tay Sinh Tử Trường. Sinclair đã

viết thư cám ơn, lời lẽ nồng nhiệt, và còn gửi tặng tác phẩm Co-op của ông (xuất bản năm 1936).

Tuy nằm trên giường bệnh, Tiêu-Hồng còn viết xong tác phẩm Tiểu Thành Tam Nguyệt và vẽ xong một bức tranh cho báo Thời Đại Văn Học.

Ngày 8.12.1941, chiến tranh Thái-bình-dương bùng nổ, mở đầu bằng việc không quân Nhật-bản oanh tạc Trân-châu cảng (Pearl Harbor) ở Hạ-uy-di. Tiếp theo, quân đội Nhật-bản công hãm Hương-cảng. Đúng lúc đó bệnh phổi của Tiêu-Hồng trở nên nặng, nên nữ văn sĩ không thể chạy nạn được, phải trú ở Mã-lệ Y Viện.

Hoàng hôn ngày 13.1.1942, Tiêu-Hồng vào Bào-mã-địa Dưỡng-hòa Y Viện, nhưng bị một y sinh không có trách nhiệm tên là Lý Thụ-bồi cẩu thả cho là Tiêu-Hồng có bướu ở cuống họng nên đã cắt đứt hầu quản, khiến Tiêu-Hồng bị đau đớn vô vàn. Ngày 18, xe cứu thương của Dưỡng-hòa Y Viện chuyển Tiêu-Hồng vào Mã-lệ Y Viện. Hôm sau, vì không còn nói được nữa, Tiêu-Hồng viết trên giấy rằng: "Ngã tương dữ lam thiên bích thủy vĩnh xứ, lưu đắc na bán bộ Hồng Lâu cấp biệt nhân tả liễu" (Tôi sẽ vĩnh biệt trời xanh nước biếc, để lại nửa bộ Hồng Lâu đã viết xong cho người khác), và còn viết thêm rằng: "Bán sinh chỉn tao bạch nhãn lãnh ngộ... *thân tiên tử, bất cam, bất cam" (nửa đời đã gặp bao gian khổ...* thân chết trước, không cam, không cam). Rồi đến chiều ngày 22 thì qua đời, mới được 31 tuổi.

Ngày 24 di thể của Tiêu-Hồng được hỏa thiêu ở hỏa táng trường tại Bào-mã-địa và hôm sau tro cốt được an táng ở nghĩa địa tại Đạm-thủy-loan thuộc Hương-cảng, gần Lệ-đô Hoa Viên bên bờ biển. Hơn 15 năm sau, ngày 15.8.1957, phân hội Quảng-châu thuộc Trung-quốc Tác Gia Hiệp hội đã đem di cốt của Tiêu-Hồng chuyển sang táng ở Ngân-hà Quảng-châu Cách Mệnh Công Mộ, trong khu đông thành phố Quảng-châu thuộc tỉnh Quảng-đông.

Vào những tháng cuối cùng của cuộc đời, Tiêu-Hồng còn viết bài đăng báo khuyến khích mọi người tiếp tục công cuộc kháng chiến chống Nhật-bản xâm lăng cho đến cùng. Lúc chết, nữ văn sĩ còn mang nhiều dự thảo sáng tác trong đầu và trên bàn còn có một số bản thảo sau này được in thành sách.

Từ năm 1945, ba năm sau khi Tiêu-Hồng qua đời ở Trung-quốc, một số người đã bắt đầu viết về nữ văn sĩ, nhưng phần lớn là chỉ thuật lại những kỷ niệm, hồi ức hay sự việc có liên quan đến cuộc đời của nữ văn sĩ thôi. Người ta chỉ thực sự nghiên cứu về Tiêu-Hồng và tác phẩm, ở Đài-loan từ năm 1955 ở Đài-loan, ở Nhật-bản từ năm 1962, và ở

Hài cú cho ngày 11 tháng Chín
KIỆT TẤN

Con nhái (thơ cổ)

trời cao xanh ngắt
ao nước thanh tịnh
con nhái nhẩy xuống
chũm!

Cái tháp (thơ hậu hiện đại)

không gian xanh dờn
tháp cao chọc trời
máy bay xắng vô
bùm!

Hoa-kỳ từ năm 1976. Riêng ở đại lục Trung-quốc mãi đến thập niên 1980 trở đi người ta mới nghiên cứu nhiều về nữ văn sĩ cũng như là tái bản những tác phẩm của Tiêu-Hồng. Sở dĩ có sự muộn màng như vậy một phần vì chủ trương nữ quyền của nữ văn sĩ và một phần vì tác giả thí nghiệm thể văn tự sự, không phù hợp với giáo điều hiện thực chủ nghĩa của các nhà cầm quyền.

Ngày nay người ta đặc biệt chú ý nhiều đến những nạn nhân phụ nữ bị những người đàn ông trong đời họ cũng như xã hội bức bách, hành hạ, được đề cập tới hay diễn tả trong các tác phẩm của Tiêu-Hồng và Tiêu-Hồng ngày nay được coi là một người đã tranh đấu cho nữ quyền cua Trung-quốc. Điều này không có gì là lạ. Chính bản thân nữ văn sĩ đã là một nạn nhân của những kẻ đàn ông hách dịch, kiêu ngạo, đối xử tàn tệ và của một hệ thống xã hội trong đó đàn bà bị đàn ông coi chỉ là những món đồ chơi, những tên đầy tớ (mà lại là đầy tớ không công), chứ không được coi là những người đồng đẳng, những người bạn đường của mình.

Tạ-Quốc-Tuấn

Trần Cao Lĩnh
nỗi đam mê thiết tha trong câm lặng

Tuấn Huy

Thời gian gần đây, phong trào chụp ảnh, chơi ảnh, săn ảnh, và nô nức tranh tài qua các cuộc thi lớn về nhiếp ảnh, tràn lan rầm rộ trong cộng đồng người Việt chúng ta và những cộng đồng bạn.

Mời bạn đọc cùng chia sẻ với ít dòng tâm cảm của Tuấn Huy về một trong những tài năng hàng đầu nổi tiếng của "Nghệ Thuật Nhiếp Ảnh Việt Nam": TRẦN CAO LĨNH

Tôi nhớ rõ, khởi đi từ những năm 1955-1956. Những năm tháng của xây dựng và thanh bình. Những năm tháng mà kẻ thù ở phương Bắc tạm thời ngưng im quẫy cựa. Những năm tháng mà gần một triệu người rời bỏ những thành phố, những làng mạc ở bên kia vĩ tuyến 17, đã định cư yên ổn ở phương Nam. Những năm tháng mà Sàigòn – Gia Định không có giới nghiêm, và các miền đồng quê, các miền đô thị trên khắp lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa bỏ ngỏ. Tưởng đã là không còn chiến tranh. Tưởng đã là không còn giặc giã . Tưởng đã là con sông Bến Hải ngăn cản lâu dài được những làn sóng đỏ, những bóng đêm đen...

Những năm tháng ấy, giới văn nghệ sĩ đủ các bộ môn, từ đất ngàn-năm-văn-vật mang đến cho Sàigòn, thủ phủ miền Nam, một không khí mới: Những tình tự dân tộc. Những hoài niệm cố hương. Những yêu thương núi sông tha thiết. Những luyến tiếc cảnh cũ ngậm ngùi... Từ văn chương. Từ thi ca. Từ âm nhạc. Từ điện ảnh. Từ hội họa... Như những lượng nước đỏ quánh phù sa từ dòng sông Hồng ồ ạt tới. Như những lớp triều tươi mát từ vịnh Nam Hải dồn dập sang...

Hào khí bừng bừng. Thơ văn sung mãn. Sàigòn và khắp miền Nam, ngày và đêm, trưa và chiều – dòng văn học nghệ thuật Việt Nam dâng cao ắp đầy rạng rỡ, để mang đến cho cả một miền đất nước, cái không khí tưng bừng náo nhiệt chưa từng có... Của một chủ quyền mới thu hồi lại. Của một chế độ vừa xây dựng xong. Của một quá khứ giặc giã loạn ly vừa khép. Của một tương lai yên vui no ấm mở đầu...

Những năm tháng đó, nhiều tên tuổi lẫy lừng soi dọi vào đầu-óc-thơ-dại-tôi như những luồng hào quang huyễn hoặc. Những tư tưởng gia, những nhà văn, những nhà thơ, những kịch tác gia, những họa sĩ, những nhạc sĩ, những nhà điện ảnh, và những nhà nhiếp ảnh...

Ở bài viết này, tôi chỉ muốn nói đến một nhà nhiếp ảnh mà tôi yêu mến. Một nhà nhiếp ảnh, trong hai nhà nhiếp ảnh tên tuổi lẫy lừng – có trái tim nồng nàn, với những đam mê thiết tha nhất, đối với quê hương, đối với đất nước, đối với thiên nhiên, đối với con người...

Đó là nhiếp ảnh gia TRẦN CAO LĨNH – một tài năng xuất chúng, một tâm hồn óng chuốt, một tấm lòng mênh mông, một tình yêu bao la, một tâm thức bùng vỡ, một khao khát khôn cùng, một ước mong vô tận, một nhớ thương dằng dặc, một khắc khoải khôn nguôi...

Quen biết anh từ ngày cùng viết ở "Điện Ảnh" và "Màn Ảnh". Lúc đó, TRẦN CAO LĨNH và NGUYỄN CAO ĐÀM, hai nhiếp ảnh gia sáng chói, hai khuôn mặt lớn của *nghệ thuật nhiếp ảnh* Việt Nam, hàng tuần cống hiến cho bạn đọc những bài viết về nghệ thuật săn hình và kỹ thuật tạo hình rất nổi tiếng và rất được yêu thích...

Mỗi tấm hình ký tên CAO LĨNH hoặc CAO ĐÀM, được in trang trọng trên "Điện Ảnh", "Màn Ảnh" hoặc "Sáng Dội Miền Nam" và nhiều tuần báo, tạp chí văn học nghệ thuật khác – đều là những tác phẩm tuyệt vời của một ngành nhiếp ảnh đang như rần-rộ vươn tới những đỉnh trời ngất cao lồng lộng, rất tinh khôi, rất mới lạ của ánh sáng và của đường nét...

Ở một bài viết khác, tôi hy vọng sẽ có dịp nói đến nhiếp ảnh gia đàn anh NGUYỄN CAO ĐÀM. Riêng ở bài viết này, tôi muốn được thân mật ngợi ca TRẦN CAO LĨNH. Những lời ngợi ca của tôi có thể quá dư thừa. Những lời ngợi ca của tôi có thể không cần. Nhưng đó là những lời ngợi ca chân thành nhất của một nghệ sĩ, đối với một nghệ sĩ danh tiếng lẫy lừng. Của một người sáng tạo, đối với một người sáng tạo tâm hồn giàu có. Của một tấm lòng, đối với một tấm lòng bát ngát mênh mông. Và của một trái tim, đối với một trái tim nồng nàn tha thiết...

Thường thường cùng Mai Châu (chủ nhiệm báo Điện Ảnh) đến gặp Trần Cao Lĩnh ở tiệm ảnh Đống Đa, lúc cửa tiệm chưa được sửa sang,

mới còn đặt trong căn phố một tầng cổ cũ, chỗ gần một ngã tư ở đại lộ Nguyễn Huệ. Những lần khác, được gặp Anh ở nhà riêng, một căn nhà ngăn nắp xinh xắn, nằm khuất trong một hẻm nhỏ đường Tôn Thất Đạm. Nhưng dù ở tiệm ảnh, dưới bóng mát của những tàn me nõn xanh màu ngọc thạch, giữa những tủ kính bóng loáng bày đầy những hộp phim và những bộ phận máy móc tạo hình, giữa những tấm hình chân dung các thiếu nữ trẻ đẹp được phóng đại, tô màu, đóng khung treo san sát ở các bờ tường – hay dù trong căn nhà nhỏ, phải đi qua những chiếc xe bán mì và hủ tiếu, của một lối ngõ nồng mùi nhang thơm, và ồn ào tiếng máy thâu thanh, hay huyên náo tiếng người cười nói của một vùng chợ cũ, chen chúc hỗn độn... Dù ở đâu, Anh Trần Cao Lĩnh cũng tiếp chúng tôi thật ân cần niềm nở. Có khi đang đọc sách. Có khi đang soạn những âm bản. Có lúc đang ngồi sau những chấn song, nhìn ra những vệt nắng dọi thẳm ở những gờ tường. Có lúc đang đứng nâng cao những dây lá trầu-bà, hay sửa lại một nhánh cây gì đó gần một kệ gạch... Có hôm Anh khỏe. Có bữa Anh đau. Chiếc mũ nồi bằng dạ đội trên đầu. Chiếc áo len ấm phủ trên người... Đôi mắt tinh nghịch sáng lên một chút. Nụ cười hóm hỉnh nhưng đôn hậu hé ra một chút. Anh nắm tay tôi, nắm tay Mai Châu rồi nhỏ nhẹ nói: "Vào chơi với Lĩnh"... Hai chiếc ghế được đẩy tới. Những trang báo đã xếp lại. Một bình trà nóng. Những chiếc tách sáng choang. Anh ngồi trước chúng tôi. Đôi mắt hấp hiu. Tiếng cười thân mật. Vầng trán cao rộng như một bình nguyên, như một biển nắng, như một rẻo cát, như một lũng đồi lấp lánh trăng sao...

Khác hẳn những tác phẩm nhiếp ảnh của anh đã cống hiến cho đời, ở Trần Cao Lĩnh là một sự nghiêm túc vô cùng, một sự chừng mực vô tả. Ngày đó, mỗi lần đến thăm Anh, tôi có cảm giác như đến thăm một vị đạo sư. Cái không khí dịu dàng, êm ả, thanh khiết, tịnh vắng quanh Anh – bỏ xa hẳn, đối nghịch hẳn, tương phản hẳn, cái ồn ào, nhộn nhịp, náo động, xô bồ ở đời sống bên ngoài cửa tiệm, bên ngoài ngõ hẻm...

Cử chỉ Anh cũng rất khoan thai. Giọng nói Anh cũng rất nhỏ nhẹ. Ánh nhìn của Anh cũng rất dịu dàng. Và tiếng cười của Anh cũng rất nhu hòa hiền hậu... Một cái gì mềm mại, một cái gì thân thiết, một cái gì khoan dung, một cái gì rộng lượng, một cái gì thong dong, một cái gì thư thái, một cái gì thảnh thơi, một cái gì nhàn nhã... Đang vây phủ Anh. Như một lớp sương, như một vùng ánh sáng, như những áng mây, như những vệt trăng..., ấp đầy, loang thấm, choàng quấn rồi trôi tan... Không biết đối với Mai-Châu thì sao, nhưng đối với riêng tôi, anh có một lòng thương mến của một người anh đối với một đứa em – của một tâm hồn đối với một tâm hồn – của một dòng sông đối với một nhánh sông – của

một khung nắng đối với một vệt nắng...

Thế nên, ngày đó, sau khi mới được gặp Anh một vài lần, tôi đã quý mến Anh, như đã quý mến nhà nhiếp-ảnh-đàn-anh Nguyễn Cao Đàm. Những buổi chiều ở sở ra, tôi thường ghé thăm Kịch-Tác-Gia Mỹ Tín (ở một tiệm đàn) gần đấy, rồi luôn tiện ghé vào thăm anh. Có khi Anh vừa từ phòng tối bước ra, có khi anh vừa từ trên lầu bước xuống, có lúc anh đang ngồi giữa một căn phòng rộng mênh mông và ngổn ngang những tấm hình, có lúc Anh đang nằm trên chiếc *sofa* giữa mùi thơm hăng ngào ngạt của chén thuốc bắc vừa chưng còn đang tỏa khói... Lần nào thì cũng vậy. Lần nào thì Anh cũng sốt sắng, cũng cởi mở. Và lần nào thì Anh cũng vồn vã, cũng chân thành. Anh thường kể cho tôi nghe về những tấm hình Anh mới chụp được. Anh thường nói cho tôi biết về những kỹ thuật Anh mới hoàn tất xong. Tôi ngồi "ngẩn mặt tò-te" yên lặng nghe. Những điều Anh nói – đối với tôi – mịt mờ bí hiểm như những đoạn kinh Mật Tông hay những lời Thần Chú... Tuy vậy, tôi vẫn khoái thích được đến với Anh và được nghe Anh chuyện trò. Sung sướng nhất là được nhìn ngắm những tấm hình nghệ thuật. Những tấm hình ướt đọng những giọt mồ hôi trên một bờ vai gân guốc. Những tấm hình mang những lượn cát mịn của đồi dốc chập chùng. Cả người con gái ngồi hong tóc dưới trăng. Cả người đàn ông bước xiêu xiêu bên thân cây đại thụ. Có khuôn mặt mẹ già. Có đôi mắt em bé. Có những lũy tre đi về một miền thôn dã. Có những bụi trúc mở tới một chốn thiền môn. Có cả những bước chân của con người đạp trên nỗi chết, trong vùng tan hoang đổ nát. Có cả vành khăn tang quấn vội trên đầu một trẻ nhỏ vừa từ miền chinh chiến thoát thân... Còn hình ảnh của quê hương thì đầy khắp. Cảnh "được mùa" ở Cai Lậy, Mỹ Tho. Ruộng lúa xanh rờn ở Long Xuyên. Rừng dừa ở Bến Tre. Hồ Than Thở Đà Lạt. Những đồi cát Phan Rang, Phan Rí. Trên bến dưới thuyền ở bến cá vùng duyên hải. Cảnh ngược xuôi tấp nập ghe thuyền trên dòng Đồng Nai hoặc dòng Cửu Long...

Nhiều lắm. Nhiều lắm... Những tấm hình của Trần Cao Lĩnh – cũng như của Nguyễn Cao Đàm – nhìn thật mê đi. Đó là những tác phẩm nhiếp ảnh hàng đầu xem thật đã mắt. Có nhiều tấm như những bức tranh thủy mạc. Có nhiều tấm như những bức họa sơn mài. Có nhiều tấm lung linh ảnh hiện. Có nhiều tấm lấp lánh bóng trôi. Có nhiều tấm ngời ngời mây tụ. Có nhiều tấm rạng rạng nắng bay. Nhưng tất cả, mỗi tấm hình là một công trình. Mỗi tấm hình là một tác phẩm. Mỗi tấm hình là một nhịp đập của tim. Mỗi tấm hình là một lao-lung của óc. Mỗi tấm hình gây cho ta lồng lộng những thương yêu. Và mỗi tấm hình khiến cho ta mang-mang những nhớ tiếc...

Một đôi khi, tôi nhìn thật lâu vầng trán Trần Cao Lĩnh, nhìn thật lâu đôi mắt Trần Cao Lĩnh, nhìn thật lâu những ngón tay Trần Cao Lĩnh, và nhìn thật lâu khoảng ngực Trần Cao Lĩnh. Tôi hệt như kẻ muốn *khám phá bằng được*, trên vầng trán ấy, trong đôi mắt ấy, ở những ngón tay ấy, và sau lồng ngực ấy – một đầu óc khá siêu-việt, một tầm nhìn khá lớn lao, một tài năng khá vĩ đại, và một con tim nồng nàn quằn quại đến thế nào...

Một đôi khi, tôi đứng thẫn thờ chiêm ngưỡng những tấm hình treo ở trước mặt, tưởng như đang được chiêm ngưỡng những cái gì đẹp đẽ, thanh thoát, chau chuốt, toàn bích... không thể có – không thể bao giờ có được – ở ngoài đời. Nhưng sự thực, ở ngoài đời, Đất Nước tôi, Quê Hương tôi, những con người của Dân Tộc tôi, những đường nét của xứ sở tôi – là như thế, và mãi mãi vẫn là như thế...

Chỉ khác, Trần Cao Lĩnh và Nguyễn Cao Đàm đã ghi nhận qua ống kính tài hoa của các Anh, những góc cạnh, những đường nét, những khoảnh khắc, những độ ánh sáng – tuyệt luân nào đó, để hình thành được những tác phẩm diễm tuyệt như vậy...

Rồi, như bao nhiêu triệu con người, tôi phải rời bỏ quê hương ra đi – với bao nhiêu nhớ thương vời vợi trong lòng.

Tôi tưởng đã mất luôn cả Quê Hương, và mất luôn cả hai tài năng nhiếp ảnh hàng đầu Nguyễn Cao Đàm – Trần Cao Lĩnh. Tôi ngỡ Trần Cao Lĩnh đã bị kẹt lại như Nguyễn Cao Đàm còn đang bị kẹt lại. Và rồi cũng sẽ như những Võ An Ninh, những Lê Đình Chữ, sẽ đành để tài năng mai một... vì nghệ thuật nhiếp ảnh sẽ là những thứ vô ích, trước những cái bao tử đói, và vì nghệ thuật hay văn học cũng sẽ là vô ích, trên một đất nước mà con người không còn được sống như một con người...

May mắn cho Quê Hương chúng ta. May mắn cho văn học nghệ thuật Việt Nam. Và may mắn cho nghệ thuật nhiếp ảnh Việt Nam, Trần Cao Lĩnh đã đi tìm tự do trên nỗi chết. Anh đã vượt được lằn ranh của gông cùm tù ngục, và đến được bến bờ. Khi tôi viết những dòng này, chúng ta chưa có tin tức gì của Nguyễn Cao Đàm. Chỉ biết rất vắn tắt là sức khỏe của Anh N.C. Đàm hiện nay không được tốt). [1]

Trần Cao Lĩnh, người nghệ sĩ xử dụng ống kính một cách thần sầu ấy. Nhà nhiếp ảnh tài hoa, luôn luôn chụp từ trong trái tim chụp ra ấy, một buổi tối, khi vừa từ một tiểu bang khác ghé lại Ca-Li chơi, Anh đã lặn lội đến thăm tôi không quản đêm khuya sương gió...

Vẫn chiếc mũ nồi đội trên đầu. Vẫn vầng trán cao rộng nhô mông. Vẫn đôi mắt vừa nồng nàn vừa thơ mộng. Vẫn nụ cười rất châm biếm

mà cũng rất hiền hòa...

Anh choàng ôm lấy tôi. Những lời hỏi thăm vồn vã. Những câu chia xẻ chân tình... Anh nhìn đám con tôi. Anh nhìn bức tượng bằng thạch cao, tạc một người chị đang ngồi mở sách dạy em học. Rồi Anh cầm tay tôi, lắc nhẹ. Rồi Anh bảo tôi ngồi xuống bên Anh – như trìu mến bảo một thằng em ngồi xuống, bên một người anh lâu ngày xa cách...

Vài tấm hình được người bạn đi cùng với Anh (Nhạc Sĩ Trần Duy Đức) vừa chụp. Anh uống một chút nước lạnh. Anh nhìn những tấm rèm cửa cũ rách ố vàng. Anh nhìn về phía góc nhà, chỗ có đặt chiếc bàn thờ đơn sơ với khung ảnh của một người đàn bà đã khuất. Anh khe khẽ thở dài. Anh bảo tôi uống nước đi. Anh nói với tôi những lời an ủi... Rồi hai mắt anh rưng rưng. Và hai mắt tôi cũng rưng rưng. Chúng tôi như cùng đang thấy rõ ở phía sau lưng nhau, những khổ đau, những mất mát sau một cuộc biến thiên đầy đắng cay bi thảm...

Một chập lâu sau, Anh đứng dậy. Anh lại nắm nhẹ bờ vai tôi, rồi Anh lững thững bước đi. Bóng tối từ một mảnh vườn khô cằn xơ xác như đổ xuống vầng trán Anh, đổ xuống bờ vai Anh, đổ xuống tấm thân còm cõi mảnh khảnh của Anh. Rồi chiếc mũ nồi lại được chậm chạp đội lên đầu. Anh dừng bước nhìn lại cái *apartment* chật chội, nghèo nàn, bé nhỏ giữa khoảng bóng tối nhập nhòa. Anh dịu dàng bảo tôi: "Thôi Lĩnh về... H. ở lại vui vẻ với các con nhé... Khi nào rảnh thì viết thư cho Lĩnh..."

Trong hơi gió se-se lạnh của một mùa thu vừa trở lại, tôi tần ngần nhìn theo cái bóng của Anh, ngồi trong lòng chiếc xe hơi đang quành lại một vòng... Rất nhanh, tôi liên tưởng đến những tấm hình của Anh mà suốt bao nhiêu năm tôi đã được xem và đã được hít thở với chúng. Đã được yêu mến và đã được nhớ nhung. Đã được say mê và đã được thổn thức. Đã được khắc khoải và đã được khát khao. Đã được hứng khởi và đã được ngậm ngùi. Đã được bồi hồi và đã được tê tái. Đã được bịn rịn và đã được nâng niu... Tóm lại, đó là những tấm hình – những bức ảnh – những đường nét – những vùng ánh sáng và những khoảng bóng tối – những nỗi câm im và những sự sống động mênh mang... mà Anh Trần Cao Lĩnh đã cho tôi được nhìn ngó thấy – cho cả cuộc đời này được nhìn ngó thấy – qua một *ống kính tràn ngập một tấm tình người*...

Đã lâu lắm rồi, tôi không được gặp lại Anh. Nhưng mỗi lần được nhìn một cảnh đẹp của thiên nhiên, được nhìn một góc đẹp của đời sống, được nhìn một vẻ đẹp của nhan sắc hay được nhìn một nét đẹp của tài năng..., là tôi lại nghĩ tới Anh... Bởi vì, Anh và Anh Nguyễn Cao Đàm đã hơn một lần gián tiếp chỉ cho tôi biết NHÌN NGẮM NHỮNG CÁI ĐẸP ẤY, qua nghệ thuật nhiếp ảnh thuộc hàng đầu của nhân loại, đã

Bóng thu
SƯƠNG MAI

Tôi ngồi im, ngồi im...
Vi vu gió qua thềm
Bóng thu về rất khẽ
Nhẹ nhàng lay trái tim

Tôi ngước mắt nhìn lên
Càng liễu rung êm êm
Có bầy chim hút mật
Bay về trú qua đêm

Tôi nhìn ánh nắng chiều
Huy hoàng biết bao nhiêu
Màu vàng sao huyền hoặc
Như một lời nâng niu

Tôi nghe thu nhè nhẹ
Len lén bước chân về
Đi vào thơ thật khẽ
Chập chờn giữa tỉnh mê

Tôi lặng im, lặng im...
Chờ thu đến ngoài hiên
Rồi mời thu đứng lại
Cho vai vai kề bên...

được mang tên CAO LĨNH – CAO ĐÀM, VIỆT NAM...

Costa Mesa/California
Tuấn Huy

(1) Nhiếp Ảnh Gia NGUYỄN CAO ĐÀM đã qua đời tại Úc, và Nhiếp Ảnh Gia TRẦN CAO LĨNH đã qua đời tại San José.

Ngục tù êm ái

Tràm Cà Mau

Viết tặng anh chị THD

Ông Ba thường nói đùa rằng, ông đang bị tù chung thân trong nhà lao êm ái, mà cai tù không ai khác hơn là bà Ba. Bà "quản lý" tất cả sinh hoạt từng ngày của ông. Từ đi đứng, ăn mặc, nghỉ ngơi, và cả giấc ngủ của ông nữa. Con mắt dòm ngó của bà không bỏ sót bất cứ hành động nào của ông. May mắn cho ông, bà không làm chung một sở, nếu không, thì e công việc sở của ông, cũng không khỏi bị bà xía vô, và ông cũng sẽ mất hết vài chút thì giờ riêng tư ngắn ngủi đang có, để thở tự do. Bà Ba thì dường như cảm thấy cái thiên chức tự nhiên của bà là chăm sóc ông chồng từng ly, từng tí, như chăm trẻ sơ sinh.

Mỗi buổi sáng, ông Ba cứ nằm nướng mãi không chịu dậy sửa soạn đi làm, cứ thiếp đi trong những giấc ngắn ngủi muộn màng. Cái giấc ngủ nướng mà ông cho là ngon nhất, khoan khoái nhất, và nó quyến rũ, cái vốn liếng lười biếng tiềm tàng trong mỗi con người. Kỳ lạ thật, cả đêm thì mất ngủ, cố gắng mà không chợp mắt được, chờ khi gần sáng, cần dậy đi làm, thì lại ngủ ngon, ngủ say. Bà Ba thì chạy vào chạy ra phòng ngủ, nhắc nhở chồng. Bà cúi xuống bên giường, luồn tay vào tóc ông, vuốt ve dỗ dành :

"Dậy đi anh, đừng để muộn rồi hấp tấp, lái xe xa lộ nguy hiểm. Tội nghiệp quá, anh còn buồn ngủ lắm sao? Đêm nào em cũng bảo đi ngủ sớm, mà anh cứ thức khuya. Để em pha cà phê cho anh uống liền nghe. Dậy trễ, cà phê nguội, mất ngon đi."

Bà kêu réo đến lần thứ ba, thứ tư ông Ba mới uể oải dậy. Có khi bà phải bật truyền hình lên, và tìm loại nhạc vui, nhạc hùng, vặn lớn tiếng, cho ông tỉnh ngủ. Trong lúc ông làm vệ sinh buổi sáng, thì bà pha cà phê áp suất, mùi thơm nồng bay lan tỏa khắp nhà. Nước cà phê màu đen

sẫm quánh đặc trong ly thủy tinh trong veo. Bà biết chồng thích loại cà phê nầy. Mỗi lần mua cà phê sống, bà phải đi xa hơn một trăm dặm để tìm cho ra loại đặc biệt, đắt nhất và danh tiếng nhất. Bà ít dám uống thường xuyên, vì cà phê đắt, tiếc tiền, chỉ dề dành cho ông mà thôi. Tuy phải đi xa để mua, nhưng bà không dám mua nhiều một lúc, vì dự trữ lâu ngày sợ cá phê "bay hơi" không còn giữ được chất lượng nữa. Nhiều lúc ở trong phòng tắm, ông nói vọng ra : " Em ơi, ống kem đánh răng hết rồi, xà phòng em để đâu, lần sau đi chợ nhớ mua dao cạo râu cho anh nhé...". Cái gì ông cũng kêu réo gọi bà, như trẻ con vòi vĩnh mẹ. Ông biết, bà thích được nghe những lời vòi vĩnh của chồng, được chăm sóc chồng. Có lẽ, nếu tất cả mọi sự, ông tự làm lấy, không réo gọi bà, thì chắc bà buồn lắm. Bà tìm được cái thích thú, hạnh phúc trong việc chăm sóc chồng.

Ông làm vệ sinh buổi sáng xong, thì ngồi vào bàn. Trên bàn đã sẵn dĩa thịt nguội, mấy lát thịt ba chỉ chiên, vài lát bơ mặn, một khúc bánh mì thơm dòn, và một ly nước cam vắt. Bà hối ông ăn món nầy, món kia ríu rít. Rồi bà chạy mau vào phòng tắm, lấy cái lược, yêu cầu ông chải tóc lại, vì khi nào bà cũng thấy mấy sợi vô kỷ luật chổng lên trời. Mỗi khi bà thấy da ông tróc vảy, thì bà lấy kem dưỡng da bôi vào má, vào mặt ông. Những lúc đó, ông giẫy nẩy mà la lối: "Thôi thôi, anh đâu phải đi ngựa mà bôi kem dưỡng da của đàn bà! Em tha cho anh đi, vào sở, họ cười anh tội nghiệp." Bà cứ lầu bầu : " Mùa đông không bôi thuốc, da hư cả, xấu lắm.". Cái hộp thức ăn trưa của ông Ba to cồng kềnh, nặng trĩu. Bà đã chất sẵn cơm, thức ăn hai ba món khác nhau, một hộp rau sống, trái cây đã cắt sẵn vì bà biết nếu không cắt gọt sẵn thì ông không bao giờ ăn, mấy miếng bánh ngọt, chai sữa tươi nhỏ, bình thủy đựng cà phê, trà. Bà còn bỏ vào đó một hộp đựng thuốc đau đầu, đau bụng, băng dán cấp cứu, dầu cù là. Ông Ba thường thường thử sức nặng cái hộp đựng thức ăn, rồi cười mà ví như ông sắp đi cắm trại, mang đồ ăn cho toàn cả gia đình. Đôi khi xách nặng quá, ông lầm bầm: " Thôi, vợ thương thì rán chịu cho bả vui lòng, chứ không làm chi khác được." Thà mang đi , ăn không hết thì đi năn nỉ, mời bạn bè, hoặc đổ vào thùng rác, còn hơn là để cho vợ lo lắng, áy náy. Đôi lúc ông quên, đem một ít thức ăn thừa về nhà, là bà quýnh quáng, sờ đầu ông xem có nóng không, sao mà hôm nay " biếng ăn".

Những khi ngồi ăn chung với bạn bè trong sở, có ai ngạc nhiên nhìn vào hộp thức ăn tràn đầy, phong phú của ông, thì ông giải thích:

" Đây là hộp thức ăn " tình thương", không phải tầm thường như những hộp thức ăn mua bằng tiền bạc của các bạn đâu."

Mỗi buổi chiều, ông Ba về nhà trước bà chừng nửa giờ. Ông nằm dài trên ghế bành, nghe cái xương sống dãn ra thoải mái, ông mở truyền hình nghe tin tức. Khi ông nghe tiếng xe bà vào sân, thì liền theo đó, có tiếng bà nhắc, câu nhắc nhở cố hữu:

"Nầy, anh đi tắm đi chứ. Nhớ dùng loại thuốc gội đầu chứ đừng dùng xà bong bôi lên tóc mà mai mốt hói đầu đó."

Bà chạy vào bếp, lấy cho ông hai trái mận khô trước khi đi tắm, và nói:

" Ăn cho nhu động ruột được điều hòa, tránh táo bón. Anh nhớ vặn cho nước đủ ấm nghe, nước lạnh sinh ra cảm mạo ."

Ngày nào bà cũng nhắc nhở cùng một câu đó. Đôi khi, bà chưa kịp nói hết, thì ông đã nói nguyên câu của bà. Bà chỉ cười. Khi nào bà cũng chạy vào phòng tắm trước, kiểm soát xà phòng, khăn tắm, thuốc gội đầu. Lấy sẵn áo quần lót treo lên giá cho ông. Bà chạy ra, hối ông thêm vài ba lần nữa, mà khi nào ông Ba cũng ngồi im tại chỗ, vì gắng nghe cho hết tin tức quan trọng buổi chiều. Đôi khi bị vợ thúc giục quá, ông lén nhìn bà, rồi rời ghế bành mà mặt còn quay lại nhìn màn ảnh truyền hình tiếc rẻ. Những lúc ông xem đấu bóng rổ, đang đến hồi gay cấn, thì dù đã đến trước cửa phòng tắm, ông cũng đứng lại nấn ná, xem trái banh trên màn ảnh có lọt lỗ hay không. Bà nhìn ông mà cười nói:

" Anh thật lạ. Đã lớn rồi, mà chiều nào cũng nhắc nhở năm lần bảy lượt mới chịu đi tắm. Không có em nhắc, thì chắc xuân thu nhị kỳ anh mới tắm rửa chăng?"

Khi nào ông Ba cũng cười, và trêu lại bà :

" Anh nhớ năm ngoái đã tắm rồi mà. Tắm gì mà tắm mãi thế, tắm mãi thịt da nó thau hết. Hồi xưa chưa lấy em, hai mươi mấy năm anh chỉ tắm có ba lần thôi, vậy mà cũng có người thương, cũng lấy được vợ, có thua ai gì đâu?"

Rồi ông Ba vào phòng tắm, mở nước chảy ào ào trên thân thể. Thường thường, khi mở vòi thì không cần thử, mà nước ấm đã thoát ra ngay, vì bà Ba đã xả trước phần nước lạnh nằm trong ống rồi. Ông Ba vừa nhảy nhót vung vẫy tay chân dưới vòi nước, vừa hát theo điệu nhạc vang vang từ máy hát nhỏ trong phòng, mà bà Ba vặn sẵn, và đã chọn những băng nhạc ông ưa thích. Tắm xong, thì vói tay lấy khăn và áo quần, đã được treo sẵn trên máng mắc áo. Ông Ba mặc áo quần vào mà không hề thắc mắc, không hề nghĩ đến cái chu đáo và chăm sóc của vợ. Ông xem chuyện đó như đương nhiên được hưởng, và ông cũng chưa bao giờ máng sẵn khăn tắm hay áo quần cho bà. Bà cũng không bao giờ đòi hỏi, hay cân phân cái việc chăm sóc nhau giữa hai vợ chồng.

Trong khi ông tắm, thì bà xuống bếp, cắt rau, lạng thịt, nấu ăn, chuẩn bị cho bữa cơm tối. Tắm xong, ông Ba lần xuống bếp giả vờ hỏi bà: " Em ơi, có cần anh giúp việc gì không?"

Ông hỏi cho có lệ, hỏi cho bà vui, chứ ông đã thuộc lòng câu trả lời của vợ mỗi ngày:

"Thôi, anh đã tắm sạch sẽ rồi. Đừng làm gì nữa mà vấy bẩn vào áo quần. Để em làm một mình cho mau. Anh lên nhà xem truyền hình đi."

Trước khi ông đi, bà lau tay, và luồn tay vào tóc ông, kiểm soát xem tóc đã sấy khô chưa. Rồi bà liếc nhìn ông với con mắt âu yếm, nhìn cái dáng hớn hở của ông, mà bà bà mỉm cười như thích thú lắm. Thỉnh thoảng từ bếp, bà chạy lên phòng khách, đút cho ông một miếng thức ăn, yêu cầu ông thử xem có "vừa miệng" không. Khi nào ông cũng nói:

"Em nấu ăn là nhất rồi, không ai nấu ngon bằng em cả. Em thử thấy ngon, là anh ăn ngon."

Bà cười vui vẻ :

" Em nấu cho anh ăn, thì phải hợp với khẩu vị của anh mới được"

"Dễ thường em không ăn sao ?"

Câu trả lời cố hữu là: " Ngon lắm rồi, vừa ăn lắm rồi." Bà Ba hí hửng quay xuống bếp nấu tiếp. Đôi khi ông Ba nói vọng từ phòng khách xuống: " Em nấu gì mà thơm quá, làm anh đói bụng quá chừng." Bà biết ông thích ăn tỏi và ăn cay, bà cho thật nhiều tỏi và ớt vào các món ăn.

Ông Ba tiếp tục xem truyền hình, xem tin tức, và các trận thể thao buổi chiều. Đôi khi ông cũng muốn dọn bàn ăn, soạn chén dĩa giúp bà, nhưng không dám làm, sợ không vừa ý vợ. Nhiều lần bà căn dặn;

" Để em làm. Em biết hôm nay cái gì cần, cái gì không. Anh dọn đầy ra bàn, có cái không cần đến, rồi sắp xếp vào lại, thêm mệt."

Ông cũng hiểu bà nói thế, để cho ông có thì giờ mà xem truyền hình nhiều hơn. Nấu cơm xong, bà dọn ra bàn, bật đèn vàng, và chạy ra quay cái truyền hình về hướng bàn ăn, để ông vừa ăn, vừa xem các chương trình đang dang dở. Trong khi ăn, ngày nào bà cũng nhắc nhở, thúc hối ông gắp món nầy, gắp món kia: " Anh ăn tôm đi, tôm tươi và dòn, ngon lắm." Ông mới đưa đủa vào dĩa tôm, chưa kịp gắp, thì bà đã nói tiếp: "Thịt nầy ninh mềm và bùi lắm, anh ăn miếng thịt nầy đi." Ông lại chuyển đũa từ dĩa tôm qua dĩa thịt, mới gắp, chưa kịp đưa lên miệng, thì bà đã nói: "Anh ăn canh đi, canh mồng tơi mát và ngọt nước. Mồng tơi tươi, ngon lắm." Ông theo lời bà, chưa kịp múc canh, đã nghe bà nói: " Rau tươi đây, anh ăn nhiều vào cho có chất xơ, trị được bệnh đường ruột." Rồi bà dục ông gắp rau. Khi chén ông đã đầy cả tôm, thịt,

canh, rau, ông bắt đầu thanh toán dần, thế mà bà cũng cứ dục ông gắp thêm. Ông thường trêu ghẹo bà:

" Ước chi anh có ba cái miệng, sáu cánh tay để ăn và gắp thức ăn cho em vui."

Ngày xưa, khi mới cưới, ông hơi bực mình vì ăn chưa hết món nầy, thì bà đã hối gắp món khác. Đôi khi ông gắt: "Để cho anh thở với chứ. Có ai giành hết đâu mà gấp thế?" Nhưng sau nhiều lần bắt gặp ánh mắt buồn bã của vợ, thì ông hiểu rằng, không tội gì mà làm cho bà buồn. Cứ gắp lia lịa cho bà vui, ông cũng chẳng mất gì cả. Trong lúc ăn, bà để dành miếng ngon gắp bỏ vào chén ông, ông bỏ lại vào chén bà, cứ thế mà đẩy qua, đưa lại, cho đến khi bà làm mặt giận ông mới chịu ăn. Biết vợ thương, ông thường gắp thức ăn bỏ vào chén bà và nói:

"Miếng nầy dở lắm, em ăn giúp anh, anh không muốn ăn miếng dở."

Bà âu yếm nhìn ông và mỉm cười, như thầm bảo: "Anh không gạt nổi em đâu, em biết hết.". Mỗi khi ăn cá, bà ân cần nhắc nhở ông:

"Khéo hóc xương nghe, anh ăn phần hông con cá, nhiều thịt, ít xương, đừng ăn phần kia"

Ông lại trêu chọc bà:

"Phải. Để phần nhiều xương lại cho em hóc xương, cho bác sĩ và bệnh viện có việc làm, đỡ thất nghiệp."

Mấy chục năm, chưa bao giờ ông bị hóc xương, mà bà vẫn nhắc nhở. Bà cho rằng, nhờ bà nhắc nhở, nên ông không bị hóc xương.

Gần cuối bữa ăn, bà thường ép ông ăn thêm nửa chén, một phần tư chén, hoặc húp thêm chén canh, vài muỗng nước rau. Biết ý bà, nên ông thường để dành, trống một góc dạ dày, mà có sức ăn thêm cho vợ vui lòng. Ông cũng biết sau bữa ăn còn bánh ngọt, trái cây, phải ăn cho hết. Nhiều lúc cơm ngon, ông ăn đã đầy bụng, không ăn thêm được nữa, ông thường cầm các thứ trái cây mà bà ép ông ăn, len lén gói lại, đem cất vào tủ lạnh. Ông biết rõ, ông không có quyền nói là no lắm rồi. No cũng phải rán mà ăn. Nhiều lúc bà ép ăn nhiều quá, bao tử chịu không nỗi sức ém, phải bài tiết gấp. Sau khi xả xong, ông nói đùa với bà: " Nầy em, của Caesar đã trả lại cho Caesar hết rồi. Phí mất một bữa ăn". Thế là bà vội vã đi lấy dầu nóng thoa vào rốn ông, bắt ông phải mang vớ vào cho ấm chân, dù trời đang tiết nóng nực. Bà lại nhắc nhở: " Anh không được khỏe, tối nay phải đi ngủ sớm. Đừng đọc sách, đừng xem truyền hình." Sau đó bà vội vã nấu nước gừng, bắt ông uống nóng, để dằn cơn đau bụng. Ông nói rằng thải ra hết, là xong rồi, không đau đớn gì nữa cả, mà bà không tin, cứ lo lắng mãi.

Sau mỗi bữa ăn, ông Ba nói cho có lệ:

" Em có cho anh dịp may, hôm nay được dọn dẹp chén dĩa và rửa bát không?"

Bà Ba gạt phắt đi như mọi hôm:

"Không được đâu, việc nầy của em. Anh rửa chén bát rồi sắp xếp lung tung, đến khi cần, em không biết đâu mà tìm."

Ông Ba hỏi, chứ đã biết chắc câu trả lời của vợ rồi. Bởi đôi khi ông cũng áy náy, muốn giúp vợ một tay, vì việc gì bà cũng giành lấy mà làm. Khi có việc bà không làm nổi, mới kêu ông phụ giúp.

Mỗi đêm, ông Ba thường ưa đọc sách, nhưng bà cứ thúc giục ông đi ngủ sớm, đừng thức khuya hại sức khỏe. Chín giờ đêm là phải tắt đèn đi ngủ. Không được qua khỏi cái giới hạn đó. Ông thường nói với bà:

" Em xem, cuộc đời ngắn ngủi, người xưa còn biết thắp đuốc đi chơi, nay đèn đóm sáng choang, mình ngủ sớm, uổng đời quá."

Khi đi ngủ, bà đưa thêm áo ấm cho ông mang, bắt ông đi vớ, đội nón, vì sợ khuya trời chuyển lạnh. Nhiều đêm trời nóng nực, không chịu nổi đôi vớ, cái nón nực nội, nhưng ông cũng không phản đối. Chờ cho bà ngủ, ông len lén cởi ra các thứ vướng víu nóng nực đó. Thường ông nói nhỏ:

" Em à, mình đang ở California vào mùa xuân, chứ không phải ở Alaska vào mùa tuyết phủ."

Bà trả lời yếu ớt:

"Thà chịu nóng một chút, mà chắc chắn khỏi cảm lạnh khi về khuya."

Thường trước khi ngủ, bà ép ông uống vài viên thuốc bổ. Bà đứng canh cho đến khi ông uống xong mới chịu đi, vì có lần, bà tìm thấy thuốc bổ nằm la liệt trong thùng đựng rác. Có khi ông Ba vờ uống cho bà vui, nhưng ông ép viên thuốc vào dưới lưỡi, và sau đó phì ra.

Mỗi khi pha trà cho ông uống, bà cũng thử xem độ nóng đến đâu. Khi nước quá nóng, thì bà không quên dặn dò:

" Nước nóng lắm đó. Coi chừng kẻo phỏng lưỡi"

Những lúc nầy, ông Ba giả bộ như sắp uống ngay ly nước, làm bà hốt hoảng la ơi ới. Dù bà biết ông đùa nghịch mà thôi. Rồi ông Ba nhăn răng cười, bà quay mặt bỏ đi. Mỗi khi ông dẫn bà đi phố, bà thấy áo quần đẹp, vừa ý, thì mua cho ông ngay. Bà biết kích thước, tầm số của áo quần ông, từ áo lót, quần lót, cho đến áo tay dài, áo tay cụt, vòng lưng, vòng mông, mà chính ông Ba cũng không biết và không nhớ phải mua áo quần cỡ nào cho chính ông. Tất cả áo quần của ông Ba đều do bà mua sắm, cứ chất đầy trong tủ. Có khi ông Ba thấy vợ chọn cái áo lòe loẹt quá, ông nói:

" Em nầy, quanh vùng chúng ta ở, có ai lập gánh cải lương không? Để anh xin gia nhập. Sẵn có cái áo nầy, đỡ may mặc tốn kém."

Bị ông trêu chọc, bà không giận hờn, chỉ nói nho nhỏ:

"Anh không thích màu áo đó, thì em sẽ đem đổi lại."

Thường khi ông lái xe, bà ngồi bên cạnh. Bà ngồi mà mắt nhìn kiếng chiếu hậu, nhìn qua phải, nhìn qua trái, xem xe cộ chung quanh mà nhắc nhở ông biết tình trạng lưu thông trên đường.

" Coi chừng chiếc xe bên phải, nó chạy sát xe mình quá." Hoặc: "Chạy chậm lại chút đi, cái xe đàng trước xem loạng quạng như người say rượu." Hoặc la lên nho nhỏ: "Anh phải nhường cho xe kia qua chứ. Tranh nhau làm gì?" .

Ông Ba thường bảo:

" Anh thì lái xe, mà em thì lái anh. Lên xe, em hãy ngồi nghỉ ngơi, đọc báo, nghe nhạc hoặc ngủ cho khỏe, việc lái xe để anh lo."

" Em phải chia xẻ cùng anh chứ, bốn con mắt, hai cái đầu vẫn hơn hai con mắt, một cái đầu. Vả lại, làm sao mà yên tâm nghỉ ngơi được?"

Mỗi lần đi đâu xa, không quen đường, bà Ba thường giở bản đồ nghiên cứu trước. Phải đi lối nào, xa lộ nào, đến đâu thì chuẩn bị, và ra khỏi xa lộ quẹo mặt hay quẹo trái, đi thêm bao nhiêu ngã tư nữa thì quành hướng nào. Trước khi quẹo là ngã tư tên đường gì. Rồi bà vẽ ra trên giấy, dán vào tay lái cho ông. Tuy thế, bà vẫn chưa yên tâm, sao chép lại một bản khác mà cầm trên tay. Rồi chỉ đường cho ông đi. Ông cứ lái xe theo hướng dẫn của bà, và thành một thói quen, lái xe mà không suy nghĩ, không vận dụng trí nhớ để tìm đường. Bởi vậy, những khi đi đâu một mình, ông hay bị lạc đường, và phải dừng xe lại xem bản đồ. Ông thường nghĩ, vợ chăm sóc quá, làm ông mất đi một phần năng khiếu có sẵn. Những khi bà chỉ sai đường, đi quanh co mà không tìm ra nơi muốn đến, thì bà áy náy, nôn nao, làm như bà đã phạm vào một lỗi lầm tầy trời. Thường thường, ông Ba an ủi vợ:

" Có sao đâu. Lạc đường thì quay lại. Cứ xem như mình đi chơi, đi ngắm cảnh, đi cho biết đó biết đây. Gấp gáp gì đâu? Đến trễ cũng chẳng chết ai cả. Tìm mãi rồi cũng sẽ ra đúng đường."

Dù được chồng an ủi như thế, mà bà vẫn quay quắt dòm qua, ngó lại, rồi cúi đầu vào cái bản đồ, cho đến khi xe dừng lại đúng dịa chỉ, bà mới hết băn khoăn.

Những khi đi bộ băng qua đường, bà hốt hoảng nhìn quanh và la lối nhắc nhở:

"Coi chừng xe cộ. Nhiều người lái ẩu tả lắm. Phải nhìn phải, nhìn trái, và nhìn lui cả đàng sau nữa mới được."

Bà thường nói : "Anh không biết một chút gì về luật đi đường cả. An toàn là trên hết." Câu nói của bà làm ông Ba mỉm cười, vì chính ông là kỹ sư lưu thông, phụ trách về an toàn cho xe cộ di chuyển trong thành phố nhà.

Những khi ông ngồi chờ bà đi rảo trong các khu hàng hóa lớn, trước khi đi bà dặn dò:

"Ngồi đây nhé. Đừng đi đâu mà xe cộ nguy hiểm, làm em lo."

Ông Ba ngồi đọc báo, có khi quẹo đầu ngủ gật. Khi mỏi mệt, ông đi một vòng cho giãn gân cốt, hoặc lảng vảng ở các tiệm bán đồ điện tử. Nếu bà trở lại mà không thấy ông, thì bà hốt hoảng như con gà mắc đẻ, chạy quanh tìm kiếm. Khi tìm được ông, thì bà lớn tiếng và giận hờn:

"Anh làm em sợ muốn chết. Tưởng đâu chúng nó bắt cóc, hoặc giết chết anh rồi. Đi đâu mà không cho em biết?"

Ông Ba hiểu rằng, vì thương chồng nên bà mới có thái độ đó. Không phải bà độc tài hay khó tánh. Ông thường trả lời:

" Em tưởng tấm thân anh quý báu lắm sao? Ai mà bắt cóc anh làm gì , nuôi cho thêm tốn cơm, cạy không ra một đồng xu. Họ giết anh làm gì, sừng sỏ như anh, không giết ai thì thôi, chứ ai mà giết được anh. Em làm anh tưởng mình là nhân vật quan trọng lắm."

Những lúc đi ăn tiệc, hoặc tham dự đám cưới, dù đã được ông căn dặn trước, nhắc nhở nhiều lần, thế mà bà Ba vẫn quen thói như khi ở nhà, gắp lia lịa các miếng ngon bỏ vào chén ông. Hoặc thúc hối ông ăn món nầy, ăn món kia. Những lúc đó, ông Ba đưa mắt kín đáo ra dấu cho bà, hoặc đá chân bà ở dưới gầm bàn mà nhắc nhở. Bà chỉ mỉm cười. Những lúc nầy, ông Ba thấy thương vợ vô cùng, dù hơi bực mình vì ngượng với những người ngồi chung bàn, sợ họ nghĩ ông bà tham ăn, thiếu lịch sự. Có khi ông chữa thẹn bằng vài câu khôi hài vu vơ.

Trong mùa hè, ông Ba thường đi đánh quần vợt với bạn bè vào sáng chủ nhật. Thấy ông Ba xuất hiện trên sân, là đám bạn đã nhao nhao lên trêu chọc ông: "Hôm nay chúng tôi được ăn, uống món gì đây?" Bởi họ biết rằng, khoảng gần trưa, bà Ba sẽ lễ mễ bưng đến bánh trái, nước ngọt cho ông Ba và bạn bè. Bà thường dặn dò:

" Đánh banh vừa phải thôi, đừng chơi nhiều, đứng ngoài nắng lâu không tốt . Các anh ăn uống đi, cho có sức mà đập banh."

Cái chu đáo của bà thường được bạn bè ông Ba đem ra làm đề tài để trêu chọc ông. Cũng có vài người tỏ ra ganh tị, vì không có được bà vợ hết lòng với chồng như bà Ba. Bị trêu chọc, ông Ba chỉ cười và trêu lại rằng, các bạn ông không có phước phần thì rán cắn răng mà chịu. Có bà thấy bà Ba đem thức ăn ra sân banh cho chồng, thì phàn nàn và lớn

tiếng :

" Việc gì mà nối giáo cho giặc. Mấy chả ham chơi, lười biếng chảy mỡ ra, việc nhà thì thoái thác rằng yếu, mệt, mà chạy chơi, đập banh suốt ngày ngoài nắng thì không mệt. Đàn bà mình cũng đi làm chứ! Thứ bảy chủ nhật mình lo việc nhà mờ con mắt không hết, mấy ổng thì đi chơi, lại còn nhậu nhẹt, bàn tán chuyện vá trời xô núi. Đem thức ăn ra sân banh làm chi cho mấy chả thêm lừng!"

Bà Ba chỉ cười, nói nhỏ nhẹ:

" Thương chồng thì có mất mát gì đâu? So đo làm chi? Thương thì cho bao nhiêu cũng không vừa, và không cần đền đáp. Làm gì được cho chồng vui là em thấy sung sướng trong lòng. Tình thương cho đi, không bao giờ thiệt hại cho ai cả."

Ông Ba sợ nhất là những khi nhức đầu sổ mũi. Những lúc đó, bà đè sấp ông xuống, dùng cái muỗng, bôi dầu cù là mà cạo gió cho nát cái lưng ông ra. Da lưng rướm máu, đỏ bầm lằn ngang vết dọc. Ông chỉ biết la ơi ới, và xin bà nhẹ tay cho, vì quá đau. Đau quá, ông thều thào: "Em làm như công an cộng sản tra tấn, khai thác lấy tin tức không bằng. Thôi tha cho anh đi." Bà đâu có chịu tha dễ dàng. Sau màn cạo gió, là xông dầu tràm. Rồi bà bắt ông uống nhiều loại thuốc khác nhau cho mau lành bệnh. Ông hỏi bà: " Em bắt anh uống nhiều thuốc như thế nầy, không sợ phải ra tòa mang tội sát phu hay sao?" Ông biết bà không có một chút kiến thức y khoa nào cả, cứ nghĩ uống nhiều thuốc là mau lành bệnh. Ông giả vờ uống cho bà đỡ lo, rồi đem quăng vào thùng rác. Thường ông thì thầm đùa với bà: " Em muốn anh hết bệnh ngay tức khắc không? Dễ lắm. Chúng ta vào buồng đóng cửa, thương nhau cho nhiều, mồ hôi ra, là hết bệnh ngay." Bà phát yêu vào vai ông: " Bậy bạ, muốn chết sớm hay sao. Bệnh mà còn loạng quạng là sụm ngay luôn đó."

Mỗi khi ông Ba đi công tác xa nhà vài hôm, bà soạn hành lý cho ông, bỏ vào hành trang đủ thứ lỉnh kỉnh. Bà có sẵn mấy cái danh sách dài lòng thòng, về những món cần thiết chẩn bị cho ông. Đi ngắn ngày, đi dài ngày, đi một hai ngày, đều có danh sách riêng cho các thứ hành trong mang theo. Đi xa trên ba ngày thì có năm mươi bốn món, đi dưới ba ngày thí có bốn mươi tám món. Trong đó có cả tăm xỉa răng hai loại, loại bằng nhựa có dây chỉ, loại tăm thơm trong bao giấy, có cả giấy lau kiếng, giấy ướt chùi tay, con dao Thụy Sĩ có cờ chữ thập hồng, thuốc đau đầu, đau bụng, dầu gió... Đặc biệt là cái chai kim khí lép, cong, đựng rượu của mấy tay chăn bò miền viễn tây. Bà đổ đầy rượu ngon, gói thêm vài đòn dò chả, và dăm trái ớt tươi cay xè. Để khi đêm hôm tại khách sạn, ông có buồn thì đem ra nhâm nhi. Bà kiểm soát và đánh dấu vào

những món cần dùng đã nhét vào rương da. Suốt đêm hôm trước khi đi, dù ông đã vặn đồng hồ reo báo thức rồi, bà cũng lăng xăng không ngủ được, chạy lui chạy tới trong nhà cho đến khuya, và không ngủ được vì sợ ông trễ giờ lên máy bay, bà thức dậy nhiều lần nhìn đồng hồ, và mở hành trang ông ra, kiểm soát lại xem có thiếu món gì không. Đôi khi ông bực mình, gắt bà, nói là ông đã lớn, đã già rồi, không còn là trẻ con nữa mà phải lo lắng từng ly, từng tí như vậy. Bà chỉ nói nho nhỏ là nếu bà không lo cho ông, thì ai lo cho đây. Nghe giọng nói buồn bã của vợ, ông Ba biết rằng, vì thương chồng mà bà quay quắt như vậy, nên để yên cho bà lăng xăng. Có lẽ không được lo lắng cho chồng, thì bà buồn hơn. Mỗi lần nhìn đống hành trang, khi nào ông cũng kêu lên:

" Em làm như anh dọn nhà không bằng. Mấy ông bị vợ tống cổ ra khỏi nhà, chắc cũng không mang được nhiều như thế nầy. Đem đi nhiều, nặng nhọc mà không dùng đến, uổng công."

" Thà dư chứ không thà thiếu. Lỡ anh cần, thì có ngay mà dùng."

Ngoài hành trang mang theo, bà còn kiểm soát xem ông còn đủ tiền mặt trong túi không. Nếu không đủ thì bà bỏ thêm. Bà còn mua cho ông cái thắt lưng da hai lớp, giấu mấy trăm đồng đô la xếp gọn. Bà cũng không quên giấu thêm tiền trong một ngăn bí mật trong rương da, để phòng khi bất trắc.

Ngày thường, mỗi sáng bà bỏ thêm tiền mặt vào ví da cho ông, dù ông bảo là đã có thẻ nhựa, không cần tiền mặt làm chi. Trong hộp gạt tàn thuốc của chiếc xe ông, bà cũng giấu ít chục đồng, để phòng hờ khi khẩn cấp, khi ông cần đến. Và quả thật, ông đã nhiều lần sử dụng cái số tiền bí mật phòng xa đó. Những lúc nầy, ông biết ơn vô cùng cái chu đáo của vợ.

Lần hai ông bà đi du lịch Trung Hoa, đêm ngủ lại Bắc Kinh, nằm trong khách sạn rộng rãi, ông nói:

" Em à, nằm đây mà anh nhớ đến thời xưa, các sứ thần Việt Nam qua cống Thiên Triều, như cụ Ngô Thời Nhậm, cụ Nguyễn Du, họ đi bộ hàng ngàn dặm, lại phải ở lại công quán, đâu có tiện nghi, đâu có sang trọng như khách sạn bây giờ mà lại có vợ ôm trong tay nữa. Chúng ta sung sướng quá, tội chi không để lại một kỷ niệm yêu thương nơi đây?"

Ông luồn tay vào bụng bà. Bà giẫy nẩy không chịu:

" Ngày mai leo Vạn Lý Trường Thành, phải để dành sức khỏe mà đi. Không thì uổng lắm"

" Một trăm cái Vạn Lý Trường Thành cũng bỏ."

Bà nói nho nhỏ:

" Thiên hạ biết, họ cười cho mà xấu hổ".

"Vợ chồng thương nhau là hợp với lẽ thường của trời đất, có gì sai trái mà sợ thiên hạ cười. Ai không có chuyện nầy, mà lại dám cười mình? Ngày mai lên xe, anh sẽ hỏi lớn, vợ chồng nào dám dong tay lên, xác nhận là chưa có chuyện "thương" nhau bao giờ. Xem có ai dám dong tay lên không? "

" Thôi anh ơi, đừng nói chuyện tào lao nữa. Kỳ lắm."

Hôm sau ông Ba thở phì phò leo lên dốc Trường Thành Vạn Lý. Bà đi bên cạnh xót xa : " Đã bảo mà không nghe. Tội nghiệp anh chưa."

Được thể, lần đi du lịch Âu châu, hai tuần qua sáu quốc gia, ông cũng nài bà để lại kỷ niệm thương nhau tại thủ đô của mỗi nước. Tại London thủ đô Anh Quốc , Paris của Pháp , Geneva của Thuỵ sĩ, Rome của Ý, và Vienna Áo Quốc. Khi di chuyển, ngồi trên xe, ngày nào bà cũng thấy ông quẹo đầu nhắm mắt ngáy phì phò mà cái miệng thì chu dài ra, bà xót xa nói nho nhỏ :

" Khổ chưa, đi du lịch ngắm cảnh mà mệt ngủ khì ra thế, có uổng tiền không. Thiệt như là trẻ con. Thương quá !"

Đang ngáy, mà ông cũng nghe được, giật mình mở mắt, quay qua bà nói đùa:

" Thương hả? Chưa được đâu. Trên xe đông người thế nầy, kỳ lắm."

Bà cấu ông một cái , nói nho nhỏ :

" Bậy nào, anh cứ nói chuyện khôi hài mãi. Thiên hạ nghe được, họ cười cho."

Rồi ông lại tiếp tục ngủ gục, cái đầu lắc lư theo nhịp xe di chuyển. Mỗi khi xe dừng lại ở các thắng cảnh cần viếng thăm, bà đánh thức ông dậy. Cái mặt ông đờ ra, ngơ ngác nhìn quanh.

Mấy lần ông đi trượt tuyết, từ nhà lái xe lên núi cũng mất gần năm giờ. Bà giành lấy tay lái, đưa ông đi, vì sợ ông lái xe đường xa mệt nhọc, không còn sức mà trượt tuyết. Bà thường nói:

" Anh nhắm mắt ngủ cho khỏe, lấy thêm một chút sức khỏe mà trượt đua với thiên hạ."

Lên núi, bà đứng canh, và đưa mắt theo dõi ông từ trên cao lao người vòng vèo lượn xuống. Hai tay bà luôn luôn ôm lấy ngực lo lắng, sợ ông té ngã. Mỗi khi ông lượn vòng qua, bà không quên nhắc nhở: "Cẩn thận nghe anh, coi chừng té gãy tay, gãy chân thì khổ." Nghe bà nhắc, ông lướt đến gần bà, rồi giả vờ té lăn nằm ngửa trên tuyết. Biết là ông chồng đùa nghịch, mà bà vẫn hốt hoảng chạy gấp đến hỏi han rối rít. Ông nhăn răng cười. Bà nhẹ nhàng trách:

" Anh ác lắm. Anh làm em lo, tội nghiệp em".

Mỗi lần có bạn ông đến chơi, bà lo lắng nấu món nầy, món kia, làm thức nhậu cho các ông. Thường thường bà nấu thức ăn theo sở thích của khách mà bà biết. Rồi bà bảo đứa con trai xuống hầm nhà lấy những chai rượu nho cũ nhất mà đãi khách. Hằng năm, có những đợt rượu nho được bán ra với giá rẻ để quảng cáo. Bà mua vài ba chục chai, cất vào hầm, gác lên kệ và ghi chú năm sản xuất. Mười mấy cái kệ dưới hầm nhà chất toàn rượu nho. Những chai rượu để dành lâu năm, có khi giá tăng thành năm bảy lần giá mua ban đầu. Bà lý luận rằng, thế nào cũng phải mua rượu đãi bạn, tội gì không mua trước, tiết kiệm được vô số tiền. Khi đãi người ta, thì phải cho ăn ngon, uống ngon, còn không thì thôi, đừng mời. Đó là chủ trương của bà. Bởi vậy cho nên nhà ông bà Ba thường có khách khứa liên miên. Đãi đằng bạn bè, là một thú vui của bà. Bà Ba thường nói rằng, những niềm vui nho nhỏ hàng ngày gom lại, thành ý nghĩa hạnh phúc đích thực của cuộc sống. Bà không mơ cao xa, không ước vọng giàu sang xa hoa phú quý tột bực.

Những khi việc sở cần kíp, ông Ba đi làm thêm vào thứ bảy, hay buổi chiều về muộn, bà thường xuýt xoa, lo cho sức khỏe của ông. Bà thường bảo ông:

" Mình có đủ ăn rồi, kiếm thêm bao nhiêu tiền cũng không thể giàu được. Mà giàu làm chi? Có nhiều tiền để sau nầy chết cúng cho chùa, cho nhà thờ ư? Con mình, chúng không cần tiền đó. Mình đến đất nước nầy khi đã quá nửa đời người, mà còn làm ăn sinh sống được, huống chi con mình lớn lên tại đây, học hành và tốt nghiệp tại đây. Tương lai của chúng, chắc chắn khá hơn mình nhiều, tại sao mà phải lo ngược?"

Có người chế nhạo ông Ba rằng, đã già đời rồi, mà còn để vợ chăm sóc như con trẻ, bị vợ "quản lý" như kẻ đi tù chung thân. Ông Ba cười, và nói rằng, trong cái vòng lao tù êm ái nầy, ông mong được ở tù càng lâu càng tốt, và cầu sao cho đừng bao giờ có cái ngày "ân xá".

Bà Ba cũng bị bạn bè thân thiết trách mắng :

" Sao mà dại thế, các ông cũng có tay chân, cũng có sức khỏe, tội chi mà hầu hạ cho các ông thêm lười biếng, thêm hư hỏng. Mai sau mình có chết trước, mấy ông sống một mình không nổi, phải đi kiếm gấp bà khác mà điền thế vào chỗ trống của mình. Phải tập cho các ông tự lập, tự lo lấy cho quen."

Bà Ba nhẹ nhàng đáp:

" Tình thương không có so đo. Làm được gì cho chồng vui là mình vui, là xây thêm được một viên gạch vào cái nền hạnh phúc cho vững vàng hơn, không mất mát đi đâu cả. Cho còn sướng hơn nhận".

Tràm Cà Mau

Hèn

Suy nghĩ từ một chữ "Hèn" của người bạn

Mày đã nhìn thấy họ
Mày cũng đã từng nói về họ:
Chúng nó không phải là người
Mặc dù họ thật sự
Còn người hơn cả mày

Còn người hơn cả tao
Còn người hơn cả người
Rất nhiều lần

Lần đầu tiên,
Bên barie chắn con đường sắt
Mày đã nhìn thấy họ
Lúc một đoàn tầu đi ngang qua

Một đoàn tầu với những toa tầu đen xì
Những toa tầu vốn dùng để chở hàng không có cửa sổ
Và cửa lên xuống được rào chắc bằng dây thép gai

Và họ đấy
Những người mà chúng mày gọi bằng bọn nó
Gầy gò
Ngồi bệt dưới sàn tầu
Mệt mỏi
Tay bị xích vào nhau
Và vào những thanh sắt

Bọn họ đấy
Mắt mở to
Vô hồn
Không nhìn mày mà cũng chẳng nhìn ai

Trong tay mày không có cái gì
Không có bánh mỳ
Cũng không có thuốc lá

Nhưng dẫu có
Chắc mày cũng vẫn chẳng thể quẳng cho bọn họ
Dù chỉ một mẩu nhỏ
Như trên phim hoặc trong tiểu thuyết

Bọn họ đấy,
Mày chẳng thể làm được gì cho họ
Chẳng thể giúp họ tẩu thoát
Chẳng thể che dấu họ
Chẳng thể giúp họ dầu chỉ một ít tiền
Dầu chỉ một ít thức ăn
Dầu chỉ một ít quần áo
Dầu một câu chỉ đường
Dầu bất cứ điều chi
Một điều dễ dàng và đơn giản nhất cũng không
Chẳng ai cấm mày tiếp xúc với bọn họ
Nhưng mà mày sợ
Mặc dù mày chưa thấy nhà tù bao giờ
Mày cũng chưa thấy công an đánh đập tra tấn ai

Bọn họ đấy
Đầu trọc lốc
Mắt mở to vô hồn
Không thấy mày mà cũng chẳng thấy ai

Mày chẳng thể
Không thể
Không bao giò
Không muốn
Không thèm
Cho họ dù chỉ một tia hy vọng rất nhỏ
Đoàn tầu lừ đừ chạy ngang qua

Chẳng ai dạy mày phải hận thù như thế nào
Nhưng trong mày không có chỗ cho tình đồng loại
Mày vô cảm

Nguyễn Hoài Phương

Sao trong vạt áo

Ngô Nguyên Dũng

Chúng tôi thường xuyên tụ họp tại nhà anh chị Đỉnh. Hai tháng một lần. Lúc nào cũng chừng ấy người. Đoan, có chồng, hai con. Khang, còn độc thân. Xuyến, đang trong thời gian đính hôn. Trang, người luôn miệng tuyên bố, không bao giờ lập gia đình. Và tôi, kẻ đã từng dõng dạc hô khẩu hiệu: "Thà mình phụ tình, chứ không để tình phụ."

Thỉnh thoảng số người hiện diện lên xuống chút đỉnh. Kẻ vắng mặt vì lý do nọ kia. Thêm khách lạ, là bạn của ai đó. Nhưng tôi nhớ, từ dạo chúng tôi bày trò họp bạn kiểu này tới giờ, chỉ một lần khất hẹn vì thời tiết xấu. Cái lý do gặp nhau? Không ai nói ra, vì chẳng người nào thấu đáo. Chỉ biết chúng tôi là những kẻ đã từng vượt biên cùng chuyến ghe, lên đảo trú cùng trại, và sang đây, cuối cùng định cư lập nghiệp cùng tỉnh bang. Có đôi lúc xảy ra vài xung khắc khó tránh. Nhưng được hàn gắn ngay sau đó, minh bạch, sòng phẳng trước mặt mọi người. Thế nên, chúng tôi không có một riêng tư nào để giấu kín. Gần như vậy.

Chẳng hạn chuyện tôi từ lâu ngấm nghé Trang, ai cũng biết. Tôi và Trang chung bản tính, ngang bướng ngoài mặt nhưng yếu đuối nội tâm. Cùng từ cực, nên khắc khẩu. Trang vẫn trêu tôi bằng cách ngân nga ca khúc "Hai phương trời cách biệt". Tôi trả đũa, ngâm thơ Quang Dũng, "Đôi mắt người Sơn tây". Gốc gác Trang từ đấy. Khoé nhìn Trang "u uẩn" ngây dại, "luân lạc" đôi ngả vì lác mỏng, nhưng duyên dáng vô cùng. Cộng thêm cái lối xử sự đôi khi thẳng thừng, gẫy gọn của Trang càng khiến tôi cảm kích. Tôi thích mẫu phụ nữ đừng quá nhu mì, biết mình muốn gì, và quan trọng hơn cả, không lắm lời. Ai cũng công nhận, Trang đậm nam tính. Tóc cắt ngắn, gáy húi chữ M, nhuộm lọn màu đồng. Y phục kiểu thể thao. Không một món nữ trang, ngoài chiếc vòng tay da nâu khắc hoa văn ai-cập, kỷ niệm lần du lịch bắc Phi. Trang đã

từng bộc bạch, vẫn sống vậy vì còn lưỡng lự, chưa biết chọn bạn đời là người đồng hay dị tính. Những sở thích dục cảm cá nhân này, chúng tôi không hề tránh né, ngược lại vẫn bộc trực dùng làm đề tài tranh luận khi họp mặt. Cả những xung đột trong gia đình Đoan.

Đoan thành gia thất với Tiệp đột ngột, khó ngờ. Sau đó vỡ lẽ, vì Đoan lỡ thụ thai "tiền dâm" nên "hậu thú". Trang thường xếch môi bêu riếu chuyện này, viện cớ:

- Bà già đầu còn dại, ngủ nghê với trai không chịu ngừa thì rán mà nuôi, cứ gì phải lấy nhau?

Đoan dịu dàng:

- Đành vậy, nhưng Đoan có ân hận chuyện chi đâu?

Câu nói lạc lõng, trật nhịp làm mọi người ngơ ngẩn. Chị Đỉnh góp ý:

- Chị thấy gia đình Đoan Tiệp như vậy là được quá rồi. Mấy ai mẫu mực như anh Tiệp?

Thật vậy, Tiệp là người cha gương mẫu quá độ. Mọi chuyện trong nhà, anh tất bật gần như trọn vẹn. Đưa đón con đi học. Đi chợ, làm bếp, giặt sấy quần áo. Chưa kể những việc dành cho đàn ông như đóng cái kệ sách, thay gạch hiên nhà hay xem sửa cái đèn xe cháy bóng. Hỏi tại sao, Tiệp đáp, cô ấy có biết làm cái gì đâu. Vì vậy, Đoan đi làm về, chỉ trông con, phụ bếp, dọn dẹp nhà cửa qua quít. Hiếm ai có được đời sống vợ chồng như thế, nhưng dường như Đoan không mấy vui. Niềm u uất lộ rõ trên gương mặt đã ngoài bốn mươi mà vẫn tươi mịn, không cần che lấp bằng mỹ phẩm. Những khi Đoan ngồi cạnh Trang, thấy chênh vênh khác biệt. Một Đoan đằm thắm chịu đựng, một Trang sôi nổi phản kháng. Vậy mà, lạ thay, trong dạ tiệc hôn lễ Đoan lần đó, lúc tôi choáng váng hơi men, ra ngoài hóng chút hương đêm thì gặp Trang đứng tựa trụ đèn tắt bóng. Kiểu đứng rụt vai, khềnh khoàng là lạ ấy chỉ mình Trang có. Khói thuốc hắt ánh đèn bảng hiệu nhà hàng, thỉnh thoảng cờn lên chợn vợn. Tôi lân la tới gần, hắng giọng hỏi, Trang phải không, cho xin điếu thuốc lá. Trang quay nhìn. Tôi ngỡ ngàng thấy hai dòng nước mắt chưa khô trên gương mặt điểm trang mỏng. Tôi che bối rối bằng khoé cười lệch lạc. Trang thành thạo búng mẩu thuốc ra xa, gượng giọng:

- Bạn cho mình mượn tạm sáo ngữ "bụi nó làm cay mắt" để biện hộ.

Tôi lí nhí:

- Mình giúp được Trang chuyện gì?

Trang gắng cười :

- Không ai giúp Trang được đâu. Thấy Đoan có đôi vui vầy, mình

mít ướt xúc động đó mà.

Tôi cười hoạ, tin lời Trang, nhưng cảm thấy lấn cấn sao đó. Tính Trang đâu dễ uỷ mị như vậy. Dẫu gì đi nữa, Trang vẫn làm tôi chùng lòng. Khoảnh khắc ấy, tôi thoáng rùng mình nhớ lại người bạn thời hoa niên. Cũng hai dòng nước mắt đêm trước ngày tôi vượt biên. Xóm nhỏ tù mù chia nhau điếu thuốc nội hoá. Tiếng ai ho húng hắng. Khói thuốc cay xè hay cảm xúc ly biệt đang đọng nhoè khoé mắt? Bạn tìm nắm tay tôi, thắt lại. Tôi ngoảnh mặt, cố nén âm thanh nấc nghẹn trào dâng. Ngón tay ma sát gây gây thứ cảm tính lạ hoắc lạ hươ làm tôi sờ sợ. Đốm lửa trên môi bạn loè lên. Hai vòm mắt long lanh thú hoang rồi tắt ngúm. Kỷ niệm chia tay, giờ đây, vờn hiện trên gương mặt Trang. Tôi bỡ ngỡ nhận ra, có lẽ mình đã chạm được, sờ mó, nắm lấy lớp vỏ căng mọng, láng lẩy, ẩm sự sống của thứ trái cấm đang độ chín. Điều này khiến tôi ngờ ngợ, không biết mình đam mê Trang hay tơ tưởng hình bóng bạn đọng ám trên gương mặt, qua cử chỉ đậm đà nam tính ấy?

- Dương đưa Trang về được không?

Trang nhỏ nhẹ hỏi. Tôi thở ra:

- Lỡ cụng ly hơi nhiều, không được đâu Trang. Tụi mình còn hợp ca liên khúc tân hôn mừng Đoan và Tiệp nữa.

Trang cười hắt:

- Còn ca với xướng nỗi gì. Cạn vui rồi!

Chữ "cạn" Trang dùng nghe lạ tai. Tôi đùa:

- Thì rót thêm cho đầy.

Và tôi cấp tay Trang, thúc:

- Mình vào trong nhảy đầm đi! Du dương như tình nhân vậy!

Trang nức cười, bảo tôi thả dê không đúng không gian thời gian chút nào. Tôi rực vui vì thấy Trang tươi mặt trở lại. Ôm Trang trong tay, tôi rờn rợn thứ cảm xúc chưa tượng hình, phôi thai vẩn vơ như hai tế bào âm dương đang hối hả tìm nhau.

Giờ đây, vẫn tìm nhau, dù đúng hạn hai tháng lại gặp tại nhà anh chị Đỉnh. Hai người tìm rồi gặp lúc tuổi đã phai xuân, không thể có con. Gia cảnh anh chị trước đó như thế nào, chúng tôi không ai biết, chỉ nghe kể lại, rằng họ có gia đình con cái đàng hoàng, nhưng bỏ, rủ nhau vượt biên. Tôi không tin, vì tướng mạo chị Đỉnh không phải hạng vô tâm. Người ta có thể đoạn chồng lìa vợ, chứ không đời nào xa con. Chị Đỉnh hơi thấp người, đẫy đà, kính cận năm độ. Chị ngâm thơ vô cùng truyền cảm, giọng ấm chứ không "gai góc sinh tố C", kiểu nói của Khang. Chị hiểu đó là lời khen, cười nhíp mắt. Nụ cười chị mãn khai phơi phới. Không như nét cười của anh Đỉnh, nghiệt làm sao. Anh nói năng chừng

mực, xềnh xoàng mà không cẩu thả. Tôi thích anh ở chỗ anh biết lắng nghe, không chì bấc vặt vãnh. Anh chưa già khứu mà tóc gần như bạc trắng, lại thưa, thấy lộ da đầu. Trông anh giống ông giáo thuần lương, chăm rắp bảo vệ nền nếp thánh hiền.

Không hẳn vậy. Chưa châm đúng huyệt đó thôi. Có lê la nhắp rượu chia mồi, chuyện vãn dê ngỗng cùng anh, mới biết "cái tôi" tiềm ẩn bên trong. Anh "kết" cô-nhắc ngâm sâm trắng. Thức nhắm không cần cao lương. Cánh gà ướp muối rang khô, trước khi trút ra dĩa, cho vào lát bơ ngũ vị. Thơm có mà điếc mũi. Thông thường cuộc rượu chỉ cho đám đàn ông, chị Đỉnh lo phục dịch. Năm thì mười hoạ mới có Trang ráp vào. Không ai nói ra, nhưng tôi đoán, tất cả đều coi Trang như người cùng phái, cho xáp lá cà tuốt. Nói vậy, cũng hiếm khi Trang tửu chiến với tụi này. Đủ đô, khẩu khí phun ra có mà rỗ mặt. Chuyện anh Đỉnh kể thường xách động dục cảm. Tính phóng dật, xa xí thân xác lồng khung cảnh hoành tráng, diễm tuyệt như Đường thi trong "Hồng lâu mộng". Cái anh công tử bọc điều đó, ăn chơi miết, chẳng thấy làm lụng gì, điển hình tâm trạng đa số đàn ông. Bao nhiêu vốn liếng, cần, đem ra thí sạch trong chiếu bài nhục dục chỉ có được chứ không mất. Nhưng có điều...

Nói tới đó, anh Đỉnh hạ giọng:

- ...các cậu để ý chuyện này, đàn bà cảm nhận khác, phức tạp như câu đố mẹo. Họ thích cái gì cũng phải nhẹ nhàng, thơm tho, từ tốn. Và nhất là, phải làm sao gây cho họ cảm tưởng được quí trọng. Không dễ đâu nhá! Vì nhiều người, khi gần đàn bà, ưa thốt lời cục súc, thích động tác mạnh bạo. Đánh nhanh, đánh mạnh, đánh tanh bành hàng ngũ đối phương, ấy là mục tiêu của bọn đàn ông.

Cả bọn ngoác cười khoái trá. Tôi ực một hơi cạn. Chung rượu ly hương không phải thứ bình dân làm bằng đất nung hay loại sang trọng bằng men sứ, mà là sản phẩm thuỷ tinh chế tạo hàng loạt, miệng viền chỉ vàng, thường thấy trong các siêu thị giá hạ. Trông chúng quê mùa, lạc điệu giữa đám bát đũa thuần đông phương. Chén tương ớt hình chữ nhật tráng men trắng. Dĩa quả trám màu lam nhạt ánh hạt dưa bày thức nhắm, miệng gác so le dăm đôi đũa tre, cán dặm hình lá trúc. Trăm lần như một, mang mấy thứ này ra, chị Đỉnh đều cất tiếng, mua ở phố Tàu bên Amsterdam.

Tôi thường để ý tới những tiểu tiết tĩnh và động, khi câu chuyện không còn hợp ý tôi nữa. Chẳng hạn, hươu vượn mấy chuyện cấm đàn bà xong, các bạn tôi xoay qua trao đổi kinh nghiệm về máy vi tính. Tôi có một giàn thuộc loại cổ ngoạn, dùng gõ chữ, liên lạc điện thư và vào internet thăm thú nọ kia. Ngoài mấy món đó, tôi ngọng.

Lũ tĩnh vật chén đũa đập vào nhãn quan tôi trước tiên. Tôi thích những bộ ẩm thực men tốt, sắc nhã, hài hoà với thức ăn và khăn bàn; hơn thế nữa, với nhân vật sử dụng chúng và không khí cuộc đàm thoại. Lũ chúng tôi tuyệt đối không thích hợp với những món ỏomua ở phố Tàuoõ của chị Đỉnh. Bàn chuyện cấm kỵ, người nói nhấn giọng trầm bổng ra vẻ từng trải, kẻ nghe đẫn mặt hứng lấy, tạc dạ. Khi ấy, tôi tế nhị quan sát những vành tai. Ngộ nghĩnh quá chừng. Vành trong, vành ngoài mỗi người khác nhau trời vực. Có điều, chúng không gây ấn tượng nào về cá tính. Cái vành dỏng ra mỏng quắt, trơn láng của anh Đỉnh không lẽ nào biểu dương tính điềm đạm bên ngoài mà sôi nổi bên trong? Còn tai Khang dầy cui, úp vành, phớt lông măng, trái tai ngâng ngấc là sao?

Cũng như tôi và Trang, Khang là một "tinh cầu lẻ loi trong vũ trụ ta bà" này. Tính Khang khép kín, nghe nhiều hơn nói, tĩnh nhiều hơn động. Nhưng không hiểu sao, tôi vẫn kết thân được với anh. Khang có đầu tóc đẹp, đen dầy và gợn sóng tự nhiên. Khuôn mặt anh thoáng nét tây phương với sống mũi thẳng và vòm mắt sâu, lớn. Có điều, nụ cười Khang thiếu tươi mà gượng gạo như kịch sĩ không nhập vai. Nét mặt ấy thường vướng vất khắc khoải. Hơi khó hiểu, vì qua được đây rồi, anh lo giấy tờ bảo lãnh bố mẹ và người em gái. Giờ, gia đình đoàn tụ đã nhiều năm nay. Khang đàn hát trội nhất bọn. Đâu đã lớn tuổi mà sở thích âm nhạc của anh hơi lạ: chuộng nhạc cổ điển tây phương và nhạc thính phòng việt nam. Những bài anh nghêu ngao nghe lạ tai quá chừng: "Nhớ bạn" của Vũ Thành, "Hẹn một ngày về" của Lê hữu Mục hay "Nhạc sầu tương tư" của Hoàng Trọng. Chưa quen, hơi khó tiêu vì giai điệu chuẩn mực, cổ thời. Bắt được cái tinh anh rồi, sẽ nhận ra điểm giao âm tuyệt vời giữa nhạc và lời. Nếu có thêm giọng ca chuẩn và nhạc đệm kỹ lưỡng, sẽ hoàn hảo. Khang hát có chỗ còn vụng, đàn có nơi còn lệch, nhờ chất giọng ấm nên truyền cảm.

Khang không uống được nhiều rượu, vài chung mặt đã bừng, nhưng thích đàn đúm nên cuộc nhậu nào cũng tới. Nghe người khác gọi mình là "vua phá mồi", Khang chỉ tủm tỉm. Cuộc bàn luận về máy vi tính dứt lúc nào, tôi chẳng hay, khi nghe một người cao giọng hỏi: "Hả, Khang cũng bị tù cải tạo nữa à? Sao vậy?", tôi mới lắng tai.

Khang nhũn nhặn:

- Mình có đi lính bao giờ đâu mà cải tạo, ở tù vì tội vượt biên đó mà.

- Đâu vậy?

- Dưới Rạch giá.

- Hôm đó đội tù đi phát quang. Nắng chang chang, không một bóng mát. Thừa lúc thằng cai tù vắng mặt, mình trộm dừng tay, cắm xẻng, thừ

mặt nghĩ ngợi mông lung. Lâu rồi không có ai thăm nuôi. Buồn đúng là "tận cùng bằng số", các bạn ạ! Chắc bộ mặt mình lúc đó thê thảm, đáng thương lắm. Chợt nghe tiếng ai trong trẻo bên kia sông vọng qua:

"Anh có chuyện gì mà mặt coi buồn thiu vậy anh?"

Mình day mặt dáo dác. Lùm bụi, cỏ lau cao khỏi đầu người, không thấy ai. Mình đáp đại:

"Tôi nhớ nhà cô à."

"Nhà anh ở đâu?"

"Tuốt trên Sài gòn."

"Không ai thăm nuôi anh sao?"

"Chưa..."

Thốt mỗi một chữ, mình đã nghẹn lời rồi. Cô gái như đoán hiểu, lảng sang chuyện khác:

"Anh tên gì vậy?"

"Tôi tên Vinh."

Lúc bị bắt, mình xé vất sạch giấy tờ tuỳ thân, khai tên giả là Vinh. Kể từ đó, hôm nào mình cũng nhận được một lon guigoz cơm trắng của một người bên trại nữ tù nhờ mang qua cho anh Vinh. Mình xúc động vô cùng. Không biết của ai để cám ơn. Một sáng mưa dầm, tình cờ hai đội tù nam nữ đi lao động song hành nhau. Mình lầm lũi, lơ đễnh lạc hàng, bị thằng cai tù quất chùm chìa khoá túi bụi lên lưng. Một người bên đội nữ xông qua, điểm mặt thằng cai, xỉa xói:

"Tổ cha mày, mày cũng là tù chớ có hơn gì ai mà đánh đập người ta dữ vậy?"

Cái giọng trong trẻo bên kia sông trưa nào làm sao mình quên được! Mình nghiêng mặt nhìn. Cô gái đã xoay lưng, thoắt cái lẫn vào đám nữ tù đùm đụp nón rách, áo tơi. Mưa tầm tã, cách nhau vài thước không thấy mặt. Cho tới ngày được thả, mình không còn dịp nào gặp mặt cô để đền đáp tấm lòng vị tha kỳ lạ ấy, dẫu chỉ một lời cám ơn. Bây giờ, mỗi lần nhớ lại, mình còn ngẩn ngơ.

Tôi cũng thoáng ngẩn ngơ, không dám ngó mặt Khang khoảnh khắc này. Tôi sợ cảm xúc mình bị tổn thương, mất xén vì các biểu lộ ngoài mặt. Khang đóng tuồng dở, kể nhiều chuyện não lòng mà sắc diện vẫn tỉnh khô. Đôi khi tôi bực mình, chỉ muốn xẻ bụng anh ra, xem anh có thật xanh vỏ, đỏ lòng.

Lần ấy tôi say khướt. Khang uống cầm chừng, chăm chỉ phá mồi. Tàn cuộc, anh đưa tôi về. Nhà trọ tôi thuộc vùng ngoại ô. Hè đang độ sung mãn, mở tầm nhìn tôi ngầy ngật hơi men cảnh trời sao ngất ngưởng, hiển lộng. Giọng hát Khang bâng khuâng bên tai: *"Mai xa ngàn phương,*

lòng se sắt khôn lường. Đêm đêm sầu thương nhớ qua hồn. Tôi đi tìm sao, thầm ôm trong vạt áo. Mà sao khuất mờ bên trời cao." Nỗi gì trong tôi nấc lên tức tưởi, rồi rụng rơi lả tả. Hơi rượu cạn bốc chất ngất. Vòm trời trước mặt xoè những đốm sao sa. Tôi thẩm thì, chao ơi, loé thuốc đêm ly biệt năm nào. Đôi bàn tay rạo rực, bần thần siết lại. Bóng tối chếnh choáng mơ hồ phủ vạt ôm lấy ma ảnh kỷ niệm. Chập chờn. Sao rơi nhoè nhoẹt khoé mắt tôi. Đêm mất tinh tú, mịt mù đen thẳm. Tôi nẩy người, hất tay Khang ra, nghiêng mặt nhìn từng vệt đèn đường sướt ngang tầm mắt.

Khang ngỏ ý muốn đưa tôi vào nhà. Tôi khoát tay bảo, không cần. Tôi chỉ tháo giày, để vậy vật người xuống chăn nệm quen hơi. *"...Tôi muốn tìm về vang bóng lúc xưa, mà lòng sao mãi ngẩn ngơ, tàn đêm qua tôi nằm mơ..."* Sáng ra, tôi nhớ lần đầu tiên mơ thấy người và cảnh nhuộm màu rực rỡ như một đoạn phim vẽ.

Sau đó gặp lại Khang, anh làm mặt tỉnh queo, khiến tôi ngờ vực trí nhớ mình. Không biết có thật khuya ấy, nhân lúc tôi say, anh đã sách nhiễu tình dục cầm tay tôi? Hay mọi chuyện chỉ là hư tưởng của tâm tính tôi giàu tình cảm? Thật ra, cũng đâu có gì, tại Khang không báo trước để tôi chuẩn bị tinh thần đó thôi. Quan niệm tôi phóng khoáng về nhiều phương diện. Tôi chỉ không thích cái mặt nạ lạnh lùng của Khang. Xong, phủi tay ích kỷ. Tôi độ lượng chấp nhận, nhưng không khỏi tự hỏi, cớ sao mình lại vương vấn những suy tư quỉ ám đó?

Tôi thường và thích tới nhà Khang chơi. Bố Khang đọc nhiều sách, để tâm đặc biệt tới những vấn đề thời sự. Người mẹ còn răng đen, thuộc tuýp phụ nữ tề gia trăm phần trăm. Cô em gái biết đàn dương cầm, quọt quẹt vậy thôi. Chiếc đàn cồng kềnh, tò tò xin hội thánh giáo xứ mãi mới được một cái cũ rích, phai mất nhãn hiệu, nhưng âm thanh nghe còn vi vút. Tôi tới, cô gái nhấn phím mấy bài mới học cho tôi nghe. Tiếng đàn còn thô nhạt, nhưng thần sắc cô đắm đuối, trân trọng từng cung bậc khiến tôi xúc động.

Có lần nghe xong, tôi đùa:

- Để khuyến khích, ban giám khảo cho cô 11 điểm 75. Phần thưởng gồm một chai thuốc gội đầu trừ gàu, hai tuýp kem đánh răng Hynos, một lọ dầu cù là.

Cô ngắt:

- Anh Dương này, em mới học mà!

Tôi cù nhầy:

- Gắng học tiếp.

Nhưng cô không giận, chỉ cười trừ. Tôi làm mặt đứng đắn, hỏi han:

- Em học đàn ở đâu?

- Có thầy tới nhà dạy đàng hoàng.

Tôi kêu trời:

- Tị nạn kiểu này, dân bản xứ sanh nạnh là phải.

- Ông thầy là người đàn cho lễ nhà thờ, dạy không lấy tiền. Anh Dương ơi, ổng còn trẻ măng, tóc vàng bềnh bồng, mắt xanh trong veo, cằm chữ điền, y như Brad Pitt.

- Brad Pitt có cái bụng thon như bụng beo đốm, sáu ngấn hẳn hoi.

Cô gái chẳng vừa:

- Ông chưa khoe bụng, em không biết.

Tôi bắt đầu thẩm vấn:

- Sao em quen ổng?

- Thì mình nhận ơn hội thánh, thỉnh thoảng gia đình em tới dự lễ sáng chủ nhật. Ông ta làm quen anh Khang trước. Cũng nhờ ông ta mà em có được chiếc đàn này. Gốc gác ông ta đâu đó bên Đông Âu, sang đây cũng vì lý do chính trị. Chắc kiếp trước ông ta là người mình, ăn sạch mấy món mẹ nấu.

Tôi cười rung người:

- Thử cho ông ăn thịt luộc chấm mắm tôm xem sa!

- Rồi, làm luôn.

Tôi trợn mắt:

- Bữa nào mua hột vịt lộn mời ổng ăn, nhớ kêu anh tới coi!

- Chứ không phải kêu anh tới ăn khín?

- Một công hai việc.

Nhưng đất trích này, không tìm đâu ra hột vịt lộn. Chuyện "thử nghiệm" ông thầy đàn có thật tiền kiếp là người Việt coi như thất bại. Hơn nữa, tôi bỏ thói ăn uống bừa bãi kiểu đó lâu rồi. Dẹp hột vịt lộn. Giã từ tiết canh. Khang biết được, bảo tôi đạo đức giả. Tôi phân bua, mình không đạo đức đâu, mấy chuyện khác mình có lúc ẩu tả lắm. Nhưng tôi không thố lộ chuyện gì.

Một bận thấy vắng Khang, hỏi cô em gái thì biết anh đi cắm trại với ông thầy đàn. Tự dưng tự ái tôi rát buốt như bị dao cứa. Khang đi chẳng rủ tôi, cũng không một lời chào hỏi. Vô tình như hạt bụi. Tôi quen thói dậy sớm, cả ngày cuối tuần. Sáng thứ bảy đó, bất ngờ Khang gọi điện đánh thức tôi lúc trời còn nhá nhem, rủ đi phố. Nhằm bữa mây xám vần vện. Rồi mưa giăng. Thời tiết này đồng lõa với thú vui chăn gối hơn là ra phố lang thang không mục đích. Nhưng lúc xe chạy dọc đại lộ đan hai vòm lá xanh, quang cảnh tươi mát như vừa tắm gội, tôi chợt thấy lòng tươm khói vẩn vơ. Tôi thẩm thì, lẽ nào tôi đang từ từ, chậm mà

chắc, chấp nhận nơi này làm nơi an trú? Cái tính ương ngạnh, không muốn lệ thuộc những trói buộc địa lý, tách rời những quan niệm nhân sinh truyền thống, chợt lung lay rúng động chỉ vì một cơn mưa sáng.

Tôi và Khang che chung tán dù quảng cáo nước ngọt Pepsi. Khang có tật ngồ ngộ, khi kể chuyện tới hồi gay cấn, lại nắm tay tôi siết lại. Đã có lần, vì chưa quen, tôi bối rối hất ra. Riết, thấy chẳng sao, tôi để Khang tự do bộc lộ cảm xúc.

Thời tiết nơi này tráo trở khôn lường. Mưa đó rồi tạnh ngang lúc nào chẳng hay. Nắng sàm sỡ rực lên, thấp vàng phố xá, như gương mặt vũ nữ tẩy sạch phấn son trác táng. Khang đề nghị vào quán ăn sáng. Chỗ ngồi trông ra chéo tường thánh đường bám lá trường xuân ngập ngợn xanh rờn, những ô cửa lắp kính màu. Chúng tôi gọi hai phần điểm tâm kiểu pháp có bánh sừng trâu, bơ mứt và ấm cà-phê vừa vặn hai tách. Tân nhạc việt nam hình như chưa có bài nào nhắc tới thời điểm này. Nếu không, hẳn Khang đã lẩm nhẩm đôi câu giúp vui văn nghệ.

Chuyện Khang kể bắt đầu đúng chín giờ, vừa lúc thánh đường gióng giã hồi chuông lễ:

- Ông thầy đàn hỏi Khang muốn đi cắm trại trong khuôn viên một dòng tu ở miền nam Đức không? Mình thích lắm, nhưng thật thà bảo không đủ điều kiện tài chính. Ổng nói đừng lo, ổng chi hết. Mình chịu liền. Anh Dương ạ, nơi đó cảnh đẹp như trong bưu ảnh. Đấy là lần đầu tiên Khang thấy bình minh xứ núi. Không tả được đâu, phải tận mắt chiêm ngưỡng. Nhất là thấy bằng cái tâm không lo nghĩ. Rồi Khang được ông thầy dẫn đi dạo rừng, leo đồi vượt suối, thăm viếng nông trại, suốt ngày không chán. Mệt thì dừng chân nghỉ.

Tôi lạc đề vô duyên:

- Khang có chích ngừa không vậy? Nghe nói rừng núi nam Đức có nhiều rận, bị nó chích có thể mắc bệnh sưng màng óc.

- Có... Khang đoán anh muốn hỏi Khang chuyện khác chứ không phải chuyện chấy rận?

Tôi nheo mắt cười thay cho cái gật. Khang thấp giọng:

- Anh nghĩ đúng. Giữa Khang và ông thầy đàn không phải chỉ bao nhiêu đó. Ông ngỏ lời, Khang đồng ý. Thấy thích, nhưng vẫn bị mặc cảm tội lỗi, sợ người khác biết... Đúng hơn, không phải tội lỗi mà là mặc cảm khác người... Không biết diễn tả sao cho đúng!

Tôi khôi hài vụng về:

- Phân tâm học gọi là mặc cảm dân tộc thiểu số. Nhằm nhò gì, chuyện nhỏ. Mình hiểu Khang.

Và tôi triết lý rẻ tiền:

- Đời người ngắn ngủi, hưởng thụ cho sướng, miễn đừng làm tổn thương tới người khác.

Hai mắt Khang long lanh:

- Nhiều người quan niệm không giống anh.

- Kệ họ.

- Khó anh à, vì họ là người trong gia đình.

Tôi tỉnh ngộ. Ừ, khó thật. Hoàn cảnh Khang không giống như của tôi. Anh còn cha mẹ già và em gái. *Áo anh sứt chỉ đường tà. Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.* Tự dưng tôi đâm lo, sực nhớ tới đôi lần đối thoại cùng em gái Khang. Giọng cô khi nhắc tới ông thầy đàn vướng chút gì là lạ. Trời ạ, e rằng tình tiết éo le còn hơn cải lương vọng cổ nữa.

Tôi nhìn vào mắt Khang, thẳng thắn:

- Tại sao bạn kể cho mình nghe chuyện này?

Tôi nghe giọng mình lạc điệu, và ghét cách xưng hô "đầu, mình, chân, tay" thậm tệ. Tôi chỉ hơn Khang vài tuổi, luôn coi anh như bạn đồng lứa. Ánh mắt Khang trĩu xuống:

- Khang nghĩ anh là người dễ thông cảm và kín đáo.

Tôi cười, lòng không khỏi dấy chút tự mãn. Đừng ham nghe bạn, coi vậy chứ không dễ đâu nha! Bất chợt chân dung Trang ngổ ngáo lướt ngang trí tôi, loè nhoè như bị dập xoá. Mỗi người một tâm tư thầm kín. Của tôi lúc nào cũng bị chính tôi đập tan từ trong trứng nước. Nói vậy chứ tôi vẫn đầm thắm liên tưởng những cảm xúc, thuộc loại không tên thứ mấy chục, như dòng tĩnh điện truyền lan: khi ôm Trang trong vòng tay hết còn học trò, hay khi Khang trắng trợn xâm phạm tiết hạnh tôi. Tôi vẫn chủ trương, nghĩa lý gì chút nhục thân bèo bọt. Tu sĩ mật tông tây tạng khi viên tịch để xác cho diều quạ xâu xé, còn tôi khi chết, mang đi đâu cũng được, chỉ đừng mang ra biển! Xưa rồi.

Những ý nghĩ loanh quanh, vô trật tự thật ra cốt để lấp liếm những bối rối trong tôi.

- Thôi, mình đi!

Bên ngoài, nắng chúm chím tươi màu. Chúng tôi sóng đôi nhập vào dòng nhân gian, hợp lưu theo đá sỏi luẩn quẩn vướng chân hoài. Khang biết chuyện tôi đeo đuổi Trang, nhưng cớ sao anh không hỏi? Tôi cũng không buồn nhắc tới. Có lẽ thâm tâm tôi đã rõ mười mươi, tình đơn phương thế thôi. Đã đôi lần tôi tự vấn, có thật mình cảm Trang hay đó chỉ là thái độ trốn tránh sự thật? Mishima đã viết "Tự thú của một chiếc mặt nạ", còn tôi nhiều khi không dám đối mặt soi gương.

Trong bọn, Xuyến là người có tâm tính quân bình nhất. Tuổi đã trung niên mà trông cô như nữ sinh tóc dài ngang lưng và ít khi điểm

trang. Xuyến ăn nói từ tốn, nhỏ nhẹ theo kiểu thiền tập. Hỏi thì Xuyến đáp, có tập tành chi đâu, tự nhiên nó vậy. Cái tự nhiên của Xuyến hơi khác thường, lắm khi làm người chung quanh bực bội. Thiên hạ chạy, Xuyến đi. Thiên hạ kết án, Xuyến thương hại. Thiên hạ cười, Xuyến chỉ nhếch môi. Tất tất đều mực thước. Người chưa hiểu, bảo Xuyến khách sáo. Riêng tôi vẫn nghĩ cô là người có hạnh phúc. Cái từ này, nghe đọc đã mòn mắt nhàm tai, mà không biết dùng chữ nào thay thế. Một lần, tôi mềm giọng cùng Xuyến:

- Tôi thèm được như Xuyến.

Xuyến xoe mắt:

- Là sao vậy anh?

- Trông bạn lúc nào cũng dịu dàng, tươi vui như một người truyền giáo.

Xuyến chỉ tủm tỉm. Tôi mở lòng tay:

- Chia cho mình một ít hạnh phúc của Xuyến.

Hai gò má Xuyến ửng hồng. Ngập ngừng giây lát, rồi cô nghiêng tay sớt chất phúc lộc vô hình cho tôi. Mắt tôi chăm chú nhìn sắc xanh huyễn hoặc thấm vào từng tế bào. Người tôi rợn ấm thứ ảo tưởng cảnh trời đêm hạ chí vừa run rẩy hé ra một vòm sáng loà tinh tú. Thì ra, Xuyến không chỉ xẻ cho tôi một vì sao mà cả một góc trời. Vạt áo tôi ôm không trọn, phải mở cõi lòng ra. Dư bao nhiêu, tôi sớt cho người thân. Cả cho Trang, cho Khang, ... hết thảy.

- Tại anh chưa hiểu Xuyến, chứ ai lại không có chuyện để lo lắng.

Câu nói của Xuyến làm tôi tỉnh giấc kê vàng. Tôi thu vội tay về, úp lên đầu gối. Chất phúc ẩm mồ hôi. Tôi giấu, không kể Xuyến nghe về những ánh sao còn chan hoà trong tâm tưởng.

Xuyến tiếp:

- Có lẽ Xuyến khác mọi người ở điểm, biết mình muốn gì và tương đối bằng lòng với những thứ mình có. Anh Dương coi đó, ai cũng tất tả bon chen, cho chuyện cơm áo gia đình đã đành, còn để tranh đua thoả mãn ham muốn vật chất. Không ham. Xuyến không cần xe đẹp, chỉ một chiếc vừa tốt để thay chân cho đỡ nhọc nhằn. Xuyến cũng có một máy nghe nhạc, một máy chiếu băng hình, một máy vi tính... Thời buổi siêu điện tử này, không có nó là mình coi như mất liên lạc, thiếu thông tin... ờ, Xuyến còn một tủ quần áo thời trang và mười đôi giày dép. Anh xem, Xuyến cũng tầm thường như những phụ nữ khác, đâu có gì hơn.

Dứt lời, Xuyến nở cười hồn nhiên. Tôi chỉ biết láp dáp:

- Tôi còn nhiều ham hố lắm Xuyến à!

Xuyến vỗ nhẹ lên tay tôi. Tôi thót bụng liên tưởng những bàn tay

ma chạm thuở nào. Giọng Xuyến ân cần:

- Trang có tâm sự chút chút về anh cho Xuyến nghe.

Tôi nôn nóng, nhưng giả bộ:

- Tố cáo những tật xấu của tôi chứ gì?

- Không phải vậy, Trang bảo mến anh lắm, nhưng chỉ có thể coi anh như bạn.

Giờ đây, tới lượt tôi đỏ mặt. Dẫu biết rằng chuyện tôi tò vè Trang lộ liễu trăm phần trăm, nhưng nghe Xuyến thẳng thắn thốt ra, tôi ngượng tái người, như thể trai tơ gặp nạ dòng. Tôi ấp úng:

- Tôi... tôi... biết chư..ứ.

Xuyến chép miệng:

- Tội nghiệp Trang, chuyện tình cảm lận đận.

Tôi phân bua:

- Tại mấy bà không hiểu... Đàn ông và đàn bà không bao giờ gặp nhau!

Tôi còn nhiều câu "hoa thơm cỏ lạ" khác nữa, đại loại "yêu nhau là cùng nhìn về một hướng" hay "theo tình, tình chạy; bỏ tình, tình theo", nhưng thấy nói ra chỉ thêm vô duyên, nên thôi. Tôi đành lặng lẽ ôm vì sao tắt lịm một khối băng lạnh, nhem nhuốc trong lòng. Dịp nọ, nhân lúc chỉ có mặt mình tôi với anh Đỉnh, tôi xin anh cố vấn. Anh dạy bảo:

- Nói rồi, mấy cậu chẳng ai chịu nghe! Phụ nữ họ thích cái gì cũng phải nhẹ nhàng, thơm tho, từ tốn...

Tưởng gì, dĩa cũ, nghe chán mớ đời. Cứ như tôi là hạng nam nhi vũ phu, thối tha hay hấp tấp. Tôi nghĩ anh giúp được tôi gỡ mối tơ lòng rối nùi, đâu ngờ chẳng được cơm cháo gì. Anh còn lạc lõng thêm thắt đôi câu ướt đẫm dục tình kiểu "Nhục bồ đoàn" khiến tôi bỡ ngỡ, lục soát hồi ức tâm tư mình, xem có đoạn nào sống sượng như vậy không. Với riêng Trang, không. Nhưng kể từ đấy, tôi biết tình cảm mình trao không đúng người. Thư ghi sai địa chỉ, được phát hoàn. Cảm giác của người nhận khi cầm lá thư chính tay mình nắn nót kỳ lạ như bị ai giơ khăn lau sạch bóng mình trong gương. Rồi tôi tự hứa, sẽ sắp xếp lại đời sống mình. Trước tiên là thay đổi ngoại hình. Tóc đang dài úp gáy, tôi húi ngắn. Quần áo đang thời trang bảnh bao, tôi đổi kiểu phong trần lãng tử. Người ngợm đang thon thả, tôi bất cần, ẩm thực thả cửa, thô tục không thể tả. Sau vài tháng, tôi đoạn giao với cái cân cá nhân, sợ nó không đủ số. Ai cũng khen tôi sổ sữa. Khang ghẹo tôi bằng nét mặt nghiêm chỉnh:

- Khang thích mấy người có da có thịt!

Vậy sao kết bạn với ông thầy đàn ốm lòi xương? Và tôi cho phép

Khang điền vào chỗ trống, bằng cách Khang rủ đi đâu, tôi cũng đi; Khang đòi hỏi gì, tôi cũng chịu. Chuyện bắt đầu kỳ cục khi tôi hay tin ông thầy đàn chuẩn bị làm lễ đính hôn với em gái Khang. Ủa, gì lạ vậy? Mắt Khang ươn ướt khi nói với tôi, hai người có tình ý với nhau lâu rồi. Tôi kêu trời, ác quá, chết xuống địa ngục. Khang rên rỉ: "Mai xa ngàn phương, lòng se sắt khôn lường..." Lần này, chính tôi nắm tay Khang, an ủi:

- Thôi, quên đi như mình đã quên Trang.

Khang cười mếu:

- Anh mập quá.

Tôi chống chế, đứng tấm còn thấy mấy ngón chân mà. Rồi nhủ lòng sẽ ăn khem và tập thể thao cho người thanh mảnh trở lại. Cái thân xác, con người có thể kềm chế, kiểm soát được; duy bản tính trời sinh thì không. Và mọi sự, không có gì bất biến.

Chúng tôi, thật nhiều năm sau, vì nhiều lý do, không thể họp mặt thường xuyên tại nhà anh chị Đỉnh được nữa. Chị Đỉnh vẫn ngâm thơ hay, còn tự bỏ tiền thâu âm giọng mình, quảng cáo rầm rộ trong internet. Tôi cũng được chị tặng một dĩa. Giọng chị vẫn ấm áp tha thiết, nhưng không còn dài hơi như trước. Tới bài "Đôi mắt người Sơn tây", tôi chạnh nghĩ tới Trang. Không biết giờ này, nơi đó, Trang vẫn mặn nồng với chồng con? Hay gia đình thật ra chỉ là tấm bảng chắn gió, che giấu những mưa bão nội tâm? Còn Đoan, nghe nói, đã ly dị chồng, dắt con sang xứ khác lập nghiệp nhiều năm rồi. Ở đâu, không ai biết. Cảnh ngộ của Khang ngổn ngang hơn. Tôi có đi dự tiệc cưới cô em gái Khang với ông thầy đàn. Tới phần giúp vui văn nghệ, Khang lên sân khấu hát tặng cô dâu, chú rể một ca khúc vui: *"Trời hôm nay thanh thanh, gió đưa cành mơn man tà áo..."* Lúc ấy Khang nghĩ gì, tôi không hỏi. Giao tình giữa anh và tôi, từ dạo tôi dọn sang thành phố khác vì chuyện cơm áo, thưa dần rồi ngưng hẳn. Một trưa cuối tuần, chuông điện thoại reo. Tôi nhấc máy, ngỡ ngàng nghe lại giọng anh đằm thắm bên kia đường dây. Khang tíu tít báo tin được hãng gửi đi công tác gần đây, nhớ tới bạn cũ, gọi hỏi thăm. Chuyện vãn một hồi, anh than thở chuyện gia đình, cực quá, nhưng vui. Tôi tưởng mình nghe lầm. Không, Khang đã có vợ, hai con, tậu nhà riêng. Đời sống anh coi như đã xuôi dòng. Đổi sau, Khang hạ giọng bảo, thỉnh thoảng vẫn nhớ tới anh, anh Dương ạ. Tôi rùng mình. Vạt áo tôi cất những vì sao năm nào tưởng đã "chìm trong cõi xa mờ", ngờ đâu thoắt hiện về theo chu kỳ tinh tú. Khang cho tôi địa chỉ, số điện thoại, dặn dò có dịp anh ghé thăm gia đình một lần cho biết. Rồi anh nhắc nhở những bạn cũ. Nghe tới tên Xuyến, tôi không khỏi liên

Đối nghịch
VẠN GIẢ

Em treo nhan sắc đỉnh trời
ta phung phí hết một thời thanh xuân
và trong ngày tháng đã từng
dăm ba hạnh phúc lưng chừng thoáng khi
mở lòng diện chút tình si
vô tình em
khoảng xuân thì vụt bay
rớt nhau xuống vũng đời này
rong hoang, vung đổ hết ngày phù du
mai sau về cõi tuyệt mù
tìm nhau tình cũng thiên thu đoạn lìa
cuối đường chiếc bóng đèn khuya...

tưởng vóc dáng cô năm nào tinh khôi như một thiếu nữ, chứ không như người đàn bà tôi gặp lại vài tuần trước, với thân hình nung núc, phấn son thừa thãi, nữ trang lộ liễu. Duy nụ cười của Xuyến vẫn vậy, thanh thoát không vướng bận. Xuyến hoạt bát hơn xưa, kể chuyện chồng con đùm đống, rồi chất vấn tôi sao không lập gia đình? Tôi mở lòng tay, hỏi Xuyến còn nhớ có lần tôi xin cô sớt cho một ít hạnh phúc? Xuyến cười híp mắt, nhớ chứ, nhớ chứ. Trước khi từ giã, cô úp trọn bàn tay đã lốm đốm da mồi vào lòng tay tôi, hóm hỉnh:

- Lần này Xuyến tặng anh chỗ hạnh phúc còn lại. Giữ kỹ nghe không! Điên quá!

Mắt tôi cay xé, thấy dòng hạnh phúc lấp lánh những vì sao tưởng đã lịm tắt.

Ngô Nguyên Dũng
(11.08.2002)

* Ca khúc trích đoạn: Tìm một ánh sao, Hoàng Trọng; Ngày hạnh phúc, Lam Phương.

Hư ảnh

Hồ Đình Nghiêm

Cuối cùng thì tôi cũng chụp hết cuốn phim 24 poses. Thành phố này có nhiều khu phố cổ, kiến trúc lạ. Những con đường hẹp lát đá, những khúc quanh uốn lượn khuất lấp, những ngả rẽ bày ra một bố cục đẹp bất ngờ; nhiều khoảng tối giao hoà với từng vạt ánh sáng. Sự cân xứng và cái không cân bằng ở vài chỗ làm khung cảnh mang nét quyến rũ lạ thường. Bên chỗ tôi trú ngụ hoàn toàn khác, đó là những hộp vuông vô cảm đứng sát nhau. Đồng điệu, tẻ nhạt. Người ta tất bật phóng xe đi làm, lên xuống con đường thẳng tắp và nếu có rỗi trí trong một đầu óc đầy chật cả toan tính, người ta chợt buồn rầu để nhận ra: Có thể mình đang biến dần thành một con robot? Tôi không định mang phim đi rửa, chẳng có gì hứng thú cả. Nó khác với sự háo hức khi mình vừa chụp lén ai đó, nóng lòng xem kết quả, thử coi tấm ảnh đó có được "măng-rê phô-tô"? Tôi không định, nhưng sáng hôm đó, mắt tôi tự dưng ngứa, như thể gió giữa lòng đường bỗng thổi lộng và có hạt bụi nào vừa vào ở đậu sau mi cay? Tôi dụi mắt rồi ngước nhìn lên, võng mô tôi khi đó đã chụp bắt toàn thể một tấm bảng hiệu. Và cái màu sơn tươi mát của nó như ngầm xúi dục, buộc đôi chân tôi bước tới, thu ngắn dần khoảng cách. Có hai điều được lý giải: Một, tấm bảng ấy viết khá nhiều tiếng Việt. Hai, chữ KIM kẻ sơn màu xanh rất sắc nét đã đập mạnh vào mắt tôi. Tôi gọi thầm: Kim, Kim ơi... Tiệm ảnh không có ai, vắng khách. Một cô thiếu nữ ngồi sau quầy thay đổi sắc diện khi tôi bước đến cái bục gỗ cao gần ngang ngực, biên giới buộc phải có, ngăn chia giữa chủ và khách. Cô ta nói: Hi! Tôi cũng mở miệng: Hai. Trong đối đáp, tôi có ý nghĩ: Học sinh đang nghỉ hè, có lẽ cô ra đây ngồi trông coi cửa hàng, phụ đỡ cha mẹ. Tuổi cô chắc ở vào năm đầu bậc đại học? Hai tay vòng trước ngực, áo thun trắng và da ở cánh tay để trần cũng chẳng nhường nhịn, trắng

không kém màu vải. Thứ da dẻ của người sợ ánh nắng, đi khi bình minh về khi hôn hoàng, với mũ mão khăn nón dù diếc trang bị đủ bộ sậu trên người. Tôi đặt cuộn phim Kodak lên quầy. Đó là một mặt gương dày, thấy được những tấm ảnh bị đè bẹp, dát mỏng ra ở bên dưới. Những tấm ảnh chụp vớ vẩn, dùng để làm mẫu về kích thước cũng như chất giấy.

- Size? Tôi nói: Bình thường.

- Bóng láng hay sao?

Tôi thưa: Láng bóng. Rồi kèm theo một phụ chú, tôi muốn sang hình trong một giờ. - Ô-kê. Cô ta nói. Tên ông là? Tôi khai tên, để cho cô dễ viết, tôi đánh vần từng mẫu tự. Kiểu "A bê xê dắt dê đi ỉa, a á ớ dắt vợ đi chơi". Cây bút đỏ hí hoáy. Chữ to, phóng khoáng; nhưng mềm mại đầy nữ tính. Cây bút ấy đặt vào một ô trống khác. Đôi mắt không nhìn lên tôi:

- Số phone?

"I lost my phone number. May I have yours?"

Tôi hơi đỏ mặt khi câu nói đùa ấy vừa lướt qua trong đầu. Tôi đỏ mặt vì ánh mắt của cô gái đang dừng rất lâu trên gương mặt tôi, chờ nghe những con số. Tôi là khách du lịch, tôi thuê cái khách sạn rẻ tiền ở gần đây và thú thật là tôi không để ý đến số điện thoại của nó. Tôi tính nói vậy, nhưng sau cùng tôi đọc ra được một số phone. Đó là những con số tôi đã thử gọi nhiều bận nhưng không một ai trả lời. Đường giây kêu u u một cách kỳ lạ xen kẽ trong từng hồi chuông ré lên, rồi lịm tắt. Đó là số điện thoại của người bạn gái, cô hiện ở đâu? Tôi cất công lặn lội đi thăm trong âm thầm, muốn gây chút bất ngờ cho cô mà bị trật đường rầy, xôi hỏng bỏng không, vô duyên đối diện bất tương phùng?

- Ông người Việt-nam phải không?

- Phải. Tôi trả lời bằng thứ ngôn ngữ tựa kẻ vừa gióng lên câu hỏi. Yes. Nhát gừng. Yếu đuối. Tôi nói tiếng Anh không khá và thú thật tôi chẳng thích dùng ngoại ngữ để chuyện vãn với người đồng hương. Có gì đó không ổn, ngượng mồm lắm. Tôi đón nhận cái biên lai, cái rẻo giấy vừa xé ra từ phong bì có in chữ Kim màu đỏ. Tên gọi chẳng lấy gì làm đặc biệt, đàn ông mang tên đó khá nhiều, Kim là đàn bà con gái cũng chán khối. Và nó có vẻ made in Korea.

- Bây giờ là mười một giờ thiếu mười, khoảng mười hai giờ chú ghé lại lấy. Cô gái có khuôn mặt hao hao người Đại-hàn ấy nói tiếng Việt trôi chảy tới không ngờ. Trời, con ai mà khéo dạy! Lại thêm mặt hoa da phấn đầy đặn, thiệt là khéo nuôi!

- Từ đây tới giờ Ngọ tôi thiệt chẳng biết phải đi đâu. Cô chỉ cho tôi một địa chỉ, có được không?

- Phía tay phải, đi gần cuối đường có một quán nước. Chú ngồi đó tới chiều cũng không chán, đàn ông con trai vô tích sự vẫn thường giết thời giờ kiểu ấy.

- Tôi có người bạn gái tên Kim. Tôi không chắc là cô cũng mang tên đó? Người con gái nhìn tôi, có vẻ quan sát, lượng định. Cô làm thinh một hồi, khá lâu. - Ban đầu là Hoàng-kim. Mọi người phê bình, nghe giống tiệm bán vàng quá.

Sau bỏ đi một chữ, còn trơ lại mình Kim. Thực ra thì tên gọi chẳng có gì quan trọng. Chữ nghĩa đừng rắc rối cho người bản xứ họ dễ gọi dễ nhớ.

- Nếu tôi có một cửa hiệu như thế này tôi sẽ lôi màu sắc ra để đặt tên. Tiệm ảnh Bốn Màu chẳng hạn.

- Không sợ trùng với quán bán chè sao? Bây giờ họ đã chế ra thứ chè bảy màu rồi. Cô gái nói chuyện có duyên, thông minh. Điều này làm tôi nhớ Kim nhiều hơn. Tôi bước ra đường, theo lời chỉ của cô ấy tôi tìm tới quán nước để ngồi chờ giờ hẹn sẽ điểm. Tôi là thằng đàn ông vô tích sự. Tôi lí nhí:

- Lát nữa gặp.

- Bye. See you... Nếu Kim và tôi vừa thốt nên lời tạm biệt như vậy, tôi sẽ chẳng có lý do gì để thu xếp hành lý trở về sớm hơn dự định. Không một ai đi nghỉ hè, tới một thành phố lạ mà trơ trọi thân mình, chẳng tìm ra người quen biết thân thích giống như tôi cả. Ngay bọn khủng bố, ít ra chúng cũng phải có một đứa nằm vùng sẵn lòng chầu chực bày đường dẫn lối, gọi là thổ công.

Tôi kêu một tách cà phê đen khi ngồi xuống chiếc ghế đặt trên vỉa hè mấp mô. Tôi thích phơi mặt ra ngoài đường, biết đâu sẽ có ai đó nhận diện rồi thảng thốt cất tiếng kêu khan. Trí tưởng của tôi lại quay vòng trở về điểm xuất phát: Kim. Dạo đó chúng tôi học chung một lớp. Dạo đó Kim là thứ hoa lạc giữa rừng gươm. Cả trường Mỹ thuật, bóng dáng yểu điệu của phái nữ chẳng có là bao, xoè tay ra bạn có thể đếm đủ, dễ như đếm có bao nhiêu cánh trên một bông hoa. Kim là thứ học sinh thuộc loại cứng cổ. Khi vẽ, Kim biểu hiện một thủ pháp riêng, để lộ rất sớm. Anatomie, luật viễn cận, mấy thứ điều lệ căn bản ấy dường như Kim ít quan tâm tới; do vậy sự khác lạ nơi bài vẽ của Kim không thuyết phục được những ông thầy, đầu óc của các vị đó luôn đầy chật lý thuyết sách vở, khuôn mẫu nặng nề. Kim thường nói với tôi những câu, đại loại như: "Điều quan trọng là cái nhìn của bạn chứ không phải sự vật được nhìn". (Mãi sau này tôi mới biết nhà văn André Gide là tác giả câu đó). Dĩ nhiên tôi rất "chịu" Kim. Ngoài thứ tình bạn bình thường, đâu đó

có tiềm ẩn một nỗi khát khao mù quáng. Khi nheo mắt nhìn ngắm đo đạc cô người mẫu khỏa thân để gióng hình lên giấy, tôi đã thầm ước có ngày mình sẽ được vẽ Kim với thế ngồi đầy e ấp như vậy. Một chút sượng sùng, một chút thách đố. Nửa khép nép và nửa kia là sự gợi mở gọi mời... Lên năm thứ Tư, chúng tôi xa nhau. Lý do: Bộ mặt hung hãn của chiến tranh đang reo hò quanh vòng đai thành phố Huế. Kim tản cư cùng gia đình vào Sài-gòn. Sau đó, nghe đâu bạn tôi đành lòng thành hôn, cam lòng ăn đời ở kiếp với người đàn ông lớn hơn Kim một con giáp. Sau đó nữa, lâu hơn một cuộc đổi đời đầy bát nháo, tôi gặp lại Kim ở Nha-trang tiêu điều, thành phố có tôi lạc hồn làm đứa cán bộ ty Thông tin văn hoá suốt ngày cắm cúi vào những tấm tranh cổ động với sắc đỏ mù loà. Trong phút giây được nhìn thấy nhau, tôi mang đầy nỗi hoài nghi về hai chữ tương phùng. Tôi không tin thành phố biển này là nơi gia đình Kim tái định cư... và chúng mình sẽ luôn gặp nhau, như lời Kim nói. Bạn ạ, đã có những cuộc hạnh ngộ làm mình ngất ngây sung sướng, lại có những đối mặt khiến mình buồn xo. Sự cơ cực của đời sống tác động lộ liễu, nó tàn phá hết mọi thứ, kể cả một tấm lòng thành. Tôi ngồi so vai, không hỏi Kim một lời mặc dù trong tôi có biết bao điều để nói. Lương cán bộ công nhân viên nhà nước luôn thiếu ăn, nhưng tôi cố gắng để đãi được Kim một ly cà phê đá, thứ nước đen đuá, đắng chát, nhạt nhẻo, không hương mùi... Hãy để cho mọi thứ lui về nằm an nghỉ trong vùng kỷ niệm, hiện tại đầy thương tích này khiến Kim trở thành vụng về trong vai trò diễn viên. Tôi biết Kim đang chờ ghe rước đi và đúng với linh tính tôi, chiếc "taxi" quái gở ấy đã mang Kim vượt được cả một đại dương mênh mông xa kinh hồn. Như thế mà hơn. Tôi luôn tin những chọn lựa của Kim thảy đều đúng. Mỗi ngày tôi đều bỏ công đi bộ ra đứng nhìn biển. Nhìn cái mặt phẳng đầy xao động, như thể gió đã hăm hiếp nước để sản sinh ra sóng xô mãi vào bờ ngàn nỗi bất an. Kim ơi, có lẽ chúng ta sẽ chẳng còn dịp nào để thấy nhau! Trước khi âm thầm bỏ đi, Kim có tặng tôi bức sơn dầu "Chân dung tự họa". Trong tranh, người đàn bà khỏa thân khoe cái bụng lớn gần ngày sinh nở. Những nhát cọ mạnh bạo, dứt khoát. Ánh sáng và bóng tối hoàn chỉnh, tựa thứ không gian ấm áp trong gam màu tài hoa của những họa sĩ thời kỳ phục hưng. Khuôn mặt Kim hứng đọng nhiều nét cam chịu, cứng cỏi tuồng như bất khuất. Có thể vì vậy khiến bức tranh toả ra một sức quyến rũ đặc biệt, hẳn đó là tác phẩm mà Kim rất hài lòng. Hài lòng nhưng không thể mang theo cùng, trao cho tôi giữ như ngầm mong tôi sẽ thu cất cái "báu vật" ấy giùm Kim, chẳng muốn nó yểu mệnh lọt vào tay kẻ khác... Cà phê đã hết. Nắng chiếm ngự toàn thể những chỗ ngồi. Đầu tôi nặng

nhọc một nỗi niềm. Trước khi ghé lấy ảnh, tôi tạt vào Pharmacie mua lọ thuốc Aspirin.

Mấy ngày nghỉ hè tẻ nhạt trôi đi. Trở về, ngồi trên chiếc máy bay dằn xóc bởi phi trình đang ngang qua một bầu trời xấu, tôi lấy xấp hình rửa ở hiệu Kim mang ra xem. Tôi đọc tên tôi viết tròn trịa bên ngoài phong bì chợt nhớ những ngón tay thuôn dài cầm bút của người con gái. Những ngón tay tinh nghịch đã dán keo một cách quá đáng làm khó khăn chuyện mở. Dán kỹ như thể muốn cất dấu bên trong bao giấy một bí mật, một điều riêng tư. Không biết cô ta làm ăn ra sao? Những bức ảnh tôi bấm máy có bị trở ngại kỹ thuật gì không? Mọi thứ đều trên trung bình. Tôi săm soi, sau này nếu muốn vẽ phố có thể dùng nó làm tư liệu để mô phỏng. Tấm nằm sau cùng là hình chụp một thiếu nữ cúi đầu ngó xuống những ngón tay đang mân mê sờ nắn trên bụng để trần. Máy hẳn tốt, người phó nhòm hẳn có đo đạc ánh sáng kỹ lưỡng, trông rõ mồm một cái đỉnh nhọn của lỗ rún bị đẩy trồi ra ngoài, da bụng căng mỏng và người phụ nữ mang thai ấy chắc gần tới giờ lâm bồn? Ai đã ngẫng nghịch nhét tấm hình "mặn" vào trong xấp ảnh "chay" của tôi? Tại sao thợ sang hình lại có thể làm việc gây sơ suất đến thế? Tôi nhớ lại khuôn mặt lém lỉnh của cô gái đứng sau quầy. Tôi nhớ bức tranh sơn dầu Kim tặng mà khi vượt biển tôi đành phó mặc nó cho bức vách và cây đinh cắm lẻ loi trong căn phòng chật. Chẳng biết giờ này số phận của nó ra sao? Về đến nhà, tôi mở máy vi tính. Có một cái e-mail của đứa bạn ở Pháp gửi sang. Tôi đọc thành tiếng, rất khó khăn, lẩm bẩm nhiều lần: "Phone cho ong khong duoc. Mong ong ve cho mot tam tranh nho de lam bia sach. Kim da mat, xac hoa thieu va tro cot mang ve VN cach day 3 ngay. Chuc suc khoe".

Hồ Đình Nghiêm
tháng 8/02

Cáo lỗi:

Trên *Văn Học* số 197 tháng Tám 2002, do sơ sót của Tòa soạn, bài thơ ***M*** của **MLoanHoaSử** ở trang 79 đã bị xếp lầm thành bài thơ của thi sĩ **Sương Mai**. Văn Học xin cáo lỗi cùng nhị vị tác giả, và xin bạn đọc sửa lại giùm sơ sót ấy trong số báo vừa qua.

Ban Chủ biên Văn Học

Chú Thời

Thu Thuyền

Chú Thời với mẹ giống nhau như tạc.". Bà ngoại bảo "Lúc mới sanh, tóc chú dợn sóng. Dày, mướt. Da chú trắng trẻo, mặt mũi mũm mĩm như Tây con." "Chú Thời hồi ấy to con, tính tình ma mãnh hơn mẹ nhiều!" Đó là những câu mẹ vẫn thường thủ thỉ cho chị em My, Nhu nghe, lúc mẹ cao hứng nhắc đến chuyện xưa, ngoài Bắc. My cố vẽ thử mặt mũi chú Thời trong trí tưởng nhưng càng nghĩ, hình ảnh chú càng mờ ảo như trong một thế giới khác....

Giải phóng gần nửa năm, My nghe tiếng người gọi cửa. Em Nhu nhanh chân phóng ra ngoài trước. Cổng mở, đóng đánh "Xoàng!" Chẳng thấy khách đâu, chỉ có cái miệng Nhu hớt hải:

"Mẹ ơi, Việt Cộng đến nhà kiếm."

My hoảng hồn bịt miệng em:

"Vào tận trong gọi mẹ. Từ rày về sau, không được gọi Việt Cộng là Việt Cộng. Họ nghe được thẻo cụt lưỡi đó."

"Eo ơi! Thế phải gọi làm sao?".

My ú ớ, nói bừa:

"Chiến-sĩ-Bộ-đội. Ờ... Bộ-đội-Giải-phóng-Miền-Nam! Thôi, vô kêu mẹ nhanh lên."

Nhu chạy biến còn My thập thò ngó qua khe cửa. Cô thấy một người đàn ông đứng quay lưng nhìn vơ vẩn ra đường. Ông mặc quần sậm màu, áo sơ mi trắng. Kiểu may rộng rinh, mốt từ thời 1950! Lúc ông quay lại, My muốn bật ngửa: Việt cộng! Mà Việt cộng loại cực xấu mới chết. Đầu ông sói hết ba phần tám. Trơ cái chỏm nhọn, phất phơ dăm sợi tóc mảnh. Gương mặt khắc khổ: Lưỡng quyền nhô cao, chân

mày rậm xù, mắt sâu hoắm, hàm trên vẩu, đầu mũi to, cánh bè như mũi kỳ lân. Tấm nhan sắc vẫn thấy trong những bức biếm họa của báo Trắng đen, Chính Luận. Đến lúc quan sát kỹ, My phát bật ngửa lần nữa: Chao ơi, đây là âm bản của mẹ! Cũng gò má cao, mắt sâu, miệng rộng... nhưng không phải nói phét, mẹ trông như bà Jacqueline Kennedy, còn ông đây. Xin lỗi: Hệt như tên tiểu yêu trong Tề Thiên Đại Thánh!

My tất tả ra mở cổng mời khách vào. Miệng lí nhí chào. Vừa lúc ấy, mẹ xuất hiện. Ông khách... Chú... vụng về đặt túi gạo tiêu chuẩn vào tay mẹ, ấp úng: "Em, Thời đây chị... Lâu quá..." Nói đến đây, chú nghẹn lời. Mẹ vất bọc gạo xuống đất, ôm lấy chú Thời, khóc òa. Dĩ nhiên My chuồn êm. Trong đầu cô xẹt qua xẹt lại câu "Nam nhận họ, Bắc nhận hàng". Cố mấy thì cố, tình máu mủ trong cô nhất định không chịu phát tiết. Nếu còn nấn ná trơ mắt nhìn, sẽ lộ rõ mình là gái vô duyên. Đến bữa cơm, hai chị em My, Nhu mới rón rén ra bàn ăn. Chú Thời móc túi xách, cho mỗi đứa một cục xà bông thơm phức (chả bù với xà bông cây mẹ mua, sặc mùi sả.) My tròn mắt, nghĩ bụng "Ủa, có quà cho mình nữa à?". Nhưng cô không giấu được vẻ thích thú, cám ơn chú tíu tít. Chú Thời cười tủm tỉm. Nụ cười làm gương mặt chú dịu hẳn lại, trông đỡ sợ!

Chú Thời ngần ngừ một lúc, mới mở lời với mẹ: "Em tính vào đây buôn bán. Nghe nói hình Bác và cờ, trong Nam bán chạy lắm..." Mẹ gạt phăng: "Nhảm! Vài ba tháng đầu sợ, nhà nào cũng mua treo, kiểu như treo bùa Lỗ Ban. Giờ chẳng ai muốn bỏ tiền vào khoản này đâu!" Mặt chú sầm tối: "Tiền tàu xe, vô đến đây gần sạt nghiệp. Phải buôn bán thứ gì chứ không là gay lắm." Mẹ tần ngần, "Hay em buôn thuốc Tây, vốn ít thì mua loại quá hạn, đem ra ngoài ấy, thể nào cũng có người mua." Suốt bữa cơm, mẹ với chú Thời bàn chuyện làm ăn. Hai chị em mới gặp sau bao năm xa cách, chưa tâm sự câu nào đã phải tìm cách chạy tiền. My thấy đúng là "cái khó bó cái... tình"!

Nói chuyện loanh quanh, chú chợt nhớ:

"Anh đâu chị?"

"Đi tù cả tháng nay rồi!"

"Chết! Tù à? Em tưởng anh ấy không dính dáng tới ngụy quân, ngụy quyền..."

Mẹ gắt:

"Thì được miễn dịch, không phải vác súng ngày nào thật. Nhưng đúng hôm xui xẻo, anh ấy đạp chiếc Vélo Solex mù ra chợ sách, khuân

về một mớ truyện trinh thám, gián điệp. Công an chận lại hỏi giấy tờ, thấy sách Tây, bèn tóm cả sách lẫn người về điều tra. Họ bảo CIA!"

Chú vừa nghe vừa gật gù. Mẹ e dè:

"Liệu em có cách nào lôi anh ấy về không?"

Chú bật cười:

"Em tự lo thân còn chưa xong. Cứu gì ai? Trường hợp của anh, Bác Hồ có sống lại cũng chịu thua. Gì chứ *tình nghi gián điệp* thì gay lắm. Chẳng biết lúc nào mới có án."

"Án?"

"Có bản án, tội trạng rõ ràng thì mới biết ngày về. Cánh công an họ điều tra thong thả lắm. Lúc nhận bản án, lắm người được tha bổng vì đã ở tù đủ hạn."

Thấy mẹ thất vọng, chú an ủi qua loa:

"Chị ạ, bắt nhầm thì thể nào cũng được thả. Chị ráng phấn đấu lo cho các cháu. Cần nhất là giữ hộ khẩu ở đây. Chớ có dại ký giấy đi kinh tế mới!"

Rồi chú hứa đi hỏi giùm. My nghi chú hứa suông cho bữa cơm đỡ tẻ. Không ngờ chú Thời giúp thiệt. Chú đi loanh quanh mấy ngày, trở về với lá thư viết tay của bố. Đại khái bố hỏi thăm cả nhà; cho biết đã nói chuyện với chú Thời dăm phút và được chú biếu gói xôi gà, ăn ngay tại chỗ. Cuối thư, bố hy vọng sẽ được về nay mai... Chú Thời chờ mẹ đọc thư xong, nói thẳng, "Độ tháng sau, hồ sơ anh sẽ được đem ra xét xử. Em chạy đúng cửa, chỉ tốn mất cái máy chữ." Sợ mẹ hiểu lầm mình vòi tiền, chú nói thêm: "Em xin máy từ mấy đứa bạn văn nghệ. Thành ra coi như không tốn xu nào." Chú nhắc đi nhắc lại: "Vụ này, em chỉ làm được đến đây là hết mức!". Để mẹ đừng bắt chú trải thảm đỏ rước bố về chắc, My nghĩ.

My không ngờ chú Thời coi xấu vỏ nhưng lắm nết hay. Mỗi lần tắm, chú đều giặt giũ quần áo, phơi phóng sạch sẽ xong mới xuất hiện khỏi buồng tắm. My không phải hầu chú một ngày nào cả. Còn thế này nữa chứ: Mẹ hay mua vịt, gà làm sẵn về. Chú nhìn con gà béo núc ních, da dẻ vàng lườm... một cách khinh bỉ. Chú bảo, "Chị mua gà vịt sống về, em cắt tiết. Mấy con này thịt không được tươi, ăn tanh lắm. Bọn con buôn hay ngâm nước, thoa nghệ lên da. Vừa đắt, lại làm sao ngon được?" Lúc có con vịt dãy dụa trong tay, chú Thời xắn áo, kéo cao ống quần. Cắt tiết, nhổ lông soàn soạt. Hai chị em My, Nhu đứng tít đàng xa nhìn chú trổ tài. Một con vịt, chú có thể làm được 36 món. Mẹ mê món

bún sáo măng với đĩa vịt chấm nước mắm gừng. Tiết canh, chú hãm vừa tới. Ăn sần sật cổ cánh, lòng... Lúc đầu My còn gớm cảnh mồm miệng máu me. Ăn vài miếng, cô chìa bát xin thêm. Nhu thì nếm món nào, em cũng gật đầu khen, "Hết chỗ chê. Ngon chết được!" Tối đến, Nhu thì thầm với My: "Bốn bồ: Công Dung Ngôn Hạnh, chú Thời chiếm hết. Cô nào có phước lớn mới được chú rước về!" My cười cười, "Làm ơn cho xin chữ Dung để sau này chị em mình còn kiếm chồng chứ..."

Có hôm bạn mẹ cần giấy đi đường, nhờ chú lo giùm. Loáng một lúc, chú đã có giấy đóng mộc của cơ quan nhà nước hẳn hòi. Cơ hội làm ăn thơm phức bay tới. Mẹ móc nối với đám người quen đang muốn thăm dò mấy tỉnh ven biển, chú Thời cung cấp giấy tờ. Người này truyền miệng người kia. Nhằm mùa biển lặng, cả túi chú Thời lẫn túi mẹ đều rủng rỉnh vàng.

Chú Thời chiếm được cảm tình của mọi người thật dễ dàng. Ai cũng mong đến bữa cơm tối để nghe chú Thời trổ tài kể chuyện. Có bữa chú kể chuyện ma công an, ma bộ đội; có hôm chú kể lại phim chú mới xem cùng với đám bạn văn nghệ. Nhìn chú diễn tả phim Exorcist, Quỷ Ám thú vị còn hơn ngồi rạp. Ly kỳ, hình ảnh sôi động. Hai chị em My, Nhu nghe đến nhiều đoạn phải hét lên vì sợ. Em Nhu còn xem chú là nhà văn thiên tài sau ngày chú giúp bình thơ Bác Hồ, được chấm nhất. My thì có bài chính trị phải nộp, chú ngồi quẹt một hơi, ra năm trang giấy chi chít *những cải thiện quan hệ xã hội và đấu tranh với thiên nhiên xây dựng xã hội chủ nghĩa, ba dòng thác cách mạng*... My chỉ cần chép sạch, đem nộp. Cô giáo cho 8/10, vẻ vang cả buổi. Không biết từ lúc nào, hai chị em My, Nhu cùng nhìn chú Thời bằng ánh mắt khác. Thêm đám bạn bè chú ghé đến. Toàn dân miền Bắc vào Nam phe phẩy nhưng người nào cũng quần áo bộ đội, nón cối trông rất hách. Đám Cách Mạng Ba Mươi, phường khóm, tổ trưởng... tự nhiên đối xử với gia đình My tử tế hẳn.

Trong số bạn bè văn nghệ của chú Thời, My rất thích chú Họa sĩ. Cô lăng xăng hầu nước, hỏi về quan điểm nghệ thuật của miền Bắc v.v., bàn luận hết sức tâm đầu ý hạp. Lúc cao hứng, chú Họa sĩ đề nghị vẽ chân dung. Cô gật đầu cái "bóc!". Thế là tay chú Họa sĩ thoăn thoắt phác họa. Trên nền giấy trắng hiện lên khuôn mặt của My. Cô thấy nét bầu bĩnh của mình bị chú Họa sĩ nhìn thế nào mà vẽ ra vuông như cái bánh chưng, lại thiếu chiếc nốt ruồi duyên "Marilyn Monroe" của cô.

Không lẽ họa sĩ đang vẽ, cô lại bảo, sửa giùm chỗ này, bỏ thêm nét khác? Cô đợi chú Họa sĩ vẽ xong, đem vào nhà, lấy bút quẹt thêm tí tóc che bớt khuôn mặt. Tiện tay, cô điểm cái nốt ruồi duyên vào. Sau, chú Họa sĩ thấy tấm hình bị tu bổ, chú giận đỏ mặt. Cô kinh ngạc: Sao mà chấp nê như con nít. Vẽ không trúng thì sửa, mắc gì nổi xung? Thế là cô vứt bẹt bức hình vào thùng rác rồi hậm hực kể cho chú Thời nghe. Chú cười khanh khách, "Cho nó chừa tật phách lối. Gặp chú, chú cũng sửa thẳng tay. Đúng mày là cháu của chú!" My nghĩ: "Chỉ có mấy ông họa sĩ trong cục Tâm Lý Chiến của ngụy quân, ngụy quyền mới thích vẽ chân dung chú!" nhưng cô đời nào nói ra, mất lòng chết!

Sau vụ xì nẹc ông họa sĩ Giải Phóng Miền Nam, My không thèm ra gặp bạn của chú Thời nữa. Tránh luôn cả chú. Mặc cho em Nhu tìm cách giảng hòa, cứ nhắc: "Chú Họa sĩ muốn vẽ lại hình cho chị My đấy. Chú Thời hỏi chị dạo này hay đi đâu mà chú ít gặp, em phải nói giùm là chị ăn cơm sớm để đến nhà bạn học thi...". Cô bĩu môi không trả lời!

Áp phe làm giấy đi đường bắt đầu bị công an nghi ngờ. Chú bùi ngùi bảo mẹ: "Chị em mình nên ngưng vụ này. Vốn liếng em đủ để vừa đi buôn, vừa đi chơi. Em đã thu xếp tàu xe trở về ngoài ấy. Em khuyên chị nên tìm cách trốn ra khỏi nước chứ không tương lai các cháu sẽ chẳng ra gì. Chị nhìn em, vẫn vô gia cư vô nghề nghiệp, dù mợ đã hiến vàng cùng các hiệu buôn, lẫn nhà đất." Mẹ rơm rớm nghe chú dặn dò trăm chuyện. Ngày chú bịn rịn chia tay với mẹ và em Nhu, My đứng sau cửa. Khi dáng chú khuất dần ở cuối đường, cô mới quay vào nhà. Chú Thời đi rồi, phòng ốc chợt trống trải lạ! Thiếu giọng nói ấm áp, tiếng cười rang rảng của chú Thời, không khí trong nhà chìm xuống. Bụi tre trước cổng trông lủi thủi thế nào?

Một chiều, sau hôm bọn Cách Mạng Ba Mươi vào sục sạo nhà My (hình như kiếm xì ke ma túy), ông phát thư vứt qua cổng một lá thư của chú Thời, gửi từ Cao Bằng. Mẹ đang nát lòng, đọc thư xong phì cười, Cái thằng khỉ thiệt! My và em Nhu vội hỏi, Chú Thời nói gì thế? Mẹ chỉ đoạn chú viết: *Em vừa ghé qua Hải Phòng tính kiếm cách đi chơi xa một mẻ. Không ngờ tống được hết đống hàng cho mấy tay buôn sắp vào Nam. Một thùng tướng, toàn hình Bác và cờ đỏ sao vàng. Nếu em trở lại Hải phòng lần tới, dám sẽ bị du dãng dần cho nát thây. À, dân bến cảng Hải Phòng dữ mấy, em cũng không sợ, chỉ sợ cái tánh giận dai của con bé My!* Hai chị em bật cười, "Chú Thời ma mãnh, mẹ nhỉ?" Ba mẹ con bất

chợt im lặng: *Đi chơi xa*? Chú Thời bây giờ đang phiêu lưu ở chân trời nào? Có chú, đố bọn nào dám rần rần vác súng vào nhà này!

Rồi bố được thả về.

Vài tháng, bố lại bị còng tay đưa vào tù. Công an đến bới tung nhà. Lúc đem bố đi, tang vật duy nhất là bộ quần áo Cán bộ Xây Dựng Nông Thôn trên người bố! Mẹ đoán họ bắt bố vì *tình nghi Phục Quốc*. Đến lúc chạy một vòng hỏi thăm, mới hay công an đã lùa bạn bè của bố vào tù chung cả nút. Nghe đâu bố và các bác bị *tình nghi tham gia nhóm văn nghệ sĩ phản động chống phá Cách Mạng*. Mẹ gửi thư ra Bắc nhờ chú Thời giúp nhưng thư chẳng được hồi âm. My hằn học nói với Nhu, "Chú sợ dây dưa với ông anh rể nguỵ, tìm cách lánh mặt cả nhà đấy!" Nhưng bụng My vẫn hy vọng chú đang huýt gió ở một trại tỵ nạn nào đó. Nhu thì nhất định bảo, "Chú Thời gặp trúng thời, tiền vô như nước. Em như chú Thời, em ra Huế *bồi dưỡng*. *Lô-gích* không?" My nhăn mặt, "Toàn học mót chữ của chú Thời, nghe nổi gai ốc!" Mẹ chả nói gì. Bà ra sau nhà mở cống, moi một chỉ vàng mua đồ thăm nuôi bố và hương đèn, cầu xin ông bà phù hộ chú Thời được bằng an. Em Nhu nhắn: "Mẹ nhớ mua cái mũ cho chú Thời, để khi trở lại, đầu chú khỏi bị giộp nắng Sàigòn."

My bỗng thấy mũi cay như ngửi trúng phải hơi hành. Cô cũng mong gặp lại chú Thời như mẹ và em Nhu. Nếu chú Thời trở về, My sẽ nhất định bắt chú để quần áo đấy cho cô giặt, ủi. Sẽ cùng ăn cơm tối, nghe chú kể chuyện ma... Nhưng cô mong nhất là nghe lại được câu phán: "Đúng mày là cháu của chú!"

Thu Thuyền
8/2002

Đón đọc tác phẩm thứ hai của nhà văn *Trúc Chi*

Gỗ và Đá

Tùy bút

Dày trên 400 trang. Văn Mới xuất bản
Sách sẽ được phát hành trong tháng Mười 2002.

Gỗ và Đá

Trúc Chi

Nhân ghé vào viện trúc trò chuyện với Thầy
Mà rồi hưởng được nửa ngày thanh thản trong cõi phù sinh.
Lý Thiệp

Mới đây, vợ chồng tôi có đi dự một bữa tiệc tân gia. Chủ nhân là anh họ nhà tôi. Anh mua nhà này bữa đầu năm. Sửa chữa trong ngoài, trang trí vườn tược, dọn dẹp cây cỏ mất mấy tháng thành ra mãi đến tháng qua mới ở được. Nhà đẹp, rộng rãi, thoáng, đầy đủ tiện nghi của nếp sống ở Mỹ năm 2002. Mới dọn vào nên nhà vườn, dù sạch sẽ xinh xắn, mà cá tính của chủ nhân chưa "thấm" vào phòng ốc, cây cỏ. Toàn thể chỉ mới có được nét trưng bày, triển lãm, khá khiêm tốn. Nổi bật giữa nét mới mẻ trong bóng của nhà vườn là cái bể cạn với hòn non bộ có lớp rêu dày phủ gần kín mấy phiến đá trên có ba cây lùn, già, mạnh mẽ. Tay chỉ vào mấy con cá vàng qua lại trong bể cạn, ông anh họ nói với nhà tôi:

"Công trình của người chủ cũ, chắc nay tôi cũng phải phá nó để lấy thêm chỗ trồng thêm cây. Tôi mạng Hỏa, khắc Thủy. Cây cỏ thuộc Mộc, tốt hơn."

Nghe câu nói, tôi sực nhớ đến một hòn non bộ khác tại chùa X. ở Huế. Lần ấy, cũng đã ngoài ba mươi năm, tôi theo một người bạn học lên chùa để xem nét chữ Hán nổi tiếng là "thần tình" của một vị cao tăng đã viên tịch khoảng thập niên đầu thế kỷ trước. Đó là một bài kệ bốn câu năm chữ, khắc trên một tấm bảng gỗ mít. Việc chính của hai anh em tôi là xem chữ, mà rồi tình cờ riêng tôi lại được dịp thưởng thức thêm một nét đẹp khác: cái nét "sống" trùm lấy hòn non bộ kể như là có một không hai ấy.

Nét bút nhịp nhàng trên gỗ, vẻ linh động của mấy khối đá bất động trong bể cạn ở chùa đã khiến tôi suy nghĩ mông lung. Rồi cọng vào đấy là một đôi điều buồn thảm mà tôi đã nghe và thấy ngay trong chùa hôm ấy, cũng khiến tôi nghĩ ngợi không ít. Vui buồn trộn lẫn nhau, tương phản nhau đã tạo ra một tâm trạng vừa xao xuyến vừa xốn xang mà mãi cho đến bây giờ, ngồi viết những hàng chữ này, tôi vẫn còn cảm được dư ba. Kể ra, ở một hoàn cảnh và địa điểm khác, chưa chắc tôi đã bị xúc động mạnh đến thế. Nhưng đây là chùa. Thường ra khỏi chùa, dù không vui tôi cũng không hề buồn, ngay cả những lần dự lễ cầu siêu cho một người mới ra đi. Có lẽ vì trong tôi có sẵn một loại cảm thức đặc biệt bắt nguồn từ khói nhang, hương trầm, hương sen, nhạc điệu của chuông mõ, những thứ gieo được vào lòng tôi dăm cảm giác nhẹ nhàng, đôi ý nghĩ thuộc loại "thoát".

Trước khi thuật lại vui buồn của một buổi chiều đã cũ lắm – thật ra chỉ có năm tháng là cũ còn vui buồn kia mỗi lần gợi lại vẫn có chút gì mới đối với tôi – có lẽ tôi phải tự đặt mình vào khung cảnh chùa, vào cảm thức của tôi trước ý niệm chùa, vốn không thể tách rời khỏi dăm điều suy nghĩ về đạo.

Chùa? Sau chữ Chùa mà tôi lại đánh một cái dấu hỏi như vậy là xấc, là gian dối đối với quá khứ của chính mình, một quá khứ không ăn chay niệm Phật, nhưng nói của đáng tội, tôi cũng không đến nỗi quá tệ mà không để tâm – dù chỉ là những thoáng ngừng xoay giữa cơn lốc cuồng bạo trong ngũ uẩn của chính mình – vào nhân quả, vào báo ứng, vào những lớp sóng nhân duyên trùng trùng trong vũ trụ, tóm lại, vào vài điều gốc trong đạo Giải Thoát.

Cái dấu hỏi kia thật ra chỉ là cách tôi tự hỏi:" Viết gì bây giờ?" Bởi vì tôi biết đôi chút về kiến trúc, về sinh hoạt, về lễ nghi ở một đôi chùa quen thuộc nhưng cái biết của tôi không nói được gì về đạo. Viết về chùa mà không có gì để nói về đạo thì cũng không khác chi nhìn một đóa sen mà không liên tưởng được tính chất hướng thượng của thiền vị. Nhưng mà... biết đâu lối về thăm một mùi hương trầm, một câu xướng, một nhịp mõ lại không móng lên đôi gợn sóng nhân duyên với ý nghĩa của đạo - trong hành động thì tôi không dám chắc - nhưng ít ra là trong con người tôi, mà tôi biết là chẳng chịt muôn nghìn hệ lụy của thanh, của sắc, của thi vị tạo tác, của... nói sao cho hết.

Không nhớ ai đã viết câu dí dỏm *"nếu người không tìm đến nghệ thuật thì nghệ thuật cũng sẽ đến với người."* Tôi muốn chuyển ý nghĩ ngộ nghĩnh này sang lĩnh vực tôn giáo. Nhưng mà cũng phải làm chút gì chứ! Không lẽ cứ ngồi từ bi tự tại rứa rồi thì tự nhiên mà Đạo đến với

mình! Nhứt là vào phút này, tôi đang ngồi trong một tư thế thật thoải mái, hai chân gác lên bàn viết, theo kiểu tổng thống Kennedy ngồi trong Oval Office, dựa lưng vào ghế, tay cầm tẩu thuốc, ngắm chiếc áo dài màu ngà nhã nhặn có điểm mấy nụ mai màu rượu chát, gọn gàng trên thân thể của một thiếu nữ xinh tươi đang tựa mình vào lan can trên lầu Ngũ Phụng trong tờ lịch. Toàn thể bức ảnh có một nét sang, quí phái hiếm thấy trên ảnh trong lịch.

Nhưng mà sang và quí phái lại không phải là mấy chữ có thể dùng để tả chùa, ít ra là những cảnh chùa "của tôi". Tôi nghĩ thầm như vậy và chợt thấy rằng cái giản dị, nghèo và tinh khiết ở một đôi cảnh chùa trong nước mà ngày trước tôi vẫn thường lui tới hoặc tò mò ghé vào vãn cảnh vẫn gần gũi với tôi hơn, gần hơn là một đôi kiến trúc Phật giáo ở nước ngoài, có một qui mô lớn hơn, hoành tráng hơn, nguy nga hơn mà tôi có dịp thấy tận mắt hoặc qua truyền hình. Thật ra, không riêng gì chùa, mà những kiến trúc vòi vọi ở nhiều đô thị hiện đại cũng không gây được một liên hệ tình cảm nào – khoan nói đến chuyện gần gũi – dù tôi đã nhiều phen phải cất mũ mà thán phục những công trình lớn ấy. Chùa, ít ra là chùa xưa ở Huế, thường u trầm hòa mình vào cây lá sông núi xung quanh, chìm trong và sống với thiên nhiên. Không khoa trương và lại càng không ngạo nghễ dù có khi nằm ngay trên đỉnh đồi, chóp núi.

Mái thấp hơi oằn, tường gỗ cũ kỹ như muốn giữ lấy âm ba của những hồi chuông triêu mộ cho được dài hơn, đắm thắm quyện lấy hơi sương sóng nắng ngoài sân chùa cho được lâu hơn, trước khi để cho chúng tỏa ra sườn đồi, góc suối, ruộng lúa, rừng thông. Tục lụy trong lòng người lần bước tới chốn sơn môn có vẻ cũng được tiếng chuông gạn lọc ít nhiều, dù trong tâm không hề móng lên một niệm tu hành. Ít ra, đối với tôi là vậy. Ít ra cũng có một đôi lần tôi sống được vài phút yên tĩnh như vậy giữa những ngày tháng nhiều biến động, giữa một đất nước bập bùng lửa khói.

Lần ấy, tôi đi cùng với một người bạn học, giỏi chữ Hán, đọc được nhiều lối chữ, lên chùa X., Huế, cốt để xem di bút của vị tổ chùa trong một bài kệ khắc trên gỗ theo lối hành thư mà bạn tôi nói là "bút pháp tung hoành, nhứt khí quán hạ. Tôi không biết nhiều về thư pháp Trung quốc, nhưng vì mê cái đẹp của chữ Hán, nên khăn gói lên đường ngay. Khăn gói đây là một ít nhang đèn, hai gói trà Bảo Lộc và mấy hộp trái cây mà tôi quơ nhanh trong một tiệm tạp hóa nhỏ bên ngoài chợ Bến Ngự.

Bài kệ ấy, tôi đọc không hết được, phải nhờ bạn giảng mới hiểu hết.

Nhưng mà bây giờ, ba mươi năm sau, tôi vẫn còn thấy được cái bảng gỗ cũ kỹ như chìm như nổi giữa cái dìu dịu của một loại quang ba chập chờn nửa sáng nửa tối trong căn phòng u tịch bên ngoài chánh điện. Tôi vẫn còn mường tượng được điệu múa của nét chữ linh động mà trầm tĩnh thoát ra tự cái tâm một người hẳn không còn để cho ngoại cảnh gây chao đảo. Bước đi của ngọn bút lông, ăn sâu vào thớ gỗ, chỗ chắc nịch, chỗ nhẹ nhàng, nhất là bộ *vũ* trên chữ *vân* và bộ *môn* bọc chữ *nhàn* viết giản thể, cứ thế mà lướt nhanh trong thế quân bình vững chãi của từng chữ cân đối không sai lệch. Quả là chữ tốt, đầy đủ khí, thế và lực vốn là ba yếu tố tạo nên cái thần của mỗi chữ Hán.

Tôi mong rằng bài kệ không bị thất truyền. Bởi vì khói lửa không tha một thứ gì. Chùa bị cháy sập trong bom đạn. Bạn tôi mất tích trên đường chạy vào Đà Nẵng hồi tháng Tư năm 75. May ra con cái còn giữ được một bản sao trong đống giấy má sách vở mà anh sưu tập suốt một đời lặn lội trong chữ nghĩa của người xưa. Nghĩ mà tiếc. Thôi thì nhân duyên của mình với một lời kệ, với một nét tài hoa của người trước... có ngần ấy thôi. Duyên đã rã rồi thì có muốn cho nó tụ lại cũng không được. Mà hình như nhớ tiếc cũng tạo nghiệp. Biết vậy mà cứ tiếc! Loại nghiệp vớ vẩn này, lỡ mà nó lọt vào chủng tử, vào cái thức thứ mấy đó tôi cũng không nhớ nổi, ngay khi chính cái thân tứ đại của mình bắt đầu rã, có vẻ rầy rà lắm. Lỡ mà kiếp sau tôi lại được sinh làm người, nỗi nhớ tiếc một hàng chữ đẹp, ý nghĩa một bài kệ, biết đâu lại không tạo thêm ra một sợi tình nữa trên cái khung cửi xúc cảm của tôi, đếm sao cho hết những sợi ngang sợi dọc! Thêm một sợi tơ nữa... Thôi. Nó phiền lắm... *Thử lấy dây tình giăng mặt nước/ Tình dài dằng dặc nước vơi vơi*

Xem bài kệ xong, chúng tôi bước ra phía sau chánh điện. Lúc đi ngang bức vách đầy kín di ảnh cũ mới của lớp người được thân nhân đem lên nương cửa Phật, không ai bảo ai mà bạn tôi và tôi đều dừng lại. Phía trên bức tường gỗ gồm nhiều bức ảnh cũ, có cái đã mờ, nước thuốc đã phai, hầu hết là ảnh trắng đen. Phía dưới phần nhiều ảnh màu cả bán thân lẫn toàn thân. Tôi nghĩ thầm rằng nếu từ hồi đạo được truyền sang Việt Nam từ Ấn Độ mà đã có nhiếp ảnh thì tất cả các chùa xưa nay gộp lại cũng không đủ chỗ mà để ảnh thờ con Phật. Ngón tay trỏ bạn tôi di động trên mấy bức ảnh màu còn tươi, miệng anh lẩm bẩm:

"Mậu Thân... Mậu Thân... Mậu Thân... "

Tôi chỉ vào ảnh một thiếu phụ mà tôi có quen biết:

" Mậu Thân nữa phải không?"

Bạn tôi gật đầu, thì thầm:

"Cả hai vợ chồng bị chôn sống."

Trong cái yên lặng, tịch mịch bàng bạc nét hiền hòa của từ bi, của bác ái, hai tiếng "chôn sống" dù được thốt ra rất khẽ, nghe lạc lõng, nếu không hẳn là chói chang, như vần trắc ở chữ cuối một câu sáu, thể lục bát. Tôi chăm chú nhìn chân dung người bạn học cũ: miệng cười tươi, duyên dáng không kém thời nữ sinh, gương mặt phúc hậu vậy mà... Tôi gọi về từ ký ức hình ảnh của cả một lũ bạn trai gái... một buổi chiều vui cười đùa giỡn trên bãi bể Cửa Thuận... nhiều chiếc quần cộc xanh sơ mi trắng, nhiều chiếc xe đạp xộc xệch, nhiều tà áo trắng, nhiều chiếc nón cầm tay hoặc ngả sau lưng, nhiều mái tóc thề phất phơ trong gió biển...*ngày mai trong đám xuân xanh ấy/có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi* ...Cái nhìn của người trong bức ảnh... cái nhìn vui tươi tự nhiên này không gợn một chút thắc mắc, tra vấn, mà đột nhiên tôi thấy mình phải tự đặt câu hỏi, dưới một hình thức nào đó, về Thiện Ác, về ý nghĩa của nhân sinh, của cuộc đời. Tôi máy móc thắp một cây hương cắm vào bát nhang lớn đầy tro tàn, đầy chân hương cũ mới. Mấy câu hỏi mà biết bao người tự nghìn xưa đã từng tự hỏi đang xoáy mạnh vào tri thức tôi, không để tôi dọn lòng cho được yên tĩnh mà mặc niệm. Mà mặc niệm cho ai? Cho cái gì? Nguyện lực đâu trong cái xác phàm đầy trần lụy của tôi mà mặc niệm, mà chuyển nghiệp cho hàng triệu giọt nước mắt xung quanh tôi? Chừng đọc được tâm trạng tôi, bạn tôi vừa tủm tỉm vừa vỗ nhẹ vào vai tôi:

"Vấn đề là ông có tạo ra được cái gì ... thật đẹp từ sự chán nản của ông hay không."

Tôi hiểu ý bạn, nhưng mà nhất thời, trong tâm trạng bàng hoàng, bất lực khi đột ngột đối diện với một trường hợp điển hình, cụ thể, khủng khiếp của cái Ác trong con người, tôi không biết nói chi mà đầu óc tôi cũng ngưng lý luận, suy nghĩ.

Chúng tôi bước ra sân. Tôi châm cái tẩu thuốc, ngồi bên thành cái bể cạn khá lớn, lặng ngắm hòn non bộ được dựng lên trong thế ngũ hành tương khắc tương hợp. Năm khối đá cao thấp hình thù cổ quái: như núi cúi xuống, như đồi ngẩng lên, như cồn sóng soãi, như bãi trải dài. Chúng chờn vờn trên một vòng cung chừng ba phần tư một vòng tròn đường kính cỡ một thước rưỡi. Khoảng cách giữa các khối đá chỗ rộng, chỗ hẹp không đều nhau. Khí lực mạnh mẽ của hòn non bộ nằm trọn trong những khoảng cách bất đồng này, càng nhìn càng thấy năm khối đá như di động, như xô đẩy nhau, như xích lại gần nhau, xa mà gần nhau trong một tổng thể chắc chắn vững vàng, tưởng chừng như dẹp bớt một khối đá thì bốn khối kia cũng sụp luôn. Năm trái núi lớn nhỏ không có tiều phu, không có ngư ông, không cả bàn cờ của Nam Tào Bắc Đẩu, không

một chiếc cầu, không có tượng Phật, không có tháp, không có chùa, không có lều tranh, tóm lại, không có sinh hoạt của cõi người và cõi tiên, chỉ có rêu xanh, đá xám. Đây là một trường hợp hiếm thấy ở một hòn non bộ trên đó cái *tĩnh* hữu hình hiện rõ ra ngoài, còn cái *động* vô hình lại vẫn vũ mà quyện lấy năm nguyên tố Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ. Tài tình thay là bàn tay của bậc triết nhân nghệ sĩ đã tạo ra cái tiểu cảnh vừa đơn giản vừa huyền bí này!

Tôi hỏi bạn tôi, một người đã từng ngắm hòn non bộ này nhiều lần năm này qua năm kia:

-"Còn cái khoảng trống này, một phần tư cái vòng tròn này sao lại không có đá đất gì cả?"

Bạn tôi, vốn là một cư sĩ say thiền vị, nhưng cũng say sưa một vài thứ khác như rượu, như tiếng đàn giọng hát (tối hôm trước đó chúng tôi đã cạn với nhau nhiều ly đậm đà giữa cái buông bất của một tay đàn nguyệt, cái nhấn vuốt trên giây đàn tranh, cái não nề của một vài điệu ca buồn đến nát cả ruột dưới một bầu trời không trăng không sao, xa xa thỉnh thoảng có điểm thứ lửa trơi của một trái hỏa châu vụt lóe) đã cúi nhìn hòn non bộ hồi lâu rồi ngẩng nhìn tôi với nét cười tinh quái cố hữu trong ánh mắt:

-"Mình nghĩ đó là cái chỗ tuyệt diệu của hòn non bộ này. Phải có chỗ cho những thằng hay suy nghĩ lẩn thẩn vơ vẩn như ông với tôi chứ. Nói hết cả trăm phần trăm là hết chuyện. Thật ra, muốn hiểu ra sao đó thì hiểu, tùy người, tùy tâm trạng. Nhưng mà có một cái nhìn hay lắm, vừa giản dị, vừa siêu lắm, tôi phải kể cho ông nghe mới được...."

Vừa lúc ấy, chú điệu chừng mười mười một tuổi mặt mũi sáng sủa lanh lợi, từ trong chùa chạy ra bẻ cạn, nhanh nhẩu:

"Dạ, Thầy mời hai bác vô dùng trà."

Xong, chạy vụt vào bếp. Bạn tôi nhìn theo chú điệu, giọng ái ngại:

-"Tội nghiệp, điệu Nhân đó. Mồ côi cả cha mẹ. Thầy đem từ ngoài Quảng Trị vô, cho đi học. Thông minh lắm. Học đâu nhớ đó. Bốn phép cọng trừ nhân chia trong phân số, mình giảng cho có hai lần mà hiểu hết. Coi nhỏ vậy mà Thầy nói với mình là thuộc được hơn một trăm chữ trong Ngũ Thiên Tự rồi, nhớ hết cả mặt chữ."

Tôi tò mò:

-"Chú điệu vô chùa được mấy năm rồi?"

-"Non ba năm. Cha mẹ chết vì đạn pháo kích. Còn có một người dì góa chồng, đông con không nuôi nổi...."

Cả một tấn thảm kịch. Một tấn thảm kịch lớn trong một đời người. Hồi thứ nhất có nước mắt và máu. Hồi thứ hai có nguồn suối giải oan

thơm ngát róc rách giữa rừng lá Bối, dần dà tẩy bớt vị mặn chát của nước mắt và màu đỏ hung tợn của máu. Tôi thầm mong rằng hồi thứ hai này, mà nét chính là chút nhân duyên với chốn Không Môn trong đời điệu Nhân, sẽ kéo dài mãi... dài mãi cho đến khi kinh kệ, chuông mõ đem lại chút yên tĩnh trong lòng cậu bé bất hạnh này.

Thầy và bạn tôi là một đôi bạn thân. Thầy trạc năm mươi. Cao, ốm mà không khắc khổ. Gò má cao, đôi chân mày rậm, đôi mắt sâu, sáng và hiền lành. Cả cái sức lực của thầy lộ rõ trên hai bàn tay đen nâu, có những ngón lớn dài, mạnh, một đôi chỗ sần sùi, nhám. Bàn tay gân guốc của một người siêng năng. Thầy rót trà vào mấy cái tách sành lớn, từ một cái bình tích ở cái giỏ mây có vải đỏ bọc phía trong. Thầy nói:

"Có mấy cái bánh in cúng vía Đức Di Lặc bữa kia, mời hai anh dùng trước rồi uống thử chè xanh vườn chùa. Lỡ đói mà uống nước chè xanh đậm, dễ xót bụng."

Cái lối phân biệt "chè" và "trà", chắc ở các nơi khác cũng có. Chỉ biết rằng ở Huế, nó thiệt là... mô vô nấy thiệt là đâu vào đó. Chè là chè tươi, chè xanh ngày trước thường được chất vào bát lớn từ cái om đất lớn đựng nước cốt. Thường thấy trong các quán nhỏ bên đường làng, góc phố, bãi chợ. Vì là chè tươi nên cái thứ nước xanh, chát, nóng đến quắn cả lưỡi luôn luôn là chè bản địa. Ở Huế, nổi tiếng có chè Tuần, thượng nguồn sông Hương. Còn trà, luôn dùng để chỉ là trà khô dù Việt hay Trung quốc.

Đang khát nước, tôi cũng không khách khí, uống một hơi cạn chén. Nghe mồ hôi hột đổ sau lưng. Tôi xin Thầy thêm một chén nữa cho nó thấm. Cũng đã lâu lắm tôi mới được nếm lại chè xanh, vốn luôn ủ chút... hương đồng gió nội. Tôi xin phép Thầy thắp cái tẩu thuốc cho "đủ bộ", tuy có hơi khác: *đọi* chè xanh với *miếng* thuốc Cẩm Lệ (hoặc Phong Lai) là một đôi tình nhân cặp kè từ lúc nào tôi không biết, nhưng mà... nghĩa nặng, không có nhau không được. Nó tương đương với một cặp tình nhân khác: hớp nước chè hoặc trà sau hơi thuốc lào kín phổi, bất luận kéo từ điếu cày, điếu bát hay điếu cần.

Bạn tôi cẩn thận ăn hết một cái bánh rồi mới uống. Câu chuyện giữa Thầy và bạn tôi xoay quanh việc điều hành ngân sách xã hội của chùa. Thầy nói:

"Như tôi đã nói với anh hôm trước, tôi trao một nửa số tiền quyên vào việc trùng tu tháp Tổ cho ông Liêu để giúp cho trại mồ côi ngoài Quảng Trị. Trẻ con đói, mình không đành lòng cầm tiền mà tiêu vào gạch đá. Tổ tha tội cho tôi... Tôi biết làm vậy là sái nguyên tắc về mặt

chi thu...."

Bạn tôi ngắt lời Thầy:

"Tôi biết Thầy đang thắc mắc về chuyện giải thích việc này với bổn đạo. Thầy đừng lo, cũng là việc chùa cả. Rằm tháng này, chắc là bà con lên đông đủ cả, nếu Thầy ngại, tôi xin đứng ra..."

Thầy cười thẳng thắn:

"Anh sốt sắng vậy, quí lắm. Nhưng mà có lẽ tôi phải đích thân đứng ra giải thích với bà con thì... tiện hơn. Sái nguyên tắc, nhưng cũng là chuyện phải. Ngoài Quảng Trị chỉ còn đủ gạo cho hai ngày. Ông Liêu cần gấp. Tôi không kịp thông báo cho bà con trước khi trao tiền cho ông Liêu.... Tai tiếng chi, tôi sẵn sàng gánh hết... Sái nguyên tắc nhưng mà việc phải làm.. "

Thấy tôi nãy giờ vẫn giữ im lặng, Thầy nhìn tôi:

"Phải không anh?"

Có khi biến có khi thường/Cơ quyền nào phải một đường chấp kinh...Nghe thầy hỏi tôi sực nghĩ đến hai câu Kiều này, nhưng lại không nói gì cả. Tôi thường lân la bên nẻo đường quanh co nửa sáng nửa tối của tình cảm nhiều hơn là len lỏi vào lối rẽ khúc chiết rạch ròi của lý trí. Tôi buông một tiếng "Dạ" trung lập, không phải vì tôi không có xương sống và luôn cầu an. Cũng không phải vì tôi tự xem mình như là khách qua đường ghé vào chùa thưởng thức một nét đẹp hiếm có, một người ngoài cuộc, không dính líu gì đến sinh hoạt trong chùa. Nhưng mà cái nhìn trong bức ảnh người bạn học cũ, tai biến trong đời điệu Nhân, cái vô cùng của biến thiên trong kinh Dịch gửi vào năm khối đá trong bể cạn, khiến tôi hơi hoang mang.

Trong cuộc sống, có những lúc, đặc biệt là những phút đối diện với khổ đau cùng cực của kẻ khác, hình như những chuyện thị phi, phải trái xấu tốt xung quanh tôi mất hẳn nghĩa tuyệt đối của chúng. Có vẻ như mọi cơ sở luân lý, đạo đức, luận lý thường tôi vẫn dùng – ý thức hoặc vô ý thức – để giải quyết những vấn đề lặt vặt hằng ngày trong gia đình, ngoài xã hội, tự nhiên mà sụp đổ đến tận nền móng. Giống như trẻ con chơi trò xoay chong chóng, khi đã ngừng xoay rồi mà thấy mọi vật xung quanh vẫn còn chao đảo, xúc động vì mấy tiếng "chôn sống," "pháo kích" lúc trò chuyện với bạn tôi, vì cách bố cục lạ lùng của hòn non bộ, tôi không còn đủ quân bình trong trí óc để trả lời câu hỏi đơn giản của Thầy. Nói cách khác, khả năng phân biệt phải quấy, trắng đen, nhất thời hầu như tê liệt.

Để Thầy và bạn tôi tiếp tục bàn chuyện cứu trợ cho trại cô nhi ngoài Quảng Trị, tôi xin lỗi mà bước lại bức vách gỗ có treo một bản in

bài chú Đại Bi, viết lối chữ lệ. Đây là tượng Quan Âm trong biểu tượng thiên thủ thiên nhãn, in trên giấy màu ngà. Bài mật chú được in đè lên toàn bức tượng. Lùi vài bước mà nhìn vào bài chú thấy tượng và chữ khi ẩn khi hiện, không biết cái nào nổi cái nào chìm. Linh động thật. Ngắm bài chú hồi lâu tôi quay lại hỏi bạn tôi:

-"Chữ này là chữ gì đây?"

Hai người lúc ấy cũng đã giải quyết xong chuyện ngân sách, cùng đứng dậy tiến về bức vách, giảng chữ ấy và nhiều chữ khác nữa mà tôi bí. Chợt Thầy hỏi tôi:

-"Anh có thường trì chú không?"

Nghĩ đến cái bận rộn túi bụi của chuyện hương, chuyện thanh, chuyện sắc trong con người tôi, tôi nói:

-"Dạ thưa không. Nhưng mà có một điều nhân dịp cũng xin hỏi Thầy luôn. Hồi còn nhỏ, đi Phật tử, tôi cũng đọc chú như vẹt, và nghe như vịt nghe sấm. Bây giờ thì quên hết cả rồi thành ra cũng không còn đọc được nữa, dù là đọc như vẹt. Còn nghe thì vẫn như là vịt nghe sấm, không thay đổi. Không biết có sách nào dịch nghĩa mấy bài chú thường thấy trong nghi thức tụng niệm không?"

Đến lượt thầy tủm tỉm qua một nét cười độ lượng, thông cảm với câu hỏi của một người không tu và chưa biết tu:

-"Dịch làm chi. Anh ưng trì chú thì cứ trì đi. Như vẹt cũng được. Như vịt nghe sấm cũng được. Miễn là anh để hết cả tấm lòng thành của anh vào đó. Thật ra thì nghĩa của chữ, nhiều khi không nói được hết mà lại còn làm cho mình đi lạc hướng... Anh có đi Phật tử, chắc còn thuộc bài Tâm Kinh?"

-"Dạ thưa có."

-"Vậy thì anh cũng biết... là lời chú ở cuối bài có ý nhắc đến bỉ ngạn, đến bờ bên kia, nghĩa đen là vậy."

Thầy vừa nhìn thẳng vào mắt tôi, vừa nhấn mạnh mấy chữ *bỉ ngạn, bờ bên kia*. Cái nhìn hiền từ, trong vắt của Thầy chợt chuyển ra sân chùa mà ánh nắng xế còn thắp sáng một khoảng hẹp có mấy gốc sứ già, Thầy nói, như nói với chính mình hơn là nói với bạn tôi và tôi:

-"Hiểu rồi thì cũng không làm gì có cái bờ bên kia để mà qua nữa... Bát Nhã là vậy... chỗ này... tự mình nghiệm lấy thôi, tôi nói cho anh mười năm cũng chưa hết."

Cái nhìn của Thầy quay về với chúng tôi, vẫn hiền lành và trong vắt:

-"Để tôi nói điệu thêm nước sôi trong ấm chè, còn đậm lắm. Hai anh ngồi chơi, tôi phải xuống phố sửa soạn khai kinh cầu an cho một

ông cụ bệnh nặng. Mô Phật. E cũng gần rồi. Điệu Nhân ơ...ơ...i!"

Nhìn điệu Nhân xách cái ấm chạy nhanh xuống bếp – ở tuổi ấy, ít có cậu nào biết đi thong thả – tôi chợt nghiệm ra rằng tâm trạng hoang mang của tôi bắt nguồn từ sự bất lực của chính mình đứng trước cảnh khổ đau của người khác. Tôi nghĩ đến hai câu thơ của Tô Đông Pha khi ông bó tay trước nạn đói hoành hành ngay tại nơi ông đang trấn nhậm:

Bình sinh đọc hết năm nghìn quyển sách

Vậy mà không có lấy được một chữ để cứu đói (cho dân)

Hình như, không khác gì người xưa, tôi cũng bó tay trước hoàn cảnh nghiệt ngã đầy máu, đầy nước mắt. Về điểm này, tôn giáo – mọi tôn giáo – không thúc thủ. Ở điểm này, tôn giáo ra tay ngay, hành động ngay, bất kể khó khăn, chướng ngại. Trại cô nhi của Thầy là một thí dụ điển hình. Nếu quả có điều mà tôi tạm gọi là *con người tôn giáo* trong tôi, thì cho đến giờ phút này, nó là một con số không vĩ đại! Con số không này không dính líu đến cái Không của Bát Nhã mà Thầy đã nhắc thoáng qua cho tôi. Nó là con *zéro* to tướng. Bởi vì *con người tôn giáo* trong tôi đôi khi – rất hiếm hoi - cũng lăm le chuyện tu lý, sửa đổi . Tấp tễnh thôi, chưa thử cất bước. Còn đến cái phần *hành*, tức là phần cụ thể của đạo thường vẫn hiện rõ qua hành trạng, hành động, cử chỉ, thái độ của các bậc chân tu, thì thú thật, một mảy may tôi cũng không có. Do đó mà ở đầu bài viết này tôi đã nói rằng tôi không biết chi về đạo mà nói.

Còn về chùa? Lâu lắm rồi, nhân có một người mà tôi xem như chị, thấy rõ con người tôi, có hỏi tôi thường đi chùa hay không. Trong một bài viết về người chị này, tôi đã nói về ngôi chùa của tôi. Bài viết cũng đã cũ, nhưng mà cảm thức của tôi đối với chùa cho đến phút này trước sau vẫn như một. Tôi xin được phép nhắc lại rung động, hình ảnh mà câu hỏi bất thần đã làm sống dậy trong tôi:

"... những con dốc quanh co, gồ ghề dẫn tôi đến với một đôi tiếng chuông chiều lan ra từ vài mái rêu cũ kỹ cong vòng, mùi hương trầm đã phai, không còn ngào ngạt sau giờ cúng Ngọ, quyện lấy ánh nắng rực rỡ đang đổ xuống những mảng rêu quanh gốc sứ già; điệu nhạc thấp, trầm đục của những bài mật chú đều đều nhẹ nhàng, nhẹ nhàng mà chứa cả cái hùng lực của lớp sóng hải triều âm; đôi búp sen tía trắng vươn lên từ cái tù hãm của một hồ nước có những nhánh rong dài xanh, những mảng bèo tấm dật dờ trong tĩnh lặng của trưa hè đứng gió; từng nhịp ve ra rả có khi át cả câu xướng câu tán ngân nga trầm bổng, lời khấn thành khẩn tha thiết xuýt xoa thoát ra từ những hàm răng đen, những đôi môi nhăn nhúm thoáng một đôi vết nước trầu, những cái lưng đã hơi còng đang cúi xuống với cả niềm tin trọn vẹn; chén chè dĩa xôi lấm tấm chút tàn

nhang, bữa cơm chay thanh đạm... tất cả những thứ đó là nếp chùa ẩn hiện đâu đó trong tôi những khi tỉnh rượu lúc tàn canh giữa bữa tiệc đời mà tôi đã trót ngồi vào với rất nhiều đam mê, nhiều ảo vọng đối với tất cả những gì là thanh, là hương, là sắc..."

Tôi trôi trong giòng biệt nghiệp của tôi, hụp lặn trong lớp sóng "sống" hằng ngày, khi vui khi buồn khi khổ khi sướng, chưa hề tìm đến kinh Bát Nhã hoặc bất cứ một pho kinh nào khác. Có xem kinh là vì cái tò mò của tri thức, nhiều hơn là vì lòng thành tìm đến một điểm nương tựa. Như anh bạn cư sĩ của tôi một lần đã nói với tôi: "Ông xem kinh mà không có cái tâm của người cầu đạo thì.... nhiều khi chỉ thêm rối trí."

Mà có lẽ như vậy thật. Cái biết của tôi về đạo – nếu có thể gọi đó là cái biết thật sự - qua dăm quyển sách mà tôi có dịp xem qua hoặc đọc kỹ, có vẻ nó đặt thêm nhiều câu hỏi cho chính tôi, nhiều hơn là dăm câu trả lời mà tôi mong tìm thấy trong chính những trang sách ấy. Dẫu sao thì câu nói của Thầy cũng đã khiến tôi suy nghĩ nhiều, ngay hôm ấy và nhiều lần về sau này nữa, về cỗi nguồn của tri giác, của cảm thức, của sự sống, về bước đi của sự sống qua hàng triệu năm trên địa cầu này và hình như tôi cũng suy nghĩ nhiều hơn nữa về... nẻo về của tất cả những gì đã có một lần ra đi. Dĩ nhiên là tôi chưa có câu trả lời. (Bởi vì nếu có rồi thì tất nhiên không có những hàng chữ mà tôi đang viết ra đây!)

*

Trong khi bạn tôi đi dặn dò điệu Nhân một vài việc trong chùa trước khi về, tôi trở ra sân, ngắm hòn non bộ. Một khúc ca giàu âm điệu, một câu thơ gợi nhớ mênh mông hoặc buộc mình suy nghĩ mông lung có cái ma lực kéo mình về với âm điệu với ý nghĩa của nó, và cũng vậy, vẻ đẹp của hòn non bộ đã níu bước chân tôi thêm một lần nữa. Gạt hết mọi suy tư, lý luận, thắc mắc trong đầu, tôi lặng ngắm tác phẩm nghệ thuật này, tận hưởng chút xôn xao dội vào lòng tôi từ cái bát ngát của đá, của nước, của những chu kỳ vô tận trong kinh Dịch.

Một chiếc lá nhỏ, không biết từ cây nào nhẹ rơi xuống mặt bể cạn. Dăm gợn sóng li ti đẩy chiếc lá vào chân núi, đưa lại hình ảnh một chiếc thuyền con bên bến vắng. Ngày còn thanh niên, cứ thấy bến và đò tất thế nào liên tưởng cũng dẫn tôi về với cô lái mộc mạc trong thơ Nguyễn Bính hoặc dăm mái tóc, dăm tà áo bên bến đò Thừa Phủ. Nhưng mà xa lắm rồi... những ngày tháng tươi mát ấy. Giữa những chuyến đò ngang thơ mộng của tuổi ấy và con thuyền vô trạo bên chân năm ngọn ngũ

hành này, hình như có nhiều nước mắt, nhiều mất mát không gì của riêng tôi mà của cả một hai thế hệ sinh trưởng trong một hoàn cảnh bất thường của lịch sử nước nhà. Tôi không muốn nói nhiều về khói lửa, về bom đạn. Tôi đang nghĩ đến cái nhìn trong di ảnh chị bạn học cũ, cảnh côi cút của điệu Nhân. Hai hình ảnh mới nhất của nghìn vạn thảm cảnh chiến tranh đã lọt vào cái nghe cái thấy của tôi.

Nhìn chiếc lá, tôi lại nghĩ đến con thuyền bên bến Lăng Vân... Lăng Vân, cái tên đẹp thiệt. Nghĩa đã đẹp – Cồn Mây – mà đọc lên, nghe thanh thoát, tao nhã lạ thường. Đời tôi, nhiều khi tôi cứ hay "chết" vì dăm điều mà nghiệp duyên đưa đến một cách thật bất ngờ: một cái tên hay, một câu hát, một ngón đàn, một cánh hoa, một nét bút, âm sắc một giọng nói... vụt thoáng qua thôi, vậy mà lắm lúc tôi cũng ngơ ngẩn suốt một vài hôm để rồi quên đi, nhưng nếu tình cờ hoặc cố ý gọi về mà nhớ lại được, thì cái tâm trạng cũ của lần đầu giao tiếp với những tình lụy ấy, hệ lụy ấy, lại xôn xao trở về như triều dâng theo lối đi của mặt nguyệt. Chạy không thoát. Nghĩ cũng phiền!

Bến Lăng Vân này, ngoài đời có hay không tôi cũng không biết, nhưng mà trong trí tưởng tượng đậm nét Phật giáo và cực kỳ phong phú của Ngô Thừa Ân, tác giả bộ Tây Du Ký, chính là nơi mà ngài Tiếp Dẫn Tổ Sư, tức Bửu Tràng Quang Vương Phật, đã biến thành người độ phu dùng con thuyền không đáy để đưa ngài Huyền Trang qua sông vào giai đoạn cuối của hành trình sang Tây Trúc... *đường gần Rừng Tía, đường xa bụi hồng*... Không đáy không phải là thuyền sâu, mà vì ở dưới không có ván. Một con thuyền như vậy, chỉ chở những gì vô trọng lượng, những ai đã bỏ được cái túi da, cái bị thịt mà hầu hết mọi người - trong số có tôi - đều lo chăm sóc, trau chuốt, tẩm bổ ngày một. Cỡ như tôi (sáu mươi mấy ký kể cả áo quần giày dép) may mà có dịp tấp vào bến Lăng Vân, trèo lên con thuyền vô đề ấy, chìm lỉm là cái chắc, tuy có biết bơi.

*

Rời chùa, chúng tôi thong thả bước trên lối đi rải đá vụn dẫn ra đường cái. Tôi hỏi bạn tôi:

-"Ông vẫn chưa nói cho tôi biết ý nghĩa của khoảng trống trước hòn non bộ."

Bạn tôi cười:

-Quên mất. Ông cậu của Lâm, ông còn nhớ Lâm hồi ở Quốc Học không? Giỏi Toán Lý Hóa nhứt lớp, có cái tật nói cà lăm..

Tôi gật đầu. Bạn tôi nói tiếp:

-"...Ông cậu của Lâm mấy năm trước còn mạnh khỏe cũng hay lên chùa. Mình thường hay tới nhà ông hỏi mấy chỗ khó khi học chữ Hán. Có một hôm, giảng cho mình xong phép thiết vận trong bộ Khang Hy, ông nhờ mình đem ít lễ vật lên chùa nhân lễ gì đó mình cũng không nhớ. Chỉ biết là ông đi không được vì bận việc nhà. Hôm ấy ông nói với mình là cái bệ đá dưới hòn non bộ có chỗ bị nứt, phải trám, phải sửa lại. Ân cần dặn dò là trước khi sửa, phải chụp ảnh, phải đo cho đúng khoảng cách, tư thế và góc độ của mấy hòn núi. Nhất là cái khoảng trống phía trước – ông thấy rồi chứ – chỗ trống chừng một phần tư cái vòng tròn đó, không được thay đổi, giữ cho đúng vị trí. Sau đó, mình mới biết rằng tác giả hòn non bộ đó là cụ cố ngoại của Lâm, ở bên Kim Luông, làm quan dưới hai triều Minh Mạng và Thiệu Trị. Mình chụp ngay cơ hội hỏi: 'Thưa bác, tại sao mà nó quan trọng vậy?' Ông nói tường tận lắm, nhiều lắm. Đại ý là, tuy ngũ hành không nằm trong vũ trụ quan Phật giáo, nhưng cụ cố dùng ngũ hành để thâu gọn cả trời đất quá khứ hiện tại vị lai trong cái tiểu cảnh. Nói theo kiểu tụi mình ngày nay là không gian và thời gian. Chỗ này mới thiệt hay..."

Trên con dốc thoai thoải, bóng một cây thông già làm nổi hẳn nắng chiều vàng dịu. Và cái bóng mảnh dẻ của người đàn bà này đang bước về phía chúng tôi cũng dài mà nhẹ nhàng lắm. Người đàn bà trẻ tay dắt con chừng sáu bảy tuổi, tay xách cái giỏ mây thấp thoáng bó hoa trắng và vàng, áo dài màu khói hương, đang tiến về phía chúng tôi. Đến gần, người thiếu phụ có dáng đi uyển chuyển này, thả con để rảnh tay khẽ nhấc nón chào bạn tôi.... *tiếc khi em ngả nón chào/đánh rơi tuổi mộng bên cầu gió bay* ... Bạn tôi cũng gật đầu chào lại. Chỉ một vài giây thôi mà tôi thấy được đôi môi mỉm cười thật duyên dáng, làn da không son phấn cũng mịn màng thật. Bạn tôi nói thiếu phụ ấy là cháu của Thầy. Tôi quay nhìn theo tà áo vải mộc mạc nhẹ bay trong gió. Bạn tôi nhìn tôi mà cười. Tôi nói:

-"Tôi đã từng tuyên bố với ông là tôi còn nặng nợ với... nhiều thứ lắm... Nhưng mà, cái hòn non bộ... rồi sao nữa..."

-"À... theo lời ông cậu của Lâm thì đó là lối ra vào, tới lui càn khôn của bậc thánh, không còn liên hệ chi, không còn phụ thuộc vào năm nguyên tố ngũ hành nữa. Nói theo nhà Phật thì họ đã bỏ được cái xác phàm. Thong dong ra vào cái chỗ trống đó mà không mắc kẹt ở đâu cả. Nhưng mà, khoan đã, chưa hết. Khoảng trống đó cũng là cửa ra vào sanh tử luân hồi của những người... như ông."

Sau khi đưa tay chỉ thẳng vào người tôi, bạn tôi nói tiếp:

-"... và như tôi. Ông có thấy không, đứng trước hòn non bộ, ở ngoài nhìn vào khoảng trống đó thì nó rộng lắm. Tuy hòn non bộ nhỏ, nhưng cứ tưởng tượng là ông đứng giữa cái vòng tròn ấy mà nhìn ra thì cái khoảng trống lại hẹp, nhỏ. Nói cách khác, vào luân hồi thì dễ mà ra thì khó. Cụ cố ngoại của Lâm là nhà nho, mà lại đạt được cả cái uyên áo của Phật và Dịch học. Hòn non bộ đó quả là một kết hợp hiếm có. Trước hôm sửa lại cái bệ đá cách đây mấy năm, ông cậu bắt Lâm lên chùa chụp đến mười mấy tấm ảnh thượng hạ, đông tây nam bắc, đo từng phân từng ly...

Tôi ngắt lời bạn:

- "Ông có còn tấm ảnh nào chụp bể cạn không? Cho tôi một cái."

- "Không. Nhưng mà chắc Lâm còn giữ. Mà nếu Lâm không có, thì hôm nào mình đem máy lên chùa, chụp một vài "pô" gửi vào Saigon cho ông. Đẹp nhứt là khoảng bốn năm giờ chiều mùa Đông, ánh nắng nghiêng mà dịu, làm nổi bật thế đứng vững vàng của mấy hòn đá, màu xanh đậm của rêu già. Ngắm mãi không chán. Vậy mà Thầy nói với mình là vào khoảng thời gian ấy, hòn non bộ đẹp thì có đẹp mà không linh động bằng những hôm trời mưa gió, đứng trong chùa nhìn ra, cứ tưởng là đá đang chuyển mình... "

Lần lên chùa ấy, tôi giàu thêm được một chút rung động trước cái đẹp của chữ, của đá và nước. Hơn ba mươi năm rồi. Cái bể cạn ấy không còn nữa. Bức ảnh bạn gửi cho, tôi cũng làm mất. Tôi nhắm mắt gọi hòn non bộ về. Trong trí nhớ, tôi thấy cả chiếc lá nhỏ lặng lờ giữa lớp sóng con con. Tôi sực nghĩ đến một con thuyền khác. Tôi nghĩ đến nét đẹp của một lời nguyện trong kinh Pháp Hoa.

Cần phải nói ngay là tôi chưa từng xem hết pho kinh này, ngoài phẩm Phổ Môn mà tôi tò mò xem qua lâu lắm rồi, hồi còn ở trong nước, nhân có chút việc ra Nha Trang tôi ghé thăm một người anh họ thân mà lại ít có dịp gặp nhau. Chúng tôi hợp nhau ở nhiều điểm, chuyện trò hàng giờ không chán. Chỉ khác ở một chỗ là anh tôi thường tọa Thiền, xem và tụng kinh, còn tôi lại thích la cà ở những chốn vốn không được xem là tiêu biểu cho ý niệm *tĩnh* như tiệm cà phê, quán rượu, phòng trà, sách vở thì bạ chi đọc nấy không có hệ thống phương pháp chi cả. Lần ấy, ngồi chờ ông anh bận việc sở về trễ, tôi vớ quyển kinh trên bàn, dở ra, chạm phải cái câu *Nam Mô tạo pháp thuyền du khổ hải nguyện* .... . Tôi ưa lang thang, động đến thuyền bè, đi đây đi đó là tai mắt sáng hẳn lên. Thành ra chỉ nhớ câu đó trong nhiều lời nguyện khác ở đầu quyển kinh.

Kể ra, khoan nói đến chuyện suy nghĩ về ý nghĩa, nội cái âm điệu

của... *tạo pháp thuyền... du khổ hải*...đã là một câu thơ rồi. Ít ra, đối với tôi là vậy. Cái nhịp câu ba chữ này, đọc đi đọc lại, chở cả cái nhấp nhô của con thuyền trên lớp sóng vô lượng và vô biên của khổ đau. Sáu chữ giàu âm điệu mà nghĩa quả là bát ngát, mênh mông... và đẹp. Đẹp ở chỗ lời nguyện không nói hết, không nói rõ ý, khiến mình cứ phải nhắc đi nhắc lại mãi, không khác chi cái dẫn lực của hòn non bộ, buộc tôi phải trở về với nó, dù chỉ là trong ký ức.

Đã đành, nghĩa là nghĩa cứu độ. Nhưng mà không có ai trên con thuyền đó. Và đẹp ở chỗ lời nguyện chỉ nhắc đến con thuyền "rong chơi" trên bể khổ, không nói đến cứu vớt. Có vẻ như hàm ý của lời nguyện tụ hết vào điều không được nói ra: kẻ biết tìm thì con thuyền tự nhiên sẽ hiện ra, kẻ không biết tìm (kẻ còn mê ca Huế, còn thích la cà nơi tửu quán, kẻ còn để mắt vào nét duyên dáng mặn mà – để cả mắt lẫn tâm mới khổ chứ – sau vành nón, tóm lại, kẻ còn chơi với như tôi) cũng sẽ có lúc run rủi níu được mạn thuyền, bởi vì đây là thuyền từ bi, thuyền bác ái, không phân biệt người biết hoặc không biết Phật pháp. Vì vậy mà tôi đã dùng đến mấy chữ "mênh mông, bát ngát" để gợi vẻ đẹp của biểu tượng thuyền.

Mà lạ lùng nữa là trên cái bể khổ sóng gió chập chùng ấy, con thuyền này không xông pha chống chõi, không sợ một thứ gì. Nó chỉ "du khổ hải", nó chỉ đi, rong chơi hết sức nhẹ nhàng thung dung thanh thản, không hướng về một bến một bờ nào. Tôi nghĩ đây là chỗ tuyệt diệu, chỗ "siêu" của người viết lại lời nguyện trong câu chữ Hán. Chắc chắn là người đó đã bắt được chỗ thâm diệu của lẽ Có Không. Bởi vì, theo một lời giảng mà tôi đọc đâu đó, thì cái tâm cứu độ của bậc giác ngộ thấy rõ là tuy cứu độ, nhưng cũng không có ai cứu độ mà cũng không có gì được cứu độ cả. Cho nên con thuyền nhẹ tênh là phải, dù chở đến hàng triệu sinh linh. Tôi mê cái động từ "du" này vô cùng, nó thoát lắm, nó đạt lắm. Hay thiệt. Đắc địa hết chỗ nói!

Cái cố tật của tôi là vậy đó, xem kinh mà không tìm đạo. Cứ như xem thơ vậy. Thành thử, đến chùa, thường khi tôi ngắm tượng, xem câu đối, nhìn những gốc cây già trong chậu kiểng, ngắm màu năm tháng trên mấy lá phướn ngũ sắc cũ kỹ trong chánh điện, để mắt vào hai cổ tay bị khóa chặt của Thiện Tài Đồng tử đứng hầu Quan Âm Bồ Tát, ngắm bộ râu quai nón của ngài Đạt Ma... nhiều hơn là chú tâm vào một câu niệm.

Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn...Tôi gặp câu nói này trong một tác phẩm của Kim Dung, từ cửa miệng một vị cao tăng trên chùa Thiếu Lâm, không nhớ nổi bộ nào. Nghe thì dễ, cứ như là bấm một cái nút nào

đó trên máy computer thì tự nhiên điều mình muốn thấy sẽ hiện ra. Trên cái bể khổ này, tôi vẫn cứ luôn xông tới, chưa biết quay lại, chưa biết nhìn lại, chưa biết "hồi đầu." Có lẽ vì vậy mà lên chùa thì tôi có lên, nhưng xem ra... bến bờ vẫn chưa hiện. Giữa cuộc đời thiên thanh vạn sắc, khi dễ thương khi dễ ghét, gót lãng du của tôi có dừng lại ở một đôi cổng chùa, tình cờ cũng có mà để nghỉ chân cũng có. Nhưng mà chỉ mới ở ngoài tam quan. Thôi thì, tạm thời, cứ rứa đã.

CHIA MỪNG

Nhận được tin mừng
Vào ngày 6 tháng Mười năm 2002, nhà văn Hoàng Nga
sẽ làm lễ đính hôn cho Ái nữ
Nguyễn Hoàng Lan (Munich Germany)
đính hôn cùng anh
Joseph William Brown
thứ nam của Ông Bà Clarence - Lois Brown
(thành phố Sioux Falls, South Dakota USA)

Lễ đính hôn sẽ cử hành lúc 14 giờ ngày 6.10.2002 tại Nhà thờ Tin Lành Việt Nam, 24 Schumachering, thành phố Munich Germany.

Ban Chủ biên Tạp chí Văn Học, cùng các văn hữu cộng tác xin chia mừng cùng nhà văn Hoàng Nga, và trân trọng báo tin vui này đến các bạn văn xa gần.

Ngõ Cấm Chỉ

Thế Uyên

Như Văn Học đã loan tin trước đây, nhà văn Thế Uyên bị tai biến mạch máu não khá nặng hơn ba năm trước. Hiện nay, tình trạng sức khỏe của anh đã khá hơn, dù như trong thư viết cho Văn Học, anh vẫn là "độc thủ đại hiệp" với một chân rưỡi. Điều đáng mừng là Thế Uyên đã đủ sức để viết trở lại, tuy viết một cách khó khăn, vì bàn tay trái phải bao sân toàn thể keyboard. Anh đánh máy không bỏ dấu, vì vậy Văn Học đăng bài của anh phải đánh máy lại .

Thế Uyên cho biết anh dự định viết bài "Giữa hai bên bờ tử sinh" kể lại kinh nghiệm bị stroke của mình. Trong giới cầm bút, số người bị stroke hơi nhiều, nhưng cho đến nay chưa có ai viết về kinh nghiệm này. Thế Uyên hiện sống với vợ con và bốn đứa cháu tại thành phố Seattle tiểu bang Washington. Hoa Kỳ.

Nhà cầm quyền thời nào cũng vậy, khi qui hoạch thành phố, chỉ qui hoạch được chính xác đây là khu hành chánh, kia là khu buôn bán, chỗ nọ dành cho quân đội quân lương... Nhưng có những khu thường xuất hiện không tuân theo một qui hoạch, một sơ đồ nào: đó là khu bình khang và khu ăn nhậu của đại chúng.

Một nhà văn Mỹ đã có lần trong một truyện dài nổi tiếng, đã phác thảo một qui luật hình thành khu bình khang như thế này: bao giờ nó cũng ở vị trí đối xứng với khu thờ phụng. Nếu nhà thờ ở phía bắc thành phố hay thị trấn, thì khu bình khang ở phía nam, nếu nhà thờ ở phía đông thời các nàng kiều nữ kéo sang phía tây. Hai bên cùng trường tồn nhưng không bao giờ sống chung cùng một chỗ. Còn về các khu ăn uống của đại chúng, chúng xuất hiện không theo qui luật nào hết, khi thì ở bờ hồ bờ sông, khi thì ở ngã ba hay ngã tư. Nhưng dù ở đâu cũng hay làm nhà cầm quyền địa phương nhăn nhó vì tối thiểu chúng cũng làm cản trở giao thông, xả nhiều rác. Ở Sài gòn chẳng hạn, không ai cắt nghĩa được khu ăn uống ngoài trời nơi Ngã sáu Sài gòn, khu ăn nhậu kiểu Nam kỳ

Lục tỉnh ở mặt tiền Chợ Cũ sau khi chợ thường đã tan họp. Cũng như mọi người không hiểu, trước 30 tháng 4 năm 75, tại sao các món ăn Bắc kỳ như phở, bún thang, bún chả, bánh tôm lại tập trung trong hẻm Casino.

Khu ăn uống ở Ngõ Cấm Chỉ Hà nội cũng vậy. Chỉ có dân Hà nội cư ngụ liên tục nửa thế kỷ ở thành phố mới biết lai lịch khu này. Còn thứ dân Hà nội tha hương lâu năm như tôi, trở lại quê hương cũ đầu thập niên 90, thì biết gì mà nói. Chỉ biết đi từ hồ Hoàn kiếm về phía Cửa Nam, ngõ Cấm chỉ mở ra ở phía tay mặt, hun hút sâu vào trong. Quán ăn san sát nhau ngay từ đầu hẻm, một bên còn bầy bếp, đồ nấu nướng và bàn ghế mộc mạc, thường là ghế dài kiểu học đường, ngay trên vỉa hè. Lắm quán chỉ là một cái sạp thấp, một cái nồi thường xuyên bốc khói trên lửa đỏ phừng phừng, một ghế dài thấp cho khách. Khách ngồi sát nhau ăn uống vui vẻ, đâu ngại chật chội, nhất là những đêm mùa đông gió lạnh buốt chạy trong lòng hẻm. Yên tâm an bình vì xe đạp xe gắn máy, tài sản quí báu vô cùng của dân miền Bắc, được dựng ngay sau lưng. Đúng như một bạn quen người Hà nội chính cống đã tuyên bố "nổ" như thế này: Kẻ nào lấy xe của ta phải giẫm lên xác ta trước...

Vì hàng quán đã ở trong hẻm lại chật chội như thế, khu ăn uống này chỉ vui, thích thú khi chiều tối. Các bóng điện câu từ trong nhà ra, treo lơ lửng tứ tung, ánh lửa đỏ từ bếp các lò tỏa ra, các tiếng mời chào, thực khách nói chuyện tầm phào, tiếng húp cháo lòng, cháo cá quả nóng hổi, trộn lẫn nhau, tạo một không khí hào hứng, yêu đời. Nhưng điều kỳ lạ là nơi đây có bán những món trước 1954 ít có hay không có, thí dụ như cháo cá quả, xôi patê, gà tiềm...

Cháo cá quả: Không phải là một món quà ăn lúc nào cũng ngon như nhau. Cá quả giống như cá lóc miền Nam. Bà hàng trải một lượt lá cải cúc cùng gia vị vào lòng bát trước khi bỏ vào mấy miếng cá đã chín và bỏ xương. Sau cùng mới mở vung nồi, múc cháo nóng hổi đổ vào tô. Ăn như thế không thể nóng hơn được nên món cháo này thích hợp với buổi tối khuya mùa thu mùa đông. Ăn vào, bảo đảm nóng người lên lập tức. Mùi cải cúc đã chín lấy từ đáy bát lên ngai ngái, là lạ cho khẩu vị những khách phương xa.

Xôi paté: Bọn tôi cũng đã sống thiếu thời ở Hà nội, không lạ gì với các món xôi truyền thống của thành phố này: xôi bắp xôi xéo, xôi đậu xanh, đậu đen và cả món xôi "giao lưu" với Trung hoa là xôi lạp xưởng. Nhưng xôi mà ăn với một món Tây phương là paté thì chỉ thấy có ở Hà nội. Tò mò, có lần bọn tôi ăn thử, thấy cũng đường được. Cũng như một thứ đặc sản khác của nơi này cà phê bơ: cà phê có pha thêm chút bơ,

thường là bơ mặn hiệu Bretel của Pháp.

Bánh cuốn: Đi sâu vào hẻm một chút, sẽ tới một ngã ba. Trong một tòa nhà tọa lạc ngay ngã ba này, không phải là một cái sạp như những hàng quà vừa đi qua, là một nơi bán bánh cuốn nhân thịt ăn với chả quế ngon nhất, dĩ nhiên theo chủ quan của hai đứa bọn tôi. Ăn giờ nào cũng thấy ngon, bất kể sáng tối. Dĩ nhiên theo truyền thống, khách hàng có thể ngồi nửa trong nhà nửa ngoài vỉa hè, coi bà hàng, chứ không phải cô hàng, khéo léo chế tạo từng cái cho mình (không hiểu vì lý do gì bán bánh cuốn thường là một bà xồn xồn mập mạp, còn là một cô trẻ tuổi và thon mảnh, tôi chỉ thấy có trong truyện dài "Xóm Cầu Mới" của Nhất Linh).

Gà tiềm: Chính ra tên đầy đủ của món này là gà tiềm thuốc bắc. Từ ngã ba này đi về phía tay phải, là rất nhiều quán trong nhà bàn ghế hẳn hoi, bán thứ đồ ăn này. Dĩ nhiên quán cũng bán thức ăn khác, nhưng hai chữ Gà Tiềm được nêu to nhất và rõ nhất ngoài bảng hiệu. Hồi nhỏ, tôi đã thấy người lớn ăn món này nhưng thường là người mới ốm dậy, phụ nữ mới sinh con, ăn cho chóng hồi phục. Bây giờ thấy món này trở thành phổ biến như phở, tôi tò mò rủ Thi vào ăn. Nhưng chỉ có tôi gọi gà tiềm và chỉ nếm vài miếng, húp vài thìa nước, rồi bỏ cuộc. Gà là thứ gà ác nhỏ xíu và đen thui, nấu với vài vị thuốc bắc không biết tên. Đúng là ăn và húp thuốc bổ đặc biệt.

Tôi tự hỏi tại sao thứ món ăn này lại không xuất hiện trước 1954 và không phổ biến trong Nam và sau này ở hải ngoại?

Thứ nhất có lẽ vì đắt: mỗi bát là một con gà ác đã không rẻ gì, lại còn kèm mấy vị thuốc bắc. Thứ hai vì, như đối với tôi, thuốc gợi lên thời kỳ đau ốm khó chịu và át mùi thơm của gà. Thứ ba có lẽ tại vì sau một thời kỳ chuyên chính vô sản đến từng bữa ăn, suốt từ 1954 đến khi bắt đầu Đổi Mới năm 1987, dân miền Bắc chỉ được ăn cơm độn 70%, nghĩa là 70% là độn khoai ngô sắn, còn lại mới là cơm. Thường chỉ ngày tết chính thức và cúng giỗ cha mẹ, mới được ăn cơm với... cơm bình thường. Đồ ăn thường chỉ nước mắm nước muối pha nước màu, nước cáy. Ăn thiếu chất bổ dưỡng như thế, miền Bắc gọi là ăn thiếu chất, nên xẩy ra hiện tượng có một vài nhà văn, như Nguyên Hồng, và công thần của Đảng nay đã thất thế Nguyễn Hữu Đang... đã kiếm cóc nhái và nhau đàn bà đẻ để làm chả... Tôi phỏng đoán những món chả ấy ít nhất cũng ngon hơn những món chuột lông đen bảy món, bò cạp đen nướng vỉ, mối chúa bỏ đầu nuốt tươi với nước lã, mà vài người bạn cải tạo của tôi đã ăn ở trong trại trên rừng ngày nào. Đâu được hân hạnh được ăn món "cao lương mĩ vị" mà Hồ Chí Minh kể trong một cuốn hồi ký do chính ông

viết: thịt rang mặn theo tỉ lệ bốn phần muối một phần thịt, bỏ ống tre ăn dần trong những ngày đi kháng chiến (Tôi đã có lần bỏ miếng thịt heo khẩu phần ngày lễ vào một lon nhôm, mỗi bữa lại đổ thêm nước mặn hay muối vào kho lại, ăn dè được mười ngày). Đã trải qua những ngày tháng tu luyện kham khổ như thế, bây giờ nhờ Đổi Mới, dân được tự do, một thứ tự do không dính dấp gì đến cái thứ nhân quyền mà báo chí Việt ngữ hải ngoại thường hô hào, đòi hỏi cho dân nội địa. Tự do đây là tự do nuôi gà vịt dê trâu bò, bao nhiêu con cũng được. Tự do giết chúng làm thịt ăn lúc nào cũng được hay mang ra chợ bán tùy ý (bốn năm sau 1975 đọc trên báo miền Bắc còn thấy đăng một tin ngắn cho biết huyện ủy huyện Điện Biên Phủ cho phép và khuyến khích mọi hộ dân nuôi hai con gà, một để cho khách, một để nhà ăn...)

Được tự do ăn uống như vậy, tại sao lại không bồi dưỡng bằng món gà tần, vừa ngon lại vừa bổ? Có cầu thì lập tức có cung: các quán gà tiềm xuất hiện. Nhưng với thời gian, với tự do ăn và có cái mà ăn, dân Hà nội no đủ hơn, nhu cầu ăn cho bổ dần dần giảm, nhu cầu ăn cho ngon trở thành quan trọng hơn, các quán gà tiềm biến thể thành quán ăn bình thường. Món gà tiềm có còn chăng, thì chỉ là một món như mọi món trên thực đơn.

VÀI MÓN ĂN KHÁC

Bún chả Hà nội:

Có thể để khỏi lẫn với các món bún thịt nướng khác, có thể để nhấn mạnh đến tay nghề của đầu bếp, một vài quán ăn Việt nam tại Seattle đề rõ trên thực đơn thứ ở nội địa chỉ gọi là bún chả, thành "bún chả Hà nội". Tương tự món chả cá như chả cá Lã Vọng thành "chả cá Hà nội". Vậy thứ dân gốc Hà nội như bọn tôi đương nhiên phải tìm ăn lại thứ món này khi trở lại Hà nội.

Hai cô em họ vợ tôi nhấn mạnh: Anh chị phải ăn bún chả hàng Mành mới được... Vậy thì ta đi thôi, như đã đi ăn phở Thìn, phở Bát Đản... Theo lời chỉ dẫn, bọn tôi thuê xe đến phố Hàng Mành, đường này bán mành mành đủ loại hẳn hoi, bằng tre bằng nylon. Quán ở cuối đường gần ngã ba, rất dễ kiếm vì chưa đến nơi khói bún chả xanh và thơm lừng đã tỏa khá xa trên lòng đường khá hẹp trong khu phố cổ, không xa gì hồ Hoàn kiếm. Quán đông nghẹt người ăn, hai đứa tôi chỉ có chỗ trong cùng sát tường, nơi một bàn dài thấp, ngồi sát vai những người xa lạ. Trời đang lạnh nên chen chúc nhau như một phòng ăn tập

thể cũng không khó chịu lắm. Dĩ nhiên là từ mặt bàn tới sàn đều dơ không thể tưởng, và dù bọn đã về Việt nam nhiều lần lo chuyện du học cho lớp trẻ, tôi vẫn quay mặt không nhìn khi hầu bàn dùng cái khăn chắc không giặt từ ngày... mở quán, quơ quơ mấy cái trên mặt bàn cho rác rơi xuống đất để lấy chỗ để đồ ăn. Nhìn, là ăn mất ngon liền. Đừng có dại dột chê bẩn, dám sẽ lãnh một lời chanh chua hay hờn mát liền. Một thanh niên đang ngồi ruỗi chân cho đỡ mỏi vì ghế thấp quá, chẳng biết đã nói gì, khi đi ngang bước qua chân chàng, cô hầu bàn đã "mát mẻ": Ăn cái gì mà chân dài thế!

Chân tôi cũng dài lắm, vậy tốt nhất ta ngồi im lặng đợi thức ăn. Từ 1945 đến khi Hà nội Đổi Mới đầu thập niên 90, thời gian tuyệt chủng của mọi món ăn ngon đã khá dài nên khi bún chả "tái xuất giang hồ", đã có nhiều thay đổi. Chả miếng chả băm được đựng đầy trong một bát, lớn hơn bát ăn cơm một chút đựng nước mắm pha loãng, không để riêng một chén như thường thấy ở miền Nam. Một đĩa bún, một đĩa rau đầy rau muống chẻ và các rau thơm - khỏi nói cũng biết các rau thơm ở Hà nội xứng đáng gọi là rau thơm, không như rau thơm ở Mỹ lắm khi chỉ giống hình dạng, cắn vào nhạt phèo. Theo thói quen, tôi xin cô hàng một cái bát không để gắp rau vào đó trước khi gắp chả và chan nước mắm từ bát chính. Tôi dùng động từ chan vì nước mắm pha lạt đến nỗi phải múc bằng muỗng đổ vào... Dĩ nhiên là ngon, món bún này nổi tiếng và đông chật khách là đúng. Đã thế lại bán kèm với hai cái nem (giống như chả giò nhưng to bự) nóng ròn vì vừa vớt từ chảo ngay đó. Một phần bún chả hai thứ như thế kể như vĩ đại, như tô phở to đùng ở hải ngoại, một người ăn hết thay cơm trưa được.

Đông khách như thế lời nhiều, với thời gian qua quán "tăng cấp" dần: nhà hàng bành trướng lên lầu một rồi lầu hai, lắp máy lạnh để khách khỏi cái cảnh từ ngàn năm là toát mồ hôi khi ăn vào mùa hè. Nhưng chẳng sạch hơn bao nhiêu, lúc sạch nhất cũng đại khái như phở Tàu Bay ở Sài gòn và vì đông khách như thế nên vẫn ngồi chen vai trên các ghế dài. Thành phố cổ nhà cửa chật ních nên mọi sự bành trướng thường theo chiều cao: nhiều nhà nhô cái đầu lên đến từng thứ tư hay hơn nữa, và để tiết kiệm chỗ các cầu thang gỗ thường nhỏ và dốc ngược.

Bún chả ăn kiểu đó có điều bất tiện là được vài miếng, nước lã ở rau đọng nhiều ở đáy bát, làm nhạt dần nước mắm. Quan sát một cô gái, dĩ nhiên người địa phương, thấy cô giải quyết điều bất tiện ấy bằng cách khi nước đọng lại nhiều, cô lại đổ vào bất cứ cái gì có thể đổ được trước mặt, trước khi ăn tiếp. Nhưng đó là trường hợp thiểu số, đa số cho bún cho rau vào thẳng bát chả, cứ thế vừa húp vừa gắp ăn, xì xụp ngon lành.

Bọn tôi không bắt chước nổi lối ăn đó, nhưng bún chả hàng Mành ăn kiểu nào cũng ngon nên bọn tôi thường trở lại mỗi khi tới Hà nội.

Nhưng với thời gian món này phổ biến nhiều nơi và lối ăn kiểu cũ với chả để riêng nước mắm để riêng xuất hiện trở lại, nhiều nhất ở một con đường nhỏ gần Chợ Hôm. Lối dọn ra cũng theo kiểu xưa, chỉ thay thế cái mẹt tròn bằng tre bằng chiếc khay nhỏ bằng nhựa. Tôi thích lối ăn kiểu này hơn lối cho chả băm chả miếng bơi lội thoải mái trong nước mắm pha nhạt của hàng Mành.

Còn thứ bún chả Thạch Lam đã tả, thịt kẹp vào hai thanh tre quạt bằng quạt nan trên than hồng, kể như tuyệt chủng. Chỉ có một lần bọn tôi thấy xuất hiện trở lại dưới hình thức một bà gánh hàng rong ăn mặc kiểu quê mùa, chắc bà ở vùng ngoại ô vào. Khách ăn ngồi trên những chiếc ghế nhỏ thấp sát mặt hè như ở một ngôi chợ miền quê. Mùi chả nướng than củi theo khói xanh bốc lên thơm lừng một vùng hè phố, làm vợ tôi thích chí reo lên đề nghị: Mình ngồi đây ăn đi anh! Lúc đó vào buổi trưa nhưng không có nắng, bọn tôi cũng đã đói sau một buổi sáng thuyết trình ở Cung Văn hóa Thanh niên và Thi đã được dân Hà nội vỗ tay hoan nghênh khi công bố con đường du học xuyên Thái bình dương đã mở. Cả hai vợ chồng đều ăn mặc trịnh trọng như khi đi phỏng vấn ở Mỹ nên tôi nhắc nàng dân thủ đô chắc không thích một diễn giả ngồi bệt xuống vỉa hè ăn quà, giả thử nàng có thể ngồi trên chiếc ghế nhỏ thấp sát đất trong chiếc váy xẻ phía sau như vậy. Nàng đành theo tôi đi tiếp. Nàng tiếc rẻ cũng có lý vì những ngày sau đó mặc áo thung quần jean đi chơi, bọn tôi có để ý tìm hàng bún chả cổ xưa ấy nhưng không thấy: như ông đồ già trong thơ Vũ Đình Liên, bán bún chả kiểu như thế đã biến mất trong ba mươi sáu phố phường của Hà nội.

Bún ngan miến ngan:

Ngan giống như con vịt nhưng to hơn nhiều, gần bằng con ngỗng nhưng lông trắng có mào thấp màu đỏ. Sở dĩ tôi miêu tả kỹ như vậy vì miền Nam ít nuôi thứ này và ở Mỹ thì không thấy. Có lẽ vì thịt nó giống thịt vịt nhưng không ngon bằng. Thủa nhỏ sống ở gần Hồ Tây có lần gia đình có nuôi một đôi ngan. Chúng khỏe mạnh, dễ nuôi nhưng khi làm thịt ăn thì thịt quá dai cho hàm răng trẻ thơ của tôi. Rút kinh nghiệm, với con thứ hai mẹ tôi làm món hầm thịt ngan với nấm, bọn tôi chấm bánh mì ăn với nước sốt nhiều hơn thịt nạc từng miếng to. Từ đó tôi giã từ con ngan mấy chục năm, bây giờ mới gặp lại dưới hình thức bún ngan miến ngan đường Mai Hắc Đế gần Chợ Hôm (con đường này những năm cuối

thập niên 90 đã trở thành con đường hàng quà như Ngõ Cấm Chỉ, con đường lúc nào cũng có khói xanh thơm tỏa đầy lòng phố, bất kể mùa nào. Dù chưa đói, đi vào đây cũng dễ ghé vào một quán ăn chơi một món gì).

Nhìn thấy nhà hàng kẻ biển chữ to nhất là bún ngan miến ngan, vợ tôi bèn gọi hai tô (phải nói là hai bát, cũng phải nói thìa, cốc... chứ không muỗng ly, mới khỏi gặp "trở ngại ngôn ngữ"). Răng trẻ thơ của tôi vốn yếu nên đã không cắn được thịt ngan, thì bây giờ hàm răng về già của tôi cũng không khỏe gì hơn: tôi ăn bún trộn với nhiều thứ rau với nước dùng nóng hổi váng mỡ, thấy cũng đường được. Nhưng vợ tôi tỏ vẻ thích thú món này: mỗi lần trở lại Hà nội, nàng cũng rủ tôi đi ăn bún ngan ít nhất một lần. Dĩ nhiên tôi ăn món khác, như cháo hay bún chả - bún chả nơi này dọn ra theo lối cổ điển trên chiếc khay nhựa tròn, với nước mắm pha vừa miệng, chả để riêng một bát khác. Rút cục vợ tôi theo chồng lang thang nhiều nơi chốn khác nhau, nếm nhiều món ăn khác lạ, để sau cùng thích cái món bún ngan miến ngan quê mùa nơi quê hương cũ. Kể ra nàng còn thích món nữa ở đường phố này, đó là bún ốc.

Bún ốc:

Trước hết xin nhắc lại món bún ốc "ngày xưa", nghĩa là trước khi đảng Cộng sản lên cầm quyền. Bún của bún ốc là từng khoanh tròn nhỏ, ốc biêu do cô hàng (thứ bún này thường do con gái áo tứ thân mầu nâu gánh đi bán, tương tự như mấy cô bán cốm), cầm một cái đinh to như đinh đóng thuyền (chắc là đinh đó) đập cho bể đuôi con ốc luộc to bự trước khi quay đầu nhọn lại, ngoáy một cái khéo léo lôi nguyên cả mình ốc ra khỏi vỏ, bỏ vào bát. Tùy theo khách ăn nhiều hay ít cô đập nhiều ốc hay ít. Đập ốc xong xuôi cô mới múc nước chấm từ hũ ra, và chính thứ mắm pha chế theo một công thức riêng có mầu vàng pha ớt đỏ tán nhỏ này, làm bún ốc Hà nội nổi tiếng một thời. Gắp từng lát bún tròn thả vào bát, và chung với ốc, vừa ăn vừa xa hít hà vì cay quá, là một thú vị lớn của các cô các bà (nhất là các bà hay con gái đã có người tình, vào buổi sáng dậy muộn hay vào xế trưa, lúc làm tình đã mệt). Thi thuộc loại người nữ vừa khéo làm tình vừa khéo làm bếp, đã thử pha cái nước chấm bún ốc này nhiều lần ở Mỹ nhưng không thành công.

Khi đảng CS cho dân ăn quà và bán công khai, thì khoảng thời gian ăn uống kham khổ đã quá dài, các tay nấu ăn giỏi đã già dần, chết đi mà không thể truyền nghề cho thế hệ sau. Cả hai thế hệ kế tiếp nhau chỉ biết có rau luộc rau xào, gà luộc thịt luộc chỉ có vài lần trong năm, nên

các bí quyết nấu ăn thất truyền hầu hết. Thí dụ như món bún ốc vừa kể trên, khi có Đổi Mới không ai còn nhớ cách pha chế nước chấm cay chua mặn chát độc đáo nữa. Khi có bảng đề "bún ốc" xuất hiện ở đường Mai Hắc Đế, Thi vào ăn liền, nhưng bún ốc thời Đổi Mới tương tự như bún ngan bún vịt: ốc nấu chung múc vào tô bún. Tôi bắt chước vợ, ăn thử một tô bún ốc như bún riêu này, và thấy không ngon nên chỉ một lần rồi thôi. Vào những năm cuối thập niên 90, hai cô em họ mới loan báo thứ bún ốc kiểu xưa đã tái xuất giang hồ. Nhưng đến lúc đó thì trễ quá, bọn tôi không còn cơ hội trở lại Hà nội nữa.

CƠM NIÊU

Trước 1954 ở Hà nội đến khi di cư vào Nam rồi sau đó lại di cư một lần nữa sang Mỹ, ăn đủ thứ cơm nấu kiểu Mỹ, Tầu, Nhật, Pháp, Ý... (chỉ tiếc chưa được nếm cơm Ả rập để trên lá sen và ăn bốc ở Paris vì chợ Ả rập là một thứ chợ chạy nên chỉ họp từ 3 giờ sáng, đến bình minh là dọn hết trả vỉa hè lại cho thành phố) nhưng chưa bao giờ được nghe nói đến món cơm niêu. Sau khi đi cải tạo và tốt nghiệp một khóa sư phạm bồi dưỡng, đi dạy môn Việt văn trở lại, tôi nhiều lần lúng túng khi phải giảng cho học sinh miền Nam một bài thơ của Chế Lan Viên, trong đó nhà thơ tả niềm mơ ước ẩm thực của miền Bắc như sau: "...cơm trắng ăn với cá kho". Các học sinh của miền Nam no đủ lần nào cũng nhao nhao hỏi thày: cơm trắng với cá kho thì dễ quá, có chi đâu mà phải mơ với ước! Tôi phải giảng một cách dè dặt (trái với bài bổn chính thức là miền Bắc là cái nôi của loài người tiến bộ, là thiên đường xã hội chủ nghĩa...) trong thời kháng chiến đầy khó khăn, phải ăn độn khoai sắn bo bo, thì được ăn cơm thuần cơm trắng với cá kho, do tương đối, trở thành giấc mơ của nhiều người. Và do kinh nghiệm ấu thời sống ở miền quê ngoài Bắc, tôi giảng thêm là cá kho trong nồi đất (nồi nhỏ gọi là niêu) ngon hơn bất cứ nồi kim loại nào.

Khi trở lại Hà nội đầu thập niên 90, thấy dân Hà nội hay rủ nhau đi ăn cơm niêu, tôi tò mò hỏi thì một người bạn cán bộ giải thích là: những người cựu kháng chiến nhớ tới thời khắc khổ xưa nên mở quán cơm chỉ bán cơm nấu trong niêu đất ăn với cá trê nhỏ ủ lửa cũng trong một niêu đất khác cho đến khi ăn được cả xương, thêm muối mè đen với canh dưa chua nữa, là xong một phần cơm niêu. Đã định cư nhiều năm ở Hoa Kỳ, xứ thừa mứa lương thực, bọn tôi đã chán thịt mỡ ê hề nên nghe mô tả như vậy là khoái đi ăn liền. Quán cơm niêu đang nổi tiếng là quán Điện Biên Phủ ở đường mang tên này. Giờ ăn trưa quán đông khách

ngồi từ trong đến ngoài sân nhưng vẫn có chỗ cho bọn tôi nơi hàng hiên, khỏi tả cũng biết là mọi sự đều dơ, từ mặt bàn đến sân đầy rác đủ loại. Phần ăn được dọn ra khá nhanh, đúng bốn món như đã biết: cơm trong niêu đất cá trê kho cũng trong niêu đất cộng muối mè đen với canh chua nóng hổi. Nhìn y phục và tác phong cũng biết khách này từ phương xa tới, bà chủ tự động cho làm thêm món mực xào dòn và cá rô nhỏ chiên dòn đến độ ăn cả xương.

Nói chung là cái gì cũng nóng cũng dòn, tiết trời mùa thu hơi lạnh, lá khô rụng nhiều trên hè phố và trong sân, dĩ nhiên bọn tôi đã ăn một bữa cơm trưa thật ngon với những món ăn quê mùa ấy. Tôi thích nhất món cá rô nhỏ chiên, ăn nguyên con luôn không phải bỏ chút gì. Vừa ăn vừa tự hỏi đem thương mại hóa cá rô nhỏ xíu này thì dù chung quanh Hà nội có nhiều ao hồ thật, nhưng ăn cái lối tận diệt thế này, ao hồ nào cung cấp cho đủ. Cơm nóng hổi ăn cá kho cạn đáy niêu đất, ăn đã miệng như hồi nhỏ tản cư về vùng quê mẹ tôi làm món cá kho ủ rơm. Vài hôm sau đã quá ngán tiệc tùng chiêu đãi, tôi đề nghị với Thi đi ăn cơm niêu lần nữa thì nàng kêu quán dơ quá chịu hết nổi. Bà chủ khách sạn quen bèn đề nghị với bọn tôi đi ăn cơm niêu Nguyễn Đình Chiểu gần đây thôi, đi bộ được, sạch hơn và đắt hơn. Mọi sự đúng như vậy và bọn tôi đã quen với sự kiện sạch sẽ của một quán ăn miền Bắc cũng phải trả giá. Quán nằm trên lầu một khách sạn có sao, theo bảng xếp hạng của dân bản địa, có nghĩa là có quyền nhận tiền bằng dollar, có máy lạnh, ngủ không cần mùng, không có gián bò ra bò vào, không có chuột chí chí, không thạch sùng trên trần, không kiến bò trên bàn bâu thức ăn đen kịt. Nói chung thì như vậy, phần tôi thì đã có lần ban đêm ngồi đọc sách bị một chú gián mập mạp bò lên cổ áo, còn vợ tôi đã có lần từ phòng tắm phóng ra tái xanh mặt vì mấy chú rết nhỏ đã theo đường thoát nước lên bám vào vòi mở nước và trên cả khăn tắm. Dĩ nhiên một lần nữa tôi lại vung dép lên làm anh "dũng sĩ diệt rết" như đã làm "anh hùng diệt gián". Lần sau tôi lại đề nghị đến ở khách sạn đó vì tiện cho việc làm việc ăn uống, chiêu đãi khách lại ân cần chu đáo. Vợ tôi lắc đầu vì sợ nhỡ "bố mẹ đàn rết nhỏ báo thù cho con thì sao?"

Đúng như tôi lo ngại: món cá rô nhỏ chiên không phải lúc nào nơi nào cũng có. Một hôm nhớ nó, tôi gọi món đó ở quán Nguyễn Đình Chiểu thì sau một thời gian chờ hơi lâu, thường thì ít khi phải chờ ở những quán cơm niêu, một thứ "fast food" của Việt nam, nhà hàng cho mang ra một con cá bự đen thui còng queo, nằm trơ vơ trên một đĩa trắng lớn, không kèm bất cứ gia vị rau cỏ nào. Hai vợ chồng nhìn nhau, không ai dám đụng đũa, tương tự hôm ở quán Thanh niên Sài gòn, Thi

nhớ món lươn ngày xưa ở đường Bùi Viện miền Nam nên gọi món lẩu lươn. Nhà hàng mang ra một cái lẩu bốc khói trong đó nằm quanh co một khúc lươn khổng lồ như mãng xà vương hổ mang hổ lửa. Không những Thi không dám thò đũa, múc nước và rau cũng không. Càng nhìn nàng càng thấy các loài rắn hiện ra nên sau cùng tôi phải bảo hầu bàn bê ngay vào.

Món cơm niêu là "đặc sản" của Hà nội, nhưng với thời gian thấy ăn khách, một gia đình cán bộ mở một quán cơm niêu tại Sài gòn, đường Tú Xương. Để câu khách, quán này dựa vào huyền thoại cuối cùng của Bảo Đại: mỗi bữa vừa ăn xong là đầu bếp đập niêu ngay, bữa sau nấu cơm trong một niêu mới. Để thêm ngoạn mục, hầu bàn biểu diễn đập niêu một cách khéo léo ngay lúc mang ra, tung cơm như một khối tròn, hầu bàn thứ hai giơ một cái liễn ra hứng, đặt lên bàn cho khách. Cơm hầm trong lò nên có một lớp cháy dòn bao quanh, làm phần cơm còn lại thường ít không đủ cho khách ăn, khách thường gọi thêm một cơm niêu nữa. Để khỏi lẫn lộn hai thứ, kể từ nay món cơm đập niêu ngay khi mang ra được gọi là cơm đập.

Món cơm đặc sản thứ hai là cơm lam, bắt chước lối nấu bằng ống tre của người thiểu số miền núi. Cơm được gỡ sẵn từ ống tre ra, cắt thành từng khoanh, chỉ cần bóc lớp vỏ mỏng bên ngoài, là ăn. Quán mới mở này độc đáo ở chỗ mỗi bàn ăn là một túp lều nhỏ ngay cạnh Hồ Tây và khi bước chân vào quán, một hồi trống nổi lên đón chào. Còn cơm có ngon hay không, tôi chưa ăn lần nào nên không biết. Những miêu tả trên là do Thi đi cùng mấy cô em họ đến ăn tả lại (thời đó Công an chỉ thị Tòa Đại sứ ở Mỹ không cấp visa cho tôi trở lại Việt nam, để Thi phải đi một mình dẫn sinh viên ra Hà nội chờ phỏng vấn xin nhập cảnh Hoa kỳ - một trong những cách làm khó dễ những người nước ngoài và Việt kiều đến làm việc ở đất nước này).

Cháo lòng:

Gà công nghiệp thịt bở không ngon bằng "gà dai, gà đi bộ" nuôi trong sân, heo công nghiệp ở Mỹ có bộ lòng dở ẹc, dù các chợ Việt nam vẫn có bán, thỉnh thoảng vợ tôi có mua về nhưng tôi thường chỉ gắp vài miếng rồi thôi vì dai quá. Hậu quả món cháo lòng vẫn hiện diện đều đều trên thực đơn các nhà hàng Việt nam, nhưng tôi ít khi gọi. Đến Hà nội, toàn heo nuôi chuồng lối cổ điển nên thịt và lòng đều ngon, làm mỗi lần đến quán cơm tám giò chả vùng chợ Hôm, tôi hay gọi mở đầu cho bữa ăn món tiết canh lòng heo (phải gọi là lòng lợn mới đúng thổ

âm) ngon lành, cấn dòn sùn sụt.

Một ngày nọ đến giờ ăn trưa, bọn tôi đang đi bộ trên đường Nguyễn Du đến quán ăn quen, bỗng nhiên thấy tại cổng một ngôi nhà cổ có một bà bán cháo lòng, hàng bầy một phần nhô ra hè phố theo phong dáng một hàng cơm bụi (cơm bình dân bày một phần hay tất cả món ăn sẵn sàng, lộ thiên nên đường bao nhiêu bụi các món ăn nhận lãnh đầy đủ, vì thế dân địa phương gọi là cơm bụi). Quán đông người ngồi la liệt trên ghế đẩu nhỏ, bọn tôi đoán chắc là ngon nên sà ngay vào. Kiếm được một bàn riêng, yên vị đã mới gọi đồ ăn. Cô bé hầu bàn, chắc con hay cháu bà hàng, cho biết tiết canh cùng cháo đều hết, chỉ còn có lòng thôi. Nguyên tắc là ăn cho biết đã nên còn gì ăn đó, tôi gọi một đĩa lòng rồi ngửng đầu nhìn chung quanh: đối diện là cửa một cầu tiêu, may mà cửa đóng kín, tôi nhìn sang phía mặt thì thấy một bàn bốn cô cốm đang vừa húp cháo vừa chăm chú nhìn vợ tôi trong quần jean áo T-shirt đặc Mỹ, bàn tán xôn xao, cười rúc rích (cô cốm: con gái mới dậy thì khoảng 13 đến 15, vú mới mọc nhô ra dưới vải áo. Con gái độ tuổi này được gọi là cô cốm, có lẽ bắt nguồn từ "chanh cốm" là thứ chanh nhỏ nhưng cũng đã có nước.

Mấy cô nhỏ này đều xinh xắn da trắng mịn: lớp trẻ sinh ra sau chiến tranh đâu có kham khổ đủ đường như thế hệ trước, bố mẹ đa số được bổ làm quan trong Nam, tham nhũng nên dư tiền của để nuôi con như công tử tiểu thư, và như người xưa đã nói "người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân"... Trước kia đẹp đến mấy mà làm Thanh niên Xung phong đi Trường sơn giữ đường mòn Hồ Chí Minh, thì đẹp mấy cũng tàn tạ tiêu tan nhan sắc như nhà văn nữ Dương Thu Hương đã từng miêu tả. Bây giờ đến lượt bọn tôi ngắm mấy cô xinh xắn (chắc là trốn nhà hay cúp cua rủ bạn đi ăn quà) và cảm thấy được an ủi, bù đắp cho sự kiện phải ngồi ăn đối diện cầu tiêu. Lòng ngon nên bọn tôi ăn hết đĩa, không to như trong Nam, chấm nước mắm chanh - Thi vốn không biết ăn bất cứ thứ mắm nào, còn tôi sau một lần chấm mắm tôm chanh Hà nội, bị nôn mửa một trận nên từ đó nghỉ ăn mắm tôm.

Món lòng ngon đủ bọn tôi trở lại quán bụi này nhiều lần. Nhưng ăn ở đây có điều phiền là quán bán chạy nên đến sớm thì cháo chưa chín và không mấy ai ăn sáng bằng món tiết canh, đến trễ, chưa đến 12 giờ trưa đã bán hết hàng. Đến vào lúc 9-10 giờ là tốt nhất vì thời gian này có đủ các món tiết canh lòng heo cháo... Phiền là thời gian đó ăn sáng thì quá trễ, ăn trưa thì quá sớm, nhưng thôi được đền bù là món tiết canh dễ thương và cháo nóng hổi đúng vị cháo lòng. Tôi thường điểm thêm một ly rượu thuốc của nhà hàng để chế ngự tính hàn của món tiết canh.

Không có mục tôi mang theo rượu, rượu đây là rượu để sẵn trên bàn với cái ly nhỏ úp lên trên, một thói quen của quán ăn bình dân miền này. Khách cứ việc lấy uống, bao nhiêu ly tùy ý, đến khi tính tiền mới báo cho nhà hàng biết. Thời kỳ cấm rượu kéo dài quá lâu nên kể từ Đổi Mới được bán và uống rượu tự do, các hàng ăn mới bầy chai rượu sẵn sàng trên bàn, cho bõ ngày nào phải bán chui và uống chui.

XÓM THỊT CẦY

Biết ăn thịt cầy từ nhỏ nhưng tôi chỉ bắt đầu thích ăn thịt cầy kể từ khi được tha khỏi trại tập trung cải tạo. Cái thích này dễ thực hiện vì nhà tôi ở trong cư xá Chí hòa (người Cộng sản gọi là "sào huyệt ngụy quân ngụy quyền"), chỉ cần đi cổng trước ra đường Lê Văn Duyệt là bắt đầu vào con đường thịt cầy kéo dài qua Ngã ba Ông Tạ, tới Ngã tư Bảy Hiền. Mỗi khi có tiền, không cần nhiều lắm vì thịt cầy tương đối rẻ so với các món ăn khác, tôi thường rủ bạn hay bạn tới chơi rủ tôi, ra cuối đường Lê Văn Duyệt ăn món thịt cầy bảy món. Thịt cầy bảy món: ngoài các món luộc dồi chả sáo măng dựa mận... thêm các món mới xuất hiện sau 1975 như chả chìa (sườn chó nướng), chả gói lá lốt, chả gói mỡ chài. Quán thịt chó thường nhỏ, sát mặt lộ, trưa chiều miền Nam thường nóng chói chang nên khách thường uống rượu thuốc, rượu cây Lý... rót vào một ly đá to bự, nên nóng thì nóng, dân nhậu vẫn thoải mái.

Đôi khi tôi mua một gói mang về (bỏ lại những món có nước) để cả nhà cùng ăn. Do hiện tượng thiếu protein mãn tính (mãn tính: kinh niên), hiện tượng chung của các nước Cộng sản, ngay cả Thi vốn cảnh giả như một tiểu thư công nương thời cũ, cũng thò đũa gắp và ăn được món chả. Sau một thời gian định cư tại Hoa kỳ phong phú về thực phẩm, người dân đa số chỉ lo "diet", ăn thật ít thịt bất kể loại nào, trở về Việt nam trong chuyến đầu tiên, rủ bạn cũ đi nhậu món thích thú là lẩu thịt cầy, tôi ngạc nhiên thấy mình không còn biết ăn thịt cầy bất kể món nào. Bạn bè chung quanh gắp ăn lia chia, ồn ào vui vẻ như chính tôi "ngày xưa", không để ý tới ông bạn Việt kiều Mỹ cứ ngồi nhâm nhi với bánh tráng nướng và đậu phọng rang.

Miền Nam thịt cầy còn phổ biến như vậy, miền Bắc sau khi có Đổi Mới còn dữ dội hơn, đến nỗi dân bán thịt chó phải rủ nhau lên chiếm lĩnh một địa bàn rộng lớn hơn là vùng Nghi tàm, ngoài thành phố. Giết chó, cạo lông rồi thui, đâu phải dễ làm trong khu nội thành thường nhà nào cũng chỉ có một sân chung nhỏ xíu, nước máy lại rỉ rả chảy về đêm. Ra ngoại thành có không gian thoáng đãng, tha hồ tung hoành, hậu quả

là làng Nghi tàm vốn nổi tiếng về nghề trồng hoa, đặc biệt là hoa đào ngày Tết, và về nghề trồng dâu nuôi tằm, từ từ biến mất. Tôi nhớ ngày còn nhỏ mỗi khi cùng bố mẹ và bạn bè vượt bờ đê ra picnic ở bãi cát sông Hồng, bọn tôi thường đi qua những vạt tre nghiêng phơi những chiếc kén tằm vàng cam óng ả dưới ánh sáng mặt trời. Tháng chạp âm lịch, tôi cùng bạn Nguyên đạp xe lên đây thăm những vườn đào cây bắt đầu ra nụ hồng hồng... Một khung cảnh thơ mộng, xứng đáng làm quê hương cho nhà thơ bà huyện Thanh quan, cô Thị Lộ 16 tuổi vợ lẽ sau cùng của nhà thơ đệ nhất công thần triều Lê là Nguyễn Trãi, cũng quê quán đâu đây vùng này (thơ Thị Lộ: Quê ở Tây hồ bán chiếu gon, Chồng còn chưa có hỏi chi con?). Bây giờ là những quán thịt cầy nổi tiếng ngon, quán nọ kế tiếp quán kia, nhô những bảng hiệu xanh đỏ lên khỏi mặt đê. Có hai cây cầu hiện đại bắc qua sông Hồng (cầu Long biên quá cũ, chỉ mở cho người đi bộ ngắm cảnh và các loại xe không động cơ) nên tài xe thường đi đường này đến cầu dẫn tới phi trường Nội bài, do đó nhiều lần tôi được đi qua xóm hay làng thịt cầy Nghi tàm nổi danh...

Nhưng chỉ đi qua thôi, chưa một lần ghé vào vì như đã nói, tôi bây giờ không những không ăn được thịt cầy, còn không ăn được mắm tôm. Vì vậy không có dịp vượt qua mặt đê vào một quán nào đó, ngồi xếp chân trên một phản gỗ hay trên sàn trải chiếu hoa, nhâm nhi xị rượu trong gió từ sông Hồng, vẫn chảy như đã chảy từ ngàn xưa, và tiếp tục chảy ngàn sau, khi tôi đã trở thành cát bụi lâu rồi.

Xóm thịt cầy Nghi tàm bây giờ là như thế, đậm đà khói hương phàm tục. Nhưng không chỉ có như thế: Qua những lời chỉ dẫn nói với giọng thấp xuống của dân địa phương, tôi được biết vùng này còn cung cấp một thứ phàm tục khác đàn ông rất mê, đó là gái đồng quê. Theo lời kể của một người bạn Việt kiều đã từng thưởng thức cả hai thứ, cả thịt cầy lẫn "nai đồng quê", thì da thịt đàn bà con gái ở Mỹ sực nức nước hoa, còn ở đây thì "thơm mùi lúa"... Tôi không phải là người đạo hạnh, đã thế lại phóng đãng trong địa hạt tình dục, vậy không một lần ghé tới khu này chỉ vì lần đầu trở lại Hà nội, tôi là thành viên phái đoàn sưu khảo văn học của đại học Mỹ, phải giữ mình cẩn thận như một vị quân tử... Tàu, như thơ người xưa "Nghĩ mình phương diện quốc gia, Quan trên trông xuống người ta trông vào"... (Kiều)

Những lần trở lại sau đó với tư cách một nhà giáo để lo chuyện Tân Đông du cho lớp trẻ, lại đi cùng vợ, đâu có thể lang bang, và cũng không có nhu cầu nữa, vào xóm "tươi mát" được. Đi xứ xa với vợ có cái thú lớn là có người chăm sóc cho mình, tha hồ bàn tán xôn xao về những gì xẩy ra ban ngày, nhất là đêm đến có bạn đồng sàng ấm áp, quen thuộc. Có

Rớt Lại Nụ Cười
NGUYỄN NAM AN

Khi O về phương xa theo chồng mùa nước lớn
Anh về bên ni sóng động lòng đường
Tháng tám mù sương đứng giữa thành phố mượn
Anh vay nụ cười trả ánh mắt ngó thương

Phố ở quanh đây nơi nào cũng vậy
Nhưng phố hôm này anh thấy tình thân
Nắng theo hoài ai mảnh mai đứng đấy
Anh vội vã ngày muốn chạy... chạy theo

Anh không thấy em đường núi cheo leo
Đường của biển những hôm trời thức dậy
Nhưng anh thấy đây bàn chân trên giấy
Nhẹ vào thơ bài sáu tám vô thường

Khi O về phương xa theo đời mùa chân vướng
Rớt lại nụ cười anh lượm cất làm tin!

NNA
21.08.02

thiếu mục thưởng thức hoa thơm cỏ lạ địa phương, cũng không có gì để phàn nàn.

Nhưng Tết đến vẫn có hoa đào như từ ngàn xưa, và nhờ đường hàng không dân dụng đã phát triển, hoa đào còn thấy bầy bán ở chợ hoa Tết của Sài gòn nắng chói. Vậy hoa được trồng ở đâu? Một năm gần Tết cuối thập niên 90, tôi mới được đọc phóng sự trên một tờ báo: Tòa soạn báo này cũng có thắc mắc như tôi, cử một phóng viên lên Nghi tàm tìm hiểu. Một ông già địa phương gi tay chỉ ra phía sông Hồng, nói: Chúng tôi vẫn trồng đào chứ, tít ngoài bãi gần sông...

Thế Uyên
(Hà nội thập niên chót tk 20)

Tin văn

Thế Quân

* 11/9/2001-11/92002: một năm đã trôi qua, kể từ buổi sáng hôm ấy...
* Trong lúc đó, lại có người nhìn thảm kịch từ một cái nhìn khác.
* Và một triết thuyết hậu-11/9 ra đời: triết lý về tai họa.
* Sách đọc cho mùa thu
* Một cái nhìn mới về cuộc Đại Khủng Bố của Stalin
* Sau "Goluboye Salo" của Nga đến "Rose bonbon" của Pháp: văn chương hay khiêu dâm?

*** 11/9/2001- 11/9/2002: một năm đã trôi qua, kể từ buổi sáng hôm ấy...**

Một năm rồi, tình hình tương đối lắng xuống, nhưng không ai, dù lạc quan đến đâu, dám cho rằng mọi sự đã qua đi. Cuộc tấn công đã để lại một dấu ấn to lớn và ảnh hưởng lâu dài mà những hậu quả của nó không dễ gì nhìn thấy được bây giờ, mới chỉ một năm sau. Chính phủ Hoa Kỳ hầu như để sang bên mọi sự, chỉ tập trung vào một việc: tiêu diệt hệ thống khủng bố quốc tế và khắc phục những hậu quả của nó đồng thời thay đổi cấu trúc tâm lý và chiến lược để đối phó với một tình thế hoàn toàn mới.

Riêng về ngành xuất bản, tin tức cho biết tính cho đến nay, đã có hơn 300 đầu sách được xuất bản liên hệ xa, gần đến biến cố 11/9/2001. Theo đánh giá của nhiều nhà nghiên cứu về tình hình xuất bản, không có một biến cố nào trong quá khứ đã tạo nên một số sách nhiều và nhanh như thế. Ann Binkley, phát ngôn viên cho công ty bán sách thuộc

loại tầm cỡ nhất của Hoa Kỳ, Borders Group, có đại lý hầu như trong nhiều tiểu bang lớn kể cả một tiệm ở sát ngay "World Trade Center", phát biểu: "Chúng tôi tin tưởng thật là thích hợp khi làm nổi bật được những đề tài liên hệ đến khủng bố để giúp độc giả Hoa Kỳ tự rèn luyện mình về biến cố 11/9". Trong số những sách bán chạy nhất, trước hết phải kể đến *"Leadership"* là hồi ký của viên cựu thị trưởng New York Rudolph Giuliani về những công việc mà nhân dân New York thực hiện dưới sự lãnh đạo của ông để đối phó với hậu quả của vụ khủng bố. Số phát hành lên đến 500.000 ấn bản. Kế đó là *"Longitudes & Attitudes"* gồm những bài viết của nhà bình luận Thomas Friedman (giải Pulitzer) của New York Times với 175.000 ấn bản. Ngoài mấy cuốn trên, để quý vị và bạn đọc có một cái nhìn tổng quát về tình hình sách vở liên hệ đến vụ 11/9, Tin Văn xin giới thiệu sơ lược một số tác phẩm nổi bật khác:

- *"Terrorism & the Constitution"* của David Cole & James Dampsey, bàn về những vấn đề hiến pháp dính líu đến các biện pháp chống khủng bố.

- *"The Day the World Came to Town"* của Jim DeFede: kể chuyện về cuộc sống đặc biệt trong một thời gian ngắn của 6.595 hành khách thuộc 40 nước tình cờ gặp nhau tại thành phố đảo Gander, Newfoundland, Canada. Họ là những hành khách trên 38 chuyến bay - do biến cố 11/9 - không phận Hoa Kỳ đóng cửa, phải chuyển hướng đáp xuống đây.

- *"Understanding September 11: Answering questions about the attacks on America"* của Mitch Frank, thông tín viên tạp chí The Times. Tác phẩm viết cho những sinh viên học sinh với những câu hỏi và trả lời liên quan đến hệ thống khủng bố quốc tế, về Hồi Giáo, về Osama bin Laden và các môn đệ của ông ta và những lý do tại sao họ tấn công Hoa Kỳ.

- *"September 11: An Oral History"* của Dean Murphy, thông tín viên New York Times. Tác phẩm kể lại 37 câu chuyện về người tốt việc tốt và người xấu việc xấu, những anh hùng cũng như những kẻ hèn nhát, ích kỷ với nhiều chi tiết cảm động, hãi hùng trong và sau khi hai cao ốc WTC sụp đổ.

- *"A New World Trade Center"* của Max Protetch, đề cập đến một cuộc triển lãm đặc biệt được tổ chức chỉ 2 tuần lễ sau khi biến cố 11/9, quy tụ những mẫu thiết kế lại WTC của 125 kiến trúc sư trên toàn thế giới.

- *"Heart of a Soldier"* của James Stewart, một tác giả từng đoạt giải Pulitzer, kể lại câu chuyện của một anh hùng trong ngày 11/9, Rick

Rescorla, chỉ huy cuộc di tản của 2.700 nhân viên hãng Morgan Stanley ra khỏi WTC để cuối cùng bị chết kẹt trong cao ốc vì tiếp tục ở lại giúp đỡ những người khác.

- *"Inside 11/9"*, tập hợp những bài viết của các biên tập viên tạp chí Đức "Der Spiegel". Đó là một tuyển tập gồm nhiều bài viết ghi lại những mẩu chuyện nhỏ liên hệ đến các hoạt động hàng ngày của những tay khủng bố với những ghi chú về thời gian, kể cả một số trích đoạn từ các sổ tay của họ, giúp độc giả có những tài liệu tinh ròng liên hệ đến biến cố 11/9.

- *"The Fallout"* của Juan González, viết về chuyện dọn dẹp đống đổ nát của WTC và những ảnh hưởng xấu gây ra do xác chết và đủ thứ sản phẩm độc hại khác (plastic, thực phẩm, hóa chất...) đối với môi trường. Tác phẩm cũng phê bình gay gắt những quan chức và các nhân viên phụ trách về tinh thần thiếu trách nhiệm của họ đối với sức khỏe và sự an toàn của nhân dân địa phương.

- *"September 11: Historical, Theological and Social Perspectives"* của Ian Markham. Tuyển tập gồm 12 bài tiểu luận bàn về những vấn đề thần học, lịch sử, xã hội như Thượng Đế, các nguyên nhân gây ra biến cố 11/9, những lý do tại sao Hoa Kỳ bị thù ghét...

- *"The Cell"* của John Miller và Michael Stone. Tác phẩm trưng ra nhiều bằng chứng khác nhau cho thấy biến cố 11/9 có lẽ đã không có thể xảy ra nếu những người có trách nhiệm trong các nghành an ninh, tình báo biết liên kết những chi tiết, sự kiện rời rạc, tưởng như vô nghĩa lại với nhau. Biến cố đó là hậu quả của cả một chuỗi sự kiện xảy ra từ đầu thập niên 1990 xuyên qua các vụ ám sát, nổ bom chống lại các cơ sở và nhân viên, binh lính Hoa Kỳ ở nhiều nơi trên thế giới.

- *"A Nation Challenged"* do ban biên tập tạp chí The New York Times thực hiện, là một bộ sưu tập những hình ảnh độc đáo kèm theo các sơ đồ và chú thích sắp theo thứ tự thời gian về biến cố 11/9 và các hậu quả của nó.

- *"Out of the Blue"* của Richard Bernstein, thông tín viên tạp chí Times. Tác phẩm cung cấp những dữ kiện có ý nghĩa dẫn đến biến cố 11/9, qua đó, tác giả so sánh và nêu lên những nét tương phản giữa đời sống của các tên khủng bố so với đời sống của các nạn nhân khủng bố và cho ta một cái nhìn đầy ấn tượng vào những chi tiết không thể tưởng tượng được của thảm kịch.

- *"War of Words"* của Sandra Silberstein. Tác phẩm cho ta một cái nhìn có tính cách ngữ học vào những từ ngữ được các chính khách, những nhân chứng cũng như ngành truyền thông sử dụng sau khi biến

cố 11/9 xảy ra trong việc đoàn kết nhân dân Hoa Kỳ, chiến đấu chống khủng bố, giải thích nguyên nhân, và các hậu quả cũng như tâm trạng của nhiều người sau khi chứng kiến thảm kịch.

vân vân và vân vân...

*** Trong lúc đó, lại có người nhìn thảm kịch từ một cái nhìn khác...**

- *"September 11, A Big Lie"*, được bày bán tại Hoa Kỳ từ cuối tháng 8/2002, là tác phẩm dịch từ bản Pháp văn *"L'Effroyable Imposture"* (Sự dối trá đáng sợ) của một tác giả thuộc tả phái có tên là Thierry Meyssan, cựu lãnh tụ của đảng Xã Hội Cấp Tiến Pháp. Là một nhà lý thuyết về âm mưu (conspiracy theorist), ông cho rằng thảm kịch 11/9 chỉ là một sự lừa dối vĩ đại của chính phủ Hoa Kỳ. Nhân dân thế giới cũng như nhân dân Hoa Kỳ hoàn toàn bị tung hỏa mù, tưởng rằng biến cố 11/9 là sản phẩm của một vụ khủng bố quốc tế. Meyssan đưa ra một giả thuyết khác: một cánh chủ chiến trong chính quyền Hoa Kỳ đã tạo ra biến cố 11/9 bằng cách sử dụng một dụng cụ điều khiển từ xa (remote control) hướng dẫn hai chiếc máy bay đâm vào hai cao ốc của Trung Tâm Thương Mại Thế Giới làm phát nổ một số lượng chất nổ đã được gài sẵn từ trước vào trong trung tâm, đồng thời bắn một hỏa tiễn (không phải là một chiếc phản lực chở khách) vào Ngũ Giác Đài. "Chính phủ Mỹ đã chọn con dê tế thần (là WTC và Ngũ Giác Đài) để lấy cớ phát động cuộc chiến tranh ở Afghanistan, lật đổ nhà cầm quyền Taliban và săn lùng Osama bin Laden". Và vì thế, theo Meyssan, "Chúng ta không thể cho phép những người đã gây ra tội lỗi (là chính phủ Hoa Kỳ) không bị trừng trị và những kẻ vô tội (là nhân dân Afghanistan) lại bị ăn bom".

Một giả thuyết hoàn toàn vô căn cứ như thế lại được nhiều người Pháp tin là đúng đắn, cho nên mặc dù bị ngành truyền thông nhiều lần đem ra bêu riếu, tác phẩm vẫn nằm trên danh sách *bestseller* trong suốt nhiều tháng liền ở Pháp. Thực ra lúc đầu, tác phẩm không mấy được dư luận lưu ý cho đến khi ông được mời lên đài truyền hình trong một chương trình hội thoại vào tháng 3/2002. Sự kiện đó khiến người ta đổ xô đi mua sách và lý thuyết của ông đâm ra có người ủng hộ, nhất là những người thuộc cánh tả ở Pháp. Theo Jean-Robert Leguey-Feilleux, một người sinh ở Pháp và hiện là giáo sư chính trị học chuyên trách về vùng Trung Đông và khủng bố quốc tế tại đại học Saint Louis ở bang Missouri, thì những lý thuyết về âm mưu như thế xuất hiện và lan truyền nhanh chóng vì chúng bổ sung thêm cho những thiên kiến có sẵn từ trước. Lý thuyết của Meyssan triển khai thêm tinh thần ghét-Mỹ (anti-

Americanism) tiềm tàng nơi nhiều người Pháp. "Ở Pháp, người ta vẫn còn mang một nỗi hờn dỗi ngấm ngầm đối với Hoa Kỳ và sự ưu việt của họ", ông nói. Nỗi hờn dỗi đó tương tự như nỗi hờn dỗi đối với đế quốc Anh trong thế kỷ thứ 19. Đã thế, hiện nay, sự hờn dỗi lại còn được tăng cường vì các hành động đơn phương và sự ngạo mạn quá lố biểu hiện qua chính sách ngoại giao của chính quyền Bush. Tuy thế, theo Leguey-Feilleux, tinh thần ghét-Mỹ đó ở những người Pháp còn nhẹ hơn so với thế giới Hồi Giáo.

Theo số liệu mới nhất, đã có 220.000 ấn bản bán ở Pháp. Ở Canada, số sách tiêu thụ cũng khá lớn. Các bản dịch ra tiếng Á Rập và tiếng Tây Ban Nha đã sẵn sàng, chỉ chờ cơ hội là tung ra thị trường. Đồng thời, tác giả đã bán bản quyền cho 16 quốc gia. Ngoài ra, ông còn đi nói chuyện nhiều nơi trong các nước vùng Trung Đông để lôi kéo độc giả và người ủng hộ. Giả thuyết của ông được đăng tải trên nhiều Website mạng lưới điện toán và báo chí các nước Hồi Giáo. Meyssan hy vọng rằng tác phẩm sẽ có một thành công tương tự tại Hoa Kỳ. Trong một cuộc phỏng vấn, ông cho biết "Cái mà tôi mong muốn là sẽ có một cuộc tranh cãi về cái gì thực sự xảy ra và xem ý kiến của dư luận ở Hoa Kỳ và trên thế giới như thế nào". Theo Robert Robins, giáo sư chính trị học tại đại học Tulane, thì "cuốn sách gây ra nhiều tai hại. Nó làm suy yếu quyền lợi tinh thần của Hoa Kỳ đạt được do sự kiện Hoa Kỳ là nạn nhân của một vụ tấn công như thế". Đúng như nhận định đó, theo sự thăm dò dư luận của viện Gallup tại một số nước Hồi Giáo, thì 89% người Kuwait, 86% người Pakistan, 58% người Li-băng và 48% người Thổ Nhĩ Kỳ không tin rằng một nhóm người Á Rập đã tiến hành vụ tấn công khủng bố ngày 11/9/2001. Tờ nhật báo Iran "Kayhan International" trong số ra ngày 5/9/2002 đã ca ngợi Meyssan vì nỗ lực không mệt mỏi của ông ta trong việc đưa ra những bằng chứng "xác thực" liên quan đến biến cố 11/9 để rửa oan cho những người Á Rập.

Meyssan không phải là người duy nhất đưa ra một giả thuyết lạ lùng như thế. Một tác giả khác, người Hoa Kỳ hẳn hoi tên là Len Bracken ở Virginia, qua tác phẩm "Shadow Government", cũng cho rằng biến cố 11/9 là do chính phủ Mỹ chủ mưu, nhưng đưa ra một cách giải thích có vẻ thuyết phục hơn. Len Bracken là ai? Theo sự tìm hiểu của một vài phóng viên thì ông là một tác giả đa năng, nhưng không mấy nổi tiếng và chẳng bao giờ xuất đầu lộ diện trước công chúng. Ban ngày, ông là một nhân viên biên tập tầm thường ở Washington D.C. Nhưng ban đêm, ông là một tiểu thuyết gia, một nhà viết tiểu sử, một sử gia tài tử, một dịch giả và là một nhà viết tiểu luận. Bracken xem biến cố 11/9 là âm

mưu của nhà cầm quyền Bush trong việc thực hiện một chiến lược gọi là "tấn công phòng vệ gián tiếp" (indirect defense attack), nhằm có cớ để:

- Trục lợi: thu được 15 tỷ đô la chưa dùng đến trong thị trường chứng khoán
- Xây dựng một ống dẫn dầu ngang qua nước Afghanistan
- Thông qua một đạo luật yêu nước rất khắc nghiệt gọi là "Patriot Act"

cùng nhiều điều bất chính khác.

Được hỏi bằng chứng của những sự việc trên ở đâu, Bracken trả lời với tạp chí Voice trong một cuộc phỏng vấn là "Tôi chẳng có bằng chứng gì hết, tất cả chỉ là do suy diễn" (circumstantial evidence). Để xây dựng nội dung, ông lấy tài liệu từ những nguồn thông tin không mấy tin cậy trên Internet kết hợp với một số thông tin đáng tin cậy hơn từ các tạp chí đứng đắn như New York Times hay Washington Post trong một ý định liên kết những sự kiện vẫn còn bí ẩn với âm mưu của các đại công ty và chính quyền Bush.

Tác phẩm, tuy xếp vào loại tiểu thuyết hư cấu ly kỳ, giả tưởng, nhưng được Geoffrey Gray đánh giá là "hữu ích và thẳng thắn", vì một số điều trình bày trong đó khiến người ta phải suy nghĩ. Chẳng hạn, theo Bracken, biến cố 11/9 và những gì tiếp theo sau đó vẫn còn nhiều câu hỏi chưa được trả lời như:

- Tại sao những thành viên trong gia đình của bin Laden (vốn cư trú tại Mỹ) lại biến mất? Khi mà toàn thể không phận Hoa Kỳ đều bị đóng kín sau 11/9 thì tại sao họ lại có thể bay ra khỏi Hoa Kỳ trên những chiếc phản lực riêng như tờ Washington Post đã tường thuật?
- Tại sao giấy nhập cảnh (passport) của Mohammed Atta, một trong những tay khủng bố lái máy bay đâm vào WTC lại được tìm thấy nguyên vẹn trong đống đổ nát của WTC sau này bởi các nhà điều tra của chính phủ Hoa Kỳ? (Thực ra, người ta có tìm thấy một passport thật, nhưng không phải của Atta. Passport của Atta được tìm thấy trong một chiếc xe hơi ở Boston).
- Tại sao hai lãnh tụ cao cấp của đảng Dân Chủ lại bị gửi những lá thư có chứa đầy chất gây bệnh than Anthrax trong lúc các lãnh tụ đảng Cộng Hòa đang tìm cách thông qua những đạo luật an ninh ở quốc hội?
- Mối liên hệ giữa đại công ty Enron với CIA, chính quyền Bush và nhóm bin Laden như thế nào?

Nói chung, theo Bracken, biến cố 11/9 xuất phát từ một thứ luận lý về chiến tranh mới: Sau chiến tranh lạnh, hết mục tiêu, chính quyền Hoa Kỳ chế tạo ra một con dê tế thần mới - gọi là Khủng Bố - làm cớ

đoàn kết nhân dân Hoa Kỳ dưới ngọn cờ yêu nước để thực hiện một mục tiêu quân sự nào đó.

*** Và một triết thuyết hậu-11/9 ra đời : triết lý về tai họa**

Chỉ 10 ngày sau 11/9, một biến cố gây chấn động khác xảy ra tại một nhà máy hóa chất ở thành phố Toulouse (Pháp) giết chết 30 người, làm bị thương 2.500 người khác và phá hủy hàng ngàn ngôi nhà quanh đó. Hai biến cố lớn lao xảy ra cách nhau một thời gian ngắn khiến người ta tự hỏi: phải chăng chúng ta đang đi vào thời đại của những thảm họa tiền định? Và phải chăng con người không thể nào tránh được số phận bi thảm đang đợi chờ ở một lúc nào đó trong tương lai?

Những vấn nạn đó đã trở thành đề tài cho những suy nghĩ triết lý, đưa đến việc hình thành một triết thuyết mới qua một tác phẩm vừa xuất bản có tựa đề là "Pour un catastrophisme éclairé" (tạm dịch: Tiến đến một minh giải triết lý về tai họa) của triết gia Pháp Jean-Pierre Dupuy. Theo Dupuy, hai biến cố trên chỉ là hai tai họa điển hình ở một giai đoạn mà nhân loại sống trong tình trạng thường trực bị đe dọa bởi đủ thứ bất trắc có thể xảy đến bất cứ lúc nào, từ việc trái đất bị hâm nóng lên dần dần hay sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, cạn kiệt năng lượng cho đến sự sụp đổ toàn bộ nền kinh tế hay bệnh bò điên và sự phát triển quy mô các vũ khí giết người hàng loạt. Hiện nay, loài người chỉ có thể tránh các tai họa bằng vào một thứ lý thuyết đã cũ, đó là lý thuyết về phòng ngừa (prévention & précaution). Theo Dupuy, trước những đại họa kiểu World Trade Center hay Toulouse, những nguyên tắc phòng ngừa mà chúng ta mong đợi để có một chỗ ẩn náu tương đối an toàn chỉ là một ảo tưởng. Nguyên tắc này không hề bảo đảm cho chúng ta thoát khỏi tai họa vì một khi đã xảy ra, các tai họa xóa hết tính cách khả thể của chúng. Triết thuyết "tai họa được soi rõ" được thiết lập trên sự thất bại của "lý thuyết phòng ngừa", đưa ra một cách suy nghĩ mới bằng những ý niệm và cách tiếp cận mới với bản chất của tai họa.

Dupuy hình thành lý thuyết trên nền tảng một tư tưởng cũ: tư tưởng của triết gia Bergson. Ngược lại với lý thuyết cho rằng trong xã hội hiện đại, cái khả thể (possibilité) đã chứa đựng trong hiện thực, theo Bergson, cái khả thể không bao giờ có trong hiện thực. Cái khả thể chỉ trở thành hiện thực như một "sự đã rồi" (après-coup). Chẳng hạn như, trước khi khởi phát, cuộc chiến tranh thế giới 1914-1918 là cái bất xác (probable) và bất khả (l'impossible). Nghĩa là cái khả thể không tiền-hiện-hữu khi một biến cố xuất hiện trong giòng thời gian, mà nó chỉ được thiết lập

sau biến cố. Cái khả thể đăng ký vào quá khứ từ tương lai (le possible s'insère dans le passé depuis le futur): các tai họa ở New York và Toulouse chỉ trở thành khả thể khi chúng đã xảy ra rồi. Căn cứ trên nhận định đó, triết thuyết mới đề nghị một hướng khác: tự phóng chiếu vào tương lai trong thời gian sau-tai-họa (après-catastrophe) và hồi tưởng lại xem cái gì thay đổi tai họa thành một biến cố vừa cần thiết vừa chắc chắn như thế. Nói đơn giản: bay vào tương lai để biết cái gì "đã" xảy ra, từ đó hồi tưởng về hiện tại để thấy rằng tai họa tất phải như thế. Để làm gì?

Lý thuyết phòng ngừa không biết tai họa như thế nào và tác hại của nó ra sao. Ngược lại, lý thuyết tai họa soi rõ tính cách về tai họa. Dùng lại một tư tưởng về sự bất hạnh của triết gia Han Jonas, theo đó "Tiên tri về sự bất hạnh là để cho nó khỏi xảy ra" (La prophtie du malheur est faite pour viter qu'elle ne se ralise), Dupuy cho hay tiên tri về tai họa là để tránh cho tai họa khỏi xảy ra. Nếu sự bất xác (incertitude) là tư tưởng nòng cốt của lý thuyết phòng ngừa, thì sự xác định (certitude) là bản chất của lý thuyết về "tai họa soi rõ". Dựa trên thứ tri thức có tính phương pháp (le savoir méthodologique) về cái tệ hại nhất (le pire), lý thuyết mới là một sự đảo lộn siêu hình học về thời gian: nhìn hiện tại của chúng ta từ quan điểm tương lai (regarder notre présent depuis le point de vue de l'avenir). Điều đó cho phép mang vào hiện tại những tín hiệu của tương lai. Từ đó, "kỷ niệm về một tai họa" chưa xảy ra sẽ bảo đảm cho sự ngăn cản nó. Ngược với thời gian lịch sử mà chúng ta từng biết (diễn tiến: quá khứ - hiện tại - tương lai), ở đây, tương lai thì tất định (fixe) còn quá khứ thì phơi mở (ouvert). Sự đảo lộn thời tính này, trong đó "ký ức của tương lai" (mémoire de l'avenir) mà ông gọi là "thời gian dự phóng" (le temps du projet) sẽ thay thế cho thời gian (chết) của lịch sử.

Thời đại mà nhân loại đang bước vào trong đó có những tai họa vĩ đại như World Trade Center hay Toulouse, đặt con người trước một thách thức băng giá (glacial défi). Sự tồn tại của nhân loại đang bị đe dọa bởi chính những hiểm nguy mà nó là tác giả và đối trước chúng, nhân loại chẳng hề nhận ra vì thiếu một nền siêu hình học thích hợp, thì lý thuyết mới của Jean-Pierre Dupuy, theo nhận định của Robert Redeker trên tờ "Le monde", được xem như một sự tái quy hướng các chính sách của con người nhằm quản lý cho được những bất trắc. Cũng theo Redeker, mặc dù tính cách có vẻ nghịch lý của nó - các tai họa sẽ không xảy ra nếu chúng ta hành động theo một sự xác thực xem như chúng xảy ra không thể tránh được - suy nghĩ rõ ràng và kích thích của Dupuy mở ra triển vọng lý thú cho những tư tưởng và hành động mà nếu không biết đến sẽ rất nguy hiểm.

Tôi chợt có ý nghĩ rằng có lẽ viết lách là cái thú của những người thích "bịa":

Viết văn thì bịa chuyện.
Làm thơ thì bịa kiểu.
Và triết lý thì bịa...chữ!
phải chăng?

*** Sách đọc cho mùa thu**

Dù biến cố 11/9 hãi hùng và những hậu quả ghê gớm của nó đang hàng ngày tác động lên đời sống, người dân Hoa Kỳ cũng không quên được rằng mùa thu là mùa của sách. Chính vì thế, trong lúc vẫn cung cấp đủ sách vở tài liệu cho công chúng nhân kỷ niệm một năm biến cố 11/9, các nhà xuất bản không quên làm sống lại khung cảnh bình thường của mùa thu, mùa đọc sách - cái mà người dân Hoa Kỳ bị tước đoạt mất năm rồi vì biến cố 11/9. Một ký giả đã gọi hoạt động này là "*second looks, second books & second chances*". Cách dùng từ đó cho ta hiểu rằng, họ xem những gì thuộc về 11/9 là "*first* ..."

Sau đây là một số tác phẩm nổi bật được tung ra thị trường sách vở mùa thu này:

- "Peace Likes A River" của Leif Enger và "Too Close to Call" của Jeffrey Toobin. Hai tác phẩm này vừa in ra năm ngoái thì xảy ra biến cố 11/9 nên chưa kịp tung ra thị trường. Entrekin, giám đốc nhà xuất bản tác phẩm "Peace Likes A River", cho biết sẽ có một kế hoạch quảng cáo quy mô cho tác phẩm.

- Elaine Petrocelli, giám đốc nhà xuất bản Book Passage ở California, sẽ tung ra đồng thời hai tác phẩm của Salman Rushdie: một tác phẩm cũ là "Fury" (phát hành tháng 9 năm rồi) và một tác phẩm mới viết "Step Across This Line" (tiểu luận).

- "The Thief Lord", truyện phiêu lưu của Cornelia Funke và "Summerland", truyện huyền hoặc của Micheal Chabon, tác giả đoạt giải Pulitzer, dành cho thiếu niên.

- Đối với tuổi thanh niên, có "The Autograph Man" của nhà văn nữ trẻ tuổi Anh quốc Zadie Smith, tác giả của truyện dài *bestseller* "White Teeth" viết lúc cô 25 tuổi (về Zadie Smith, xin xem TV, VH số 188, tháng 12/2001).

- "The Little Friend" của Donna Tartt. Khác với "Secret History", tác phẩm giật gân ra đời 10 năm trước đây và bán hàng triệu ấn bản, lấy

khung cảnh ở một khu đại học xá thuộc đại học Vermont, tác phẩm mới được dựng ở một thành phố nhỏ thuộc tiểu bang Mississippi, quê hương của tác giả. "Cái cách mà tôi đối phó với nỗi sợ hãi về cái gọi là "hội chứng truyện dài thứ hai" (second novel syndrom) là cố gắng viết một tác phẩm khác hoàn toàn với "Secret History", nhà văn thừa nhận. "Đó không phải là điều dễ dàng gì". "Hội chứng truyện dài thứ hai" là một thuật ngữ chỉ tình trạng tác phẩm thứ hai chỉ là bản sao của tác phẩm đầu tiên.

- "Middlesex" của Jefferey Eugenides, tác phẩm thứ hai sau "The Virgin Suicides" cũng xuất bản từ 10 năm trước. Các nhà bán sách và phê bình hy vọng đây sẽ là một tác phẩm có giá trị văn chương lớn. "Tôi phải học lại nhiều điều mà tôi không hề biết về chuyện viết một tác phẩm và tôi phải nhiều lần lâm vào bế tắc trước khi tìm được lối ra", bà thú nhận.

Ngoài ra, những người yêu thích văn chương còn nôn nóng chờ đợi được đọc những tác phẩm mới của Milan Kundura, Anna Quindlen, Umberto Eco, Sandra Cisneros, Ha Jin, Alice McDermott, Paul Auster, Nick Tosches và Lee Smith bên cạnh những tác giả của những tác phẩm hư cấu kiểu Stephen King như Michael Crichton, Scott Turow, David Baldacci, Martin Cruz Smith và Sue Grafton.

*** Một cái nhìn mới về cuộc Đại Khủng Bố của Stalin**

Tác phẩm lịch sử "Koba the Dread: Laughter & Twenty Millions" của Martin Amis, vừa được tung ra bán ở Anh quốc vào tháng 9/2002 là gây ra ngay một cuộc tranh cãi và tạo nên một những phản ứng giận dữ từ những nhà sử học và hoạt động nhân quyền ở Nga. Đây là một tác phẩm lịch sử, mô tả cuộc đại khủng bố diễn ra dưới thời Stalin lúc nhà độc tài này áp dụng những biện pháp vô cùng tàn nhẫn nhằm ép buộc người nông dân Nga phải tập thể hóa nông nghiệp, đưa đến cái chết của khoảng 20 triệu người. Chuyện này thì hầu như ai cũng đã rõ. Thế nhưng Amis đã không viết sử như một nhà viết lịch sử bình thường, nghĩa là cố gắng cung cấp những tài liệu lịch sử xác thực, mà lại tìm cách diễn giải lịch sử giai đoạn đó một cách văn chương. Một mặt, ông thừa nhận cuộc đại tàn sát là có thực nhưng mặt khác, ông nhận thấy ngay trong thời gian diễn ra cuộc tàn sát, nước Nga vẫn không thiếu nụ cười. Từ đó, ông kết luận: thời kỳ đó phù hợp một cách tuyệt vời với một loại văn chương gọi là "khôi hài đen" (black farce).

Trước đây, ông đã có lần đề cập đến chuyện tàn sát trong một truyện

dài khác, "Time's Arrow", xuất bản vào năm 1991, mô tả lò thiêu xác Holocaust. Thay vì kết án nó, ông cho rằng trại tử thần, thật ra, là một loại trại đưa người ta trở lại với đời sống. Tất nhiên, tác phẩm bị những người Do Thái phản ứng một cách giận dữ. Họ tố cáo Amis là người "vô cảm". Tác phẩm mới này cũng tạo nên một phản ứng như thế đối với người Nga. Họ đồng thanh tố cáo Amis đã lập lại lỗi lầm cũ và tỏ ra hoàn toàn vô cảm trước hai vụ tàn sát vĩ đại nhất của lịch sử loài người. Họ lên án cái thứ văn phong lạnh lùng, dửng dưng trong tác phẩm. Đã thế, tác giả lại còn "văn chương hóa" một chế độ diệt chủng. Trong "Koba the Dread...", Amis đặt câu hỏi: tại sao chẳng có không khí gì u ám trong thời gian có cuộc đại khủng bố của Stalin mặc dù cuộc khủng bố này giết nhiều mạng sống hơn Hitler? Ông kết luận: "Có đôi điều trong chế độ Bolshevic có vẻ hài hước không chịu được".

Toàn bộ tác phẩm là một sự duyệt xét các nạn nhân của Stalin bằng cách sử dụng lại những chất liệu trong các tác phẩm của nhà văn Solzhenitsyn, như "Gulag Archipelago" (quần đảo Gulag), và Robert Conquest, sử gia Anh. Ông viết "Nước Nga 1917-1953 là cái gì vậy? Nó không là một bi kịch như "Vua Lear", không phải là một phản-hài-kịch" (anti-comedy) như Troilus và Cressida, cũng chẳng là một hài kịch luận đề (problem comedy) như "Measure for measure". Nó là một khôi hài đen, giống như "Titus Andronicus". Và cái loại khôi hài đen này rất là Nga (very Russian), từ "Dead Souls" cho đến "Laughter in the Dark". Ngoài ra, Amis còn tìm thấy "Có một khoảng cách giữa lời nói và việc làm trong chế độ Sô Viết", nghĩa là "cái mà họ nói sẽ xảy ra và cái thực sự xảy ra", là mang đầy tính chất hài hước.

Một nhà vận động nhân quyền Nga, ông Sergei Kovalyov - người bị tổng bí thư Breznev bỏ tù 7 năm - nói: "Người ta có thể nói về nụ cười như thế nào lại gắn liền với hàng triệu nạn nhân, những suối máu và một suối láo lường vô tận? Tôi hiểu tác giả cố gắng làm một phân tích văn hóa về thảm kịch, nhưng với tôi, cái loại tiếp cận với chế độ Stalin kiểu đó là không thể chấp nhận được. Hoàn toàn không thích hợp khi so sánh loại hình văn chương với thảm kịch trong đời sống thực sự được". Sử gia Nikita Petrov, thuộc nhóm "Memorial", một tổ chức tưởng nhớ các nạn nhân của Stalin, phát biểu "Tôi ngờ vực vai trò của nụ cười khi tìm hiểu lịch sử Sô Viết bởi vì tác giả có phần cao ngạo và bởi vì ông ta là công dân của một nước chẳng hề kinh qua những gì mà dân tộc Nga đã kinh qua"... "Tại sao chúng ta có thể cười nếu người ta bị giết chết hoặc bị bỏ tù nhiều năm?".

Một số người cho rằng Amis viết cuốn sách một phần vì những lý

do cá nhân. Ông trầm tư về cái chết mới đây của người chị ruột Sally, so sánh những xúc động của ông về sự mất mát với những nỗi xúc động mà người ta có vào thời Stalin. Amis đã đưa ra nhiều chi tiết trong đời sống cá nhân của mình để giải thích vụ tàn sát. Tạp chí New York Times, trong phần điểm sách, đã tố cáo ông là "Có những trầm tư ái kỷ (narcissistic musings) của một tay viết văn giai cấp trên-trung-lưu hư hỏng, chẳng bao giờ biết đến những đau khổ thực sự mà những nạn nhân của Stalin gánh chịu". Mặt khác, những nhà phê bình Nga cũng bài bác một quan điểm khác của Amis cho rằng vụ đại tàn sát xảy ra là vì Stalin "thích làm như thế". "Chúng ta không thể giải thích vụ đại khủng bố 1937-1938 chỉ xuyên qua tính cách bệnh hoạn của cá nhân Stalin. Ý tưởng của chế độ "bôn-sê-vích" và chủ nghĩa Cộng Sản ảo tưởng đã tạo nên vụ đại khủng bố".

Kavalyov nhận xét "Khôi hài không phải là cách chọn chữ hay nhất. Khi tôi nghĩ về điều đó, tôi lại nhớ ra rằng: trong lịch sử, thảm kịch tự lập lại như là một hài kịch. Trong trường hợp này, nước Nga ngày nay là một điều khôi hài và nước Nga thời Stalin là một bi kịch. Dưới chế độ Sô Viết, chúng tôi không thiếu chuyện hài hước và vô số người bị bỏ tù vì chúng". Ông kể lại một trong những chuyện khôi hài thời đó mà nhiều người rất ưa thích vì được xem như một cách giải thích sống động nhất bản chất của chế độ Stalin. Trong một trại tù, ba tù nhân tình cờ gặp và hỏi nhau về lý do tại sao bị bỏ tù. Một người nói "Tôi bị tù vì dám chỉ trích Radik" (Radik là một trong những cố vấn của Stalin). Người thứ hai nói "Tôi bị bỏ tù vì ca ngợi Radik". Hai người trả lời xong, nhìn người bạn tù thứ ba chờ đợi. Anh này im lặng một lát rồi thở dài "Còn tôi, tôi là Radik"!

*** Sau "Goluboye Salo" của Nga đến "Rose bonbon" của Pháp: văn chương hay khiêu dâm?**

Sau vụ tai tiếng do tác phẩm "Goluboye Salo" của Nga (bản tiếng Anh có tựa đề: Gay Lard hay Blue Lard. Về tác phẩm này, xin xem TV, VH số 197, tháng 9/2002), nước Pháp đang xôn xao hẳn lên vì một vụ "scandale" văn chương tương tự, hứa hẹn những tranh cãi sôi nổi trên báo chí và các vụ kiện tụng lâu dài.

Khởi xướng vụ việc là Hiệp hội bảo vệ trẻ con bị ngược đãi gọi là "L'Enfant bleu" và tiếp đó là "La Fondation pour l'enfance". Vào ngày 6 tháng 9/2002, hai hiệp hội đã đệ đơn đòi truy tố tác giả Nicolas Jones-Gorlin và nhà xuất bản Gallimard về tác phẩm mới nhất phát hành vào

ngày 26 tháng 8/2002: *"Rose bonbon"* mang một dải băng-đô nằm ngang bìa trước với hai chữ đầy ấn tượng "Amours mineures" (Những mối tình vị thành niên). Tác phẩm thứ hai của nhà văn trẻ này chọn lựa một đề tài khá mới lạ, đầy tính thời sự và hấp dẫn: tình trạng hiếp dâm trẻ con trong xã hội ngày nay. Nhân vật chính khá đặc biệt. Đó là một nhân vật phản diện, kẻ chuyên môn hiếp dâm trẻ con (pédophile), kể chuyện từ ngôi thứ nhất. Trong truyện có nhiều đoạn tả những cảnh vuốt ve, sờ mó lên thân thể những đứa bé.

Đó là lý do chính khiến cho Hiệp hội "L'Enfant bleu" lên tiếng phản đối chỉ vài ngày sau khi tác được phát hành với một giọng điệu vô cùng gay gắt. Hội gửi điện thư cho nhà xuất bản Gallimard, báo động "sự phát hành tác phẩm có nguy cơ đụng chạm đến cảm xúc của công chúng và nhiều nạn nhân khác của những kẻ hiếp dâm trẻ con". Hội đòi tác phẩm phải bị cấm bán và vạch rõ rằng tác phẩm nằm dưới sự chi phối của các điều khoản 227-23 và 227-24 của bộ luật hình sự Pháp thường áp dụng cho những hình ảnh và phim khiêu dâm và cho mạng lưới điện toán toàn cầu. Vì "tác phẩm đã phổ biến những hình ảnh của một trẻ vị thành niên có tính khiêu dâm". Theo luật sư Yves Crespin của "L'enfant bleu" thì "Những trích đoạn này đặt trẻ con vào trong một khung cảnh khiêu dâm....Sự tục tĩu của câu chuyện cũng có khả năng gây "sốc" y như sự tục tĩu của hình ảnh. Nếu đó là một tác phẩm hồi ký, nó còn có giá trị tài liệu, đàng này lại là một tác phẩm hư cấu". Bà Laurent Merlet, luật sư của Gallimard, phản bác "Chẳng có cái gì cấu thành tội hình sự ở đây cả. Chủ yếu đây không phải là một tác phẩm khiêu dâm và muốn hiểu rõ phải đọc tác phẩm trong toàn thể của nó".

Việc phê phán của "L'Enfant bleu" nhận được sự đồng tình của nhiều thành phần khác nhau. Cơ quan "La Fondation pour l'enfance" do bà Anne-Aymone Giscard D'Estaing làm chủ tịch, quyết định ủng hộ việc làm của "L'Enfant bleu", lên tiếng phê phán tác giả và nhà xuất bản. Bộ trưởng Gia Đình Pháp, bà Christian Jacob, nói rằng bà đã thực sự bị "sốc" khi "nhà xuất bản đã chấp nhận xuất bản tác phẩm này. "Tôi không có quyền cấm sự ra đời của một tác phẩm, nhưng theo tôi, ban tuyển chọn lẽ ra nên tránh xuất bản những loại tác phẩm như thế này, vì tác giả đã kể chuyện ở ngôi thứ nhất và lại biện hộ cho sự hiếp dâm trẻ con", bà phát biểu.

Những phản ứng gay gắt đó khiến Gallimard bối rối. Nhiều dấu hiệu bất hòa đã thấy xuất hiện trong các thành viên của ban tuyển lựa tác phẩm. Vì thế, ban giám đốc đã cho hoãn việc giao sách cho các thư viện đồng thời đình chỉ việc quảng cáo thương mại cho tác phẩm. Mặt

khác, họ đã cho gỡ dải băn-đô dán ngang bìa trước và thay vào đó là hàng chữ "tác phẩm hư cấu". Theo số liệu được loan báo, nhà xuất bản đã in tất cả là 4.000 ấn bản, trong đó, 2.000 đã giao cho các thư viện và đem bày bán tại các hiệu sách.

Dẫu vậy, họ vẫn tích cực bênh vực cho tác giả và tác phẩm. Theo Teresa Cremisi, nữ giám đốc của nhà xuất bản, "tác phẩm đã trở thành một đề tài thảo luận, nhưng chúng tôi không xem đó là vì mục đích văn chương. Chúng tôi không muốn gây "sốc" với bất cứ ai. Chúng tôi sẽ không rút tác phẩm ra khỏi thị trường. Chúng tôi đình hoãn việc giao sách trong tinh thần muốn làm dịu lại tình hình và chúng tôi không muốn vụ tai tiếng bị những kẻ xấu lợi dụng trong việc bán sách bất chính". Ngoài ra, tác phẩm còn nhận được sự hỗ trợ của nhiều nhà văn và hiệp hội khác. Chẳng hạn như hiệp hội "La ligue des droit de l'homme" (LDH) tố cáo những người phê phán là đã "xâm phạm thô bạo đến quyền tự do phát biểu"..."Bảo vệ quyền tự do của người nghệ sĩ là một việc làm sinh tử, cho dù có những vụ tai tiếng mà một số tác phẩm gây nên". Liên đoàn khuyên nhà xuất bản Gallimard phải hết lòng bảo vệ tác giả.

Nhưng mạnh mẽ nhất trong việc bênh vực tác giả có lẽ là phát biểu của các thành viên trong ban tuyển chọn tác phẩm của Gallimard. Michel Braudeau cho rằng: "Nicholas Jones-Gorlin đã chọn dựng nên chân dung một nhân vật hiếp dâm trẻ con, thăm dò cá tính của một con quỷ thời hiện đại (...) Phải chăng "Rose bonbon" ca ngợi hành vi hiếp dâm trẻ con? Không. Nhân vật của nó chán nản, tư tưởng của nó đê tiện, nó bị tác giả mang ra bêu riếu. Nhưng trong khi tác giả đã xử dụng cách giới thiệu những gì diễn ra trong đầu hắn, xem như một loại "máy ảnh chủ thể" (caméra subjective), tác giả buộc chúng ta phải suy nghĩ. Mọi người thường không có hoàn cảnh và đầu óc sáng tạo, không thể tự mình phóng chiếu vào đầu óc của một tội phạm để xem hắn suy nghĩ những gì, do đó mà phải có sự táo bạo của một nhà văn mới làm được điều đó" (...) Tìm cách ngăn chận một nhà văn thăm dò cơn bệnh của những người đương thời là một hành vi đạo đức giả".

Jean-Marie Laclavetine, một thành viên khác trong ban tuyển lựa, viết trên "Le monde" ngày 4/9/02, cho rằng lời tố cáo của "L'Enfant bleu" đụng chạm đến tự do tư tưởng và sáng tạo. "Rose bonbon" là một tác phẩm hư cấu. Hoàn toàn không hợp pháp tí nào khi đồng hóa sự độc thoại tư tưởng của một kẻ hiếp dâm trẻ con tưởng tượng với băng ghi hình hay những động tác tình dục thực sự. Người ta có thể phủ nhận giá trị văn chương của tác phẩm, phê bình, chỉ trích nội dung, văn phong,

bài bác giọng điệu hài hước của nó nhưng không thể cấm cản nó, trừ khi nó vi phạm pháp luật vì đã kích thích sự hiếp dâm trẻ con. Tác giả đã kể một câu chuyện tàn bạo và chua xót. Tác phẩm có thể làm cho người ta khó chịu vì nó gắn liền với sự thăm dò một đề tài đặc biệt đau đớn. Nhưng đó chính là chức năng của văn chương. Đứng trước sự khó chịu do một tác phẩm văn chương gợi ra, sự kiểm duyệt, cấm đoán không phải là một câu trả lời thích đáng. Viết một cuốn tiểu thuyết là một công việc lâu dài, khó khăn và nguy hiểm. Buộc phải dẹp chúng ra khỏi thư viện là một điều đau đớn cho tác giả (và nhà xuất bản), nhưng đồng thời cũng là thất bại của tất cả chúng ta, bởi vì luân lý và bảo vệ trẻ con chỉ là một cái cớ để tước đoạt quyền tự do tư tưởng cá nhân".

Riêng tác giả, nhà văn Nicholas Jones-Gorlin, thì cho rằng "Tôi không có gì chống đối với "L'Enfant bleu" cả. Trong khi viết tác phẩm này, tôi biết rằng tôi đang đụng đến một đề tài nóng bỏng, nhưng tôi không nghĩ rằng mình xem những hiệp hội chống nạn hiếp dâm trẻ con như là kẻ thù. Nhân vật của tôi không phải là người đáng yêu"..."Có một sự phê phán xã hội trong tác phẩm. Tôi biết rằng một số đoạn có thể gây "sốc". Nhưng chẳng lẽ người ta không chứng minh sự hiếp dâm trẻ con trong một tác phẩm viết về đề tài đó?".

Cùng lúc, hai hội bảo vệ trẻ con nói trên cũng nộp đơn kiện nhà văn Louis Skorecki và nhà xuất bản Léo Sheer về tác phẩm "Il entrerait dans la légende" vì cùng một lý do. "Il entrerait dans la légende" kể câu chuyện của một kẻ sát nhân hàng loạt, lần lượt giết những phụ nữ, những người đàn ông và các trẻ con mà hắn yêu mến. Cả hai tác giả - Gorlin và Skorecki - đều đụng đến một đề tài nhạy cảm và cấm kỵ liên hệ đến những kẻ hiếp dâm trẻ con.

Ngoài ra, văn chương Pháp trong thời gian qua xuất hiện nhiều tác phẩm "có vấn đề" vì khai thác một đề tài khá nhạy cảm khác: bạo động. Chẳng hạn như "Maniac" của Eric Bénier-Burckel, mô tả cuộc phiêu lưu của một người đàn ông bị một kẻ bí mật săn đuổi; "Momo qui kils" của Franca Mai, tiểu thuyết đầu tiên về một người hiếp dâm rồi giết phụ nữ để trả thù cho cái chết của vợ và con gái mình; hoặc "L'Eclatement" của Aissa Lacheb-Boukachache nói về một kẻ bị bịnh thần kinh phân liệt, cố chứng tỏ rằng mình phạm tội giết người.

Đâu phải chỉ văn chương của một nước Nga vừa thoát ra khỏi chế độ Cộng Sản mới có vấn đề!

giới thiệu sách mới

Thạch Hãn

📖 *Quảng Đà*, Đặc San biên khảo Văn học Nghệ thuật, Ái Cầm-Thái Tú Hạp chủ trương, nhiều tác giả, Sông Thu xuất bản, 675 tr. Giá US$15.00.

Tuyển tập văn thơ, biên khảo, tùy bút của các cây viết xứ Quảng, do Thái Tú Hạp thu thập. Các sáng tác gồm phần lớn các bài viết mới, phần còn lại đã được đăng tãi trên các tạp chí hay trích từ các ấm phẩm đã xuất bản. Trong hơn chín năm qua, nhà thơ Thái Tú Hạp , trong nỗ lực "bảo tồn và phát huy vốn liếng văn hóa đặc thù của Quảng Đà," tâm sự: "Kiên nhẫn từng bước trong âm thầm, không phải công trình của những con dã tràng xe cát trên biển đông, mà từng hạt mầm gieo xuống nơi miền đất khách của người nông phu nặng tình với quê hương... Và rồi thời gian tự nó đã vươn lên rực rỡ xanh mướt những hoa trái trong khu vườn trí tưởng của bà con Quảng Đà" (tr. 23)

Quả thực khu vườn mầu mỡ đã cho hoa thơm trái ngọt! Cầm đặc san Quảng Đà trên tay, người đọc sẽ thấy ngay, qua những bãi viết về rất nhiều đề tài, từ tình yêu xứ Quảng đến tình yêu thiên nhiên, con người, đến những hồi ức của một thời ngang dọc trên vùng đất "Ngũ Phụng Tề Phi," những kỷ niệm của một thời niên thiếu e ấp rụt rè bên trường xưa bạn cũ. Những nơi chốn thân yêu Chùa Cầu Phố Cổ, Sơn Chà Mỹ Khê, sông Thu núi Aãn, vẫn mồn một trong trí tưởng.

Sách có bán ở các hiệu sách hoặc liên lạc
Nhà xuất bản Sông Thu c/o Saigon Times,
9234 E. Valley Blvd, Rosemead, CA 91770.

📖 *Thư Quán Bản Thảo*, Tập 6, Tháng 7/2002, tuyển tập văn học nghệ thuật bất định kỳ, phổ biến hạn chế. Biên tập chủ lực gồm Trần Bang Thạch, Cao Vĩ Khanh, Phạm Văn Nhàn, Nguyên Nhung, Trần Hoài

Thư. Sách do Trần Hoài Thư gửi tặng.

Tuyển tập số 6 gồm những sáng tác mới và cũ của một số bạn văn của Trần Hoài Thư, những người ở Hoa Kỳ cũng như còn ở Việt Nam, còn sống cũng như đã mất. Tuy bài vở không nhất thiết theo một chủ đề chọn sẵn, các sáng tác thơ và truyện trong số này phần lớn là những hoài niệm về những nơi chốn thân quen, những khuôn mặt kẻ còn người mất của các tác giả, những trang viết cũ của một thời. Vì chỉ phổ biến hạn chế trong vòng thân hữu cho nên tạp chí có công dụng như một cuốn album thân thiết mà mỗi ngày qua, hình ảnh sẽ trở nên lu mờ, cần phải được nâng niu gìn giữ. Nhóm chủ trương để lộ lòng trân trọng quá khứ cũng như đam mê của họ với chữ nghĩa. Hãy nghe Hải Phương trong "Viết từ Thung lũng hoa vàng" nhắn gởi với bạn bè:

"Các bạn ta ơi,

Các bạn ở lại. Ở lại để giữ gìn nhau trong nỗi đau khổ tuyệt cùng. Các bạn đã cứu chuộc được bạn. Các bạn được đất đai mùa màng quê nhà đồng cỏ dòng sông cửa biển ruộng lúa rừng cây gió mùa và thần linh tước phong, nếu không được là thánh, thì cũng là thi sĩ, nhà văn thứ thiệt làm thơ viết văn ngất trời ngất biển một thời còn sống sót ở lại gìn giữ quê nhà," (tr. 4), trong khi Trần Hoài Thư vẫn "ôm lấy nỗi sầu ly hương mà gọi *coffee au lait, please* [sic]," rồi tự bảo mình hãy quên đi quá khứ - mà thật anh chẳng muốn quên: "Hãy quên đừng mếu máo một thời tuổi trẻ. Dù lận đận, lao đao, dù trên đôi vai của tuổi trẻ là cả một định mệnh oan khiên, nhưng chính trong tăm tối ấy, người ta mới hiểu được thế nào là sợi khói tình thân." (tr. 6) Cùng lối suy nghĩ với hai bạn văn, Cao Vị Khanh viết về những ngôi trường cũ, về những kỷ niệm của tuổi học trò: "Đã đến lúc để nhắc nhở nhau về một nơi chốn đã bỏ đi, hâm nóng lại chén đời đã lạnh, mời nhau húp lại chút cặn thừa rất tình-xưa-nghĩa-cũ." (tr.13)

🕮 *Tập San 48-55 Khải Định 2002*, đặc san, Nhóm chủ trương: Cựu học sinh lớp 48-55 Khải Định, 650 tr., không đề giá.

Ròng rã suốt sáu năm nay, nhóm cựu học sinh Khải Định niên khóa 48-55 đều đặn ấn hành một niên san ghi lại những kỷ niệm của những năm theo học ngôi trưởng danh tiếng này. Năm nay, tập san dày hẳn lên, ấn loát công phu và mỹ thuật. Các bài viết trong đặc san đủ thể loại: hồi ký, tùy bút, truyện ngắn, thơ, v.v. Tôn Thất Ngự, (tên thật của nhà văn Ngự Thuyết, một cây viết quen thuộc với độc giả Văn Học) cẩn thận nhắc chừng: "ở đây chúng ta [cựu học sinh KĐ 48-55] không làm 'văn chương,' chúng ta không chú trọng đến kỹ thuật viết, chúng ta

không bỏ thì giờ để tô chuốt, gọt giũa. Chúng ta chỉ muốn, với tấm lòng chân thành, chia sẻ với nhau tình thầy trò, tình bạn, kể cho nhau nghe những chuyện riêng tư, chuyện gia đình, chuyện công ăn việc làm, chuyện ấp ủ trong lòng mong có dịp nói ra, những băn khoăn trước thời cuộc, những hoài bão, những kỷ niệm vui buồn, v.v." (tr.12) Và những người bạn học của ông đã sốt sắng đáp ứng.

Qua 650 trang giấy, những người có một thời theo học một học hiệu nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam đã dàn trải những kỷ niệm, những ưu tư, những cảm tình về trường lớp, thầy bạn, chốn đế đô, những thành công và thất bại, những mất còn, tan hợp. Họ thành thật, hồn nhiên như những ngày còn trẻ, nay lại càng hồn nhiên chơn chất hơn lúc tuổi đã về già, sống lại những kỷ niệm của một thời niên thiếu cũ. Tuổi đời có người đã thất thập, danh vọng có người đã thành đạt, nhưng những gì họ nói với bạn học bạn đời, với thầy với trường, vẫn là những phát biểu ngập ngừng của một thời mới lớn. Không cường điệu, kiêu kỳ hay khoe khoang, các bài viết,có khi non nớt như một bãi lưu bút thời học sinh, có khi già dặn vững chãi như một bài văn nghị luận, có khi văn hoa như tác phẩm của những nhà văn thành danh (Mai Kim Ngọc, Ngự Thuyết, Nguyễn Đức Tường, Cao Huy Thuần) nhưng tất cả đều mang một nét chung độc đáo: hồn nhiên và chân thật.

Vì chiều dày của cuốn sách, việc sửa lỗi chính tả/đã tự là công việc mất nhiều thì giờ nhất. Cuốn sách vì thế đã không tránh khỏi những thiếu sót. Sách có nhiều hình ảnh cũ và mới ghi lại sinh hoạt của nhóm. Có lẽ đây là một trong số rất hiếm hoi những đặc san mà người đọc cảm thấy thú vị và thích đọc. Ước mong những tập san kế tiếp sẽ nặng ký hơn (theo nghĩa đen), để người đọc có thể nhẩn nha quên đi ngày rộng tháng dài.

THƠ

📖 *Thơ và Thời Gian*, thơ, Hoa Văn, bìa Nguyễn Trọng Khôi, phụ bản Mùi Quý Bồng. Thăng Long xuất bản, không ghi giá bán.

Tập thơ của Hoa Văn chia làm hai phần: phần đầu là thơ và phụ bản, chấm dứt ở trang 155, phần hai không đánh số trang, gồm những bài viết của 20 tác giả, về Hoa Văn và thơ của Hoa Văn. Ngoài ra còn có ba bản nhạc phổ thơ của Hoa Văn nằm sau chót.

Ngoài bút hiệu Hoa Văn, nhà thơ còn dùng thêm bút hiệu Anh Hoa, và đã xuất bản ba tập thơ vào khoảng giữa thập niên 1960, trước khi cho ra chào đời Thơ và Thời gian, quy tụ những bài thơ mà ông đã "gom góp lại một số bài để tránh thất lạc, đồng thời coi đây như thi phẩm đầu tiên"

từ ngày tác giả định cư tại Hoa Kỳ.

Viết về Hoa Văn, nhà thơ/nhà văn Lâm Chương bày tỏ sử mến mộ của mình như sau:

"Tôi coi anh như một người anh đáng kính. Anh làm thơ và biết cười xòa trước mọi nỗi bất bình trên cái cõi nhân gian đầy trắc trở này:

Đã biết chuyện đời cơm với áo
Thì vinh với nhục có ra gì
Bao nhiêu rồi cũng phù hư cả
Sau trước rồi ra cũng biệt ly."

Trần Doãn Nho so sánh thơ với người: "Con người anh Hoa Văn và thơ anh, theo tôi, có cái gì từa tựa nhau. Thơ nhu người. Khiêm tốn, gói ghém, nhẹ nhàng, chân thật, không có gì lớn lối, Mỗi bài thơ như một tiếng thở dài. Nhè nhẹ. Buồn buồn" Ông kết luận: "Mỗi lần đọc lên [thơ Hoa Văn], ta lại cò cảm giác như vừa được uống một ngụm rượu ngon với một vài người bạn hiền trên căn gác nhỏ, trong lúc ngoài kia, trối đầm đìa tuyết giá... "

Bạn đọc muốn mua có thể liên lạc:
Hoa Văn, 28 Doris St., #2, Dorchester, MA 02125.

BIÊN KHẢO

📖 *Phật Giáo Việt Nam*, Nguyễn Đăng Thục, An Tiêm xuất bản, 487 tr., giá US$25.00.

Đây là một tác phẩm cổ điển về Phật Giáo Việt Nam được nhà An Tiêm tái bản tại Paris-San Jose, bổ túc ấn bản đầu tiên do nhà Mặt Đất xuất bản tại Sài gòn năm 1974. Giáo sư Nguyễn Đăng Thục lả một nhà văn hóa kỳ cựu, nghiên cứu nhiều về Phật giáo. Qua 15 chương sách, tác giả đưa người đọc qua nhiều giai đoạn hình thành, phát triển của Phật giáo Việt Nam, những ảnh hưởng của Phật giáo vào đời sống tâm linh và văn hóa của dân tộc. Đặc biệt ông chú trọng đến Thiền tông, nhất là vào thời cực thịnh đời nhà Trần.

Sách in đẹp, có 12 bức ảnh màu các ngôi chùa nổi tiếng ở Việt Nam in trên giấy láng. Sách có bán ở các hiệu sách hay liên lạc nhà xuất bản.phát hành Văn Nghệ.

📖 *Nói Chuyện với Hoàng Xuân Hãn & Tạ Trọng Hiệp*, Thụy Khuê, Văn Nghệ xuất bản, 376 tr., giá US$17.00

Lịch sử Việt Nam trong 50 năm cuối thế kỷ 20 sẹ phải ghi công những đóng góp vô cùng lớn lao của Giáo Sư Hoàng Xuân Hãn vào văn

hóa và nền học thuật của nước nhà. Ông là một con người thông minh lỗi lạc mà lại vô cùng khiêm cung, lấy sở học làm trọng, lấy việc nghiên cứu cho rốt ráo những khúc mắc trong băn học làm cứu cánh. Ông là người đã đặt nền móng cho một nền giáo dục khoa học, nhân bản và khai phóng cho một quốc gia vừa mời giành lại độc lập từ tay người Pháp, và sau này được tiếp nối ở miền Nam qua hai nền cộng hòa. Nhờ ông mà việc dùng tiếng Việt để giảng dạy ở các cấp Trung và Đại học được dễ dàng, do cuốn Danh từ Khoa Học mà ông dã soạn thảo. Tuy xuất thân từ những trường Lớn của Pháp, và được huấn luyện như một nhà khoa học/kỹ thuật (tốt nghiệp kỹ sư cầu cống, thạc sĩ toán học), nỗi đam mê của ông vẫn quy về những nghiên cứu Hán Nôm, đặc biệt là truyện Kiều. Ông đã dày công so sánh nhiều văn bản, hiệu đính nhiều bản quốc ngữ, sửa sai/soi sáng nhiều nghi vấn trong tác phẩm của Nguyễn Du.

Tạ Trọng Hiệp sang Pháp năm 1951, ban đầu theo học hàm thụ trường Ecole Universelle, sau học ở Sorbonne và Trường Sinh Ngữ Đông Phương. Năm 1953, ông theo học với GS Hoàng Xuân Hãn trong vòng một năm và được chính giáo sư dẫn dắt vào đường nghiên cứu Hán Nôm. Ông phục vụ tại Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Gia Pháp về ngành Ngôn Ngữ và Văn Minh Đông Phương. Ngoài ra ông còn giúp Đại học Paris VII tổ chức một chương trình Việt học. Ông là giáo sư Hán Nôm trong chương chính này cho đến ngày ông mất vào năm 1996.

Những buổi nói chuyện với GS Hoàng Xuân Hãn và GS Tạ Trọng Hiệp được Thụy Khuê phát thanh trên đài RFI(Radio France Internationale), sau đó đăng lại trên tạp chí Hợp Lưu, nay tu chính và sắp xếp lại in thành sách, Ngoài những buổi nói chuyện về các vấn đề văn học, Thụy Khuê còn cho in thêm thư mục của Hoàn Xuân Hãn và Đào Duy Anh do Tạ Trọng Hiệp thực hiện. Cả hai thư mục này sẽ giúp ích rất nhiều cho những ai muốn nghiên cứu về hai nhà văn hóa lỗi lạc này. Điểm đáng chú ý, các bài ghi âm còn ghi rõ những đoạn, những câu đã bị bỏ hay sủa đổi ngoài ý muốn của tác giả khi những bài đó được dùng lại trong La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn, tập I, Con Người và Trước Tác, do nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội xuất bản năm 1998, Hữu Ngọc và Nguyễn Đức Hiền biên soạn. Tuy có sự đồng ý của Thụy Khuê cho phép in lại những trích dẫn từ các bài phỏng vấn với điều kiện những chỗ gạch bỏ phải được thay thế bằng [à] để lưu ý người đọc, tuy vậy vẫn có nhiều nơi không theo sát như quy định. Lưỡi kéo kiểm duyệt vẫn không chừa một ai, ngay cả những lời phát biểu của một người suốt đời tận hiến cho sở học, đứng trên mọi lập trường chính trị như GS Hoàng

Xuân Hãn. Biết chừng nào học giới/văn giới Việt Nam mới thoát được khổ nạn này?

Thụy Khuê khi thâu âm rồi thu thập lại và cho xuất bản những buổi nói chuyện với hai học giả lỗi lạc của nền văn hóa Việt Nam hiện đại đã thực sự đóng góp lớn cho việc nghiên cứu văn chương Hán Nôm. Ngoài những thông tin chuyên môn, các bài thu âm còn cho người đọc một cái nhìn khá rõ về con người và cá tính của hai vị. Qua đó, chúng ta có một cái nhìn rõ hơn về vai trò của văn hóa trong tương quan với lịch sử và tác động của nó lên lịch sử văn học nước nhà trong thế kỷ qua.

📖 *Lối Xưa Xe Ngựa*... Tập II, biên khảo, Nguyễn Thị Chân Quỳnh, An Tiêm xuất bản, 33 tr., US$14.00

Tiếp theo tập I xuất bản cách đây đã bảy năm, tập hai gom góp một số bài biên khảo tác giả viết trong khoảng thời gian từ 1995 cho đến 1999. Vì cần phải bổ chính một vai chỗ sau khi có thêm tài liệu tham khảo từ Việt Nam, tập II ra mắt độc giả chậm hơn dự định.

"Lối Xưa Xe Ngựa," tập hai gồm bảy bài biên khảo, khởi đầu là một bài viết về tết Nguyên Đán qua các triều đại, các tập tục, tế lễ và hội hè ngày Tết. Hai bài tiếp theo, "Khai Bút Đại Cát," và "Tế Nam Giao" kéo dài không khí mùa Xuân và lễ hội. Từ những nét bút đầu tiên khai hội Xuân, tác giả bàn rộng qua 'thư pháp," "văn phòng tứ bảo," (giấy, bút, mực, nghiên). Trong "Tế Nam Giao," nhà biên khảo Nguyễn thị Chân Quỳnh đưa người đọc ngược dòng lịch sử tìm hiểu nguồn gốc cũng nghi thức Tế Giao trước và sau nhà Nguyễn, đầy đủ chi tiết về việc chuẩn bị lễ vật, địa điểm hành lễ, nghi thức và thành phần quan chức phụ trách việc cúng tế. Phần còn lại của cuốn sách đặc biệt ghi lại hai chuyến du hành: "Đông Cung Nhật Trình," sơ lược cuộc đời, con người và chuyến đi Tây của Hoàng Tử Cảnh. Ký sự đi Thái Tây của Philippe Bỉnh và Phạm Phú Thứ thuật lại những điều mắt thấy tai nghe của hai người về nước Pháp. Ngoài phần biên khảo, tác giả còn cố gắng sưu tập và phổ biến nhiều hình ảnh cổ xưa để minh họa cho bài viết, cũng như giúp người đọc hiểu thêm nhiều về các sinh hoạt văn hóa của người xưa.

Sách hiện có bán ở các hiệu sách, hay liên lạc nhà xuất bản/phát hành Văn Nghệ.

HỒI KÝ

📖 *Nhật ký An Lộc: 86 ngày của một bác sĩ giải phẫu tại mặt trận,*

hồi ký, Bác Sĩ Nguyễn Văn Quý, Văn Nghệ xuất bản, 445 tr., 24 trang hình ảnh, giá US$24.00

Nhật Ký An Lộc được viết ngay tại mặt trận, như lời giới thiệu của chính tác giả, trong lúc bom đạn đang cường tập trên tỉnh lỵ An Lộc, Bình Long, năm 1972. Trong suốt gần ba tháng trời, bác sĩ Nguyễn Văn Quý lúc ban đầu đã không có dự định phổ biến cuốn nhật ký của ông, nhưng do sự thôi thúc của bạn hữu, và nhờ cô em lúc đoàn tụ đã mang theo được bản thảo, ông quyết định cho in thành sách. Từ trước đến nay, những sách báo viết về Bình Long An Lộc thường chú trọng nhiều đến khía cạnh quân sự, về các trận tấn công của địch và phản công của ta, về sự chiến đấu kiên trì của quân lực VNCH, và nỗ lực của địch tạo chiến thắng làm hậu thuẫn cho thế đứng của họ ở hòa hội Paris, v.v. *Nhật Ký An Lộc*, tuy trên một bình diện nhỏ hơn, nói lên sức chịu đựng của con người trước thảm cảnh, cận kề với chết từng giây từng phút. Là một y sĩ giải phẫu duy nhất tại Bệnh viện Quân/Dân Y An Lộc, Bác sĩ Nguyễn Văn Quý ăn ngủ, làm việc, ngay bên cạnh những bệnh binh cũng như thường dân bị thương vong do các trận pháo kích, các trận phản công chận địch từ mặt trận chuyển về, để rồi có lúc ông cùng với bệnh nhân và nhân viên sống nhiều ngày ngay bên đống thây người:

"Thoạt đầu những người tử nạn đều được tẩm liệm vô hòm đàng hoàng, có cả quốc kỳ phủ quan tài cùng hương đèn đốt cháy suốt ngày đêm.... Dần dần người chết quá nhiều, bất cứ nơi nào có xác chết là họ thu về đem thảy vào nhà xác bệnh viện. Mới đầu giới hạn ở nhà quàn, sau lan ra nhà xe, tới sân sau, rồi tới ngang hông văn phòng ty Y tế ngay trước trại ngoại khoa. Có xác quấn poncho, có phiếu chứng từ đính kèm, nhiều xác để trần mặc áo giáp, xác nằm sấp, nằm nghiêng, co chân co tay, miệng há hốc, mắt trợn tròng. Có xác nằm bình thản như người ngủ. Có xác trương phình, bụng căng cứng, bóng như bụng ễnh ương, chảy nước vàng, rữa nát vì để quá lâu, phơi nắng suốt ngày đã biến màu thành đen sạm như chì. Xác của người lớn, của trẻ con, của quan, của lính, của dân nằm lẫn lộn, xông lên mùi hôi thối suốt nửa tháng trời. Ruồi nhặng bu đầy trên mặt mũi, trên những vũng nước rỉ ra từ những thân thể sắp rữa nát." (tr. 204-205)

Chỉ với một đoạn văn ngắn, giọng kể bình thản, lời văn mộc mạc, tác giả tạo một ấn tượng mạnh trong trí người đọc, như một đoạn phim hay trong một phim chiến tranh. Suốt hơn 400 trang giấy, Bác sĩ Nguyễn Văn Quý thuật sự một cách chừng mực, có lúc thản nhiên, có lúc lo sợ, có lúc vui, lúc buồn, những "sinh hoạt" trong ngày của một người thầy thuốc làm việc trong những điều kiện cực kỳ khó khăn và nguy hiểm, có

lúc đã phải dùng dây ny lông rút từ bao cát để khâu vết thương sau khi mổ xong. *Nhật Ký An Lộc* không ngợi ca anh hùng, chẳng chê trách kẻ hèn nhát. Nó gồm những hình ảnh sống, thực, và *rất người* của một bác sĩ trẻ bị cuốn hút vào một cuộc chiến khốc liệt, không do mình chọn nhưng vẫn hết lòng với nó.

Đây là một cuốn sách hay. Sách có bán ở các hiệu sách, hay liên lạc nhà xuất bản Văn Nghệ, PO Box 2301, Westminster, CA 92683.

Đính Chính

Trong phần giới thiệu sách Văn Học số 197, Tháng 9/2002, trang 153, dòng thứ 8, xin thêm phần chữ in nghiêng, như lời tướng MacArthur nhắc, mượn lời của nhạc sĩ J. Foley (1906-1970) "Old soldiers never die, they just fade away."

Trang 155, dòng thứ 5 từ dưới lên, *Galilée* thay vì Galillée

Văn Học thành thật cáo lỗi cùng bạn đọc,

Phân Ưu

Nhận được tin buồn

Cụ Bà Võ Sĩ Thản

Khuê danh Nguyễn Thị Thới

Pháp danh Nguyên Hòa

thân mẫu của Chị Tôn Thất Khoát

đã tạ thế tại Sài Gòn Việt Nam ngày 22 tháng Tám năm 2002, hưởng thọ 91 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng Anh Chị Tôn Thất Khoát - Hồng Ngọc, và nguyện cầu linh hồn Cụ Bà sớm về Cõi Phật.

Gia đình Võ Phiến, Gia đình Tôn Thất Kỳ, Gia đình Tôn Thất Ngự, Gia đình Nguyễn Mộng Giác, Gia đình Thạch Hãn-Lê Thọ Giáo, Gia đình Châu văn Thọ, Gia đình Mai Kim Ngọc, Gia đình Nguyễn Xuân Hoàng, Gia đình Võ Thắng Tiết, Gia đình Nguyễn Đức Quang, Gia đình Bùi Bích Hà, Gia đình Trương Văn Hùng, Gia đình Phùng Nguyễn, Gia đình Trần Đình Quân,Quỳnh Giao.

Hộp thư

Thư từ liên quan đến việc gia hạn, mua báo, thay đổi đia chỉ:

Hoàng Trọng Lân (Calgary Canada), Nghiêm Xuân Hy Hồng (Garden Grove CA), , Nguyễn Khoa Điềm (Westminster CA, đổi địa chỉ), Nga T. Cao (Mc Lean VA), Tran Cang (Stockton CA), Nguyễn văn Toàn (Rancho Cordova, mua báo cho Nguyễn Minh Thông ở Đức), Hoa & Mimi Nguyen (Newton KS), Sonia Lim & Vo D Nguyen (Olympia WA), Xuyên Trà (Chamblee GA), Jim Jean Che Co. (Paramount CA), Nghiem Trinh (Corona CA), Trần Lan Anh (San Jose CA), Tu Luc Bookstore (Garden Grove CA), Đào Thanh Hao (Garden Grove CA), Tôn Thát Tuân (Ontario Canada, gia hạn hai năm cho ông Tôn Thất Thắng ở Pháp), Acquisition Dept Salt Lake City Public Library (Salt Lake UT, đổi địa chỉ), Bùi Phương Trâm, Mme Phùng Bá Tú (France, gia hạn theo thông báo của anh LTL), Peter The Nguyen (Austin TX đổi địa chỉ về Garden Grove CA), Huong Dang (LA Mesa CA), Hồng Anh Thư Xã (North Richmond VIC Australia, Dan Nguyễn (Spring TX), Vũ Công Định (Bellevue WA), Dr. Phạm Nguyên Lương (Irvine CA), Nguyễn Trọng Hiền (Altadena CA), Kim Fitzerald (Las Vegas NV),

Bài nhận được qua bưu điện:

Thơ và thư của Sương Mai (Fair Oaks CA), MLHSử, T.KH (Whittier CA), Vạn Giả (Quebec Canada), N Lien Hai (Yorba Linda CA), Daniel Nguyen (Anaheim CA), Thơ hài cú của Kiệt Tấn, Thơ Xuyên Trà, truyện ngắn của Tràn Anh Lan (San Jose CA)

Sách báo nhận được (chưa giới thiệu):

Bình Luận Chính Trị, tuyển tập 4, của Trần Bình Nam, Tổ chức Phục hưng Việt Nam xuất bản, sách dày 350 trang, giá 18 Mỹ kim.

Vietnamese Engaged Budhism - The Struggle Movement of 1963-1966, do Quán NHư Phạm Văn Minh viết bằng Anh ngữ, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 520 trang, giá 25 Mỹ kim (ngoài USA giá 28 Mỹ kim)

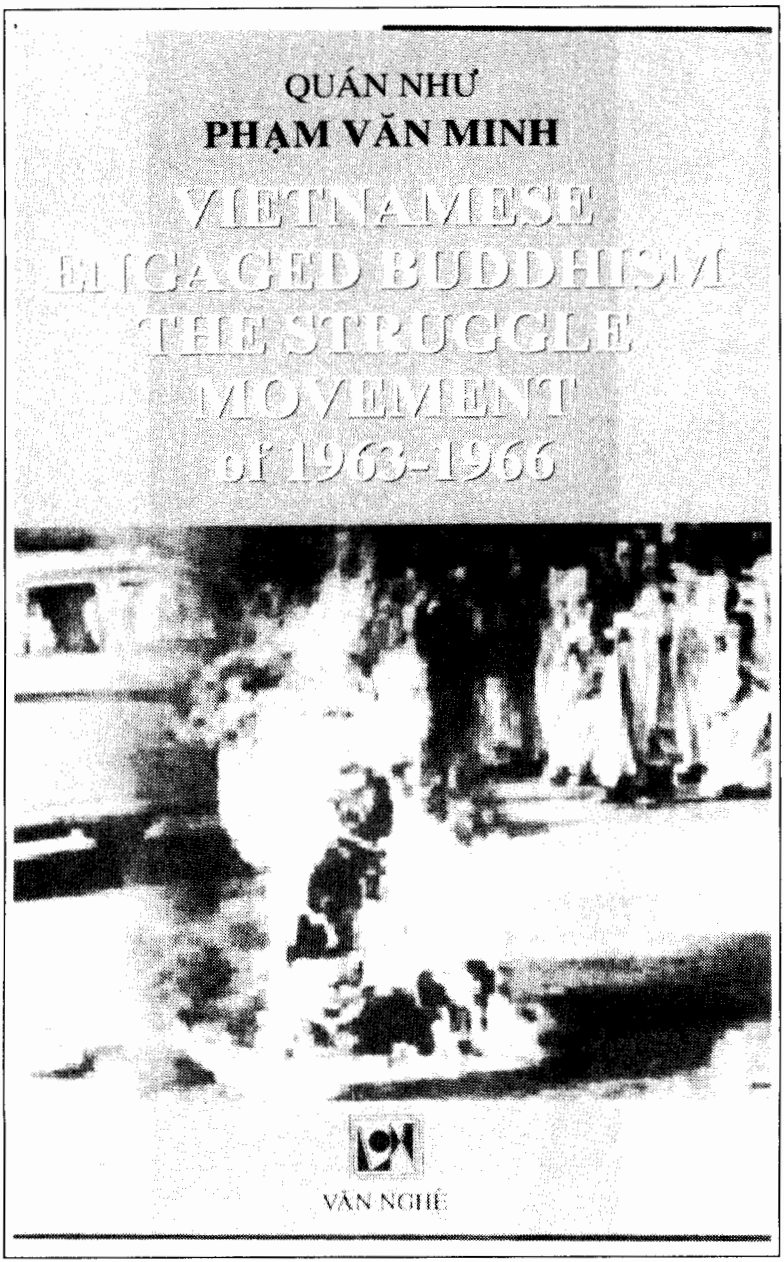
QUÁN NHƯ
PHẠM VĂN MINH
VIETNAMESE
ENGAGED BUDDHISM
THE STRUGGLE
MOVEMENT
of 1963-1966
VĂN NGHỆ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI
P.O.BOX 287
Gardena, CA 90248
Tel: (310) 366-6867 * Fax: (310) 366-6967
***

VĂN HÓA VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM
Tiểu luận Nguyễn Hưng Quốc
Trình bày bìa Hoàng Ngọc Diêu
Sách dày 200 trang, giá $12.00, tính luôn cước phí.
***

Ở Việt Nam, từ trước đến nay, chúng ta bàn nhiều về văn chương cũng như về văn hoá, nhưng lại ít khi đề cập đến văn hoá văn chương, cho dù, theo tôi, việc nghiên cứu văn hoá văn chương có thể giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn không những về văn hoá mà còn cả về văn chương nữa. Điều này càng đặc biệt có ý nghĩa trong hoàn cảnh Việt Nam, nơi văn chương, nói chung, vẫn còn la đà trên mặt bằng văn hoá. Lại là thứ văn hoá chưa bao giờ thực sự được chuyên nghiệp hoá.

Nhưng khi phê bình một nền văn hoá thì lại không cần tập trung vào các ưu điểm. Lý do: đó là những điều bao giờ cũng đã được nhấn mạnh, thậm chí, phóng đại một cách quá đáng trong cả hệ thống tuyên truyền lẫn hệ thống giáo dục, từ trong nhà trường đến gia đình và xã hội. Trong khi đó, đối với một nền văn hoá, khuyết điểm là cái cần và đáng để phân tích nhất: thứ nhất, chúng ít được đề cập; thứ hai, chúng khó bị phát hiện; thứ ba, chúng hay truyền nhiễm, và cuối cùng, chúng rất khó chữa trị.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

P.O.BOX 287
Gardena, CA 90248
Tel: (310) 366-6867 * Fax: (310) 366-6967
***

NHỮNG SÁCH MỚI CỦA NHÀ XUẤT BẢN:

Miêng
Tuyển tập truyện dịch, giá $12
Truy Lùng Osama Bin Laden
Kiêm Thêm, giá $12
Huyết Đằng
Tập truyện Phạm Hải Anh, giá $12
Thương Thế Ngày Xưa
Tập truyện Lê Minh Hà, giá $10
Phòng Triển Lãm Mùa Đông
Tập truyện Thơ Thơ, giá $12
Đi Giữa Bầy Thú Dữ
Truyện vừa Lâm Chương, giá $11
Gỗ Thức Trên Rừng
Tập truyện Tâm Thanh, giá $12
Lời Giáo Huấn Của Padmasambhava
Bậc Sanh Trong Hoa Sen
Thích Giác Hải dịch, giá $15
Đất Trời
Tiểu thuyết Nam Dao, giá $17
Vô Tận Trong Lòng Bàn Tay
Linh Thuỵ dịch, giá $22
Xóm Cầu Mới
Nhất Linh (Tự Lực Văn Đoàn), giá $25
Con Nữ
Tập truyện Đỗ Quỳnh Dao, giá $10
Nghệ Thuật Hạnh Phúc
Đức Đạt Lai Lạt Ma, giá $12
Văn Hóa Văn Chương Việt Nam
Nguyễn Hưng Quốc, giá $12
***

Quý độc giả muốn mua sách, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa gửi về địa chỉ trên. Không tính cước phí trong nước Mỹ.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI
P.O.BOX 287
Gardena, CA 90248
Tel: (310) 366-6867 * Fax: (310) 366-6967
***

NGHỆ THUẬT HẠNH PHÚC

Cẩm Nang Đời Sống

Đức Đạt Lai Lạt Ma
Howard C. Cutler, M.D.
Linh Thuỵ chuyển ngữ-Bìa Khánh Trường
Sách dày 278 trang, giá $12.00, tính luôn cước phí.
***

Tôi tin mục đích thật sự của đời sống con người là đi tìm hạnh phúc. Điều đó thật rõ rệt. Dù có đức tin tôn giáo hay không, dù có tin vào đạo này hay đạo khác, chúng ta tất cả đều tìm kiếm một điều gì tốt đẹp hơn cho cuộc đời. Như thế, tôi nghĩ động cơ thực sự của đời sống chính là hướng về hạnh phúc.

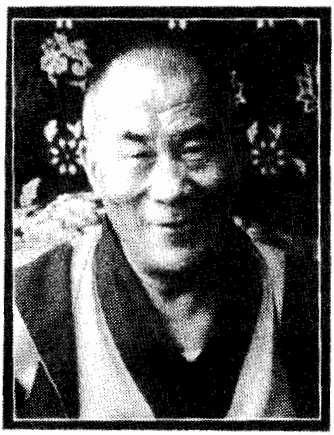

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

Xin giới thiệu cùng quí độc giả, một tác phẩm mới:

VÔ TẬN TRONG LÒNG BÀN TAY

từ đại nổ bùng đến thức giác

của MATTHIEU RICARD và TRỊNH XUÂN THUẬN
Do LINH THỤY chuyển ngữ, bìa KHÁNH TRƯỜNG
Sách dày 500 trang, giá $22.00, tính luôn cước phí.

****

Chính vì muốn cho thấy sự tương phản đó không thật, nên Matthieu Ricard và Trịnh Xuân Thuận đã hội luận ở đây. Phạm vi câu hỏi vô cùng rộng lớn: Bản chất của thế giới như thế nào? của vũ trụ? của vật chất? của thời gian? của ý thức? Làm sao đi trọn đời sống này? Làm sao sống trong xã hội? Làm sao kết hợp khoa học và luân lý? Về phần câu trả lời,, độc giả sẽ tự thẩm định xem chúng có phù hợp với các ý tưởng sẵn có của mình chăng.

Bởi vì xuyên suốt cuộc đối thoại nhiệt thành này, sinh động bởi cùng một ước vọng chân thật được hiểu biết lẫn nhau, đã đưa đến lắm bất ngờ: các đối cực mờ nhạt đi, các hội tụ sáng tỏ dần, và người ta bắt đầu mơ tưởng đến một tương lai trong đó đức tin và lý tính sẽ hòa giải vững bền.

****

Matthieu Ricard trở thành tăng sĩ Phật giáo sau khi từng làm nhà nghiên cứu sinh vật học. Tác giả nổi tiếng về Phật giáo, cùng người cha là Jean-Francois Revel, ông đã viết *Tăng sĩ và Triết gia[Le Moine et le Philosophe].* **Ông còn là thông dịch viên Pháp ngữ của đức Đạt lai Lạt ma.**

Trịnh Xuân Thuận, thiên văn vật lý gia, giáo sư tại đại học Virginia. Tác giả của nhiều tác phẩm, trong đó có *Giai điệu Bí ẩn [La Mélodie Sècrete]* **và** *Hỗn độn và Hài hòa [Chaos et l'Harmonie],* **ông nổi tiếng về lối trình bày sáng tỏ và tinh thần cởi mở trong các lãnh vực khoa học và triết lý.**

PHIẾU MUA / GIA HẠN BÁO

Họ và tên:.....
Địa chỉ:.....
Thành phố.....Tiểu bang.....Zip.....
Quốc gia.....
Đồng ý ☐ Mua
☐ Gia hạn báo Văn Học
Thời hạn:.....năm, từ số.....đến số.....
Gửi theo hạng:
USA: ☐ First Class
☐ Bookrate

Ngoài USA: ☐ Global Priority

Đính kèm chi/ngân phiếu với số tiền US$.....

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

áp dụng từ 1 tháng 4 năm 2001

HOA KỲ / MỘT NĂM

Hạng bookrate : ☐ 50 Mỹ kim
Hạng First Class: ☐ 60 Mỹ kim

CANADA/ MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 80 Mỹ kim

ÂU CHÂU, Á CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 100 Mỹ kim

Giá bán lẻ tại các hiệu sách: 5 Mỹ kim

Đã tái bản hạn chế
hai bộ trường thiên của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(ấn bản có sửa chữa & bổ sung)

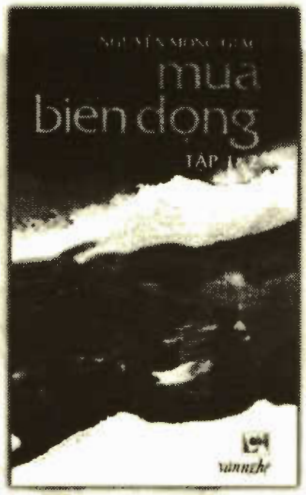

Mùa Biển Động (5 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

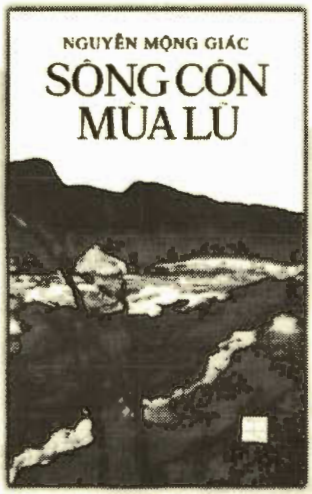

Sông Côn Mùa Lũ (4 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

Thư từ, chi phiếu xin gửi về:

Nguyễn Khoa Diệu Chi
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92842

Phone: (714) 894-8535
E-mail: nmg@vinet.com

Nguyễn Thiệp

SÁCH MỚI MÙA XUÂN-HÈ

- **HUYỆT TUYẾT** 12 MK
  10 truyện 10 chuyện, *Võ Đình*
- **SÓNG TỪ TRƯỜNG II** 12 MK
  lý luận văn học, *Thụy Khuê*
- **VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VÀ HẬU HIỆN ĐẠI QUA THỰC TIỄN SÁNG TÁC VÀ GÓC NHÌN LÝ THUYẾT** 25 MK
  lý luận văn học, *Hoàng Ngọc Tuấn*
- **HỒI KÝ AN LỘC**
  (86 Ngày Của Một Bác Sĩ Giải Phẫu Tại Mặt Trận) 24MK
  bác sĩ *Nguyễn Văn Quý*
- **VIETNAMESE ENGAGED BUDDHISM**
  The Struggle Movement of 1963-1966 25MK
  Quán Như Phạm Văn Minh
- **NÓI CHUYỆN VỚI HOÀNG XUÂN HÃN VÀ TẠ TRỌNG HIỆP** 17MK
  phỏng vấn *Thụy Khuê*

SÁCH PHÁT HÀNH

- **ĐI GIỮA BẦY THÚ DỮ** 11 MK
  truyện *Lâm Chương*
- **GỖ THỨC TRÊN RỪNG** 12 MK
  truyện *Tâm Thanh*
- **NÓI CHO CON NGƯỜI** 15 MK
  linh mục *Chân Tín*
- **HỒ SƠ ĐEN CSVN 54-02** 14 MK
  Michel Tauriac, Nguyễn Văn dịch
- **MIỀN LẶNG** 12 MK
  truyện *Phạm Chi Lan*
- **LƯỢC KHẢO VẤN ĐỀ CHỮ NÔM** 12 MK
  học giả *Trần Văn Giáp*

NHÀ SÁCH VĂN NGHỆ
9351 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Phone/Fax (714) 934-8574

Giá 5 Mỹ kim